

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY THUN KHOANH
CÔNG SUẤT 30.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa chỉ thực hiện: phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 11./2024

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY THUN KHOANH
CÔNG SUẤT 30.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa chỉ thực hiện: phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý



Nim Chi Hùng

ĐƠN VI THỰC HIỆN

TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



Nguyễn Trình Cao Sơn

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 11/2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH.....	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	11
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	11
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	11
1.4.2. Nhu cầu sử dụng lao động	2
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	2
1.4.4. Nhu cầu sử dụng điện	20
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	20
1.5.1. Các hạng mục xây dựng của cơ sở	20
1.5.2. Hạng mục bảo vệ môi trường	25
1.5.3. Danh mục máy móc của cơ sở.....	26
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	20
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	23
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	28
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	28
3.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải	30
3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải.....	30
3.1.2.2. Công trình thoát nước thải.....	32
3.1.3. Công trình xử lý nước thải.....	33
3.1.3.1. Bể tự hoại.....	33

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải, công suất 120m ³ /ngày.đêm.....	34
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	41
3.2.1. Công trình xử lý bụi và mùi của nhà xưởng sản xuất dây thun khoanh.....	41
3.2.2. Công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ.....	43
3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn.....	46
3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.....	49
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	52
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	53
Ngoài ra, Công ty còn có nhân lực ứng phó sự cố như sau:.....	56
3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải	58
3.6.1.1 Biện pháp phòng ngừa:.....	58
3.6.1.2 Biện pháp ứng phó sự cố:	58
3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải	71
3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ	74
3.6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động	76
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	78
3.7.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển	78
3.7.2. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu sản phẩm và lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm	78
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.....	79
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG	83
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	83
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	83
4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	84
4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	85
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	87
4.2.1. Nguồn phát sinh.....	87
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:	89
4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	89
4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	92
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	93

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	93
4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	93
4.3.3. Giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung	94
4.3.4. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	95
4.4. Nội dung cấp phép đối với chất thải rắn.....	95
4.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại	95
4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh ...	97
4.4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	97
4.4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	97
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	100
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	100
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải	101
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với các thành phần môi trường khác	103
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	107
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	107
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	107
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục.....	107
6.2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ	107
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	108
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	109
PHỤ LỤC	111
PHỤ LỤC I: VĂN BẢN PHÁP LÝ	112
PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC	113
PHỤ LỤC III: BẢN VẼ	114

DANH MỤC VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CCBVMT	: Chi cục Bảo vệ Môi trường
CP	: Cổ phần
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTCNTT	: Chất thải công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
KSX	: Khu sản xuất
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNNKS	: Tài nguyên nước khoáng sản
UBND	: Ủy ban Nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu đất.....	2
Bảng 1. 2. Sản phẩm và công suất sản xuất của nhà máy	5
Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất, vật liệu sử dụng trong sản xuất.....	1
Bảng 1. 4. Thành phần hóa học, đặc tính của nguyên vật liệu và hóa chất sử dụng	1
Bảng 1. 5 Nhu cầu lao động làm việc tại nhà máy	2
Bảng 1. 6 Tổng hợp các thông số kỹ thuật của các giếng khoan trong Công ty TNHH Việt Ý	3
Bảng 1. 7. Tổng lưu lượng nước cấp sử dụng tại nhà máy.....	4
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước nhà máy.....	5
Bảng 1. 9. Thống kê lưu lượng sử dụng điện tại nhà máy	20
Bảng 1. 10 Công trình xây dựng của cơ sở	21
Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị của nhà máy.....	20
Bảng 2. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước Sông Đồng Nai.....	24
Bảng 2. 2. Các thông số tính toán tải lượng.....	25
Bảng 2. 3. Tải lượng ô nhiễm tối đa Sông Đồng Nai có thể tiếp nhận	25
Bảng 2. 4. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên Sông Đồng Nai	25
Bảng 2. 5. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào Sông Đồng Nai	26
Bảng 2. 6. Tính toán khả năng tiếp nhận Sông Đồng Nai	27
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại nhà máy	29
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải tại nhà máy	32
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của lò hơi.....	45
Bảng 3. 4. Các kịch bản và biện pháp ứng phó sự cố khí thải thường gặp	72
Bảng 4. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải.....	84
Bảng 4. 3. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	94
Bảng 4. 4. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung	95
Bảng 4. 5. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh	96
Bảng 4. 6. Khối lượng, chủng loại CTRCNTT phát sinh.....	97
Bảng 4. 7. Khối lượng, chủng loại CTRSH phát sinh	97
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT năm 2023	100
Bảng 5. 2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT năm 2024	100

Bảng 5. 3. Kết quả phân tích ống thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi năm 2023.....	102
Bảng 5. 4. Kết quả phân tích ống thoát khí thải lò hơi sau HTXL năm 2024.....	102
Bảng 5. 5. Kết quả phân tích không khí khu vực ra vào cổng Công ty.....	103
Bảng 5. 6. Kết quả phân tích môi trường không khí khu vực xưởng sản xuất năm 2023.....	105

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Khoảng cách từ nhà máy đến các khu vực lân cận.....	3
Hình 3. 1. Sơ đồ tổng quan hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy.....	29
Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa	30
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại nhà máy.....	31
Hình 3. 4. Quy trình công nghệ HTXL bụi và mùi tại nhà xưởng sản xuất dây thun khoanh của Công ty	41
Hình 3. 5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Công ty	44
Hình 3. 6. Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi	45
Hình 3. 7. Kho chất thải nguy hại hiện hữu của nhà máy	52
Hình 3. 8. Quy trình ứng phó sự cố khi nước thải không đạt tiêu chuẩn	67

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

- Địa chỉ văn phòng: Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, tổ 4, đường ĐH409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhim Chí Hùng Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0274.3655222; Fax: 0274.3655225; Email: viety.bdg@vnn.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700720094 đăng ký lần đầu ngày 21/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.2. Tên cơ sở

- **Tên cơ sở:** Nhà máy sản xuất dây thun khoan công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.
- **Địa điểm cơ sở:** Công ty được thành lập tại: Thửa đất số 391, tờ bản đồ số 16, tổ 4, đường ĐH409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Công ty có tổng diện tích 184.150 m². Các mặt tiếp giáp của nhà máy như sau:
 - + Phía Đông: Giáp Công ty TNHH Quốc Tế Tấn Phát (sản xuất gỗ dán) và đất trống.
 - + Phía Nam: Giáp đường đất và vườn cây cao su.
 - + Phía Bắc: Giáp 300 m đường bê tông nhựa vào Công ty và Công ty TNHH Uy Kiệt (sản xuất nhựa).
 - + Phía Tây: Giáp HTX Thuận Lợi và Công Ty TNHH Uy Kiệt (sản xuất nhựa).



Hình 1. 1 Vị trí khu đất của nhà máy

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu đất

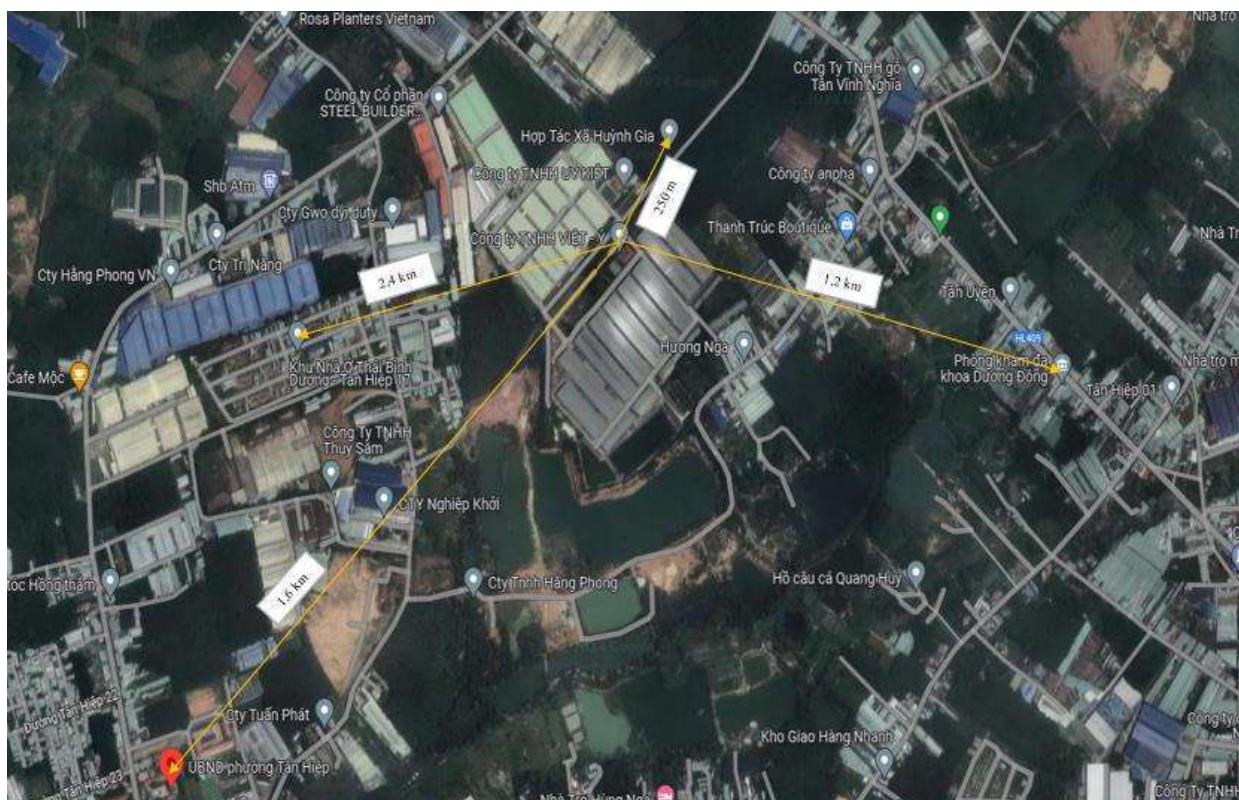
Vị trí khu đất	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
A	1224955	608046
B	1224700	60779
C	1224700	607796
D	1224435	607867
E	1224333	607885
F	1224342	607984
G	1224447	608134
H	1224511	608158
J	1224654	608347

Ghi chú: (Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

❖ **Môi trường quan của cơ sở với các đối tượng lân cận**

Nhà máy nằm tại tổ 4, đường DH409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khoảng cách từ nhà máy đến một số các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội của khu vực như sau:

- Cách UBND phường Tân Hiệp khoảng 1,6 km về hướng Tây Nam;
- Cách Phòng Khám Đa Khoa Dương Đông khoảng 1,2 km về hướng Đông Bắc;
- Cách Khu nhà ở Thái Bình Dương – Tân Hiệp 17 khoảng 2,4 km về hướng Tây Nam;
- Cách Hợp tác xã Thuận Lợi khoảng 250 m về hướng Tây Bắc.



Hình 1. 1. Khoảng cách từ nhà máy đến các khu vực lân cận

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 1268/GCN-UBND ngày 28/08/2006 của UBND huyện Tân Uyên (nay UBND thành phố Tân Uyên).

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 2813/GXN-UBND ngày 19/04/2007 của UBND huyện Tân Uyên (nay UBND thành phố Tân Uyên).

+ Sở đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại với mã số 74.000621.T ngày 14/03/2011 của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1905/QĐ – UBND ngày 04/07/2011 của UBND tỉnh Bình Dương cho dự án “Mở rộng, tăng công suất sản xuất dây thun khoanh từ 950 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm” của Công ty TNHH Việt – Ý.

+ Quyết định phê duyệt Báo Cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2200/QĐ – UBND ngày 28/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương cho dự án “Đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm”.

+ Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 695/GXN-STNMT ngày 15/03/2016 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 159/GP-STNMT ngày 27/11/2019 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

- **Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

Nhà máy có quy mô công suất sản xuất 30.000 tấn sản phẩm/năm với tổng vốn đầu tư là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba Trăm Tỷ Đồng). Căn cứ phụ lục I của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, thì cơ sở thuộc nhóm B (có tổng vốn đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

Công ty được thành lập và đi vào hoạt động vào năm 2007, Công ty đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào năm 2015 với ngành nghề sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc công suất 35.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó 30.000 tấn dây thun khoanh/năm và 5.000 tấn dây thun cột tóc/năm) tại Quyết định số 2200/QĐ – UBND ngày 28/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động do nhu cầu thị trường của sản phẩm dây thun cột tóc thấp nên Công ty chưa tiến hành sản xuất và trong tương lai Công ty sẽ không sản xuất dây thun cột tóc. Đầu năm 2024, Công ty đã tiến hành tháo dỡ các máy móc thiết bị sản xuất dây thun cột tóc.

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất sản xuất của công ty hiện nay cụ thể như sau:

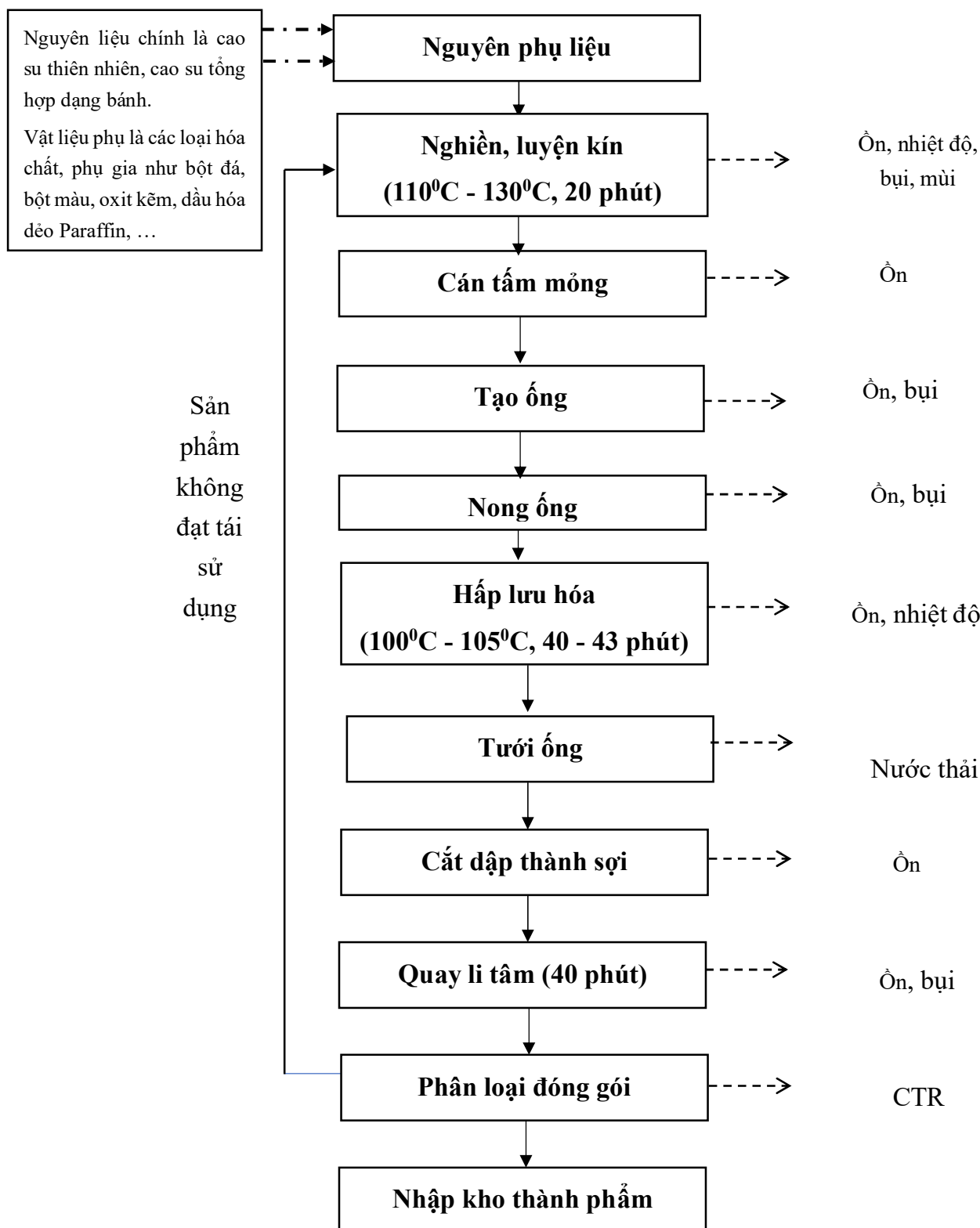
Bảng 1. 2. Sản phẩm và công suất sản xuất của nhà máy

STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn/năm)			Ghi chú
		Theo ĐTM	Năm 2023	Sản xuất tối đa	
1	Sản phẩm dây thun khoanh	30.000	22.240	30.000	Đang sản xuất
2	Sản phẩm dây thun cột tóc	5.000	-	-	Đã ngưng sản xuất
Tổng cộng		35.000	22.240	30.000	-

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất dây thun khoanh của cơ sở như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất dây thun khoan (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt)

Nguyên liệu chính sản xuất dây thun khoanh là cao su thiên nhiên SVR-3L được mua từ thị trường trong nước và cao su tổng hợp dạng bành được nhập khẩu từ nước ngoài. Khi đưa vào sản xuất, cao su bành và vật liệu phụ sẽ được nghiền luyện trong máy luyện kín ở nhiệt độ 110°C - 130°C trong thời gian 20 phút. Vật liệu phụ là các chất phụ gia và chất xúc tiến gồm: bột đá, dầu hóa dẻo, lưu huỳnh, khói trắng, oxit kẽm, Acid Stearic, dầu Paraffin, xúc tiến DM, xúc tiến TT và DPG. . . với tỷ lệ thích hợp tùy theo yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Vật liệu phụ được cân định lượng sẵn trong phòng kín rồi cho vào bao PE. Lúc nạp liệu, phần bao PE được cho luôn vào máy nghiền luyện.

Khi nghiền luyện, nguyên liệu chính, vật liệu phụ cùng các chất phụ gia tạo thành hỗn hợp đồng đều về thành phần các chất tham gia, dưới tác dụng của nhiệt độ và tác động cơ học xảy ra bên trong máy nghiền luyện, cao su sẽ hấp thu, trộn lẫn và phân tán đều với các chất phụ gia. Sau 20 phút nghiền luyện, hỗn hợp sẽ được ủ trong thời gian 2 - 3 ngày để thành phần các chất ngấm đều nhau, khi đó sẽ đưa qua máy cán, quá trình cán sẽ tạo tác động cơ học giúp cho hóa chất và các chất phụ gia trộn đều trong cao su một lần nữa. Sau khi hỗn hợp được cán mỏng đạt kích thước mong muốn sẽ được đưa sang máy tạo ống để tạo ống cao su hình tròn, trong công đoạn này có sử dụng bột TALC để chống cao su dính tại đầu ra của máy tạo ống. Tiếp đến ống cao su được nong vào ống thép hoặc ống nhôm theo đường kính yêu cầu của đơn đặt hàng và được chuyển vào lò hấp lưu hóa ở nhiệt độ khoảng 100 - 105°C. Quá trình lưu hóa sẽ làm các chuỗi cao su liên kết hóa học chặt chẽ với nhau thành mạng lưới làm cao su dai hơn, bền hơn, độ đàn hồi và độ cứng cũng tăng lên so với khi chưa lưu hóa, hiệu quả quá trình lưu hóa phụ thuộc cấu tử các chất tham gia, thời gian và nhiệt độ lưu hóa, đối với yêu cầu sản phẩm hiện tại thì điều kiện tối ưu cho quá trình lưu hóa là ở nhiệt độ 100 - 105°C trong 40 - 43 phút. Sau đó sản phẩm được chuyển ra khỏi lò hấp lưu hóa để nguội tự nhiên.

Sau khi làm nguội, ống cao su được lấy ra khỏi ống thép hoặc ống nhôm và tưới ướt bằng nước để tạo độ ma sát khi đưa qua trục lăn của máy cắt để cắt thành sợi thun khoanh, sợi thun khoanh sau khi cắt được đưa vào lồng quay li tâm để loại bỏ lượng bột TALC còn dính trên dây thun, sau đó sẽ cho Silicon vào lồng quay để tăng tính đàn hồi và làm bóng sợi. Thời gian quay li tâm là khoảng 40 phút. Sau đó, sản phẩm được kiểm tra, phân loại và đóng gói thành phẩm. Các máy móc trong toàn bộ quá trình sản xuất đều vận hành bằng điện, không sử dụng chất đốt, chỉ có hơi cung cấp cho các nồi hấp là hơi từ lò hơi đốt bằng than đá.

Tại công đoạn nghiền, luyện kín phát sinh tiếng ồn, nhiệt độ, bụi, mùi và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Bụi, mùi phát sinh từ công đoạn nghiền, luyện → Hệ thống xử lý bụi cục bộ tại công đoạn nghiền, luyện và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, thường xuyên vệ sinh sàn.

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

- Nhiệt độ phát sinh từ công đoạn nghiền, luyện → Nhà xưởng được thiết kế cao ráo, thông thoáng, tận dụng nhiều cửa sổ đảm bảo thông gió tốt, trang bị 29 quạt hút cưỡng bức nhằm tăng khả năng thông gió và giảm nhiệt độ,....

Tại công đoạn cán tấm mỏng phát sinh ồn và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

Tại công đoạn tạo ống, nong ống phát sinh tiếng ồn, bụi và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

- Bụi phát sinh do quá trình tạo ống, nong ống → Sau mỗi ca làm việc công nhân sẽ thu gom tái sử dụng lượng bụi rơi vãi xuống sàn, một phần tồn tại trong không khí sẽ được đưa về hệ thống xử lý bụi và mùi chung nhà xưởng, ngoài ra Công ty còn trang bị cho công nhân khẩu trang than hoạt tính, lắp các màng trong PVC để ngăn bụi phát tán giữa các khu vực sản xuất, mở các cửa thông thoáng nhà xưởng.

Tại công đoạn hấp lưu hóa làm phát sinh tiếng ồn, nhiệt độ và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

- Nhiệt độ phát sinh công đoạn hấp lưu hóa → Nhà xưởng được thiết kế cao ráo, thông thoáng, tận dụng nhiều cửa sổ đảm bảo thông gió tốt, trang bị 29 quạt hút cưỡng bức nhằm tăng khả năng thông gió và giảm nhiệt độ,....

Tại công đoạn tưới ống làm phát sinh nước thải và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Nước thải từ công đoạn tưới ống → Công ty thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày của Công ty để xử lý.

Tại công đoạn cắt dập thành sợi làm phát sinh tiếng ồn và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

Tại công đoạn quay li tâm làm phát sinh tiếng ồn, bụi và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành của máy móc xuyên suốt → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp, khu vực sản xuất bố trí cách biệt với khu vực văn phòng,...

- Bụi phát sinh từ quá trình quay li tâm → Được quạt hút, hút về cyclone cục bộ lắng bụi trước khi được xử lý bởi hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng dây thun khoanh.

Tại công đoạn phân loại đóng gói làm phát sinh chất thải rắn và biện pháp để xử lý giảm thiểu như sau:

- CTR (bao bì chứa sản phẩm bị hư hỏng) → Công nhân sẽ thu gom về khu vực chứa chất thải thông thường → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.



Nghiền, luyện kín



Cán tấm mỏng



Tạo ống



Nong ống



Cắt dập thành sợi



Quay li tâm



Phân loại đóng gói



Nhập kho thành phẩm

Hình 1.3. Quy trình sản xuất dây thun khoan

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Hiện nay, công ty đang sản xuất sản phẩm là dây thun khoanh:



Hình 1. 3. Một số sản phẩm của nhà máy

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Bảng 1. 3. Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất, vật liệu sử dụng trong sản xuất

STT	Tên nguyên vật liệu	Dạng tồn tại	Đơn vị	Số lượng (tấn/năm)		Tỷ lệ hao hụt (%)	Quy cách lưu trữ	Loại chất thải phát sinh
				Năm 2023	Công suất tối đa 30.000			
I	Nguyên liệu và hóa chất sử dụng cho hoạt động sản xuất			24.518.995	33.074.841	-	-	-
1	Cao su sơ chế	Rắn	Kg	15.736.265	21.226.976	0,001	Bao bì nhựa 25kg	Bao bì chứa nguyên liệu thải bỏ
2	Cao su tổng hợp	Rắn	Kg	183.524	247.559	0,001		
3	Xúc tiến DM	Rắn	Kg	36.585	50.000	0,001		
4	Xúc tiến DPG	Rắn	Kg	92.700	125.044	0,001		
5	Xúc tiến TMTD (TT)	Rắn	Kg	35.500	47.900	0,001		
6	Oxide Kẽm	Rắn	Kg	168.333	227.067	0,001		
7	Dầu paraffin	Lỏng	Kg	4.255.936	5.740.920	0,001	Phuy 120 lít/thùng (hoặc Bao PP kích thước lớn chứa từ Container)	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên nguyên vật liệu	Dạng tồn tại	Đơn vị	Số lượng (tấn/năm)		Tỷ lệ hao hụt (%)	Quy cách lưu trữ	Loại chất thải phát sinh
				Năm 2023	Công suất tối đa 30.000			
8	Silica (khói trắng)	Rắn	Kg	2.249.081	3.033.832	0,001	Bao bì nhựa 25kg	
9	Lưu huỳnh	Rắn	Kg	292.426	394.459	0,001		
10	Acide Stearic	Rắn	Kg	174.160	234.928	0,001	Bao bì nhựa 25kg	Bao bì sau sử dụng
11	Bột màu	Rắn	Kg	16.542	22.313	0,001	Bao bì nhựa 25kg	Bao bì chứa nguyên liệu thải bỏ
13	Bột đá	Rắn	Kg	63.000	84.982	0,001		
14	Bột TACL (thực phẩm)	Rắn	Kg	1.150.851	1.552.406	0,001		
15	Silicone	Rắn	Kg	64.092	86.455	0,001		
II	Vật liệu			1.616.373	2.180.362		-	-
1	Bao PP đựng SP	Rắn	Cái	1.607.689	2.168.645	0,002	Nhà chứa bao bì	Bao bì chứa sản phẩm bị hư hỏng
2	Chỉ may bao bì	Rắn	Kg	1.587	2.140	0,002		
3	Túi nylon	Rắn	Kg	3.764	5.077	0,002		
4	Thùng carton	Rắn	Cái	3.333	4.500	0,002		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên nguyên vật liệu	Dạng tồn tại	Đơn vị	Số lượng (tấn/năm)		Tỷ lệ hao hụt (%)	Quy cách lưu trữ	Loại chất thải phát sinh
				Năm 2023	Công suất tối đa 30.000			
III	Nhiên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất			4.784.655	6.454.123	-	-	-
1	Than đá	Rắn	Kg	4.773.630	6.439.249	0,01	Nhà chứa nhiên liệu	Bao bì chứa sản phẩm bị hư hỏng
2	Dầu nhờn	Lỏng	Lít	585	790	0,01		
3	Nhớt	Lỏng	Lít	340	460	0,01		
4	Dầu Emulsogen MPA 630	Lỏng	Kg	400	540	0,01		
5	Dầu khoáng	Lỏng	Kg	9.700	13.084	0,01		

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Bảng 1. 4. Thành phần hóa học, đặc tính của nguyên vật liệu và hóa chất sử dụng

STT	Tên hóa chất	Đặc tính lý hóa học	Độc tính
1	Acid stearic (Stearic acid)	- Công thức hóa học: $\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{16}\text{COOH}$ - CAS: 57-11-4 - Trạng thái: Dạng bột - Màu: Trắng - Độ hòa tan: Thực tế không hòa tan trong nước, hòa tan trong ethanol (96%) và trong dầu mỡ nhẹ (bp: 50-70 °C). - Trọng lượng riêng: 0,84 (80°C) - Điểm sôi: 361°C - Điểm nóng chảy: 67-72°C	Không độc
2	Dầu paraffin	- Công thức hóa học: Chloroankan C14-17 - CAS: 85535-85-9 - Trạng thái: Dạng lỏng - Điểm sôi: 200°C - Áp suất hơi: 0Pa ở 20°C	Không độc
3	Xúc tiến DM	- Công thức hóa học: $\text{C}_{14}\text{H}_8\text{N}_2\text{S}_4$ - CAS: 120-78-5 - Trạng thái: dạng bột hoặc dạng viên. - Điểm nóng chảy: 177-180°C - Áp suất hơi: 0Pa ở 25°C	
4	Xúc tiến DPG	- Công thức hóa học: $\text{C}_{13}\text{H}_{13}\text{N}_3$ - CAS: 102-06-07 - Trạng thái: bột màu trắng xám	Không độc, nhưng gây kích ứng khi tiếp xúc với da.
5	Lưu huỳnh	- Công thức hóa học: S - CAS: 7704-34-9 - Trạng thái: dạng bột hoặc vảy, màu vàng chanh. - Nhiệt độ nóng chảy: 388,36K (115,21°C, 239,38°F)	

		- Nhiệt độ sôi: 717,8K (444,6°C, 832,3°F).	
6	Oxit kẽm	- Công thức hóa học: ZnO - CAS: 1314-13-2 - Trạng thái: bột trắng không hòa tan trong nước. - Độ nóng chảy: 1975°C	
7	Silica (Khói trắng)	- Công thức hóa học: SiO ₂ - CAS: 7631-86-9 - Trạng thái: tinh thể hoặc bột màu trắng. - Điểm nóng chảy: 1610°C - Độ sôi: > 100°C	
8	Xúc tiến TMTD	- Công thức hóa học: C ₆ H ₁₂ N ₂ S ₃ - CAS: 97-74-5 - Trạng thái: Bột màu vàng nhạt đến vàng đến cam để kết tinh.	

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.4.2. Nhu cầu sử dụng lao động

Bảng 1. 5 Nhu cầu lao động làm việc tại nhà máy

STT	Nội dung	Nhu cầu lao động (người)
1	Nhu cầu lao động làm năm 2023	695
2	Nhu cầu lao động khi đạt công suất tối đa	695

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Thời gian làm việc 8h/ngày, sáng: từ 7h30 – 11h30, chiều 12h30 – 16h30, nghỉ trưa 1h.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Công ty sử dụng nguồn nước từ nước cấp, nước ngầm và nước mưa để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, tưới cây và phòng cháy chữa cháy. Trong đó:

- Nguồn nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt của nhân viên làm việc tại văn phòng và khu vực ký túc xá cho công nhân của công ty là sử dụng nguồn nước cấp từ Xí nghiệp cấp nước Thành Phố Tân Uyên.

- Trước đây, Công ty có 03 giếng khoan phục vụ cho mục đích sinh hoạt của công nhân tại xưởng sản xuất, cho lò hơi và tưới cây. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 285/GP-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Bảng 1. 6 Tổng hợp các thông số kỹ thuật của các giếng khoan trong Công ty TNHH Việt Ý

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 6)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y				Từ	Đến			
G1 (Khu vực nhà ăn văn phòng của Công ty)	1221992	0687940	140	60	6-7	60	68	25,80	39	Pliocen dưới
G2 (Phía sau kho chứa thành phẩm 1A của Công ty)	1221883	0687839	140	100	13-14	68	76	26,65	39	
G3 (Phía sau kho chứa thành phẩm 1A của Công ty)	1221998	0687814	60	35	12-13	10	14	9,25	12	Pleistocen dưới

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Công ty ngừng việc khai thác 02 giếng khoan G1 và G2 của Công ty. Đồng thời, Công ty đã lập phương án trám lấp giếng khoan khai thác nước dưới đất của 02 giếng khoan G1, G2 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra, giám sát thi công trám lấp giếng khoan không sử dụng của Công ty. Ngày 18/10/2019 Công ty đã

hoàn thành việc thi công trám lấp 02 giếng khoan G1 và G2. (Biên bản làm việc đính kèm tại phụ lục của báo cáo).

Hiện nay, Công ty chỉ khai thác 01 giếng khoan G3 đường kính 60mm, lưu lượng khai thác cho phép $<10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để phục vụ cho mục đích tưới cây và bổ sung nước cho hồ chứa nước PCCC.

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thì trước đây Công ty đã lắp đặt hệ thống lắng lọc nước mưa từ 02 hồ chứa nước mưa với tổng dung tích 120.000 m^3 (01 hồ có dung tích khoảng 100.000 m^3 và 01 hồ khoảng 20.000 m^3) của Công ty TNHH Việt Ý để phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của công nhân tại xưởng sản xuất, nước tưới ống cao su, nước cung cấp cho lò hơi cũng như nước cung cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

Nước mưa từ hồ chứa dung tích 120.000 m^3 sẽ được lắng cặn sau đó sử dụng để phục vụ cho PCCC. Đồng thời, Công ty sẽ tiến hành lắng và lọc nước mưa sau đó mới đưa vào sử dụng cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân tại xưởng sản xuất, tưới ống cao su, nước cung cấp cho lò hơi cũng như nước cung cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi.



Hình 1. 4. Hồ chứa nước mưa và hệ thống lắng lọc nước mưa trước khi đưa vào sử dụng

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Theo thống kê hóa đơn sử dụng nước từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, lưu lượng nước sử dụng trung bình khoảng $620 \text{ m}^3/\text{tháng}$, tương đương khoảng $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$, chi tiết được trình bày tại bảng sau:

Bảng 1. 7. Tổng lưu lượng nước cấp sử dụng tại nhà máy

STT	Tháng	Tổng lưu lượng (m^3)	Lưu lượng trung bình ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Tháng 01/2023	446	15
2	Tháng 02/2023	341	11
3	Tháng 03/2023	535	17
4	Tháng 04/2023	562	18

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5	Tháng 05/2023	543	18
6	Tháng 06/2023	605	20
7	Tháng 07/2023	665	22
8	Tháng 08/2023	735	24
9	Tháng 09/2023	510	17
10	Tháng 10/2023	590	19
11	Tháng 11/2023	754	25
12	Tháng 12/2023	1.156	38
Trung bình		620	20

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

❖ Nhu cầu nước theo tính toán:

Nguồn nước cấp của Công ty được lấy xí nghiệp cấp nước Thành Phố Tân Uyên, nước cấp được sử dụng cho mục đích sinh hoạt nhân viên văn phòng và khu vực ký túc xá. Cụ thể được tính toán qua bảng sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước nhà máy

STT	Đối tượng sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)		Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	
1	Nước dùng cho sinh hoạt	69,1	69,1	69,1	69,1	
1.1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên (văn phòng, quản lý, bảo vệ, tạp vụ) (80 người).	9,6	9,6	9,6	9,6	Nước cấp
1.2	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân tại khu vực ký túc xá	10,5	10,5	10,5	10,5	Nước cấp

STT	Đối tượng sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)		Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	
	của Công ty (70 người).					
1.3	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân tại xưởng sản xuất (545 người).	49	49	49	49	Nước mưa qua lắng lọc
2	Nước dùng cho sản xuất	135	136,5	39	40,5	Nước mưa qua lắng lọc
2.1	Nước cấp cho hệ thống xử lý bụi	19	19	19	19	
2.2	Nước cung cấp cho hoạt động của lò hơi	96	96	-	-	Bay hơi
2.3	Nước cấp cho tưới ống cao su	10	10	10	10	
2.4	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	4	4	4	4	
2.5	Nước làm mát máy móc	6	7,5	6	7,5	

STT	Đối tượng sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)		Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	Năm 2023	Công suất tối đa 30.000	
3	Nước dùng cho mục đích khác: Nước cấp cho tưới cây xanh.	53	53	-	-	Nước ngầm
Tổng		257,1	258,6	108,1	109,6	

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

❖ Chi tiết nhu cầu sử dụng nước hiện tại nhà máy như sau:

Nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt: Hiện nay theo hóa đơn sử dụng nước cấp thực tế thì trung bình ngày Công ty sử dụng khoảng 20 m³/ngày. Vậy định mức sử dụng thực tế cho nhu cầu sinh hoạt của 80 nhân viên văn phòng là 120 lít/người/ngày và 70 nhân viên khu vực kí túc xá là 150 lít/người/ngày. Đối với nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của công nhân tại nhà xưởng được lấy từ nguồn nước mưa qua lắng lọc, với định mức sử dụng là 90 lít/người/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước cấp sản xuất

Nhu cầu sử dụng nước cho tưới ống cao su: Lượng nước tưới làm ướt ống (nhằm tạo ma sát khi qua máy cắt) lượng nước tưới trung bình khoảng 2,5 m³/ngày. Hiện nay, Công ty có 4 dây chuyền sản xuất dây thun khoanh đang hoạt động nên lượng nước trung bình ngày là 10 m³/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước cấp cho hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng: Công ty có 4 xưởng, mỗi xưởng có một thiết bị xử lý bụi với dung tích 19 m³ định kỳ hàng tuần xả bồn thay nước, luân phiên cho mỗi xưởng.

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động lò hơi: Nước cung cấp cho lò hơi với lưu lượng 96 m³/ngày, lượng nước này được châm tự động 4 m³/h.

Nhu cầu cấp nước cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Nước xử lý lò hơi được tuần hoàn tại tháp lọc ướt, xả định kỳ 6 ngày/lần với dung tích 24 m³/lần xả tương đương 4 m³/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước cho làm mát máy móc: hiện nay theo thực tế là 6 m³/ngày.

Nhu cầu cấp nước cho tưới cây: Với tiêu chuẩn tưới cây là 3 l/m^3 , Công ty tưới cây 3 ngày/lần và tổng diện tích cây xanh là 52.699 m^2 . Tổng lượng nước cấp cho nhu cầu này là: $3 \text{ l/m}^2 \times 52.699 \text{ m}^2 = 158.097 \text{ lít/lần} : 3 \text{ ngày} \approx 53 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ **Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy khi hoạt động tối đa công suất**

Nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt: Hiện nay, lượng công nhân viên phục vụ cho nhu cầu của Công ty không thay đổi so với thực tế.

Nhu cầu sử dụng nước cấp sản xuất: Hiện nay, do nhà xưởng sản xuất dây thun cột tóc đã được Công ty tháo dỡ, và tận dụng 01 nhà xưởng sản xuất dây thun khoan làm kho chứa máy móc thay thế vì vậy nên chỉ còn lại 04 nhà xưởng sản xuất dây thun khoan.

Nhu cầu sử dụng nước cho tưới ống cao su: Lượng nước tưới làm ướt ống (nhằm tạo ma sát khi qua máy cắt) lượng nước tưới trung bình khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Hiện nay, Công ty có 4 dây chuyền sản xuất dây thun khoan đang hoạt động nên lượng nước trung bình ngày là $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nhu cầu sử dụng nước cấp cho hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng: Công ty có 4 xưởng, mỗi xưởng có một thiết bị xử lý bụi với dung tích 19 m^3 định kỳ hàng tuần xả bồn thay nước, luân phiên cho mỗi xưởng.

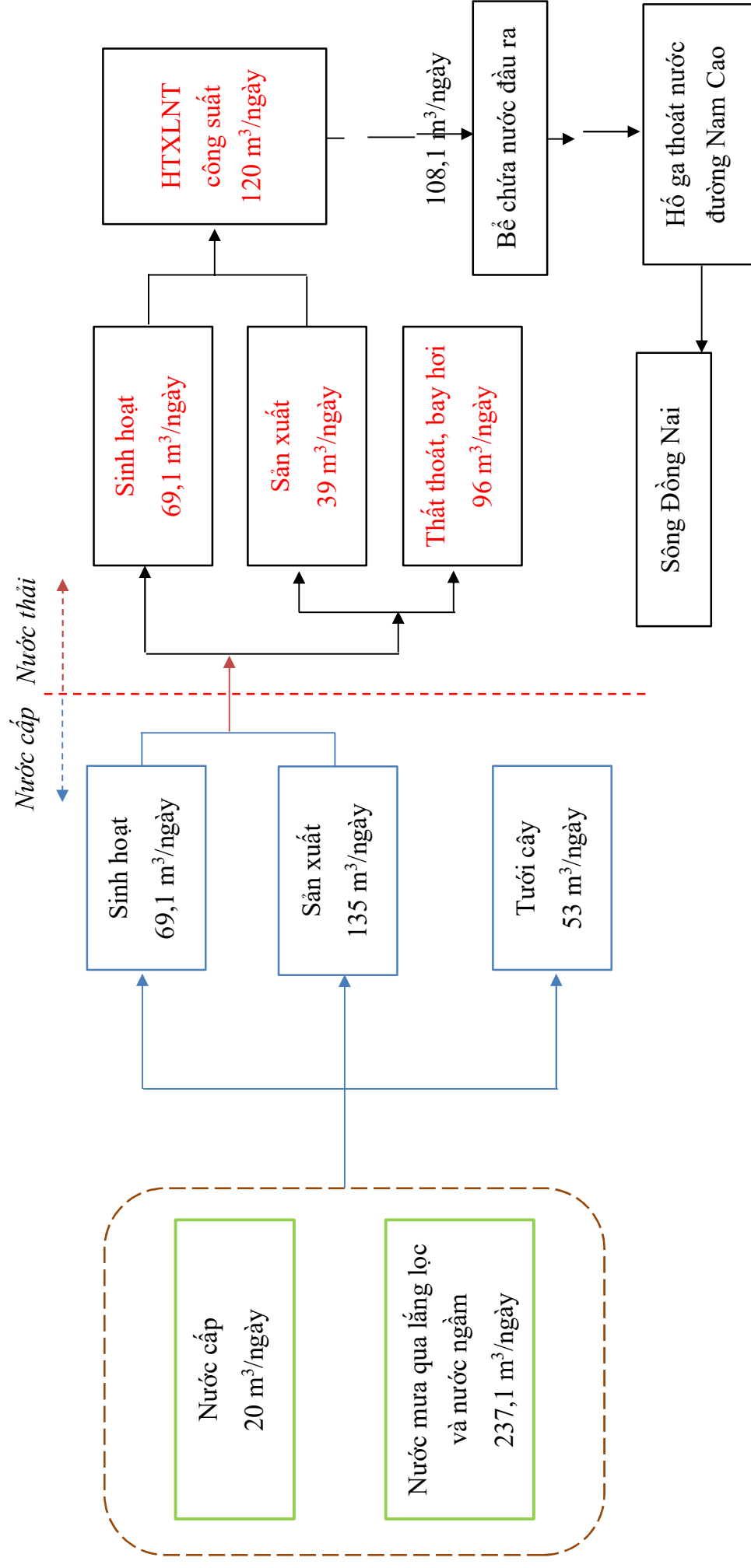
Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động lò hơi: Nước cung cấp cho lò hơi với lưu lượng $96 \text{ m}^3/\text{ngày}$, lượng nước này được châm tự động $4 \text{ m}^3/\text{h}$.

Nhu cầu cấp nước cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Nước xử lý lò hơi được tuần hoàn tại tháp lọc ướt, xả định kỳ 6 ngày/lần với dung tích $24 \text{ m}^3/\text{lần}$ xả tương đương $4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

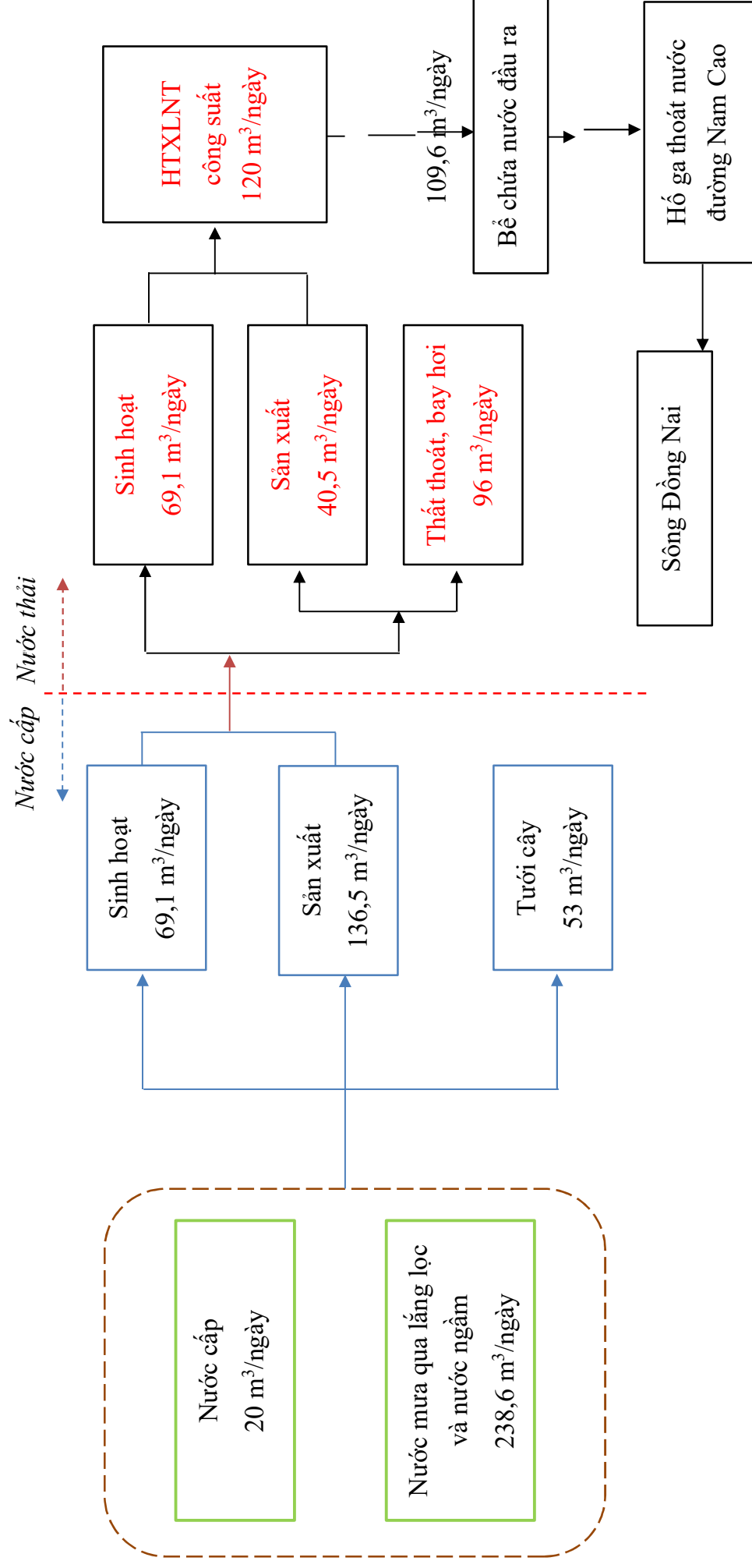
Nhu cầu sử dụng nước cho làm mát máy móc: khi hoạt động tối đa công suất là $7,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nhu cầu cấp nước cho tưới cây: Với tiêu chuẩn tưới cây là 3 l/m^3 , Công ty tưới cây 3 ngày/lần và tổng diện tích cây xanh là 52.699 m^2 . Tổng lượng nước cấp cho nhu cầu này là: $3 \text{ l/m}^2 \times 52.699 \text{ m}^2 = 158.097 \text{ lít/lần} : 3 \text{ ngày} \approx 53 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Sơ đồ cân bằng nước của Công Ty TNHH Việt Ý theo hiện tại



Sơ đồ cân bằng nước của Công Ty TNHH Việt Ý khi hoạt động tối đa công suất



1.4.4. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp: nguồn điện được cung cấp từ mạng lưới điện quốc gia trong khu vực. Nguồn cung cấp gồm một đường dây trung thế với điện áp 220kV. Hệ thống nối điện trong công ty có đặt Trạm biến áp trung gian. Việc giám sát và điều khiển trạm biến áp trung gian sẽ thông qua hệ thống tự động hóa của khu vực. Nguồn điện sử dụng trong trường hợp khẩn cấp, bình thường sẽ được cấp từ tủ điện phân phối. Theo thống kê hóa đơn tiền điện từ tháng 04 năm 2023 đến tháng 03 năm 2024, nhà máy tiêu thụ điện với công suất trung bình khoảng 1.210.237 Kwh/tháng.

Bảng 1. 9. Thống kê lưu lượng sử dụng điện tại nhà máy

STT	Năm	Nhu cầu sử dụng điện (KWh/năm)	Ghi chú
1	Nhu cầu sử dụng điện năm 2023	14.522.844	Số liệu thống kê thực tế năm 2023
2	Nhu cầu sử dụng điện khi hoạt động công suất tối đa	19.590.167	-

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

Khu đất của nhà máy có vị trí tại thửa đất số 391, TĐĐ số 16, tổ 4, đường ĐH409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích là 184.150 m².

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 11 công trình nhà xưởng – nhà kho, trong đó có 5 nhà xưởng 43.200 m² (1B, 1C, 1D, 2A, 2B) đã lắp đặt hoàn thành dây chuyền sản xuất dây thun khoanh (tuy nhiên, hiện nay nhà xưởng 2B không hoạt động, đã tháo máy móc thiết bị tận dụng làm kho chứa hàng hóa, nguyên liệu), 1 nhà xưởng 5.328 m² (3A) sản xuất dây thun cột tóc đã tháo dỡ máy móc tận dụng làm kho chứa nguyên liệu, 5 nhà kho chứa nguyên liệu, thành phẩm 25.578 m² (1A, 2C, 2D, 3B, 3C). Chi tiết các hạng mục công trình hiện hữu được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 10 Công trình xây dựng của cơ sở

STT	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Diện tích (m ²)		Tỷ lệ (%)	Giấy phép xây dựng	Công năng hiện nay
				Theo ĐTM/XNHT phê duyệt	Hiện hữu			
1	Nhà xưởng sản xuất 1A, 1B, 1C, 1D	04	2007	28.800	28.800	15,64	Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	1A: Kho. 1B, 1C,1D: nhà xưởng sản xuất.
2	Nhà xưởng sản xuất 2A, 2B.	02	2011	14.400	14.400	7,82	Số 1474/GPXD ngày 30/08/2011	2A: nhà xưởng sản xuất. 2B: Kho.
3	Nhà xưởng sản xuất 3A	01	2014	5.328	5.328	2,89	Số 427/2007/SXD-TĐ ngày 03/04/2007	Kho
4	Nhà kho chứa nguyên liệu, thành phẩm 2C, 2D	04	2011	14.400	14.400	7,82	Số 1474/GPXD ngày 30/08/2011	
5	Nhà kho 3B	01	2014	2.106	2.106	1,14	Số 427/2007/SXD-TĐ ngày 03/04/2007	
6	Nhà kho 3C	01	2014	1.872	1.872	1,02	Số 427/2007/SXD-	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Diện tích (m ²)		Tỷ lệ (%)	Giấy phép xây dựng	Công năng hiện nay
				Theo ĐTM/XNHT phê duyệt	Hiện hữu			
							TĐ ngày 03/04/2007	
7	Nhà văn phòng	01	2007	843	843	0,46	Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	
8	Nhà ăn	01	2007	676	676	0,37	Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	
9	Đường nội bộ, nhà bảo vệ, kí túc xá, hồ chứa nước mưa, hồ chứa nước PCCC, trạm xử lý nước thải tập trung, nhà chứa rác, vỉa hè, tường rào, trạm điện,...	-	-	63.026	63.026	34,22	-	
	Nhà bảo vệ	01	2007	20	20		Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Diện tích (m ²)		Tỷ lệ (%)	Giấy phép xây dựng	Công năng hiện nay
				Theo ĐTM/XNHT phê duyệt	Hiện hữu			
	Nhà xe 2 bánh	01	2007	87	87		Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	
	Nhà xe 4 bánh	01	2007	166,4	166,4		Số 330/GPXD-SXD ngày 10/03/2014	
	Khu vực chứa CTR sinh hoạt	01	-	112	140		-	
	Khu vực chứa CTRCNTT	01	-	-	1.338,9		-	
	Khu vực chứa CTNH	01	-	16	356		-	
	Hồ chứa nước mưa, PCCC	01	-	-	15.061		-	
	Hệ thống XLNT	01	-	-	449		-	
	Hệ thống XLKT lò hơi	01	-	-	904			
	Sân, đường nội bộ	-	-	-	44.503,7		-	
10	Cây xanh	-	-	52.699	52.699	28,62	-	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Năm xây dựng	Diện tích (m ²)		Tỷ lệ (%)	Giấy phép xây dựng	Công năng hiện nay
				Theo ĐTM/XNHT phê duyệt	Hiện hữu			
Tổng cộng				184.150	184.150	100	-	

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Nhà xưởng sản xuất



Nhà văn phòng



Nhà bảo vệ



Nhà để xe



Cổng nhà máy



Cây xanh trong khuôn viên

Hình 1.5. Các hạng mục công trình của cơ sở

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

1.5.2. Hạng mục bảo vệ môi trường

a. Hạ tầng thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khuôn viên Công ty được xây dựng tách riêng thành hai hệ thống riêng biệt.

Hệ thống thoát nước mưa: Công ty đã bố trí hệ thống ống nhựa uPVC đường kính D140mm để thu gom nước mưa trên mái các nhà xưởng, cùng với nước mưa từ đường giao thông nội bộ sẽ đổ vào tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính D400-600mm được bố trí xung quanh nhà xưởng. Sau đó, nước mưa theo các tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính D1.000mm dẫn về dẫn vào hồ chứa nước mưa với tổng dung tích khoảng 120.000 m³ để lắng lọc và được tận dụng để sử dụng cho Công ty trong việc PCCC, nước làm mát máy móc thiết bị.

b. Hạ tầng thoát nước thải và công trình xử lý

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn (bao gồm 30 bể, tổng thể tích: 396 m³) → Hệ thống ống nhựa uPVC, D200mm.

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình tưới ống cao su, nước từ hệ thống xử lý bụi và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Hệ thống ống nhựa uPVC, D200mm.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy → Hệ thống ống nhựa uPVC, D200mm → Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm (xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,1)) → Ngăn chứa nước đầu ra → Hồ ga đầu nổi BTCT (dài x rộng x cao = 1,9m x 1,3m x 1,8m), tọa độ: X = 1224504; Y = 608159) → Hệ thống cống BTCT

trên đường Nam Cao D = 1000mm (dài khoảng 400m) → Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

c. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng 120L bố trí tại các khu vực như văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn, cổng bảo vệ để thu gom. Hàng ngày, công nhân tiến hành thu gom, di chuyển đưa về khu nhà chứa chất thải diện tích 140 m² với tần suất 1 lần/ngày. Sau đó được Chi nhánh Công ty cổ phần Bình Dương Tương Lai Xanh thu gom với tần suất 2-3 lần/ tuần.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được phân loại sau đó thu gom về kho chứa chất thải rắn công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.338 m². Chủ dự án hợp đồng với Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh để thu gom và xử lý theo quy định.

d. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại (CTNH) mã số Quản lý CTNSH 74.000621.T ngày 14 tháng 03 năm 2011 (cấp lần 01).

Chất thải nguy hại được phân loại sau đó thu gom về các thùng chứa chất thải nguy hại 120L tại nhà xưởng sau đó vận chuyển về 02 kho chứa chất thải nguy hại diện tích lần lượt là 16 m² và 339 m² hợp đồng với Chi Nhánh Xử Lý Chất Thải – Công Ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương để thu gom, xử lý đúng quy định.

1.5.3. Danh mục máy móc của cơ sở

Năm 2015, Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường với ngành nghề sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc công suất 35.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó 30.000 tấn dây thun khoanh/năm và 5.000 tấn dây thun cột tóc/năm) tại Quyết định số 2200/QĐ – UBND ngày 28/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động do nhu cầu thị trường của sản phẩm dây thun cột tóc thấp nên Công ty chưa tiến hành sản xuất và trong tương lai Công ty sẽ không sản xuất dây thun cột tóc. Đầu năm 2024, Công ty đã tiến hành tháo dỡ các máy móc thiết bị sản xuất dây thun cột tóc. Sau đây là danh mục các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại thời điểm hiện tại:

Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị của nhà máy

TT	Tên thiết bị	Công suất	Xuất xứ	Số lượng		Tình trạng	Ghi chú
				Báo cáo ĐTM	Hiện trạng		
1	Máy luyện kín	12,5 tấn /máy/ngày	Đài Loan	12	10	80%	Sản xuất 08 máy, thay thế dự phòng 02 máy
2	Máy cán cao su	5 tấn/máy/ngày	Đài Loan	27	25	80%	Sản xuất 20 máy, thay thế dự phòng 05 máy.
3	Máy tạo ống	1,4 tấn/máy/ngày	Việt Nam	90	92	80%	Sản xuất 72 máy, thay thế dự phòng 20 máy.
4	Máy cắt dây thun	1,1 tấn/máy/ngày	Việt Nam	100	108	80%	Sản xuất 96 máy, thay thế dự phòng 12 máy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5	Lồng quay li tâm	3,2 tấn/lồng/ngày	Việt Nam	40	34	80%	Sản xuất 32 máy, thay thế dự phòng 02 máy.
6	Máy nén khí	12,5 tấn/máy/ngày	Đài Loan	12	08	80%	-
7	Máy hút bụi (dạng cyclon)	-	Việt Nam	50	46	80%	Sử dụng 40 máy, thay thế dự phòng 06 máy.
8	Hệ thống quạt hút mùi và hút bụi	-	Việt Nam	150 quạt (05 bộ)	116 quạt (04 bộ)	80%	-
9	Nồi hấp	2,8 tấn/máy/ngày	Việt Nam	24	42	80%	Sản xuất 36 máy, thay thế dự phòng 06 máy.
10	Bình chứa khí nén	-	Việt Nam	16	8	80%	
11	Lò hơi	12 tấn hơi/giờ	Việt Nam	1	1	80%	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

12	Máy tạo dây thun cột tóc	-	Đài Loan	20	0	-	-
13	Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A	-	Việt Nam	10 quạt	0	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Ghi chú:

- Công suất tính toán đề xuất cấp phép môi trường của cơ sở (30.000 tấn/năm) được tính toán với hệ số hoạt động tối ưu với thời gian sản xuất trong 01 ca/ngày, 08 giờ/ca và thời gian làm việc 300 ngày/năm.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Công ty TNHH Việt Ý có vị trí tại tại tổ 4, đường DH409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thành lập theo mã số cơ sở 3700720094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 21/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/05/2023

Năm 2011, Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1905/QĐ – UBND ngày 04/07/2011 cho dự án “Mở rộng, tăng công suất sản xuất dây thun khoanh từ 950 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm”.

Năm 2015, Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2200/QĐ – UBND ngày 28/08/2015 cho dự án “Đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm”

Năm 2016, Công ty được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm”.

Năm 2019, Công ty được Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 159/GP-STNMT ngày 27/11/2019.

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định:

- Công ty nằm trên địa bàn phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên là khu vực phát triển đô thị. Tuy nhiên, với ngành nghề sản xuất các sản phẩm dây thun khoanh không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, ($kq=0,9$; $kf=1,1$) → Mạng lưới thoát nước trên đường Nam Cao (dài khoảng 400m) → suối Ông Đông → suối Cái → sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt của tỉnh và được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Công ty không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; không sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai; không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu

bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; không có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

- Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL557711 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/12/2007, BA163189 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011 và CT11851 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/08/2015.

Theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương vị trí của cơ sở nằm trên địa bàn thành phố Tân Uyên thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

Hiện nay, Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo theo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường của tỉnh. Cụ thể như sau:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải: Công ty đã thiết kế tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.

+ Hiện nay, nước mưa được thu gom về hồ chứa nước mưa của Công ty (với tổng dung tích là 120.000 m³). Nguồn nước này được sau qua hệ thống lắng lọc được tận dụng cho sản xuất, tưới tiêu và PCCC.

+ Nước thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, (kq=0,9; kf=1,1) sẽ được chảy vào mạng lưới thoát nước đường Nam Cao ra suối Ông Đông.

- Hệ thống xử lý nước thải: Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày. Vị trí của HTXL nước thải như sau:

+ Phía Bắc: giáp vườn cây cau su của Công ty và các công trình nội bộ của Công ty.

+ Phía Nam: giáp nhà chứa chất thải.

+ Phía Đông: giáp vườn cây cao su của Công ty, cách hàng rào nhà máy khoảng 50m.

+ Phía Tây: giáp hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ.

➔ Vị trí của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại bảng 2.22-QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Khí thải: Công ty đã lắp đặt các ống thải, hệ thống xử lý khí thải nhằm đảm bảo thu gom toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy. Chất lượng khí thải tại nguồn đều được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 1, Kv = 0,8) trước khi thải ra môi trường.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi: Khí thải lò hơi → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone lắng bụi → Tháp lọc bụi ướt → Tháp lọc bụi khô → Khí sạch phát tán ra môi trường qua ống thải ($H = 24m$, $D = 1,6m$).

+ Bụi và mùi từ quá trình nghiền luyện: Máy nghiền luyện → Quạt hút → Buồng lắng → Cyclone cục bộ → HT phun sương toàn nhà xưởng.

+ Bụi từ quá trình nung ống, tạo ống → Quạt hút → Hệ thống xử lý bụi, mùi chung nhà xưởng.

+ Bụi từ quá trình quay li tâm → Quạt hút → Cyclone cục bộ → Hệ thống xử lý bụi, mùi chung nhà xưởng.

Hệ thống xử lý bụi và mùi chung của nhà xưởng sản xuất dây thun khoan: Hệ thống này sẽ xử lý bụi triệt để hơn sau công đoạn xử lý bụi cục bộ tại máy nghiền luyện kín, máy quay li tâm và xử lý bụi, mùi trực tiếp thông qua hệ thống quạt hút từ công đoạn lưu hóa cao su, nung ống và tạo ống. Hệ thống xử lý bụi và mùi của nhà xưởng sản xuất dây thun khoan gồm:

- 29 quạt hút cường bức (công suất 38KW/h) ở thành trong nhà xưởng.
- Hệ thống 11 tháp phun sương (phần dưới hình khối chữ nhật, phần trên hình thang) dung tích khoảng 103 m³/tháp dọc thành ngoài nhà xưởng (thông số mỗi tháp: cao 9,78m x rộng đáy 1,88m x rộng mặt 1,2m x dài 6,86 m).
- 02 bể chứa nước rơi xuống sau xử lý phun sương (thông số bể 1: 12,55m x 1,1m x 1,45m; bể 2: 5,75m x 1,1m x 1,45m).

- Chất thải rắn: Khoảng cách từ nhà chứa chất thải của Công ty đến hộ dân gần nhất khoảng 300m về phía Đông (cách tường rào của cơ sở). Thùng chứa chất thải có nắp đậy kín.

➔ Các kho CTRCNTT, CTNH có mái tôn, vách tôn kín, hạn chế mùi hôi, bụi phát sinh ra khu vực xung quanh. Cơ sở đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo Điều 52 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Cơ sở bố trí các máy móc sản xuất có không gian và khoảng cách phù hợp, các máy móc phát sinh tiếng ồn lớn được tập trung vào các khu vực riêng, chân máy lắp đệm cao su hạn chế độ rung, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc.

- Cơ sở cũng áp dụng các biện pháp phòng ngừa ứng phó với các sự cố môi trường nhằm hạn chế thấp nhất mức độ tác động của các sự cố đến môi trường, sức khỏe người lao động cũng như tình hình sản xuất của cơ sở.

- Cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường cho cơ sở định kỳ hằng năm, kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2022, 2023 tại cơ sở đều nằm trong giới hạn của quy chuẩn

cho phép, điều này cho thấy hoạt động sản xuất tại cơ sở chưa ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực (*chi tiết kết quả quan trắc được trình bày tại chương 5 của báo cáo*).

Công ty TNHH Việt Ý cam kết luôn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nhằm đảm bảo nước thải, khí thải, chất thải được xử lý đúng và đầy đủ theo các quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra hệ thống thoát nước ra suối Ông Đông. Cơ sở đã được UBND phường Tân Hiệp chấp thuận tại văn bản số 709/UBND-MT ngày 28/05/2024. Sau đó, từ suối Ông Đông chảy ra suối Cái và cuối cùng là sông Đồng Nai.

Đánh giá khả năng tiếp nhận của Sông Đồng Nai được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trên hoặc ngay gần thượng lưu khu vực bảo hộ vệ sinh.
- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trong khu vực bảo tồn.
- Sông Đồng Nai tại khu vực xả thải có chất lượng nước tốt, không xảy ra hiện tượng nước đen và bốc mùi hôi thối.
- Sông Đồng Nai tại khu vực xả thải hiện nay không xảy ra hiện tượng các sinh vật thủy sinh bị đe dọa sự sống hoặc xảy ra hiện tượng cá, thủy sinh vật chết hàng loạt.
- Sông Đồng Nai chưa từng xảy ra hiện tượng tảo nở hoa.
- Khu vực chưa từng có báo cáo, số liệu liên quan đến vấn đề bệnh tật cộng đồng do tiếp xúc với nguồn nước mặt gây ra.

Quá trình đánh giá khả năng tiếp nhận được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thông số cụ thể và đánh giá chi tiết sẽ được tính toán như sau:

- Các thông số được đánh giá về khả năng tiếp nhận nước thải của Sông Đồng Nai bao gồm: BOD₅, COD, SS, NH₄⁺, tổng N, tổng P.

- Giả thiết rằng các chất ô nhiễm sau khi đi vào nguồn nước tiếp nhận sẽ không tham gia vào các quá trình biến đổi chất trong nguồn nước như:

+ Lắng đọng, tích lũy, giải phóng các chất ô nhiễm

- + Tích đọng các chất ô nhiễm trong thực vật, động vật thủy sinh
- + Tương tác vật lý, hóa học hoặc/và sinh học của các chất ô nhiễm trong nguồn nước.
- + Sự bay hơi của các chất ô nhiễm ra khỏi nguồn nước.

❖ **Nồng độ chất ô nhiễm trong nguồn tiếp nhận**

Nguồn nước tiếp nhận Sông Đồng Nai theo kết quả quan trắc của tỉnh tháng 03/2024 như sau:

Bảng 2. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước Sông Đồng Nai

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2-B)
1	pH	-	6,6	6 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	3	6
3	COD	mg/l	8	15
4	SS	mg/l	7	100
5	Tổng N	mg/l	1,37	1,5
6	Tổng P	mg/l	0,03	0,3

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm**

Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4 \quad (1)$$

Trong đó:

L_{td} : tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận (kg/ngày).

C_{qc} : giá trị nồng độ giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (A₂) (mg/l).

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn sông cần đánh giá (m³/s).

Q_t : lưu lượng nước thải lớn nhất (m³/s).

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 2. Các thông số tính toán tải lượng

STT	Thông số	Nguồn thải	Sông Đồng Nai
1	Q_s (m ³ /s)	-	771
2	Q_t (m ³ /s)	0,0014	-

Kết quả tính toán như sau:

Bảng 2. 3. Tải lượng ô nhiễm tối đa Sông Đồng Nai có thể tiếp nhận

STT	Thông số	Giá trị C_{qc} (mg/L)	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD ₅	6	399.686
2	COD	15	999.216
3	SS	100	6.661.440
4	Tổng N	1,5	99.922
5	Tổng P	0,3	19.984

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận**

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4 \quad (2)$$

Trong đó:

L_{nn} : tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (kg/ngày)

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn sông, suối cần đánh giá

C_{nn} : nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (mg/l)

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2. 4. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên Sông Đồng Nai

STT	Thông số	Nồng độ lớn nhất C_{nn} (mg/L)	L_{nn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	3	199.843

STT	Thông số	Nồng độ lớn nhất C_{nn} (mg/L)	L_{nn} (kg/ngày)
2	COD	8	532.915
3	SS	7	466.301
4	Tổng N	1,37	91.262
5	Tổng P	0,03	1.998

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận**

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4 \quad (3)$$

Trong đó:

L_t (kg/ngày) là tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải;

Q_t (m³/s) là lưu lượng nước thải lớn nhất

C_t (mg/l) là giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải.

Bảng 2. 5. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào Sông Đồng Nai

STT	Thông số	Nồng độ (C_t) (mg/L)	L_t (kg/ngày)
1	BOD ₅	7	0,85
2	COD	13	1,57
3	SS	5	0,6
4	Tổng N	4.2	0,51
5	Tổng P	0.38	0,046

❖ **Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải**

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

L_{tt} (kg/ngày): tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

F_s : là hệ số an toàn ($0,7 < F_s < 0,9$), chọn 0,8

NP_{td} (kg/ngày): tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Bảng 2. 6. Tính toán khả năng tiếp nhận Sông Đồng Nai

Thông số	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
BOD ₅	399.686	199.843	0,85	159.873
COD	999.216	532.915	1,57	373.039
SS	6.661.440	466.301	0,6	4.956.110
Tổng N	99.922	91.262	0,51	6.927
Tổng P	19.984	1.998	0,046	14.388

Nhận xét:

Như vậy, với chất lượng nước mặt Sông Đồng Nai vẫn còn khả năng tiếp nhận các chỉ tiêu BOD₅, COD, SS, tổng P, tổng N.

Ngoài ra, lưu lượng xả thải của hệ thống xử lý nước thải của Công ty rất nhỏ rất nhiều so với lưu lượng nguồn tiếp nhận. Hiện nay, nước thải của Công ty đều xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, ($k_q=0,9$; $k_f=1,1$). Như vậy, có thể đánh giá việc xả nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải của Công ty vào nguồn tiếp nhận ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nước Sông Đồng Nai.

Theo khoản 3, Điều 4 của Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về nước thải, khí thải ứng với các vùng bảo vệ môi trường thì các cơ sở áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đối với khí thải và cột A quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đối với nước thải. Như vậy, nước thải sau xử lý của công ty xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, ($k_q=0,9$; $k_f=1,1$) hoàn toàn đáp ứng quy định và Công ty cam kết sẽ thực hiện theo quy định khi các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về nước thải thay đổi.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khuôn viên Công ty được xây dựng tách riêng thành hai hệ thống riêng biệt.

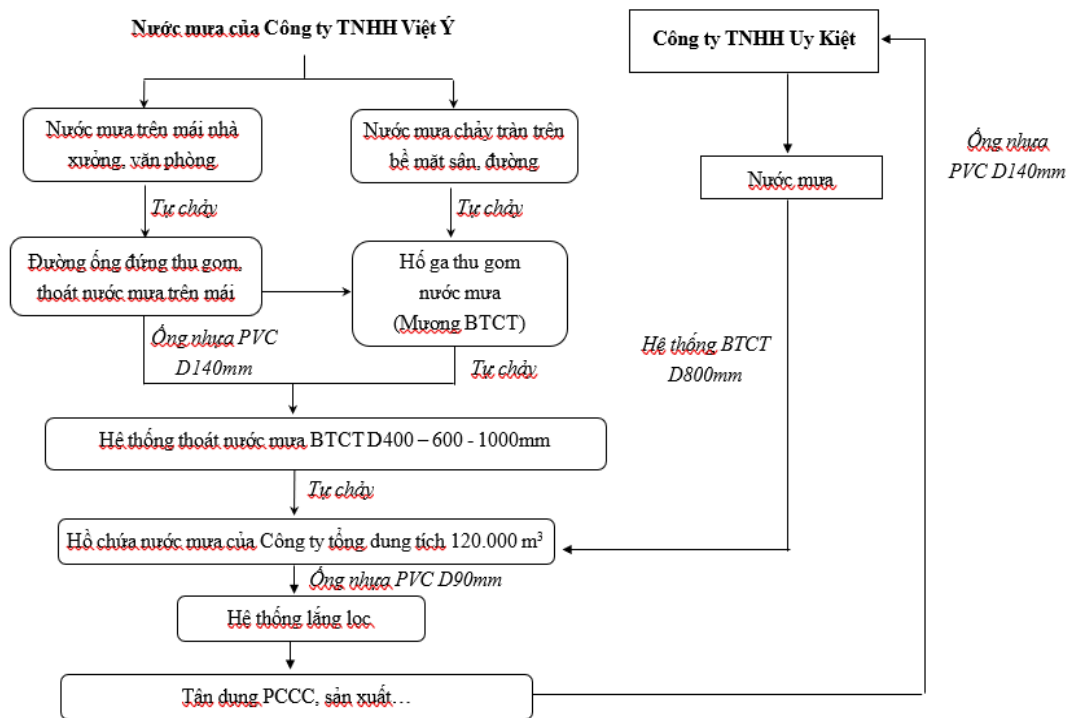
Hiện nay, Công ty thu gom nước mưa của Công ty TNHH Uy Kiệt về để lắng lọc và tận dụng cho cả 02 Công ty trong việc PCCC, nước làm mát máy móc thiết bị.

Nước mưa của Công ty TNHH Việt Ý: Công ty đã bố trí hệ thống ống nhựa uPVC đường kính D140mm để thu gom nước mưa trên mái các nhà xưởng, cùng với nước mưa từ đường giao thông nội bộ sẽ đổ vào tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính D400-600mm được bố trí xung quanh nhà xưởng. Sau đó, nước mưa theo các tuyến cống bê tông cốt thép có đường kính D1.000mm dẫn về dẫn về 02 hồ chứa nước mưa có tổng dung tích 120.000 m³ diện tích 15.061 m² (01 hồ có thể tích 100.000 m³ và 01 hồ 20.000 m³). Nước mưa sau hệ thống lắng lọc được bơm lên sử dụng cho PCCC, nước làm mát máy móc thiết bị.

Nước mưa của Công ty TNHH Uy Kiệt: Công ty đã bố trí đường cống BTCT D800mm thu gom toàn bộ nước mưa từ Công ty về hồ chứa nước mưa dung tích 120.000 m³ của Công ty TNHH Việt Ý. Nước mưa trong bồn sau lắng lọc sẽ theo đường ống nhựa D140mm dẫn về Công ty TNHH Uy Kiệt sử dụng cho nhu cầu làm mát máy móc và PCCC cho Công ty.

Nước mưa trong hồ qua quá trình lắng tự nhiên sẽ được bơm lên hệ thống lắng lọc bằng đường ống nhựa D90mm, lượng nước sau khi lắng lọc tiếp tục bơm qua bể chứa bê tông (thể tích: 60 m³) lắng một lần nữa. Cuối cùng nước mưa được được dẫn về bể lưu chứa bê tông âm dưới thấp nước cạnh nhà xưởng 3A (thể tích: 5.000 m³), sau đó được bơm bên tháp truyền đi để sử dụng cho cả 02 Công ty (Việt – Ý và Uy Kiệt) trong việc PCCC, nước làm mát máy móc thiết bị.

Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ tổng quan hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại nhà máy:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại nhà máy

STT	Hạng mục	Khối lượng	Kết cấu
1	Ống nhựa PVC, D = 90mm	150m	uPVC
2	Ống nhựa PVC, D = 140mm	600m	uPVC
3	Hố ga BTCT, D = 400mm	400m	BTCT
4	Hố ga BTCT, D = 600mm	1.500m	BTCT
5	Hố ga BTCT, D = 1.000mm	450m	BTCT
6	Hồ chứa nước mưa	120.000 m ³	BTCT
7	Bể chứa nước mưa sau lắng	60 m ³	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Ống thoát nước mưa trên mái



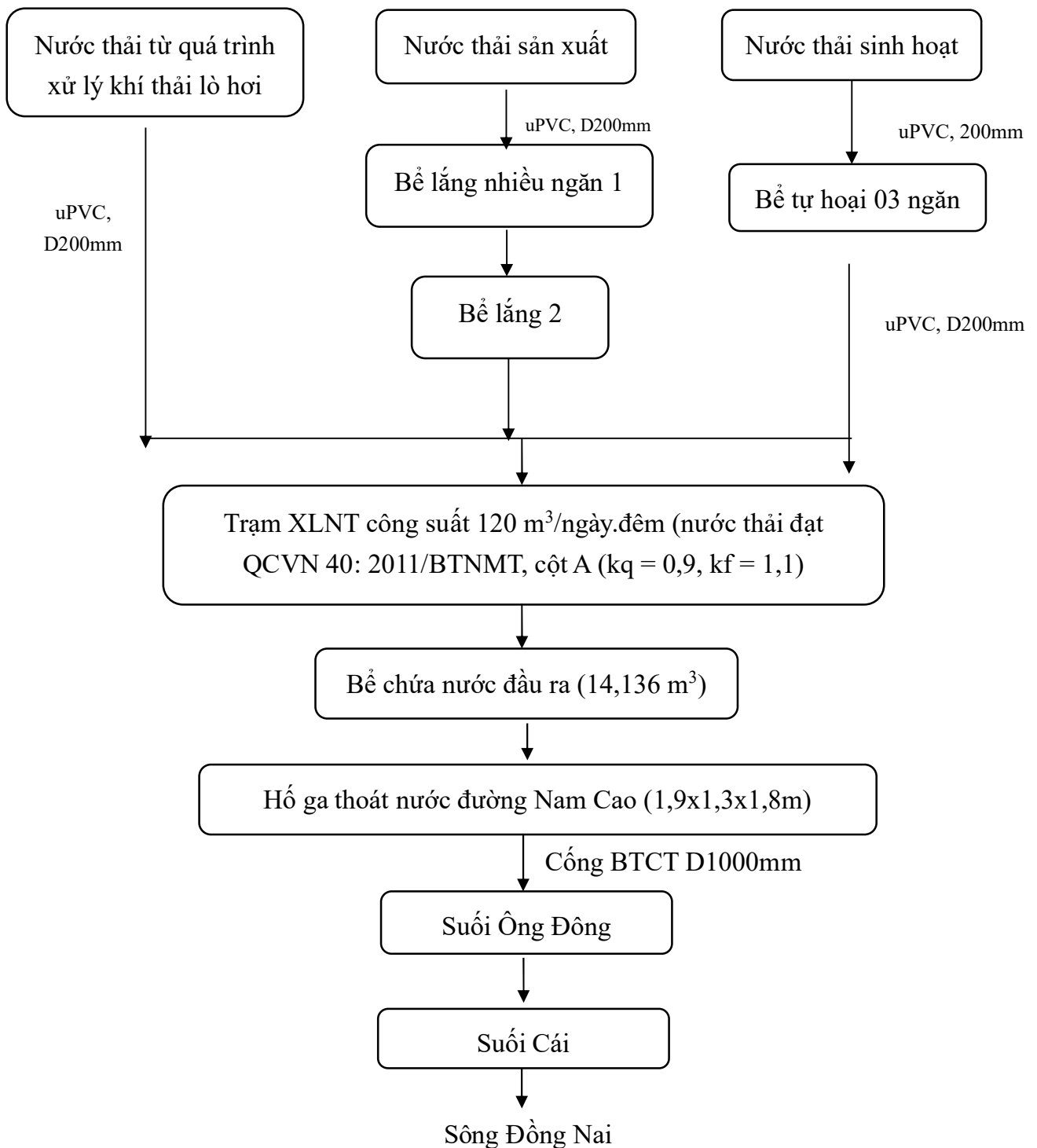
Hố ga thoát nước mưa

Hình 3. 2. Hệ thống thoát nước mưa của Công ty

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại nhà máy

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, khu vực kí túc xá → Hệ thống ống nhựa uPVC, D140mm → Bể tự hoại 03 ngăn (bao gồm 30 bể, thể tích chứa tổng 396 m³, kích thước 1,6 x 3,6 x 2,3 m/bể).

- Nước thải sản xuất phát sinh gồm nước thải tưới ống cao su, nước thải từ quá trình xử lý bụi và mùi của toàn bộ nhà xưởng được thu gom xử lý qua bể lắng nhiều ngăn 1, bể lắng 2 sau đó vào bể chứa trung gian của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Hệ thống ống nhựa uPVC, D140mm → Bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày để tiếp tục xử lý.

Thông số của hệ thống thu gom nước thải: kích thước, vật liệu, số lượng hố ga được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải tại nhà máy

STT	Hạng mục	Khối lượng	Kết cấu
1	Ống nhựa uPVC, D = 200mm	1.050 m	uPVC
2	Hố ga dài x rộng x cao = 1 x 1 x 1,5 m	40 cái	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải

- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày (xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,1)) → Hố ga thoát nước trên đường Nam Cao tại 01 vị trí (tọa độ: X = 1224504; Y = 608159, dài x rộng x cao = 1,9 x 1,3 x 1,8 m) → Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

- Công ty đã được UBND Phường Tân Hiệp thống nhất cho Công ty đầu nối nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A vào hố ga thoát nước chung tại 01 vị trí trên đường Nam Cao (cách Công ty khoảng 350m về hướng Đông) theo Văn bản số 709/UBND-MT ngày 28/05/2024.

(Các Văn bản và bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của cơ sở được đính kèm ở Phụ lục).



Hình 3.4. Hồ ga thoát nước thải của Công ty trên đường Nam Cao

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

Trong quá trình hoạt động do nhu cầu thị trường của sản phẩm sản phẩm dây thun cột tóc thấp nên Công ty chưa tiến hành sản xuất và trong tương lai Công ty sẽ không sản xuất dây thun cột tóc. Đầu năm 2024, Công ty đã tiến hành tháo dỡ các máy móc thiết bị sản xuất dây thun cột tóc. Vì vậy, số lượng công nhân viên hoạt động tại nhà máy hiện nay là 695 người với lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là $69,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$, số lượng công nhân viên này đủ cho nhu cầu của Công ty khi hoạt động tối đa công suất. Lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh khi hoạt động tối đa công suất theo tính toán là $47,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất $120 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của nhà máy. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,1$) → Ngăn chứa nước đầu ra → Hồ ga đầu nối BTCT (dài x rộng x cao = $1,9 \times 1,3 \times 1,8 \text{ m}$, tọa độ: $X = 1224504$; $Y = 608159$) → Hệ thống cống BTCT trên đường Nam Cao $D = 1.000 \text{ mm}$ (dài khoảng 400m) → Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

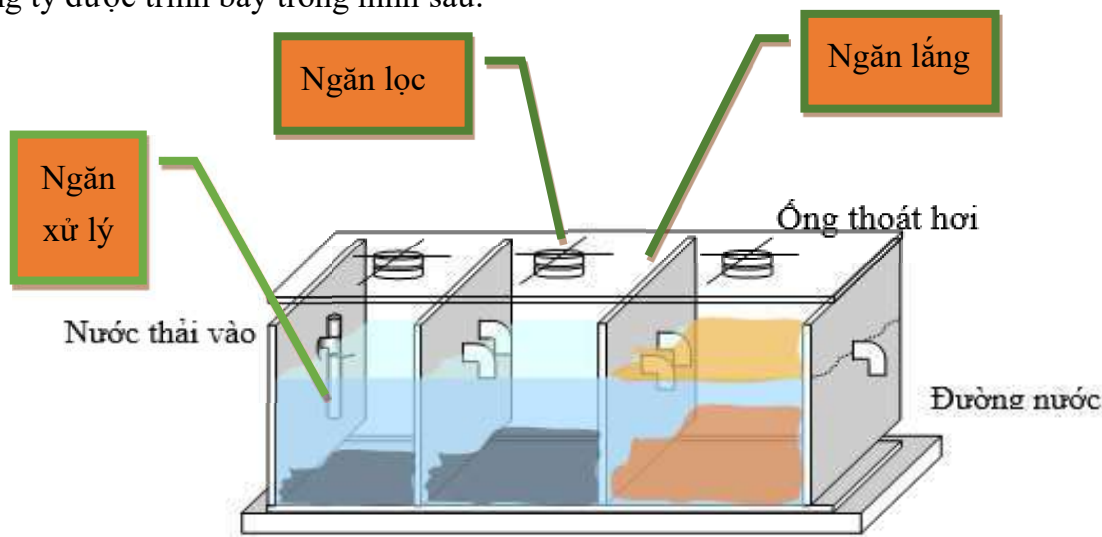
3.1.3.1. Bể tự hoại

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy hiện tại và khi đạt tối đa khoảng $69,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải từ nhà vệ sinh trong cơ sở được thu gom về ngăn xử lý → ngăn lọc → ngăn lắng của bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải rửa chân tay, nước thải từ khu vực kí túc xá → hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

Các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Thời gian lưu bùn trong bể dao động 3, 6, 12 tháng, cặn lắng sẽ bị phân hủy yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó, nước thải qua ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kị khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Cấu tạo bể tự hoại của Công ty được trình bày trong hình sau:



Hình 3. 5. Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

Hiện nay, Công ty đã bố trí 30 bể tự hoại (tổng thể tích chứa 396 m³, kích thước: 1,6 x 3,6 x 2,3 m/bể) vị trí nằm dưới nền, được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 3.3. Thống kê bể tự hoại của Công ty

STT	Vị trí	Số lượng	Thể tích
1	Khu vực công bảo vệ	02	26,4
2	Khu vực văn phòng	01	13,2
3	Khu vực nhà xưởng sản xuất	10	132
4	Khu vực nhà kho	01	13,2
5	Khu vực lò hơi	01	13,2
6	Khu vực kí túc xá	15	198
Tổng		30	396

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải, công suất 120m³/ngày.đêm

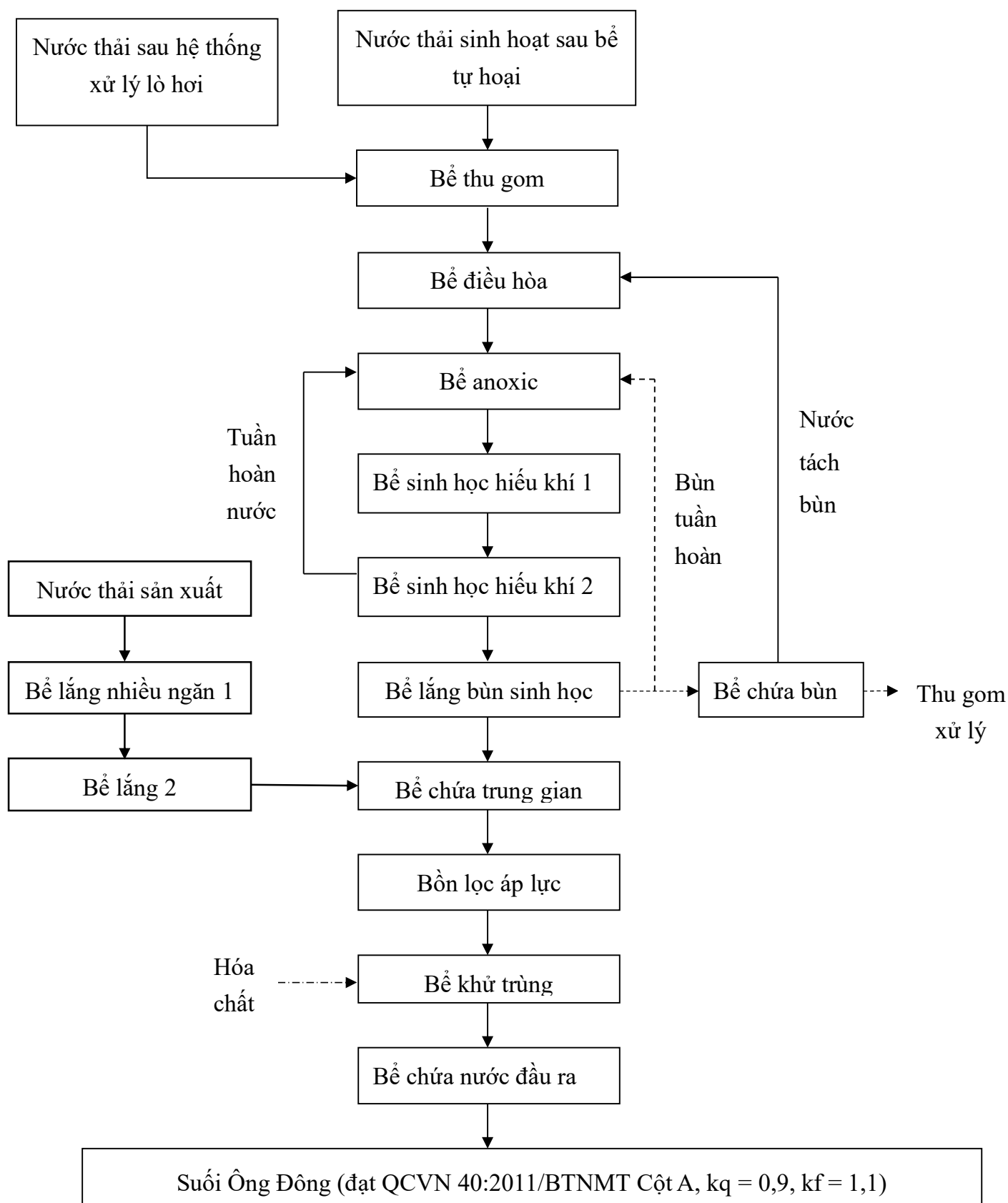
- Nguồn phát sinh nước thải

Bảng 3.4. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của cơ sở

STT	Nguồn phát sinh nước thải	Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)	
		Năm 2023	Công suất tối đa 30.000
1	Nước thải sinh hoạt	69,1	69,1
	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên (văn phòng, quản lý, bảo vệ, tạp vụ)	9,6	9,6
	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân tại khu vực ký túc xã của Công ty	10,5	10,5
	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân tại xưởng sản xuất	49	49
2	Nước thải sản xuất	39	40,5
	Nước cấp cho hệ thống xử lý bụi	19	19
	Nước cung cấp cho hoạt động của lò hơi	-	-
	Nước cấp cho tưới ống cao su	10	10
	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	4	4
	Nước làm mát máy móc	6	7,5
Tổng		108,1	109,6

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

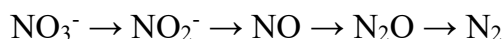
Hiện nay, công trình xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm đã được XNHT theo Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 695/GXN-STNMT ngày 15/03/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, quy trình xử lý như sau:



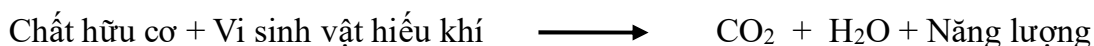
Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải của Công ty công suất 120 m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ

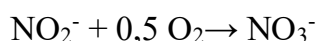
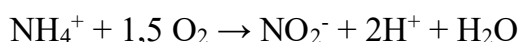
Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và nước thải từ hệ thống xử lý khí lò hơi được thu gom vào hồ gom nước thải sinh hoạt trước khi được bơm qua bể điều hòa. Tại đây nước thải sẽ được điều hòa cả về lưu lượng cũng như nồng độ ô nhiễm. Nước thải được sục khí nhẹ bằng dàn ống khoan lỗ nhằm tránh lắng cặn và phân hủy kỵ khí phát sinh mùi. Sau đó, nước thải sẽ qua bể anoxic, tại đây thiết kế hai cánh khuấy đảm bảo $DO < 0,5 \text{ mg/l}$ cho quá trình khử nitơ diễn ra hiệu quả theo phản ứng sau:



Nước thải tiếp tục qua bể sinh học hiếu khí 1 và 2, tại đây môi trường hiếu khí được duy trì trong bể nhờ các máy thổi khí qua dàn đĩa phân phối khí. Tại đây, các vi sinh vật hiếu khí (bùn hoạt tính) sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ dạng đơn giản như: CO_2 , H_2O ... theo phản ứng sau:



Đồng thời trong bể hiếu khí diễn ra quá trình oxy hóa Nitơ (tồn tại trong nước dưới dạng Amonia (NH_4^+)) thành nitrit (NO_2^-) và nitrat (NO_3^-) theo phản ứng sau:



Nước thải sau bể hiếu khí một phần sẽ tuần hoàn lại bể anoxic nhằm đảm bảo quá trình khử nitơ triệt để hơn, phần còn lại sẽ qua bể lắng bùn sinh học nhằm lắng các bông cặn. Bùn sau khi lắng một phần được bơm tuần hoàn lại bể anoxic, phần bùn dư sẽ được bơm vào bể chứa bùn và tận dụng bón cây, phần nước tách bùn sẽ được tuần hoàn lại bể điều hòa để xử lý.

Phần nước trong sau khi lắng sẽ chảy qua bể chứa trung gian rồi tiếp tục được bơm qua bồn lọc áp lực để lọc các chất cặn bẩn còn lại và một số vi sinh vật. Tại bể chứa trung gian, nước thải sản xuất sau khi qua các bể lắng cũng được đầu nối vào để tiếp tục xử lý. Nước thải tiếp tục qua bồn lọc áp lực và được bơm qua bể khử trùng, hóa chất NaOCl được châm vào bể, bể được thiết kế chia thành nhiều vách ngăn, tạo dòng chảy rối cho nước thải và hóa chất khử trùng được khuấy trộn đều. Nước thải sau khi qua bể khử trùng sẽ đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và chảy vào mạng lưới thoát nước ra suối Ông Đông.

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của HTXLNT công suất $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

TT	Hạng mục công trình	Kích thước (m)	Thể tích hữu ích (m^3)	Cấu tạo	Nhiệm vụ
I	Module xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau hệ thống xử lý lò hơi				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

1	Bể thu gom	9,3 x 7,1 x 3	198,09	BTCT	Thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sau hệ thống xử lý lò hơi
2	Bể điều hòa	6,45 x 3,34 x 3	64,629	BTCT	Điều hòa lưu lượng, nồng độ nước thải
3	Bể anoxic	4,8 x 2,46 x 3	35,424	BTCT	Xử lý bằng vi sinh
4	Bể sinh học hiếu khí 1	4,46 x 2,46 x 3	32,915	BTCT	Xử lý bằng vi sinh
5	Bể sinh học hiếu khí 2	7,85 x 1,6 x 3	37,68	BTCT	Xử lý bằng vi sinh
6	Bể lắng bùn sinh học	3,15 x 2,4 x 3	22,68	BTCT	Lắng bùn
7	Bể chứa bùn dư	1 x 1 x 3	3	BTCT	Lưu trữ bùn
II	Module xử lý nước thải sản xuất				
8	Bể lắng nhiều ngăn 1	9,3 x 7,14 x 3	199,206	BTCT	Lắng cặn
9	Bể lắng 2	9,3 x 7,1 x 3	198,09	BTCT	Lắng cặn
III	Phần bể dùng chung cho cả 2 module				
10	Bể chứa trung gian sau lắng	1,4 x 1 x 3	4,2	BTCT	Chứa nước thải sau khi lắng
11	Bể khử trùng	2,15 x 0,8 x 3	5,16	BTCT	Khử trùng
12	Bể chứa nước đầu ra	2,48 x 1,9 x 3	14,136	BTCT	Chứa nước

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 6. Danh sách máy móc, thiết bị lắp đặt trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Số lượng (bộ)	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
1	Song chắn rác	01	Inox	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Máy thổi khí	04	- Model: MRT 50 - Lưu lượng: 1,5 - 1,8 m³/phút. - Cột áp: (0,4Kgf/cm³) - Công suất: 0,5 Hp - Điện áp: 380v/3 pha Hz	Đài Loan
3	Bơm điều hòa	01	- Model: HMS 250 – 1.3720 - Lưu lượng: 6 – 9 m³/h - Cột áp: 10m - Công suất: 0,5Hp - Điện áp: 380v/3 pha Hz	Đài Loan
4	Máy khuấy chìm	03	- Động cơ: 1Kw ; 380V/3 pha - Tiêu chuẩn motor: 1.380rph/ vỏ gang - Đường kính cánh khuấy: 176 mm	Đài Loan
5	Bơm bùn	01	- Model: HSM 250 – 1.3720 - Lưu lượng: 6 - 9 m³/h - Cột áp: 10m - Công suất: 0,5Hp - Điện áp: 380v/3 pha Hz	Đài Loan
6	Bơm rửa lọc	01	- Lưu lượng: 100 - 600L/phút - Cột áp: 19 - 30m - Công suất: 4Kw - Điện áp: 380v/3 pha Hz	Đài Loan

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Hình 3.7. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của Công ty

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

- Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường

Bảng 3.7. Kết quả quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (kq = 0,9; kf = 1,1)
1	pH	-	8,3	6 – 9
2	TSS	mg/L	5	49,5
3	BOD ₅	mg/L	7	29,7
4	COD	mg/L	13	74,25
5	Tổng Nito	mg/L	4,2	19,8
6	Tổng Photpho	mg/L	0,38	3,96
7	Amoni	mg/L	1,47	4,95
8	Coliform	MPN/100mL	200	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<1	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	16	50

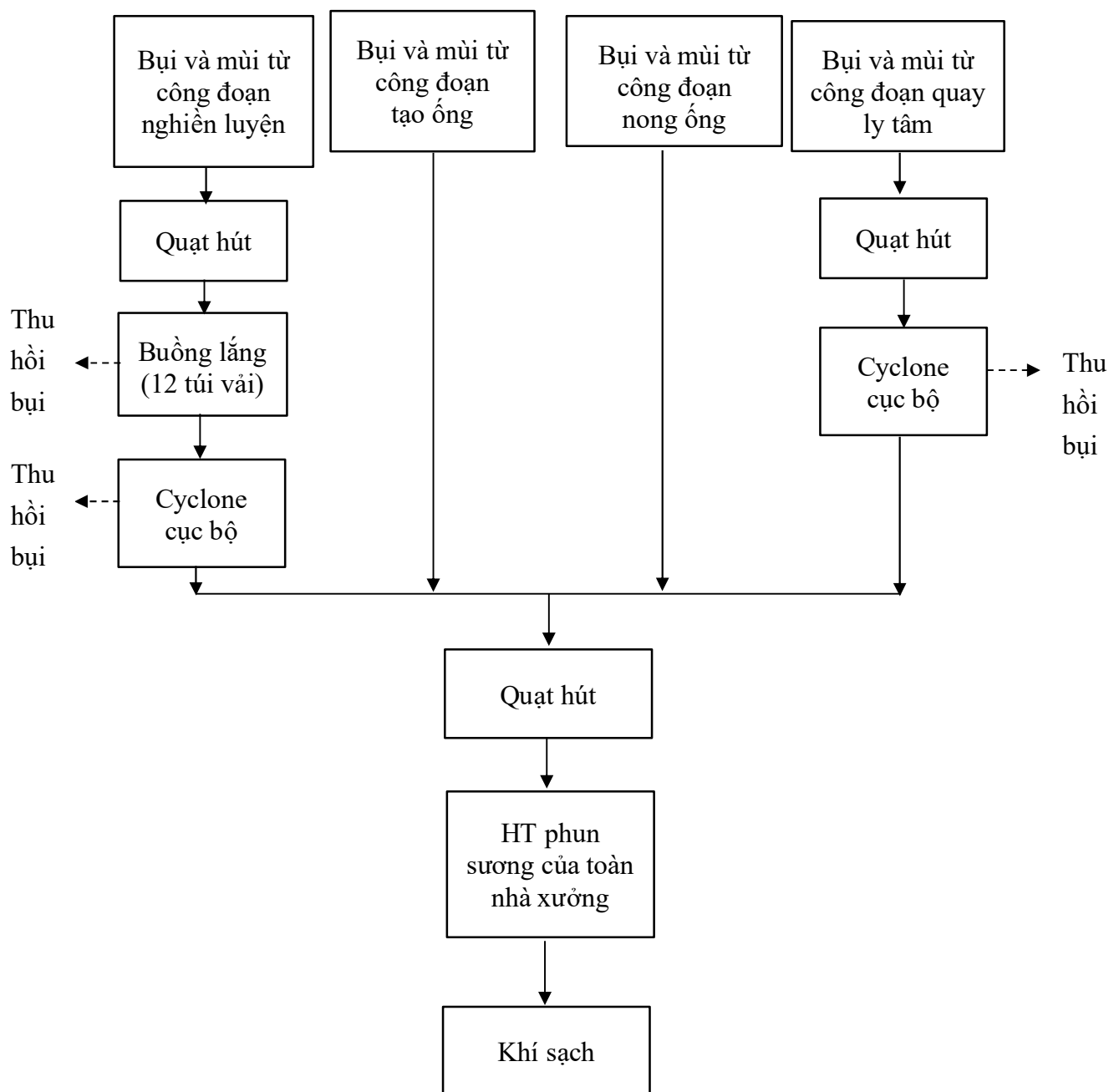
Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Nhận xét: Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường nước thải sau hệ thống xử lý công suất 120m³/ngày.đêm của Công ty có thể thấy các thông số phân tích đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 1,1).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Công trình xử lý bụi và mùi của nhà xưởng sản xuất dây thun khoan

Hiện nay, do xưởng sản xuất dây thun cột tóc đã tiến hành tháo dỡ máy móc, nên chỉ còn lại 04 hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng của 04 xưởng sản xuất dây thun khoan. Quy trình xử lý bụi và mùi của Công ty không thay đổi gì so với Báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:



Hình 3. 8. Quy trình công nghệ HTXL bụi và mùi tại nhà xưởng sản xuất dây thun khoan của Công ty

Thuyết minh quy trình công nghệ:

(1) Không chế bụi và mùi từ quá trình nghiền luyện

Tại công đoạn nghiền luyện bụi phát sinh chủ yếu là bột thất thoát chiếm chưa đến 1⁰/₀₀ của lượng bột hỗn hợp trong dòng phụ liệu đưa vào máy nghiền luyện. Dòng khí và bột được quạt hút hút vào buồng lắng để lắng các bột dễ lắng, tại đây 12 túi vải sẽ hấp phụ một số chất khí ô nhiễm, sau đó dòng khí và bột được đưa vào cyclone để lắng các bột còn lại trước khi được dẫn về hệ thống xử lý bụi và mùi chung của toàn nhà xưởng để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường. Phần bột lắng tại buồng lắng và cyclone định kỳ 6 ngày được công nhân thu gom tái sử dụng cho sản xuất với khối lượng 2,5kg/lần thu gom cho 1 máy nghiền luyện (trung bình 2 tháng thay than hoạt tính 1 lần).

(2) Không chế bụi và mùi từ quá trình nong ống và tạo ống

Tại công đoạn tạo ống và nong ống bụi phát sinh chủ yếu là bột TALC không có độc tính, nhưng nếu hít phải một lượng lớn về lâu dài cũng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, bột phát sinh sẽ rơi xuống sàn thao tác lúc tạo ống và nền nhà xưởng (sau mỗi ca làm việc thu gom quét dọn để tái sử dụng), một phần tồn tại trong không khí sẽ được hệ thống quạt hút hút cưỡng bức về hệ thống xử lý bụi và mùi chung của toàn nhà xưởng để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

(3) Không chế bụi từ quá trình quay li tâm

Trong quá trình quay ly tâm bụi phát sinh tại buồng quay được quạt hút hút về cyclone cục bộ để lắng bụi khi được dẫn về hệ thống xử lý bụi và mùi chung của toàn nhà xưởng để xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường. Phần bột lắng tại cyclone định kỳ hàng tuần (06 ngày) thu gom bột này để tái sử dụng cho sản xuất.

(4) Hệ thống xử lý bụi và mùi của nhà xưởng sản xuất dây thun khoan

Hệ thống này sẽ xử lý bụi, mùi triệt để hơn sau công đoạn xử lý bụi cục bộ tại công đoạn nghiền luyện, quay li tâm và xử lý bụi, mùi trực tiếp thông qua hệ thống quạt hút từ công đoạn nong ống, tạo ống.

Bụi và mùi được hệ thống quạt hút cưỡng bức hút ra tháp phun sương, tại đây bụi và một số chất ô nhiễm được hấp thụ bởi hơi sương. Khí sau khi được phun sương sẽ thoát ra môi trường còn nước sẽ rơi xuống và được dẫn về 2 bể chứa, nước này tuần hoàn để xử lý và được xả định kỳ 6 ngày/lần với lượng xả khoảng 29m³/lần. Nước xả ra được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

Tại 2 bể nước sẽ phát sinh một lượng bột TALC lắng trong nước, định kỳ 6 ngày/lần vét bụi ở đáy bể. Bụi vét lên được phơi khô sau khi loại bỏ tạp chất để tái sử dụng.

- 29 quạt hút cưỡng bức (công suất 38KW/h) ở thành trong nhà xưởng.
- Hệ thống 11 tháp phun sương (phần dưới hình khối chữ nhật, phần trên hình thang) dung tích khoảng 103 m³/tháp dọc thành ngoài nhà xưởng (thông số mỗi tháp: cao 9,78m x rộng đáy 1,88m x rộng mặt 1,2m x dài 6,86 m).
- 02 bể chứa nước rơi xuống sau xử lý phun sương (thông số bể 1: 12,55m x 1,1m x 1,45m; bể 2: 5,75m x 1,1m x 1,45m).

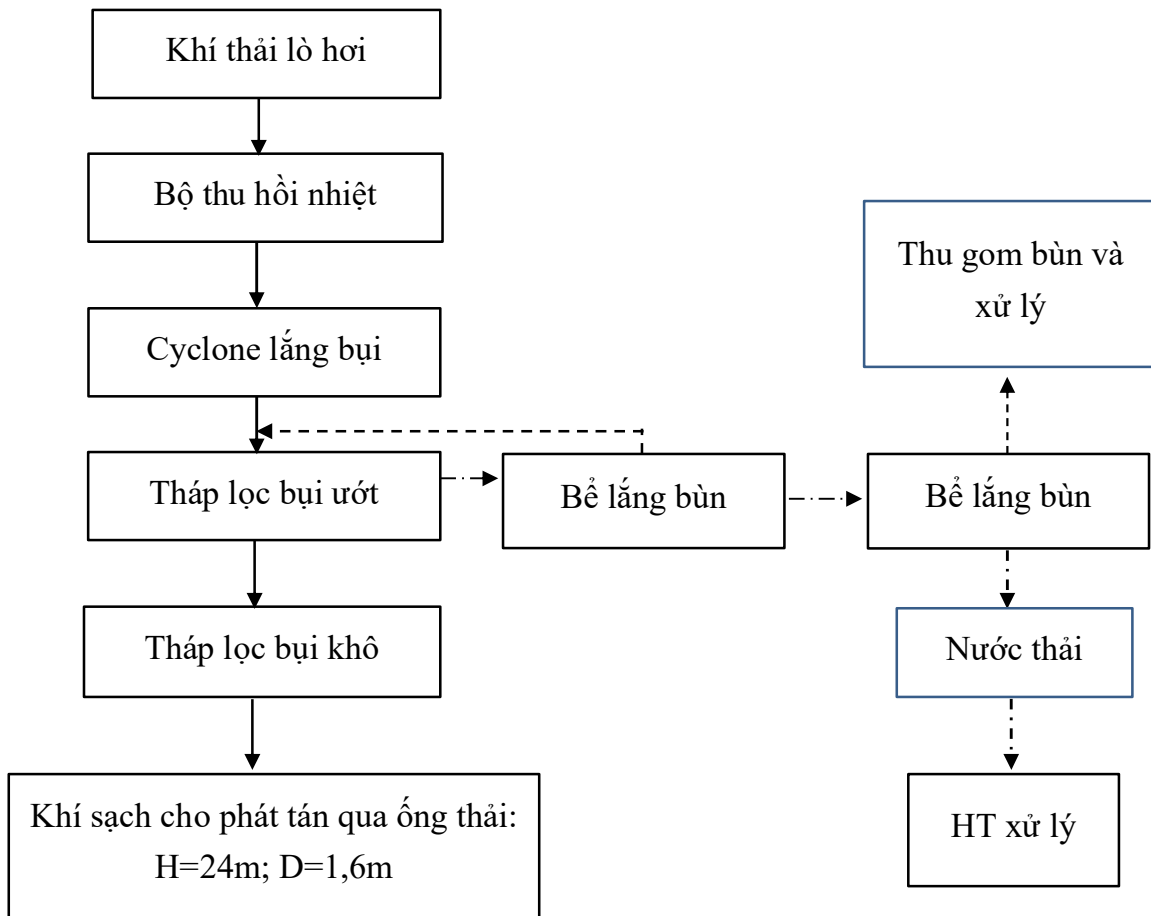
Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật thiết bị của hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng sản xuất dây thun khoan

STT	Tên thiết bị	Nhà sản xuất	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	Việt Nam	116 bộ	90.000 m ³ /h
2	Buồng lắng	Việt Nam	8 bộ	Đường kính: 1,95m Chiều cao: 9m Chiều dài: 88m Vật liệu: Tường gạch, trát xi măng, ốp tôn.
3	Cyclone	Việt Nam	50 bộ	Đường kính: 0,6m Chiều cao: 1,6m
4	Hệ thống phun sương	Việt Nam	4 hệ thống	Kích thước ống dẫn: chiều dài 104m. Đường kính: D = 60 mm Số vòi phun sương: 464 cái. Công suất bơm: (3HP x 2 cái)/hệ thống.

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.2.2. Công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ

Hiện nay, công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ đã được XNHT theo Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 695/GXN-STNMT ngày 15/03/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Chất lượng khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (kp = 1; kv = 0,8) trước khi thải ra môi trường. Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Công ty

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Thuyết minh quy trình công nghệ

Khí thải, bụi sinh ra do lò đốt than đá dùng cho lò hơi có các thành phần ô nhiễm như: Bụi, khí CO, SO₂, NO_x,... sẽ qua bộ thu hồi nhiệt làm giảm nhiệt độ dòng khí thải. Dòng khí được hút qua cyclone thu bụi, phần bụi lắng rơi xuống ngăn thu bụi được thu gom định kỳ 6 ngày/lần, dòng khí sau đó được đưa qua tháp lọc ướt, khí được đưa từ dưới lên còn hệ thống phun nước từ trên xuống, bụi và chất khí ô nhiễm sẽ tách khỏi dòng khí rơi xuống đáy tháp, hỗn hợp nước bùn này sẽ chảy ra bể lắng bùn; phần nước trong tuần hoàn lại tháp lọc ướt, định kỳ 6 ngày/lần hỗn hợp nước bùn này sẽ được xả ra để xử lý; còn lượng nước thải ra từ quá trình xả bùn được dẫn về hệ thống lắng lọc trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty. Dòng khí sau lọc ướt sẽ qua tháp lọc khô để xử lý phần bụi còn lại, khí sau khi xử lý đạt chuẩn sẽ thoát ra môi trường qua ống thải cao 24m, đường kính 1,6m. Tro xỉ và bùn phát sinh từ lò hơi được bàn giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom xử lý, khối lượng trung bình 1,5 tấn xỉ/ngày.

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của lò hơi

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng
1	Thân lò	$D \times R \times C = 9,8 \times 2,7 \times 4,5\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
2	Bơm nước	11Kw	Đức	02 bộ
3	Bộ thu hồi nhiệt gió	$D \times R \times C = 1,2 \times 0,7 \times 2,5\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
4	Bộ thu hồi nhiệt nước	$D \times R \times C = 1,4 \times 1,4 \times 4,5\text{mm}$	Việt Nam	01 bộ
5	Tủ điều khiển lò	$D \times R \times C = 2,0 \times 0,8 \times 2,0\text{m}$	Nhật Bản	01 bộ
6	Ống thải	$H = 24\text{m}$, $D = 16\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
7	Quạt cấp gió	Công suất $90.000 \text{ m}^3/\text{h}$ Công suất $27.000 \text{ m}^3/\text{h}$	Việt Nam	02 bộ
8	Quạt hút	Công suất $105.000 \text{ m}^3/\text{h}$	Việt Nam	01 bộ
9	Bơm nước cấp tháp	Công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$	Đài Loan	02 bộ
10	Ventury phun nước tháp lọc ướt	$D \times R \times C = 2,4 \times 2,4 \times 4,5\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
11	Cyclone chùm	$D = 100\text{mm}$; $H = 4,5\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
12	Tháp lọc ướt	$D = 2.000\text{mm}$; $H = 8\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
13	Tháp lọc khô	$D \times R \times C = 2,4 \times 2,4 \times 8\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
14	Bể lắng bùn	$D \times R \times C = 7,6 \times 3,0 \times 2,4\text{m}$	Việt Nam	01 bộ
15	Băng cào xỉ	1,5Kw	Việt Nam	01 bộ
16	Vít tải lấy tro đầu lò	Công suất $3.300 \text{ m}^3/\text{h}$	Việt Nam	01 bộ
17	Bồn chứa nước cấp vào lò hơi	Đường kính $1,9\text{m} \times 4,5\text{m} = 12\text{m}^3$	Việt Nam	01 bộ

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Hình 3. 9. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn

a. Chứng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh theo số liệu thống kê quá trình hoạt động hiện hữu của Công ty và dự kiến khối lượng phát sinh trong thời gian tới như sau:

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Công ty

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (Kg/năm)		Ghi chú
			Năm 2023	Công suất sản xuất tối đa	
I	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	49.470	195.156	- Số người: + Năm 2023: 695 người. + Tối đa: 695 người. - Thành phố Tân Uyên là đô thị loại III. Do đó, hệ số phát thải sinh hoạt: 0,9 kg/người.ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD)
II	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	312.277	421.396	-
1	Xi than đá		309.000	416.816	
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	Rắn	2.550	3.500	
3	Bao bì giấy vụn	Rắn	490	660	
4	Dây đai vụn	Rắn	130	200	
5	Bùn thải	Bùn	50	70	
6	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	107	150	

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (Kg/năm)		Ghi chú
			Năm 2023	Công suất sản xuất tối đa	
	bằng vật liệu khác (như composite)				
Tổng cộng khối lượng		-	361.747	616.552	-

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

b. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được phân thành 3 loại: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: Bìa carton, vỏ lon, giấy vụn,... được thu gom, định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu thu gom, tái chế, tái sử dụng.

- Đối với thực phẩm thừa và chất thải sinh hoạt khác không thể tái chế sẽ được thu gom vào thùng chứa chất thải sinh hoạt và chuyển cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

Cơ sở đã bố trí các thùng rác nhựa dung tích 120L phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, công bảo vệ... để thu gom lượng CTRSH phát sinh và tập kết về khu vực tập kết CTRSH có diện tích 140 m². Hàng ngày, công nhân tiến hành thu gom, di chuyển đưa về khu tập trung chất thải với tần suất 1 lần/ngày. Sau đó được Chi nhánh Công ty cổ phần Bình Dương Tương Lai Xanh thu gom với tần suất 2-3 lần/tuần theo hợp đồng số 10-RCN&RSH/HĐ-KT24 ngày 02/01/2024, thời hạn đến ngày 31/12/2024.

Công trình thu gom, lưu trữ CTRSH tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 10. Thiết bị lưu chứa CTRSH phát sinh

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí đặt
1	Thùng chứa 120 lít	15 cái	- Dung tích thùng chứa: 120 lít - Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE	Khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn, công bảo vệ.
2	Thùng chứa 600 lít	10 cái	- Dung tích thùng chứa: 600 lít - Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE	Khu vực nhà chứa chất thải.

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Hình 3.10. Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

CTCNTT phát sinh tại nhà máy được Công ty quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Đối với bùn thải từ HTXL nước thải: bùn được đóng bao, lưu tại khu vực HTXL nước thải và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom.

Đối với các chất thải còn lại: được phân loại lưu chứa vào các thùng 120 lít tại phân xưởng, cuối ca nhân viên đưa chất thải về kho chứa CTCNTT.

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được cơ sở thu gom bằng các thùng rác và được tập kết và lưu trữ tại nhà kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp có diện tích 1.399 m², có kết cấu nền bê tông chống thấm, mái tôn, vách tôn.

Cơ sở đã hợp đồng với Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh theo hợp đồng số 10-RCN&RSH/HĐ-KT24 ngày 02/01/2024, thời hạn đến ngày 31/12/2024 để thu gom, vận chuyển và xử lý CTCNTT theo quy định. Công trình thu gom, lưu trữ CTCNTT tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 11. Thiết bị lưu chứa CTCNTT phát sinh

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí đặt
1	Bao chứa PP	50 cái	- Dung tích chứa: 50 kg	Kho CTCNTT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

			- Vật liệu: Nhựa PP	
2	Thùng chứa 600L	04 cái	- Dung tích chứa: 600 lít. - Vật liệu: HDPE	Kho CTCNTT
3	Thùng chứa 120 lít	30 cái	- Dung tích thùng chứa: 120 lít - Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE	Xưởng sản xuất

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại

Khối lượng, thành phần

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải, bao bì dính dầu nhớt, hóa chất thải, vỏ thùng phuy sau khi sử dụng có dính dầu hóa dẻo và dầu parafin...Theo thống kê chứng từ thu gom năm 2023 khối lượng CTNH phát sinh thực tế tại cơ sở trong năm 2023 được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 12. Khối lượng CTNH phát sinh thực tế tại nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng chất thải (Tấn/năm)	
					Hiện hữu (năm 2023)	Công suất sản xuất tối đa
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	2	20
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	378	700
3	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	2	10
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	NH	3	20
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	1.409	2.000
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	1.612	2.200
7	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	2	10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	592	1.000
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	-	1.000
Tổng		-	-	-	4.000	6.960

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Công trình, biện pháp thu gom, xử lý

Kho chứa CTNH của cơ sở đã được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Đặc điểm kỹ thuật kho chứa CTNH như sau:

+Hiện nay, nhà máy có 02 kho chứa chất thải nguy hại lần lượt là 16 m² (vị trí giáp kho CTRSH) và 01 kho chứa có diện tích 340 m² (vị trí sau xưởng sản xuất dây thun cột tóc cũ), khép kín, tường bao quanh xây bằng gạch và phía trên bao bằng tôn, nền bê tông.

+Gờ chống tràn xây bằng gạch đặc cao 30cm.

+Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC như bình bọt chữa cháy, xẻng, cát...

+Trong kho chứa, không để lẫn CTNH với các loại chất thải khác và không để lẫn các loại CTNH với nhau. Mỗi loại CTNH trong quá trình lưu giữ sẽ có mỗi biển báo chất thải nguy hại có ghi đầy đủ tên, mã số, trạng thái tồn tại của từng loại chất thải là ô lưu chứa có gờ chống tràn.

Công ty đã hợp đồng với Chi Nhánh Xử Lý Chất Thải – Công Ty CP – Tổng Công Ty Nước – Môi Trường Bình Dương để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo hợp đồng số 44 – RNH/HĐ – KT/24 ngày 02/01/2024, thời hạn đến ngày 31/12/2024 với tần suất 02 lần/năm. Công trình thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 13. Thiết bị lưu chứa CTNH phát sinh

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí đặt
02	Thùng chứa 120 lít	10 cái	Dung tích thùng chứa: 120 lít Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE	Khu vực nhà xưởng

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý



Hình 3. 11. Kho chất thải nguy hại của nhà máy

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh độ ồn, độ rung

TT	Nguồn phát sinh	
01	Nguồn số 01	Khu vực nghiền, luyện
02	Nguồn số 02	Khu vực tạo ống, nong ống
03	Nguồn số 03	Khu vực lưu hóa
04	Nguồn số 04	Khu vực quay li tâm
05	Nguồn số 05	Khu vực hệ thống xử lý nước thải

06	Nguồn số 06	Khu vực lò hơi
----	-------------	----------------

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các công trình, máy móc, thiết bị có tạo ra tiếng ồn ở khu vực riêng biệt cách xa khu sản xuất;
- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Tạo khoảng cây xanh cách ly với bề dày tối thiểu từ 2m so với khu vực xung quanh (Diện tích cây xanh hiện hữu của nhà máy > 20%);
- Trang bị quần áo lao động, giày bảo hộ và nút bịt tai chống ồn cho công nhân và bắt buộc công nhân phải mang khi làm việc. Điều này sẽ hạn chế bệnh điếc nghề nghiệp do tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn lớn (chủ yếu ở công đoạn nghiền, luyện và tạo ống, nong ống).
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;
- Áp dụng các biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ.
- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, hạn chế sử dụng còi trong khu vực nhà máy, tắt máy trong quá trình bóc dỡ cũng như chất sản phẩm lên xe.
- Các phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo định kỳ.
- Máy móc, thiết bị được kiểm tra vệ sinh, bảo trì và thay thế các chi tiết có nguy cơ hư hỏng gây ồn.
- Cơ sở đã phối hợp với đơn vị chức năng để thực hiện quan trắc tiếng ồn, độ rung tại cơ sở định kỳ hằng năm, kết quả quan trắc cho thấy các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn theo tiêu chuẩn cho phép (*kết quả chi tiết được trình bày tại Chương 5 của báo cáo này*).

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Hiện nay, Công ty đã xây dựng kế hoạch và các kịch bản ứng phó sự cố từ môi trường theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty đã công khai kế hoạch ứng phó sự cố và được xác nhận đã nhận vào ngày 14/10/2024 tại UBND Phường Tân Hiệp, UBND thành phố Tân Uyên, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Hiện nay, Công ty đã đầu tư các trang thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường bao gồm:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Thiết bị, phương tiện	Số lượng	Nơi bố trí
1	Thiết bị liên lạc và hệ thống cảnh báo, hỗ trợ, phòng ngừa sự cố		
1.1	Bộ đàm tần sóng ngắn	06 bộ	Hệ thống XLNT
1.2	Máy phát điện	01 cái	Kho cơ khí
2	Vật tư, thiết bị cô lập chất thải tại hệ thống XLNT		
2.1	Hồ sự cố (10x10x5m) (Dự kiến Công ty sẽ xây dựng)	500 m ³	Hệ thống XLNT
2.2	Ổ cắm điện	02 ổ	Hệ thống XLNT
2.3	Máy thổi khí dự phòng	02 cái	Hệ thống XLNT
2.4	Đất khô, cát khô	Tùy theo quy mô sự cố, huy động khi cần	Kho chứa
2.5	Bơm nước thải	2 cái	Kho chứa
2.6	Đường ống	20 ống nhựa PVC Ø90 và Ø114	Kho chứa
2.7	Dây điện đôi Cadivi 2.5mm ²	1 cuộn (100 mét)	Kho chứa
2.8	Ủng	3 đôi	Hệ thống XLNT
2.9	Bao tay cao su chống hóa chất	5 đôi	Hệ thống XLNT
2.10	Xăng	02 cái	Hệ thống XLNT
2.11	Mặt nạ chống độc	02 cái	Hệ thống XLNT
2.11	Xe bồn	01 xe	Huy động các cơ sở gần nhất (Xí nghiệp xử lý chất thải- Công ty Cổ phần nước – môi trường Bình Dương)
3	Vật tư, thiết bị cô lập chất thải tại hệ thống XLKT		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Thiết bị, phương tiện	Số lượng	Nơi bố trí
3.1	Túi vải dự phòng	1 bộ	Khu vực lò hơi
3.2	Thiết bị PCCC	4 bình bột, 4 bình CO ₂	Khu vực lò hơi
3.3	Đất khô, cát khô	2 thùng	Khu vực lò hơi
3.4	Mặt nạ phòng độc	10 cái	Khu vực lò hơi
4	Vật tư, thiết bị cô lập chất thải tại kho chứa chất thải rắn thông thường và nguy hại		
4.1	Đất khô, cát khô	3 thùng	Kho chứa chất thải
4.2	Các thùng chứa	5 phuy 150 lít	Kho chứa chất thải
4.3	Hố gom chất thải nguy hại lỏng	0,5 x 0,5 x 0,5 (m)	Kho chứa chất thải nguy hại
5	Trang thiết bị, phương tiện sơ cấp cứu nạn nhân		
5.1	Xe cứu thương	01 xe	Huy động xe cứu thương của các cơ sở y tế gần nhất
5.2	Trạm y tế, bệnh viện	01 bệnh viện	Huy động các cơ sở y tế gần nhất
5.3	Trang thiết bị khác		Tùy theo tình hình thực tế và yêu cầu công tác được bổ sung cho phù hợp
6	Thiết bị bảo hộ lao động		
6.1	Ủng cao su	10 bộ	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.2	Găng tay chuyên dụng	10 bộ	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.3	Quần áo cách ly	5 bộ	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.4	Mặt nạ phòng độc 3M	10 cái	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.5	Nón bảo hộ	10 cái	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.6	Xăng	5 cái	Kho chứa

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Thiết bị, phương tiện	Số lượng	Nơi bố trí
6.7	Phao cao su	4 cái	Kho chứa
6.8	Kính bảo hộ	10 cái	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.9	Khẩu trang lọc bụi (than hoạt tính)	20 cái	Tủ thiết bị bảo hộ lao động
6.10	Tủ thuốc cấp cứu	1 cái	Tủ thiết bị bảo hộ lao động

Ngoài ra, Công ty còn có nhân lực ứng phó sự cố như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong UPSC	Điện thoại
I	Trưởng Ban Chỉ Huy			
1	Nhim Chí Hùng	Giám đốc Nhà máy	Trưởng ban	0274365522 2
II	Đội Xử Lý Sự Cố Tràn Đổ Chất Thải			
1	Vũ Thị Kim Thanh	Trưởng phòng HSE	Phó ban	0982888836
2	Nguyễn Hoàng Long	Giám sát môi trường	Phó ban	0979717556
3	Nguyễn Văn Nhân	Trưởng phòng Thiết bị phụ trợ & Kỹ thuật bảo trì	Phó ban	0976192195
4	Nguyễn Văn Nhân	Giám sát Đội vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải	Phó ban	0976192195
5	Phạm Minh Lê	Nhân viên vận hành Xử lý nước thải	Thành viên	0967060209
6	Nguyễn Văn Thế Em	Nhân viên vận hành Xử lý nước thải	Thành viên	0971578572

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong UPSC	Điện thoại
7	Trần Văn Nhạn	Nhân viên vận hành Xử lý nước thải	Thành viên	0946194557
8	Bùi Văn Vinh	Nhân viên vận hành Lò hơi	Thành viên	0909264354
9	Trần Văn Sơn	Nhân viên vận hành Lò hơi	Thành viên	0397710091
10	Trần Văn Ngoan	Nhân viên vận hành Lò hơi	Thành viên	0933685521
11	Huỳnh Trí	Giám sát Hành chánh	Thành viên	0909184548
12	Trần Hoàng Văn	Trưởng phòng QC	Thành viên	0812684089
13	Bùi Văn Phúc	Quản lý phân xưởng 1	Thành viên	0779944531
14	Nguyễn Văn Tuấn	Quản lý phân xưởng 2	Thành viên	0901266148
15	Phạm Huỳnh Anh Vũ	Quản lý phân xưởng 3	Thành viên	0902967832
16	Nguyễn Văn Dũng	Quản lý phân xưởng 4	Thành viên	0908284797
16	Nguyễn Thị Thúy Hà	Trưởng phòng Kho	Thành viên	0977149759
III	Đội bảo trì, sửa chữa			
1	Trần Hùng Cường	Trưởng phòng Kỹ thuật bảo trì 1	Thành viên	0347010321
2	Nguyễn Văn Nhân	Giám sát Kỹ thuật bảo trì 2	Phó ban	0976192195
IV	Đội Cứu nạn, cứu hộ			
1	Lê Hoàng Khánh	Đội an ninh nội bộ	Thành viên	0353340273
2	Bành Thanh Tuấn	Đội an ninh nội bộ	Thành viên	0346522532
3	Phạm Phú Cường	Đội an ninh nội bộ	Thành viên	0917172662
4	Nguyễn Thúy Sứ	Nhân viên Y tế	Thành viên	0909929402

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong UPSC	Điện thoại
V	Đội Hậu cần			
1	Vũ Thị Kim Thanh	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	Phó ban	0982888836
2	Nguyễn Hoàng Long	Nhân viên Hành chính	Phó ban	0979717556

3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

3.6.1.1 Biện pháp phòng ngừa:

- Cơ sở đã tiến hành niêm yết quy trình vận hành HTXLNT trong nhà điều hành.
- Đã lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành theo đúng quy định.
- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các trạm xử lý nước thải, kiểm tra đường ống thu gom nước thải kịp thời nhằm khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

3.6.1.2 Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp xảy ra sự cố nhưng hệ thống xử lý nước thải hoạt động và có thể đáp ứng khả năng xử lý, nước thải sẽ được tuần hoàn lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng khả năng xử lý, nước thải sẽ được bơm ra bể điều hòa và dừng tạm thời hoạt động sản xuất. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể điều hòa tiếp tục đưa vào các công đoạn xử lý (*Không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).
- Trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn cần tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và kiểm tra, sửa chữa. Trong thời gian này, phải báo ngay đến khu vực sản xuất tạm ngưng các hoạt động có phát sinh nước thải từ công đoạn sản xuất, nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nhà ăn sẽ được lưu ở hồ gom thể tích 398 m³ và bể điều hòa sinh hoạt với thể tích 64,629 m³ đảm bảo lưu chứa trong 1 ngày.

Sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ tiếp tục được bơm về hệ thống để xử lý. Báo ngay các sự cố cho cơ quan chức năng để có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong quá trình thiết kế HTXLNT, đơn vị thiết kế có tính toán đến khả năng xảy ra sự cố, dễ dàng thao tác sửa chữa, khắc phục đảm bảo sự cố được giải quyết nhanh nhất không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Cơ sở.

– Trường hợp gặp sự cố cần thời gian khắc phục, Công ty cam kết ngừng các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải cho tới khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường và đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

❖ *Tình huống 1: Ứng phó sự cố về thiết bị, hoạt động của các bể nhưng HTXL nước thải vẫn có thể đáp ứng*

Biện pháp ứng phó sự cố cho các kịch bản chi tiết

Bảng 3. 14. Hướng dẫn kiểm tra và xử lý các tình huống khi vận hành HTXLNT

Hạng mục công trình	Nội dung công việc	Tần suất kiểm tra	Cách kiểm tra	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Bể điều hòa	- Kiểm tra bơm chìm. - Vệ sinh phao điện cực	1 - 2 lần/ngày	- Kéo bơm lên kiểm tra (trường hợp bơm bị sự cố). - Kiểm tra phao điện cực.	- Bơm hoạt động nhưng không lên nước. - Bơm hoạt động nhưng lên ít nước, yếu... - Bơm hoạt động liên tục (phao điện cực báo tín hiệu ảo)	- Mất điện hay báo lỗi trip - Bơm bị nghẹt do vật lạ - Bơm bị hỏng. - Sự cố ở phao điện cực. - Điện cực bị bám bẩn...	- Kiểm tra hệ thống điện, bị nhảy trip nên kiểm tra bơm trước khi nhấn trip lại. - Vệ sinh bơm, sửa chữa bơm nếu bơm bị hỏng. - Kiểm tra và vệ sinh điện cực hoặc thay mới nếu không khắc phục được.
Bể lắng	- Kiểm tra 2 bơm bùn những chìm - Vệ sinh ván nổi trên bề mặt - Bể lắng lắng bùn tốt hay không, nước trong hay không	1-2 lần/ngày	- Mở nắp hố ga kiểm tra và vệ sinh, vớt ván nổi đưa về bể chứa bùn. - Kéo bơm lên kiểm tra (nếu bơm bị sự cố)	- Bơm hoạt động nhưng không lên nước. - Bơm hoạt động nhưng lên ít nước, yếu... (Xem bảng sự cố vì sinh và cách khắc phục sự cố).	- Mất điện hay báo lỗi trip - Bơm bị nghẹt do vật lạ - Bơm bị hỏng. (Xem bảng sự cố vì sinh và cách khắc phục sự cố).	- Kiểm tra hệ thống điện, bị nhảy trip nên kiểm tra bơm trước khi nhấn trip lại. - Vệ sinh bơm, sửa chữa bơm nếu bơm bị hỏng. - Kiểm tra hệ thống van khóa (van ở bể chứa bùn và ở bể sinh học)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Hệ thống bơm định lượng hóa chất	- Kiểm tra hệ thống bơm định lượng hóa chất (hoạt động tốt hay không).	1-2 lần/ngày	- Kiểm tra bồn hóa chất, bơm định lượng, mực hóa chất trong bồn. Mực hóa chất trong bồn dưới 10% phải pha thêm hóa chất.	- Bơm định lượng bị nghẹt hoặc không hoạt động	- Bơm bị nghẹt hoặc bơm bị hỏng chất trong bồn	- Vệ sinh bơm định lượng - Pha hóa chất
Bồn lọc áp lực	- Rửa lọc định kỳ 1 lần /ngày. - Kiểm tra 2 bơm trực ngang van và hệ thống van lọc.	1-2 lần/ngày	- Kiểm tra bơm có lên nước hay không, máy hoạt động có tiếng kêu lạ hay không.	- Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc bơm không hoạt động - Bơm hoạt động nhưng nước ít hoặc yếu.. - Bể khử trùng hết nước và bơm vẫn hoạt động hoặc bơm hoạt động liên tục.	- Nghẹt rác ở máy bơm hoặc bị hở khí vào đường ống hút. - Bơm bị nghẹt hoặc bơm bị hỏng. - Phao điện cực báo tín hiệu ảo	- Kiểm tra, vệ sinh bơm, sửa chữa nếu bơm bị hỏng. - Rửa lọc bồn lọc áp lực. - Kiểm tra và sửa chữa bơm. - Kiểm tra và vệ sinh phao điện cực.
Kiểm tra nước thải sau xử lý	- Kiểm tra đầu nước thải đầu ra.	2-3 lần/ngày	- Quan sát mẫu nước thải sau xử lý: Độ trong, Hàm lượng cặn lơ lửng, Mùi	- Nước đục, cặn lơ lửng nhiều - Nước thải sau xử lý có mùi khó chịu	- Quá trình lọc không hiệu quả - Chưa phân hủy hết chất hữu cơ có trong nước thải	- Tiến hành rửa lọc bồn lọc áp lực - Kiểm tra và khắc phục các nguyên nhân tạo ra ở bể vi sinh (Xem bảng các

						phương pháp khắc phục sự cố ở bể xử lý sinh học).
--	--	--	--	--	--	---

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Bảng 3. 15. Phương pháp khắc phục sự cố bể sinh học

STT	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	- Có mùi khó chịu trong bể điều hoà	- Do thiếu oxy trong bể điều hoà. - Hệ thống xử lý mùi không hoạt động hoặc thời gian hoạt động ít	- Tăng sục khí ở bể điều hoà, tăng thời gian hoạt động của Ejector thổi khí. - Tăng cường thời gian hoạt động hệ thống xử lý mùi.
2	- Lượng O ₂ thấp và có mùi thối trong nước	- Lượng O ₂ cung cấp ít	- Tăng sục khí, mở rộng van điều chỉnh khí tại bể.
3	- Lượng O ₂ thấp mặc dù dùng công suất sục khí tối đa.	- Mật độ vi sinh (MLSS) trong bể quá cao	- Giảm lưu lượng nước thải vào bể (tắt bơm vào hoặc chỉnh nhỏ lưu lượng nếu có thể) - Tăng thời gian xả bùn dư về bể chứa bùn.
4	- Có bọt trắng trên bề mặt sục khí	- Tải lượng hữu cơ quá cao (BOD, COD) - Hàm lượng MLSS thấp - Nhiễm độc (kim loại và biocide), thiếu chất dinh dưỡng.	- Giảm lưu lượng nước thải vào bể (tắt bơm vào hoặc chỉnh nhỏ lưu lượng nếu có thể) - Tăng thời gian bơm tuần hoàn bùn từ bể lắng về bể sinh học - Tắt máy thổi khí trong 30-60 phút, bơm nước sạch vào bể để rửa và khử độc tố. Sau đó hoạt động lại bình thường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

5	- Có bọt nâu sậm bề mặt bề sục khí	- Mật độ vi sinh cao	- Tăng lưu lượng nước thải vào bể (mở rộng van chỉnh lưu lượng)
6	- Lốp bọt dày, màu nâu sậm trên bề sục khí	- Bề sục khí ở chế độ non tải, do không cung cấp đủ nước thải - Bề sục khí thiếu tải trầm trọng	- Tăng lưu lượng nước thải vào bể hoặc tăng thời gian xả bùn dư về bể chứa bùn. - Tăng lưu lượng nước thải vào bể.
7	- Bọt vàng nâu sậm có mỡ	- Hệ vi sinh vật dạng sợi phát triển mạnh	- Tắt máy thổi khí 30 phút, phun dung dịch Javen khử trùng 5 – 10% lên bề mặt bể trong thời gian 5 phút để tiêu diệt vi sinh dạng sợi. Sau đó hoạt động lại bình thường.
8	- Có lớp bọt mỏng màu vàng nhạt	- Dấu hiệu hệ thống làm việc ổn định.	- Duy trì quá trình vận hành ổn định.
9	- Bùn tạo búi trong khoang lắng (Tạo khối và loang nhanh)	- Khí lẫn trong các búi hay xảy ra hiện tượng khử Nitrate hoá khí thời gian lưu bùn cao hoặc hàm lượng oxy hòa tan trong nước cao. - Nước thải vào chứa chất khó phân hủy sinh học hoặc ức chế vi sinh.	- Tăng thời gian hoạt động của bơm bùn tuần hoàn. - Tăng sục khí bể điều hòa, giảm lưu lượng nước thải vào bể. - Điều chỉnh đóng nhỏ lại van cấp khí, giảm lưu lượng khí cung cấp vào bể.
10	- Những đám bùn loang trên bề mặt bể khí lắng, lắng rất chậm trong khi nước chảy tràn tương đối trong. Quan sát bằng kính	- Thiếu chất dinh dưỡng trong nước thải. - Lượng O₂ hòa tan thấp là nguyên nhân khiến sợi tăng trưởng - Độ pH dao động, pH thấp hơn 6,5	- Hiện tượng xảy ra kéo dài nên bổ sung mật ri đường vào bể vi sinh - Giảm tải hệ thống, điều chỉnh lưu lượng nước thải vào nhỏ lại một thời gian và tăng lưu lượng khí cấp vào.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	hiện vi thấy vài khuẩn dạng sợi.		- Bổ sung pH cho nước thải, cho 1 - 2 lít dung dịch NaOH 5% vào bể điều hòa, kiểm tra pH nằm trong khoảng 6,8 – 7,2 là tối ưu cho vi sinh phát triển.
11	- Cùng hiện tượng mục 10 và qua kính hiển vi thấy nhiều vi sinh vật dạng sợi	- Thiếu chất dinh dưỡng trong nước thải trong thời gian quá lâu - Lượng oxy hòa tan thấp trong một thời gian dài - pH thấp hơn 6,5 mà không phát hiện trong thời gian dài.	- Hiện tượng xảy ra kéo dài nên bổ sung mật rỉ đường vào bể vi sinh - Điều chỉnh lưu lượng nước thải vào nhỏ lại một thời gian và tăng lưu lượng khí cấp vào. - Bổ sung pH cho nước thải, cho 1 - 2 lít dung dịch NaOH 5% vào bể điều hòa, kiểm tra pH nằm trong khoảng 6,8 – 7,2 là tối ưu cho vi sinh phát triển. - Tắt máy thổi khí 30 phút, phun dung dịch Javen khử trùng 5 – 10% lên bề mặt bể trong thời gian 5 phút để tiêu diệt vi sinh dạng sợi. Sau đó hoạt động lại bình thường.
12	- Nước ra khỏi khoang lắng đục, khó lắng	- Quá tải bề sức khí (F/M cao), hàm lượng chất hữu cơ trong nước cao mà hàm lượng vi sinh thấp không thể xử lý hết.	- Giảm lưu lượng nạp nước thải vào bể hoặc tăng thời gian bơm bùn tuần hoàn - Nếu bùn vi sinh tạo bông tốt, giảm tải nhưng vẫn vận hành bình thường - Trong trường hợp vi sinh không tạo bông, tắt máy thổi khí từ 30 - 60 phút. Sau đó tăng tải hệ thống hoặc bơm nước sạch vào để rửa độc tố. Sau đó thì giảm tải, sức khí bình thường để vi sinh vật phát triển.
13	- Nước đầu ra có nhiều cặn lơ lửng, hàm	- Bể thiếu tải trọng, hàm lượng hữu cơ không đủ cho vi sinh vật phát	- Giảm sức khí vào bể.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

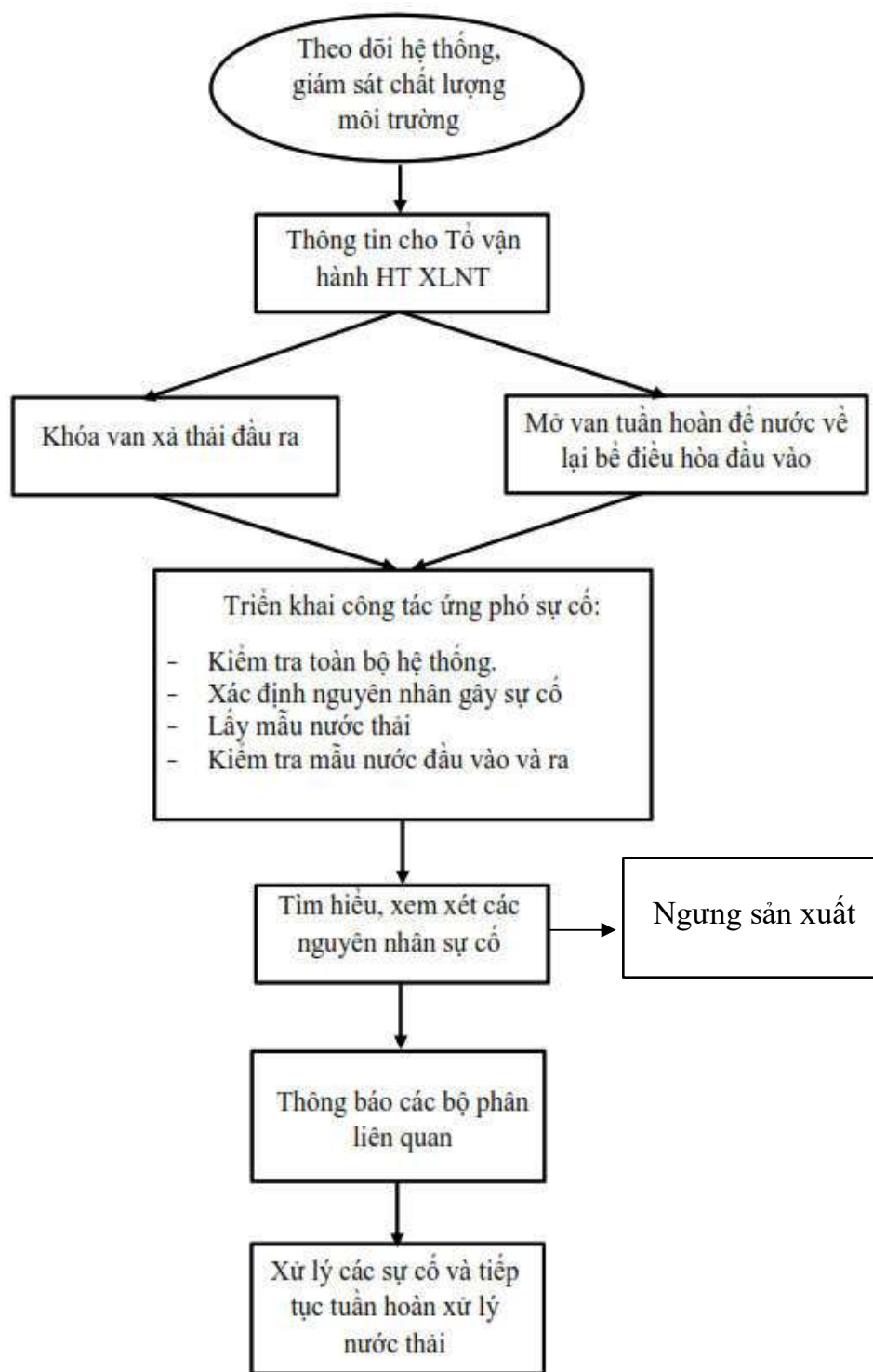
	lượng vi sinh trong bể giảm dần (SV30 giảm), bùn khó lắng	triển, phân hủy nội bào vi sinh tăng làm giảm sinh khối trong bể.	- Tăng lưu lượng nạp nước thải vào bể, bổ sung nguồn thức ăn cho vi sinh (bổ sung 1 – 2 lít mật rỉ đường vào bể vi sinh/ngày).
--	---	--	---

(Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý, năm 2024)

 Tình huống 2: Ứng phó sự cố xảy ra khi mất điện

- Khi thiết bị điện tại trạm xử lý nước thải bị dừng hoạt động do bị mất điện nguồn, nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải cần ngay lập tức báo cáo cho tổ trưởng phụ trách hệ thống xử lý nước thải.
- Tổ trưởng phụ trách hệ thống xử lý nước thải lập tức liên lạc điện thoại với bộ phận bảo trì nắm bắt tình hình. Sau khi tổ cơ điện vận hành máy phát điện dự phòng, kiểm tra xem có phải nguyên nhân do mất điện dẫn đến máy móc và thiết bị xảy ra sự cố.
- Nếu do nguyên nhân mất điện dẫn đến máy móc và thiết bị điện gặp sự cố, nhân viên vận hành kịp thời thông báo cho tổ sửa chữa để tiến hành khắc phục sự cố.
- Sau khi nguồn điện được khôi phục, điều chỉnh máy móc, thiết bị theo đúng hướng dẫn thao tác vận hành trạm xử lý nước thải.

 Tình huống 3: Ứng phó khi nước thải không đạt tiêu chuẩn



Hình 3. 12. Quy trình ứng phó sự cố khi nước thải không đạt tiêu chuẩn

Hiện nay, khi có sự cố nước thải không đạt tiêu chuẩn xảy ra, Công ty sẽ ngưng sản xuất để không làm phát sinh nước thải. Dự kiến đầu năm 2025 Công ty sẽ xây dựng hồ sự cố 500 m³ vị trí gần hệ thống xử lý nước thải để lưu chứa nước thải không đạt tiêu chuẩn.

Trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường

Công ty TNHH Việt Ý đã công khai kế hoạch ứng phó sự cố tại Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên và thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp và Ban chỉ huy

Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên về nguy cơ sự cố môi trường và các biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh.

Cán bộ, nhân viên của Công ty là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và được trang bị những kiến thức nghiệp vụ, được đào tạo, huấn luyện về ứng phó sự cố sẽ được lập thành một đội ứng phó sự cố môi trường.

Đội có nhiệm vụ triển khai các phương án ứng phó khi sự cố xảy ra nhằm xử lý và ứng cứu kịp thời đảm bảo an toàn cho toàn công ty nói chung và khu vực tràn đổ chất thải nói riêng; đồng thời nhắc nhở mọi người chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong bảo quản và tồn chứa để phòng ngừa nguy cơ xảy ra sự cố.

Khi có sự cố môi trường xảy ra, Trưởng đơn vị tại khu vực xảy ra sự cố phải có trách nhiệm sơ tán những người trong khu vực xảy ra sự cố ra nơi an toàn, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển ra Bệnh viện huyện hoặc Cơ sở y tế gần nhất điều trị. Thông báo cho Ban giám đốc, người phụ trách ATLD biết và báo tình hình khu vực xảy ra sự cố, phong tỏa khu vực xảy ra sự cố.

Các trưởng đơn vị gần khu vực xảy ra sự cố khi phát hiện có trách nhiệm thông báo cho Ban Giám đốc, người phụ trách Đội ứng phó sự cố biết và báo tình hình khu vực xảy ra sự cố, điều động nhân viên của mình phối hợp với đội phòng ngừa ứng phó sự cố để triển khai các bước khắc phục sự cố khi có yêu cầu hỗ trợ.

Tùy vào quy mô, mức độ ảnh hưởng và khả năng tự ứng phó của sự cố gây ra để phân chia trách nhiệm chỉ huy điều hành ứng phó, người chỉ huy điều hành có thể là Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng, bộ phận. Người chỉ huy có trách nhiệm phân chia nhiệm vụ và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch, kịch bản đã được phê duyệt, đồng thời có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc ứng phó sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

Trường hợp sự cố vượt ngoài khả năng tự ứng phó của cơ sở, người chỉ huy phải thông báo ngay và bàn giao cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của cơ sở để thực hiện ứng phó.

Ban chỉ huy phòng ngừa và ứng phó do giám đốc lập nên sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng các Kế hoạch và kịch bản UPSC. Trách nhiệm cụ thể của các bộ phận như sau:

Bảng 3. 16. Phân công trách nhiệm ứng phó sự cố từng bộ phận

Bộ phận	Trách nhiệm
Ban chỉ huy phòng ngừa và UPSC	Do giám đốc chịu trách nhiệm. Chỉ huy và lãnh đạo cao nhất trong công tác UPSC. Ra các quyết định trong tình huống khẩn cấp. Thiết lập và duy trì thông tin liên lạc với các cơ quan địa phương. Kiểm soát, giám sát công tác phòng ngừa và UPSC. Lập, đánh giá và sửa đổi các kế hoạch phòng ngừa và UPSC.
Tổ trưởng phòng ngừa sự cố	Do trưởng phòng phụ trách kho phụ trách. Kiểm tra đảm bảo các thiết bị, dụng cụ UPSC trong tình trạng hoạt động tốt. Kiểm tra thường xuyên để đảm bảo cho nhân viên thực hiện tốt các công tác phòng ngừa sự cố. Tham gia công tác điều phối hoạt động UPSC, hỗ trợ tổ xử lý sự cố.
Tổ xử lý sự cố	Do trưởng phòng bảo trì chịu trách nhiệm. Xây dựng các chương trình tập huấn. Chịu trách nhiệm chính trong điều phối hoạt động UPSC.
Tổ di tản	Do trưởng phòng tổng hợp chịu trách nhiệm. Phụ trách sơ tán, hướng dẫn công nhân viên thoát hiểm an toàn. Chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản khi UPSC.
Tổ cứu nạn	Do trưởng phòng nhân sự chịu trách nhiệm. Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị UPSC cần thiết cho người lao động. Hỗ trợ công tác di tản, tổ chức cấp cứu tại chỗ. Liên hệ các tổ chức y tế, kiểm soát và giám sát các hỗ trợ y tế cho người lao động.

Trong trường hợp sự cố vượt quá khả năng xử lý của Công ty, sẽ liên hệ các đơn vị hỗ trợ bên ngoài. Cụ thể phân công hành động phối hợp giữ Công ty và đơn vị ngoài được trình bày trong bảng sau.

Bảng 3. 17. Phân công hành động ứng phó sự cố

STT	Quy trình	Hành động
I	Phối hợp nội bộ	
1	Người phát hiện là nhân viên làm việc trực tiếp	- Nhận biết được các thông tin sự cố: vị trí, mức độ, nguyên nhân sơ bộ, người bị thương. - Thông báo cho mọi người trong khu vực xảy ra sự cố. - Thông báo sự cố cho ban chỉ huy UPSC của công ty, báo cáo rõ ràng, chính xác sự cố của đơn vị, tình hình hiện tại. - Tham gia hành động ứng cứu khẩn cấp (nếu thuộc đội UPSC) hoặc trở về vị trí làm việc của mình. - Nhận sự sắp xếp nhiệm vụ từ cấp trên.
2	Ban chỉ huy UPSC	- Đến hiện trường hoặc cử các thành viên đến hiện trường, điều phối lực lượng tham gia UPSC theo quy trình đã ban hành. Giám sát việc UPSC của đội UPSC (các tổ).
3	Đội UPSC	- Thông báo kịch bản khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan theo quy trình thông báo tin khẩn cấp, yêu cầu mọi người thực hiện đúng theo quy trình ứng phó. - Sơ tán người không có nhiệm vụ hay không được trang bị bảo hộ ứng cứu ra khỏi khu vực nguy hiểm, tìm kiếm cứu hộ người bị nạn tới khu vực an toàn - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố, bảo vệ hiện trường, ngưng xử lý nước thải, dừng các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, nước thải để đợi chờ khắc phục. - Tổ sơ cấp cứu tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực. - Tiến hành công tác khắc phục.

STT	Quy trình	Hành động
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố môi trường vượt tầm kiểm soát của công ty	
1	Ban chỉ huy UPSC	Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý của công ty, trưởng ban chỉ huy UPSC trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ
2	Các lực lượng hỗ trợ bên ngoài (Cảnh sát PCCC, Sở Công thương, Sở Tài nguyên môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên, đơn vị lấy mẫu,...)	Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể. Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng. Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng nước xung quanh bị ảnh hưởng.
2	Công an thành phố Tân Uyên	Hướng dẫn điều hành giao thông, sơ tán các đối tượng xung quanh bị tác động từ sự cố.
3	Cơ quan Y tế: Trung tâm y tế Thành Phố Tân Uyên	Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị ngạt, ngộ độc, bị thương (nếu có).
4	Công ty Cổ phần Nước-Môi trường và Bình Dương	Hỗ trợ khắc phục sự cố.

3.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Phương án phòng ngừa

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, quy trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải như định kỳ thay dầu bôi trơn cho quạt hút, thu gom bụi tại thùng chứa bụi, xả nước thải định kỳ 1 lần/tuần, kiểm tra mối ghép giữa các đường ống của lò hơi với HTXL khí thải. Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như tổng hợp ở bảng trên.

Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Trường hợp HTXL khí thải gặp sự cố ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả dự án sẽ ngưng sản xuất để tiến hành cải tạo đến khi hạng mục xử lý môi trường hoạt động ổn định thì dự án mới tiến hành sản xuất trở lại. Trong trường hợp mất điện, Công ty sẽ cho ngừng sản xuất.

Phương án ứng phó sự cố

Để kịp thời ứng phó với các sự cố HTXLKT có thể xảy ra, cơ sở đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

- Điều chỉnh quá trình sản xuất để giảm thiểu chất thải phải xử lý trong thời gian khắc phục sự cố;
- Nếu sự cố nghiêm trọng, Công ty tiến hành tạm ngưng các công đoạn hoặc toàn bộ nhà máy và lập kế hoạch sản xuất bù để đảm bảo hoạt động;
- Báo ngay cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời nếu sự cố vượt ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

Bảng 3. 4. Các kịch bản và biện pháp ứng phó sự cố khí thải thường gặp

STT	Vị trí có thể xảy ra	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
1	Hệ thống xử lý bụi và mùi trong quá trình sản xuất	Đường ống thu bụi bị nghẹt	Công nhân không vệ sinh đường ống trong thời gian dài, làm đường ống bị nghẹt	- Ngừng hoạt động sản xuất tại thiết bị gặp sự cố, sử dụng thiết khác trong dây chuyền sản xuất để tiếp tục vận hành sản xuất. - Dừng hoạt động sản xuất tại công đoạn đó, cho công nhân vệ sinh thông tắc đường ống. - Thực hiện kiểm tra trong quá trình vận hành, định kì vệ sinh đường ống 1 tuần/lần.
		Quạt hút không hoạt động	- Quạt hút bị đứt dây curoa - Quạt hút đã bị cháy	- Định kì kiểm tra, bảo dưỡng quạt hút 1 tháng/lần. - Ngừng hoạt động sản xuất tại thiết bị gặp sự cố, sử dụng thiết khác trong dây chuyền sản xuất để tiếp tục vận hành sản xuất. - Bảo trì khắc phục, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.
2	Hệ thống xử lý khí	Quạt hút bị hỏng	- Quạt hút bị đứt dây curoa - Quạt hút đã bị cháy	- Định kì kiểm tra, bảo dưỡng quạt hút 1 tháng/lần. - Sử dụng quạt hút dự phòng.

STT	Vị trí có thể xảy ra	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
	thải lò hơi			- Ngừng hoạt động lò hơi gặp sự cố, sử dụng lò hơi dự phòng. - Bảo trì khắc phục, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.
		Đường ống, tháp hấp thụ bị rò rỉ.	Đường ống, tháp hấp thụ bị nứt, rò rỉ tràn nước thải, khí thải ra môi trường xung quanh	- Ngừng hoạt động lò hơi gặp sự cố, sử dụng lò hơi dự phòng. - Bảo trì khắc phục, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.
		Bục túi vải	- Túi vải bị lủng, rách, phát tán bụi trong quá trình hoạt động ra môi trường. - Túi vải bị rách khỏi cụm khung treo, phát tán bụi trong quá trình hoạt động ra môi trường. - Bộ giữ bụi không làm việc, Giảm lưu lượng thoát khí của bộ lọc, giảm hiệu suất làm việc của thiết bị.	- Sử dụng hệ thống nhiều túi để đảm bảo khả năng xử lý khi có sự cố. - Dùng máy thay túi vải mới, kiểm tra và thay thế túi lọc định kỳ 6 tháng/ lần. - Lắp lại túi vải bị rách, kiểm tra khung túi lọc, cổ giê siết khung lọc. - Bảo trì khắc phục, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.
		Khí thải đầu ra vượt quy chuẩn cho phép thông	Do hệ thống lọc bụi hư hỏng	- Ngừng hoạt động sản xuất, sử dụng lò hơi dự phòng.

STT	Vị trí có thể xảy ra	Các sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		số bụi vượt chuẩn		- Bộ phận vận hành sẽ tiến hành kiểm tra hệ thống lọc bụi thông qua thiết bị kiểm soát tự động. - Khi tiến hành sự cố, phòng tổng vụ báo cáo với phòng chức năng và tiến hành sửa chữa trong vòng 1h, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.
		Khí thải đầu ra vượt quy chuẩn cho phép thông số CO vượt chuẩn	Do nhiệt độ buồng đốt không đảm bảo, nguyên liệu đốt bị ẩm ướt.	- Ngừng hoạt động sản xuất, chờ bộ phận kiểm tra xong mới thực hiện sản xuất tiếp tục. - Bộ phận vận hành sẽ tiến hành kiểm tra, điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt cho phù hợp và kiểm tra nguyên liệu đốt trước khi vận hành lò hơi. - Khi tiến hành sự cố, phòng tổng vụ báo cáo với phòng chức năng và tiến hành sửa chữa trong vòng 1h, chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được loại bỏ.

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Công ty sẽ tổ chức diễn tập ứng phó với các sự cố của hệ thống xử lý bụi và khí thải theo quy định.

3.6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa

Công tác phòng ngừa sự cố cháy nổ cần thực hiện nghiêm túc theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong Nhà máy, các biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ đã được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy của Chính Phủ Việt Nam:

- Niêm yết các nội quy về công tác PCCC.
- Để đảm bảo nguồn nước dự phòng cho công tác PCCC, nhà máy đã xây dựng 01 bể chứa nước mưa 120.000 m³ để cấp nước khi có sự cố xảy ra.

– Đặt các biển cảnh báo về các khu cấm lửa, cấm hút thuốc tại các khu vực có nguy cơ dễ cháy hoặc nguy cơ cháy cao.

– Công ty đã thành lập đội phòng cháy chữa cháy được đào tạo, huấn luyện và định kỳ được ôn luyện, thực tập cứu hoả bộ phận dễ gây cháy nổ và luôn thường trực sẵn sàng chiến đấu khi có sự cố xảy ra.

– Huấn luyện định kỳ hằng năm cho các cán bộ công nhân viên nhà máy để nâng cao kiến thức về PCCC và cứu nạn cứu hộ.

– Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cho Nhà máy (bình CO₂ và các vật liệu khác như cát, thang chữa cháy). Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂).

– Mỗi khu vực có tài sản của nhà máy đều được lắp đặt hệ thống báo cháy bằng đầu dò khói, nhiệt, beam, nút nhấn, chuông.

– Lắp đặt đầy đủ các hệ chống sét, tiếp địa nhà xưởng để tránh rủi ro từ thiên nhiên.

– Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC: quần áo, ủng, nón, khẩu trang phòng độc cho đội PCCC. Ngoài ra, còn trang bị sẵn sàng các bình chữa cháy tại các khu vực xưởng trong nhà máy, hệ thống chữa cháy bằng nước, các xe chuyên dụng để vận chuyển hàng hóa và cứu tài sản...

– Dự phòng các máy móc, thiết bị để thay thế những máy móc hư hỏng.

– Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của nhà máy; đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các công trình.

– Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật, trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay. Đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc.

– Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy (như dầu DO dự trữ để chạy máy móc, phương tiện..) được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Kho lưu trữ không có chướng ngại vật.

– Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn.

– Tại mỗi phòng, kho chất thải nguy hại, nhà lưu chứa máy bơm đều được bố trí khu vực lưu chứa các thiết bị PCCC.

Đối với công tác đảm bảo an toàn cháy nổ trong quá trình nung sứ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

– Đối với khu vực đặt lò nung (khu vực có nguồn phát sinh nhiệt độ cao), trần nhà xưởng được làm bằng vật liệu không cháy để đảm bảo an toàn phòng cháy

- Lắp đặt hệ thống điện theo đúng quy định an toàn PCCC, lắp đặt aptomat từ nguồn cấp điện chính, cho từng thiết bị có công suất lớn; kiểm tra, cắt điện đối với hệ thống điện, thiết bị điện không cần thiết trong giờ nghỉ hoặc khi hết giờ làm việc.

- Đặt các biển cảnh báo về các khu cấm lửa, cấm hút thuốc tại khu vực đặt lò nung chảy sứ

- Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong khu vực xưởng sản xuất đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong nhà xưởng. Các nhà xưởng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.

- Tại khu vực xưởng sản xuất, kho chứa nhiên liệu, sản phẩm được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

Biện pháp ứng phó sự cố

- Nhân viên tại khu vực xảy ra sự cố có trách nhiệm thông báo cho cấp trên của mình biết về sự cố đó và đồng thời khoanh vùng khu vực sự cố.

- Nhân viên quản lý sẽ thông báo cho bộ phận có trách nhiệm xử lý sự cố.

- Bộ phận ứng phó sự cố sẽ triển khai lực lượng đến khu vực xảy ra sự cố.

- Tùy vào tình hình xảy ra sự cố thì bộ phận ứng phó sự cố sẽ bố trí nhân lực để xử lý.

- Nếu sự cố quá lớn hoặc ngoài tầm kiểm soát thì phải nhờ đến sự hỗ trợ từ các bộ phận khác trong xưởng hoặc các công ty lân cận và cảnh sát PCCC (nếu cần thiết).

- Sau khi xử lý xong sự cố thì làm biên bản sự việc và điều tra nguyên nhân sự cố. Sau đó ngồi họp lại và rút kinh nghiệm để tránh xảy ra lần sau. Cuối cùng là làm báo cáo gửi lên ban giám đốc Công ty để cải thiện vấn đề trên.

3.6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Phương án phòng ngừa

Các tai nạn lao động tại cơ sở có thể xảy ra do sự bất cẩn về điện, vận hành máy móc và rơi hàng hóa khi bốc dỡ. Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Để tránh tình trạng tai nạn lao động xảy ra, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn, lối đi lại thuận tiện cho công nhân làm việc.

- Tập huấn định kỳ về an toàn lao động.

- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, ủng, quần áo... Các điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn được tuân thủ chặt chẽ.

- Niêm yết nội quy an toàn lao động cho từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm.
- Khi vận hành sử dụng máy móc phải tuân theo quy định kỹ thuật.
- Ngừng hoạt động của các máy móc, thiết bị khi thấy có dấu hiệu không đảm bảo an toàn hoặc có tiếng kêu không bình thường của thiết bị.
- Để đảm bảo an toàn giao thông, cơ sở đã áp dụng một số biện pháp sau:
 - Quy định tốc độ ra vào khu vực Cơ sở, không được phóng ẩu, chở quá tải.
 - Tuyên truyền ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ đối với các cán bộ công nhân viên làm việc trong cơ sở.
- Phương tiện tham gia vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phải được đảm bảo các thông số kỹ thuật đúng quy định.

Phương án ứng phó sự cố

- Xác định tình trạng của nạn nhân: sự cố tai nạn do nguyên nhân gì.
- Tháo bỏ những vật đang che chắn vết thương, vết bỏng, hoặc cản trở hô hấp.
- Che phủ vùng bỏng bằng gạc, vải vô khuẩn nếu có hoặc bằng gạc hay vải sạch (đối với trường hợp bị bỏng, bị chảy máu).
- Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất (nếu cần thiết).



Hình. Thiết bị PCCC

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu các tác động do tác nhân này, nhà máy sẽ áp dụng một số biện pháp như sau:

- Hạn chế công tác nhập nguyên liệu và xuất hàng trong các giờ vào và tan ca của công nhân viên.
- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong nhà máy cùng thời điểm.
- Tăng cường nhân viên bảo vệ, an ninh tại các vị trí tập trung phương tiện giao thông tại các thời điểm vào và tan ca.
- Hạn chế tốc độ các phương tiện đi vào khu vực nhà máy.
- Kiểm định các phương tiện vận chuyển đúng theo luật định, đồng thời thường xuyên bảo dưỡng máy móc và phương tiện vận chuyển theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Quy định vị trí đỗ xe thích hợp và tắt máy trong thời gian bốc xếp nguyên vật liệu và sản phẩm.
- Thường xuyên vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên.
- Phun nước sân bãi giảm bụi do xe vận chuyển ra vào nhất là vào mùa nắng.

3.7.2. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu sản phẩm và lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm

Bụi phát sinh trong các công đoạn bốc xếp và lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm gây ảnh hưởng cục bộ đến sức khỏe của công nhân, khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thấp, lượng bụi này thường bám trên bề mặt các bao bì chứa nguyên vật liệu và thành phẩm.

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường.
- Nhà xưởng, nhà vệ sinh, căn tin được vệ sinh thường xuyên.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Sửa chữa ngay các tuyến đường nội bộ khi phát hiện thấy hư hỏng.
- Bố trí các khu vực chứa nhiên liệu cách ly với các khu vực chức năng khác và khu vực chứa nhiều vật liệu dễ cháy, không để rò rỉ gây ảnh hưởng đến môi trường không khí.

- Các phương tiện giao thông phải được bảo trì và thay thế nếu không còn đảm bảo kỹ thuật. Bên cạnh đó cần sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Trồng cây xanh cải thiện môi trường không khí trong khu vực, cách ly tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm găng tay, khẩu trang y tế;
- Bố trí khu vực làm việc hợp lý và thông thoáng;
- Nhà xưởng đã được thiết kế trần cao và có độ thông thoáng tự nhiên tốt, đảm bảo phát tán tốt bụi làm giảm nồng độ ô nhiễm trong nhà xưởng.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

Bảng 3. 18. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

STT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo Đề án (nếu có)																								
1	Sản phẩm và công suất	<table><tr><th>STT</th><th>Tên sản phẩm</th><th>Công suất (tấn sp/năm)</th></tr><tr><td>1</td><td>Dây thun khoan</td><td>30.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Dây thun cột tóc</td><td>5.000</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng cộng</td><td>35.000</td></tr></table>	STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sp/năm)	1	Dây thun khoan	30.000	2	Dây thun cột tóc	5.000	Tổng cộng		35.000	<table><tr><th>STT</th><th>Tên sản phẩm</th><th>Công suất (tấn sp/năm)</th></tr><tr><td>1</td><td>Dây thun khoan</td><td>30.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Dây thun cột tóc</td><td>-</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng cộng</td><td>30.000</td></tr></table>	STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sp/năm)	1	Dây thun khoan	30.000	2	Dây thun cột tóc	-	Tổng cộng		30.000	Do nhu cầu thị trường, nên Công ty sẽ ngưng sản xuất dây thun cột tóc và sẽ không sản xuất sản phẩm này trong thời gian tới.
		STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sp/năm)																								
		1	Dây thun khoan	30.000																								
		2	Dây thun cột tóc	5.000																								
		Tổng cộng		35.000																								
STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sp/năm)																										
1	Dây thun khoan	30.000																										
2	Dây thun cột tóc	-																										
Tổng cộng		30.000																										

2	Máy móc thiết bị								
		STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Số lượng	STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Số lượng
		1	Máy luyện kín	Cái	12	1	Máy luyện kín	Cái	10
		2	Máy cán cao su	Cái	27	2	Máy cán cao su	Cái	25
		3	Máy tạo ống	Cái	90	3	Máy tạo ống	Cái	92
		4	Máy cắt dây thun	Cái	100	4	Máy cắt dây thun	Cái	108
		5	Lồng quay li tâm	Cái	40	5	Lồng quay li tâm	Cái	34
		6	Máy nén khí	Cái	12	6	Máy nén khí	Cái	08
		7	Máy hút bụi (dạng cyclon)	Cái	50	7	Máy hút bụi (dạng cyclon)	Cái	46
		8	Hệ thống quạt hút mùi và hút bụi	Quạt	150 quạt	8	Hệ thống quạt hút mùi và hút bụi	Quạt	116 quạt (04 bộ)
		9	Nồi hấp	Cái	24	9	Nồi hấp	Cái	42
		10	Bình chứa khí nén	Cái	16	10	Bình chứa khí nén	Cái	8
		11	Lò hơi	Cái	1	11	Lò hơi	Cái	1
		12	Máy tạo dây thun	Cái	20	12	Máy tạo dây thun cột	Cái	0

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

		<table><tr><td></td><td>cột tóc</td><td></td><td></td><td></td><td>tóc</td><td></td><td></td></tr><tr><td>13</td><td>Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A</td><td>Quạt</td><td>10 quạt</td><td>13</td><td>Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A</td><td>Quạt</td><td>0</td></tr></table>		cột tóc				tóc			13	Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A	Quạt	10 quạt	13	Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A	Quạt	0	Năm 2024, Công ty đã tháo dỡ các máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm dây thun cột tóc.	
	cột tóc				tóc															
13	Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A	Quạt	10 quạt	13	Hệ thống quạt hút mùi và hơi nhiệt nhà xưởng 3A	Quạt	0													
3	Số lượng bể tự hoại	26 bể tự hoại, thể tích 182 m ³ .		30 bể tự hoại, thể tích 396 m ³ .																
4	Khu vực lưu chứa chất thải rắn	Diện tích kho chứa CTRSH: 112 m ² . Diện tích kho chứa CTNH: 16 m ² .		Diện tích kho chứa CTRSH: 140 m ² . Diện tích kho chứa CTRCNTT: 1.339 m ² . Diện tích kho chứa CTNH: 356 m ² .																
5	HTXL bụi và mùi nhà xưởng dây thun khoan	30 quạt hút cưỡng bức		29 quạt hút cưỡng bức																

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng khoảng 7 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà bảo vệ số 01 với lưu lượng khoảng 0,25 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà bảo vệ số 02 với lưu lượng khoảng 0,25 m³/ngày.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà kho 1A với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà kho 1B với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà kho 1C với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà kho 1D với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực kho 3C với lưu lượng khoảng 12 m³/ngày.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà lò hơi với lưu lượng khoảng 5,6 m³/ngày.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực sau nhà kho 1B với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực kí túc xá với lưu lượng 22 m³/ngày.
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng với lưu lượng khoảng 25 m³/ngày.
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới ống cao su nhà xưởng 1B với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới ống cao su nhà xưởng 1C với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới ống cao su nhà xưởng 1D với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 14: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới ống cao su nhà xưởng 2A với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày.

- Nguồn số 15: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới ống cao su nhà xưởng 2B với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày.

- Nguồn số 16: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày.

- Nguồn số 17: Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát máy móc với lưu lượng 6 m³/ngày.

4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Ông Đông → suối Cái → Sông Đồng Nai.

Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước chung trên đường Nam Cao (đã được Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp thống nhất tại văn bản số 709/UBND-MT ngày 28 tháng 05 năm 2024).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰): X = 1224504; Y = 608159).

– Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày.

Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý (đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f= 1,1) → Đầu nối vào hố ga thoát nước của chung trên đường Nam Cao (dài khoảng 400m) → Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, hệ số k_q = 0,9 và k_f = 1,1), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động,
2	TSS	mg/L	49,5		
3	BOD ₅	mg/L	29,7		

4	COD	mg/L	74,25	khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP
5	Tổng Nito	mg/L	19,8		
6	Tổng Phospho	mg/L	3,96		
7	Amoni	mg/L	4,95		
8	Coliform	MPN/ 100ml	3.000		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,95		
10	Độ màu	mg/L	50		

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

❖ **Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.**

– Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

– Nguồn số 01-05: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên từ 05 khu nhà vệ sinh tại các khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng sản xuất sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước rửa tay từ lavabo sẽ thu gom về bể gom nước thải theo đường ống nhựa PVC Ø200 mm về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

– Nguồn số 06-13: Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý bụi và mùi nhà xưởng sản xuất dây thun khoanh, nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước thải từ quá trình tưới ống cao su và nước làm mát máy móc được thu gom từ các nhà xưởng về hệ thống xử lý bằng đường ống nhựa PVC Ø200 mm.

❖ **Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

– Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + Nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học hiếu khí 1 → Bể sinh học hiếu khí 2 → Bể lắng bùn sinh học (1);

Nước thải sản xuất → Bể lắng nhiều ngăn 1 → Bể lắng 2 (2);

(1) + (2) Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Ngăn chứa nước đầu ra → Đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường Nam Cao (kích thước:) → Suối Ông Đông → Suối Cái → Sông Đồng Nai.

– Công suất thiết kế: 120 m³/ngày.đêm.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polyme, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại bảng 4.1).

❖ Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

– Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ.

❖ Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

– Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

– Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

– Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

– Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

– Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

– Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hoá chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

– Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm tuần hoàn nước thải về lại bể điều hoà, trong trường hợp bể điều hoà không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Trường hợp chưa khắc phục xong sẽ ngưng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

– Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

❖ **Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (căn cứ theo điểm h khoản 1 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

❖ **Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

– Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

– Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

– Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

– Bảo đảm bố trí nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

– Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 4.1.2 và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh

Bảng 4. 2. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
1	Nguồn số 01 - 02	Bụi phát sinh từ máy luyện kín tại xưởng 1B (02 máy)
2	Nguồn số	Bụi phát sinh từ máy luyện kín tại xưởng 1C (02 máy)

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
	03 - 04	
3	Nguồn số 05 - 06	Bụi phát sinh từ máy luyện kín tại xưởng 1D (02 máy)
4	Nguồn số 07 - 08	Bụi phát sinh từ máy luyện kín tại xưởng 2A (02 máy)
5	Nguồn số 09 - 13	Bụi phát sinh từ máy cán cao su tại xưởng 1B (05 máy)
6	Nguồn số 14 - 18	Bụi phát sinh từ máy cán cao su tại xưởng 1C (05 máy)
7	Nguồn số 19 - 23	Bụi phát sinh từ máy cán cao su tại xưởng 1D (05 máy)
8	Nguồn số 24 - 28	Bụi phát sinh từ máy cán cao su tại xưởng 2A (05 máy)
9	Nguồn số 29 - 46	Bụi phát sinh từ máy tạo ống, nong ống xưởng 1B (18 máy)
10	Nguồn số 47 - 64	Bụi phát sinh từ máy tạo ống, nong ống xưởng 1C (18 máy)
11	Nguồn số 65 - 82	Bụi phát sinh từ máy tạo ống, nong ống xưởng 1D (18 máy)
12	Nguồn số 83 - 94	Bụi phát sinh từ máy tạo ống, nong ống xưởng 2A (18 máy)
13	Nguồn số 95 - 118	Bụi phát sinh từ máy cắt dây thun xưởng 1B (24 máy)
14	Nguồn số 119 - 142	Bụi phát sinh từ máy cắt dây thun xưởng 1C (24 máy)
15	Nguồn số 143 - 166	Bụi phát sinh từ máy cắt dây thun xưởng 1D (24 máy)
16	Nguồn số 167 - 190	Bụi phát sinh từ máy cắt dây thun xưởng 2A (24 máy)

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
17	Nguồn số 191 – 198	Bụi phát sinh từ lồng quay li tâm xương 1B (08 máy)
18	Nguồn số 199 – 206	Bụi phát sinh từ lồng quay li tâm xương 1C (08 máy)
19	Nguồn số 207 – 212	Bụi phát sinh từ lồng quay li tâm xương 1D (08 máy)
20	Nguồn số 213 – 218	Bụi phát sinh từ lồng quay li tâm xương 2A (08 máy)
21	Nguồn số 219	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

a. Vị trí xả và lưu lượng, khí thải, bụi:

Bảng 4. 3. Dòng khí thải, vị trí xả thải và lưu lượng phát sinh tối đa

TT	Nguồn khí thải	Dòng thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (*)
1	1 - 218	Không phát sinh dòng thải		
2	219	1	Ống thải số 01 của công trình xử lý khí thải lò hơi	X = 1224557; Y = 608064

b. Phương thức xả thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải và xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 105.000 m³/giờ.

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

**** Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:***

Nguồn số 01 - 02: Bụi phát sinh từ mỗi máy luyện kín xưởng 1B được thu gom bằng đường ống nhựa xoắn lò xo $D = 200\text{mm}$ bằng quạt hút công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$, sau đó qua buồng lắng về cyclone để xử lý, khí sạch được thoát ra qua đường ống nhựa $D = 300\text{mm}$.
(*)

Nguồn 03 - 04: Bụi phát sinh từ mỗi máy luyện kín xưởng 1C được thu gom bằng đường ống nhựa xoắn lò xo $D=200\text{mm}$ bằng quạt hút công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$, sau đó qua buồng lắng về cyclone để xử lý, khí sạch được thoát ra qua đường ống nhựa $D = 300\text{mm}$.
(*)

Nguồn số 05 - 06: Bụi phát sinh từ mỗi máy luyện kín xưởng 1D được thu gom bằng đường ống nhựa xoắn lò xo $D=200\text{mm}$ bằng quạt hút công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$, sau đó qua buồng lắng về cyclone để xử lý, khí sạch được thoát ra qua đường ống nhựa $D = 300\text{mm}$.
(*)

Nguồn số 07 - 08: Bụi phát sinh từ mỗi máy luyện kín xưởng 2A được thu gom bằng đường ống nhựa xoắn lò xo $D=200\text{mm}$ bằng quạt hút công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$, sau đó qua buồng lắng về cyclone để xử lý, khí sạch được thoát ra qua đường ống nhựa $D = 300\text{mm}$.
(*).

Nguồn số 09 – 13: Bụi phát sinh từ mỗi máy cán cao su xưởng 1B được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 14 – 18: Bụi phát sinh từ mỗi máy cán cao su xưởng 1C được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 19 – 23: Bụi phát sinh từ mỗi máy cán cao su xưởng 1D được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 24 – 28: Bụi phát sinh từ mỗi máy cán cao su xưởng 2A được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 29 – 46: Bụi phát sinh từ mỗi máy tạo ống, nong ống xưởng 1B được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 47 – 64: Bụi phát sinh từ mỗi máy tạo ống, nong ống xưởng 1C được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 65 – 82: Bụi phát sinh từ mỗi máy tạo ống, nong ống xưởng 1D được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 83 – 94: Bụi phát sinh từ mỗi máy tạo ống, nong ống xưởng 2A được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 95 – 118: Bụi phát sinh từ mỗi máy cắt dây thun xưởng 1B được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 119 – 142: Bụi phát sinh từ mỗi máy cắt dây thun xưởng 1C được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 143 – 166: Bụi phát sinh từ mỗi máy cắt dây thun xưởng 1D được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 167 – 190: Bụi phát sinh từ mỗi máy cắt dây thun xưởng 2A được thu gom bằng quạt hút về hệ thống phun sương của toàn nhà xưởng.

Nguồn số 191 – 198: Bụi phát sinh từ mỗi lồng quay ly tâm xưởng 1B được thu gom bằng 04 ống nhựa xoắn lò xo $D = 90\text{mm}$ về cyclone xử lý bằng quạt hút công suất $5.000\text{ m}^3/\text{h}$, khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua $D = 200\text{mm}$. (**)

Nguồn số 199 – 206: Bụi phát sinh từ mỗi lồng quay ly tâm xưởng 1C được thu gom bằng 04 ống nhựa xoắn lò xo $D = 90\text{mm}$ về cyclone xử lý bằng quạt hút công suất $5.000\text{ m}^3/\text{h}$, khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua $D = 200\text{mm}$. (**)

Nguồn số 207 – 212: Bụi phát sinh từ mỗi lồng quay ly tâm xưởng 1D được thu gom bằng 04 ống nhựa xoắn lò xo $D = 90\text{mm}$ về cyclone xử lý bằng quạt hút công suất $5.000\text{ m}^3/\text{h}$, khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua $D = 200\text{mm}$. (**)

Nguồn số 213 – 218: Bụi phát sinh từ mỗi lồng quay ly tâm xưởng 2A được thu gom bằng 04 ống nhựa xoắn lò xo $D = 90\text{mm}$ về cyclone xử lý bằng quạt hút công suất $5.000\text{ m}^3/\text{h}$, khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua $D = 200\text{mm}$. (**)

(*) + (**): Khí sạch sau xử lý của mỗi xưởng sẽ được hút về hệ thống phun sương toàn nhà xưởng bằng quạt hút công suất $90.000\text{ m}^3/\text{h}$.

Nguồn số 219: Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ được thu gom qua bộ thu hồi nhiệt về cyclone lắng bụi, qua tháp lọc bụi ướt và tháp lọc bụi khô, sau đó khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua ống thải cao 24m (tính từ mặt đất).

*** Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Quy trình công nghệ xử lý bụi từ quá trình nghiền luyện: Bụi từ công đoạn nghiền luyện → Quạt hút → Buồng lắng → Cyclone cục bộ. (1)

- Quy trình công nghệ xử lý bụi từ quá trình quay ly tâm: Bụi từ công đoạn quay ly tâm → Quạt hút → Cyclone cục bộ. (2)

(1) + (2) + Bụi từ quá trình nong ống, tạo ống + Bụi từ quá trình cắt dây thun + Bụi từ quá trình cán cao su → Quạt hút → Hệ thống phun sương toàn nhà xưởng.

- Quy trình xử lý khí thải lò hơi: Khí thải lò hơi → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone lắng bụi → Tháp lọc bụi ướt → Tháp lọc bụi khô → Khí thải sau xử lý thoát ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: $105.000\text{ m}^3/\text{h}$.

*** Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

*** Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định.

2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 0,8, Kv = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	160		
3	CO	mg/Nm ³	800		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh	
01	Nguồn số 01	Khu vực nghiền, luyện
02	Nguồn số 02	Khu vực tạo ống, nong ống
03	Nguồn số 03	Khu vực lưu hóa
04	Nguồn số 04	Khu vực quay li tâm
05	Nguồn số 05	Khu vực hệ thống xử lý nước thải
06	Nguồn số 06	Khu vực lò hơi

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)	
01	Khu vực nghiền, luyện xưởng 1B	X = 1224846	Y = 608057
02	Khu vực nghiền, luyện xưởng 1C	X = 1224774	Y = 608055
03	Khu vực nghiền, luyện xưởng 1D	X = 1224737	Y = 608023
04	Khu vực nghiền, luyện xưởng 2A	X = 1224706	Y = 607984
05	Khu vực tạo ống, nong ống xưởng 1B	X = 1224808	Y = 608055
06	Khu vực tạo ống, nong ống xưởng 1C	X = 1224746	Y = 608043
07	Khu vực tạo ống, nong ống xưởng 1D	X = 1224712	Y = 608004
08	Khu vực tạo ống, nong ống	X = 1224673	Y = 607973

	xưởng 2A		
09	Khu vực lưu hóa xưởng 1B	X = 1224771	Y = 608089
10	Khu vực lưu hóa xưởng 1C	X = 1224712	Y = 608068
11	Khu vực lưu hóa xưởng 1D	X = 1224677	Y = 608036
12	Khu vực lưu hóa xưởng 2A	X = 1224643	Y = 608001
13	Khu vực quay li tâm xưởng 1B	X = 1224773	Y = 608132
14	Khu vực quay li tâm xưởng 1C	X = 1224712	Y = 608115
15	Khu vực quay li tâm xưởng 1D	X = 1224680	Y = 608036
16	Khu vực quay li tâm xưởng 2A	X = 1224652	Y = 608036
17	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	X = 1224569	Y = 608107
18	Khu vực lò hơi	X = 1224574	Y = 608083

4.3.3. Giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn

Bảng 4. 5. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)		
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

Độ rung

Bảng 4. 6. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

4.3.4. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
 - + Đối với máy nghiền, khu vực phun men được bố trí tại khu vực có che chắn riêng biệt trong khu sản xuất, lắp đệm chống ồn cho các chi tiết máy móc có khả năng gây ồn.
 - + Đối với máy phát điện dự phòng: Được bố trí tại khu vực riêng biệt có trang bị hệ thống tiêu âm, tường và vách thiết kế cách âm.
 - + Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn, có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt)
 - + Bố trí cho công nhân các dụng cụ an toàn lao động phù hợp
 - + Đảm bảo diện tích cây xanh xung quanh theo đúng quy định
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Các động cơ có công suất lớn được đặt trên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, giảm thiểu độ rung khi hoạt động
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung

4.4. Nội dung cấp phép đối với chất thải rắn

4.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

Bảng 4. 7. Khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	20
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	700
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	10
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	NH	Rắn	20
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	2.000
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	2.200
7	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	Rắn	10
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	1.000
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	NH	Rắn	1.000
Tổng		-	-	-	6.960

4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 4. 8. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh tối đa (kg/năm)
1	Xỉ than đá	Rắn	416.816
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	Rắn	3.500
3	Bao bì giấy vụn	Rắn	660
4	Dây đai vụn	Rắn	200
5	Bùn thải	Rắn	70
6	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite).	Rắn	150
Tổng khối lượng			421.396

4.4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 4. 9. Khối lượng, chủng loại CTRSH phát sinh

Thành phần chất thải	Khối lượng (kg/năm)
Chất thải rắn sinh hoạt: túi nilon, giấy vệ sinh, chai nhựa đựng nước đóng chai, đồ ăn thừa...	195.156
Tổng khối lượng	195.156

4.4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

❖ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 12 thùng chứa nhựa HDPE dung tích 20 lít, 01 thùng 120 lít và 4 thùng phuy sắt 220 lít dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

- Kho vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 356m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; che kín nắng, mưa; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*),... theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:*

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 50 bao chứa có dung tích 500kg/bao và 20 thùng chứa 120 lít nhựa HDPE để chứa các loại vật tư hỏng trong quá trình sản xuất (sắt, thép, nhôm,...) và bao chứa loại 50kg để chứa bùn thải.

- Kho vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 1.339m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, vách bằng tole bao quanh, có mái che, có dán nhãn phân biệt khu vực lưu chứa.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thiết bị lưu chứa chất thải: bố trí 30 thùng chứa 120 lít đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt; cuối ngày sẽ được công nhân thu gom về 04 thùng chứa bằng nhựa HPDE 480 lít có nắp đậy đặt tại khu vực nhà chứa rác thải sinh hoạt diện tích 140m² để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ *Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:*

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định

tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Công ty đã lấy mẫu quan trắc nước thải như sau:

- Các thông số đo đạc và phân tích: pH, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform.

- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.

- Ngày lấy mẫu: Ngày 10/05/2023 (quý 1/2023), ngày 28/06/2023 (quý 2/2023), ngày 29/08/2023 (quý 3/2023), ngày 11/12/2023 (quý 4/2023), (quý 1/2024) 08/12/2023, (quý 2/2024) 15/05/2024.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau HTXL nước thải.

- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng nước thải của công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/BTNMT Cột A; k _q = 0,9, k _f = 1,1
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1	pH	-	6,9	6,8	7,9	7,7	6 – 9
2	TSS	mg/L	30	12	12	5	49,5
3	BOD ₅	mg/L	6	6	6	< 7	29,7
4	COD	mg/L	13	13	13	13	74,25
5	Tổng Nitơ	mg/L	19,6	16,8	7,8	4,2	19,8
6	Tổng Phospho	mg/L	0,91	0,02	0,65	0,03	3,96
7	Coliform	MPN/ 100mL	280	230	150	110	3.000
8	Amoni	mg/L	-	8,05	0,14	2,1	4,95
9	Màu sắc	Pt-Co	16	7	7	19	50
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<0,3	< 0,3	< 0,3	< 1	4,95

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Bảng 5. 2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BTNMT Cột A; $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$
			Quý 1	Quý 2	
1	pH	-	8,3	8,2	6 – 9
2	TSS	mg/L	5	15	49,5
3	BOD ₅	mg/L	7	11	29,7
4	COD	mg/L	13	26	74,25
5	Tổng Nito	mg/L	4,2	10,6	19,8
6	Tổng Phospho	mg/L	0,38	0,54	3,96
7	Coliform	MPN/ 100mL	200	240	3.000
8	Amoni	mg/L	1,47	2,24	4,95
9	Màu sắc	Pt-Co	16	3	50
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<1	< 1	4,95

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Nhận xét: Nồng độ các thông số quan trắc trong nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, điều đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động ổn định.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Theo báo cáo giám sát môi trường từ năm 2023 đến quý 2/2024, vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Các thông số đo đạc và phân tích: Tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, nhiệt độ, độ ẩm.
- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.
- Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí thải lò hơi sau HTXL, nhiên liệu đốt là than đá.
- Thời gian lấy mẫu: Ngày 10/03/2023 (quý 1/2023), ngày 28/06/2023 (quý 2/2023), ngày 29/08/2023 (quý 3/2023), ngày 11/12/2023 (quý 4/2023), ngày 29/01/2024 (quý 1/2024), ngày 15/05/2024 (quý 2/2024).
- Kết quả phân tích:

Bảng 5. 3. Kết quả phân tích ống thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT (B)
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	104,2	107,5	103,8	109,2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	15	25	23	12	160
3	Nitơ oxit, NO_x	mg/Nm^3	139	125	102	89	680
4	Lưu lượng dòng khí	m^3/h	26.465	27.279	26.058	27.279	-
5	CO	mg/Nm^3	271	306	252	363	800
6	SO_2	mg/Nm^3	<26,2	< 26,2	< 26,2	< 26,2	400

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Bảng 5. 4. Kết quả phân tích ống thoát khí thải lò hơi sau HTXL năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT (B)
			Quý 1	Quý 2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	101,2	95,8	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	9	14	160
3	Nitơ oxit, NO_x	mg/Nm^3	122	103	680
4	Lưu lượng dòng khí	m^3/h	24.836	26.872	-
5	CO	mg/Nm^3	146	252	800
6	SO_2	mg/Nm^3	< 26,2	< 26,2	400

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

Nhận xét: Qua kết quả phân tích chất lượng khí thải ở ống thải khí thải từ đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Vì vậy khí thải phát sinh tại nhà máy không gây tác động xấu đến môi trường không khí xung quanh.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với các thành phần môi trường khác

- Thời gian lấy mẫu: quý 2, quý 4 (2023) và quý 2 (2024).
- Vị trí lấy mẫu: Khu vực ra vào cổng Công ty.
- Kết quả phân tích:

Bảng 5. 5. Kết quả phân tích không khí khu vực ra vào cổng Công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			Quý 2 2023	Quý 4 2023	Quý 2 2024		
1	NO ₂	µg/m ³	34,4	31,1	39	QCVN 05:2023/BTNMT – Trung bình 1 giờ	200
2	SO ₂	µg/m ³	< 10	< 10	< 10		350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	72	70	70		300
4	Nhiệt độ	°C	29,7	30,6	30,6		-
5	Độ ẩm	%	77,8	71,3	63,4		-
6	H ₂ S	µg/m ³	< 5	< 5	< 5		-
7	CO	µg/m ³	< 2.500	< 2.500	< 2.500		30.000
8	Tiếng ồn (Leq)	dB(A)	59,6	64,8	57,6	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) Khu vực thông thường	70
9	Tiếng ồn (Lmax)	dB(A)	63,5	68,2	60,4		70
10	Tiếng ồn (Lmin)	dB(A)	55,2	60,4	55,3		70

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý

- Thời gian lấy mẫu: quý 2, quý 4 (2023) và quý 2 (2024).

- Vị trí lấy mẫu: (1) Khu vực máy nghiền luyện kín, (02) Khu vực lưu hóa, (03) Khu vực tạo ống, nong ống, (04) Khu vực quay ly tâm, (05) Khu vực sản xuất dây thun cột tóc.

- Kết quả phân tích:

Bảng 5. 6. Kết quả phân tích môi trường không khí khu vực xưởng sản xuất năm 2023

Kết quả đo đạc	Bụi (mg/m ³)			Độ ẩm (%)			Nhiệt độ (°C)			SO ₂ (µg/m ³)			H ₂ S (µg/m ³)		
	Q2 2023	Q4 2023	Q2 2024	Q2 2023	Q4 2023	Q2 2024	Q2 2023	Q4 2023	Q2 2024	Q2 2023	Q4 2023	Q2 2024	Q2 2023	Q4 2023	Q2 2024
Khu vực máy nghiền luyện kín	73	72	68	72,4	68,6	60,4	31,5	31,5	31,2	< 10	< 10	< 10	< 5	< 5	< 5
Khu vực lưu hóa	61	63	61	70,3	69,4	61,2	31,7	31,7	30,8	< 10	< 10	< 10	< 5	< 5	< 5
Khu vực tạo ống, nong ống	64	62	53	70,7	66,8	60,5	31,8	31,8	31,4	-	-	-	-	-	-
Khu vực quay ly tâm	61	60	55	72,5	67,8	58,4	31,7	31,2	31,6	-	-	-	-	-	-
Khu vực sản xuất dây thun cột tóc	67	65	53	71,3	69,6	60,4	30,6	30,7	31,7	-	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	8.000			-			-			-			-		
QCVN 03:2019/BYT	-			-			-			5.000			10.000		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

QCVN 26:2016/BYT	-	40 - 80	18 - 32	-	-
---------------------	---	---------	---------	---	---

Nguồn: Công ty TNHH Việt Ý, năm 2024

Nhận xét: Nồng độ Bụi, độ ẩm, nhiệt độ, SO₂, H₂S tại các vị trí đo đặc đều nằm trong giới hạn cho phép.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

- *Công trình xử lý nước thải:* Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Công trình xử lý không thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 695/GXN-STNMT ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường).

- *Công trình xử lý khí thải:*

+ Công trình xử lý bụi và mùi của nhà xưởng sản xuất dây thun khoanh.

+ Công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn hơi/giờ.

→ Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Công trình xử lý không thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 695/GXN-STNMT ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường).

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

6.2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

Về nước thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Về khí thải: Cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải lò hơi (căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

- Vị trí: ống thải lò hơi;
- Số điểm: 1;
- Tần suất: 03 tháng/lần;
- Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, CO, SO₂, NO_x, bụi.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, K_p = 1 , K_v = 0,8.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ năm 2023 đến năm 2024, Công ty có 01 đoàn thanh kiểm tra về thực trạng chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty theo công văn số 198/PC05-D91 ngày 05/07/2023 của Phòng Cảnh Sát Môi Trường – Công an tỉnh Bình Dương.

Qua kiểm tra thực tế, Phòng Cảnh Sát Môi Trường – Công an tỉnh Bình Dương nhận thấy Công ty TNHH Việt Ý có thực hiện một số hồ sơ về bảo vệ môi trường như: Đề án bảo vệ môi trường, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, Hợp đồng xử lý chất thải,... Tuy nhiên, Công ty TNHH Việt Ý chưa thực hiện đúng quy định về bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chưa thực hiện đúng quy định về thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, cụ thể: Công ty bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và không tiến hành thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định.

Phòng Cảnh Sát Môi Trường – Công an tỉnh Bình Dương yêu cầu Công ty TNHH Việt Ý thực hiện nội dung sau:

- Đề nghị Công ty chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, khắc phục bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và không tiến hành thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Hiện nay Công ty đã tiến hành xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 1.339m². Tiến hành phân loại thu gom chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định. Định kỳ bàn giao cho đơn vị thu gom xử lý chất thải.

Công ty cam kết sẽ chấp hành theo đúng pháp luật về bảo vệ môi trường của Phòng Cảnh Sát Môi Trường trong quá trình hoạt động của Công ty. *(Biên bản làm việc đính kèm tại phụ lục của báo cáo).*

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Việt Ý bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH Việt Ý cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường. Đồng thời chúng tôi cam kết một số nội dung cụ thể như sau:

❖ *Đối với môi trường không khí*

- Quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm không khí để giảm thiểu ô nhiễm không khí ngay tại nguồn.

- Bảo đảm tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn về độ ồn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

❖ *Đối với nước mưa và nước thải*

- Hệ thống cống thu gom nước mưa và nước thải sẽ được tách riêng.

- Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom, tách rác và thoát vào hệ thống thoát nước của đường Tân Hiệp 07 (nay là Nam Cao).

- Nước thải sau HTXL nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Sau đó, thoát ra hệ thống thoát nước trên đường Tân Hiệp 07 (nay là Nam Cao).

❖ *Đối với chất thải rắn*

- Cam kết thu gom và quản lý theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ *Phòng chống sự cố môi trường*

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố HTXL nước thải, HTXL khí thải, hỏa hoạn, sự cố chập điện, vệ sinh, an toàn lao động và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm.

❖ *Quản lý môi trường*

- Chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình vận hành các hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

- Đảm bảo hoàn thành các công trình xử lý ô nhiễm đã đề xuất trước khi nhà máy đi vào hoạt động chính thức và đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã lắp đặt. Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của giấy phép môi trường.

- Cam kết vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường.
- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và gửi về Sở Tài nguyên Môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do các hoạt động của cơ sở gây ra.
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: VĂN BẢN PHÁP LÝ

STT	Loại hồ sơ
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3	Giấy phép xây dựng.
4	Văn bản bố trí địa điểm đầu tư thành lập Công ty.
5	Văn bản nghiệm thu PCCC.
6	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC.
7	Giấy xác nhận nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy.
8	Giấy chứng nhận cam kết bảo vệ môi trường.
9	Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.
10	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
11	Giấy phép khai thác nước dưới đất.
12	Sổ đăng ký chủ nguồn thải.
13	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.
14	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.
15	Văn bản cho phép thoát nước thải sau xử lý của Công ty vào đường Nam Cao.
16	Biên bản kiểm tra của Phòng CSMT.
17	Hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý CTSH, CTCN và CTNH.
18	Hồ sơ năng lực của đơn vị thu gom chất thải.
19	Các chứng từ chuyển giao.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700720094

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 06 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 25 tháng 05 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỆT - Y

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET - Y CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: VIET - Y CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, Tổ 4, đường DH409, khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3655222

Fax: 0274.3655225

Email: viety.bdg@vnn.vn

Website: <http://vietyrubberband.com>

3. Vốn điều lệ

300.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1.	NÌM SỞ HÁ	Việt Nam	Số 137/60A, đường Trịnh Đình Trọng, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	205.000.000.000	68,330	079058024660	

2	CẨM NHÌ MÚI	Việt Nam	Số 137/60A, đường Trịnh Đình Trọng, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	95.000.000.000	31,670	079163004735	
---	-------------	----------	---	----------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên:** NÌM CHÍ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/01/1984

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079084033722

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 137/60A Trịnh Đình Trọng, Phường Phú Trung, Quận Tân
Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 137/60A Trịnh Đình Trọng, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ
sung số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên
trở lên. Mã số doanh nghiệp: 3700720094

Đăng ký lần đầu ngày 21/06/2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/06/2015

Do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, tổ 4, đường DH409, khu phố Ông
Đồng, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CB 065475

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất

- a) Thừa đất số: 391, tờ bản đồ số: 16
 b) Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 c) Diện tích: 184.150m² (bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn ngàn một trăm năm mươi mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 12/10/2055 (89.014m²)
 đến ngày 13/12/2057 (95.136,0m²)
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 1A, 1B, 1C, 1D	28.800	28.800	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà văn phòng	843	843	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà ăn	670.8	670.8	Sở hữu riêng	IV	-/-
Nhà xưởng 2A	7.200	7.200	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 2B	7.200	7.200	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho 2C	7.200	7.200	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho 2D	7.200	7.200	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 3A	5.312	5.312	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà kho 3B	2.106	2.106	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho 3C	1.872	1.872	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 557711 ngày 13/12/2007, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 163189 ngày 11/01/2011 và chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Hạng mục: Nhà xưởng 2A, 2B, 2C, 2D, 3A, 3B, 3C).

-Thừa đất số 391 được hợp từ thừa đất số 278 và thừa đất số 288 tờ bản đồ số 16.

- Tổng diện tích: 184.150 m², trong đó 1.770m² thuộc hành lang an toàn đường bộ.

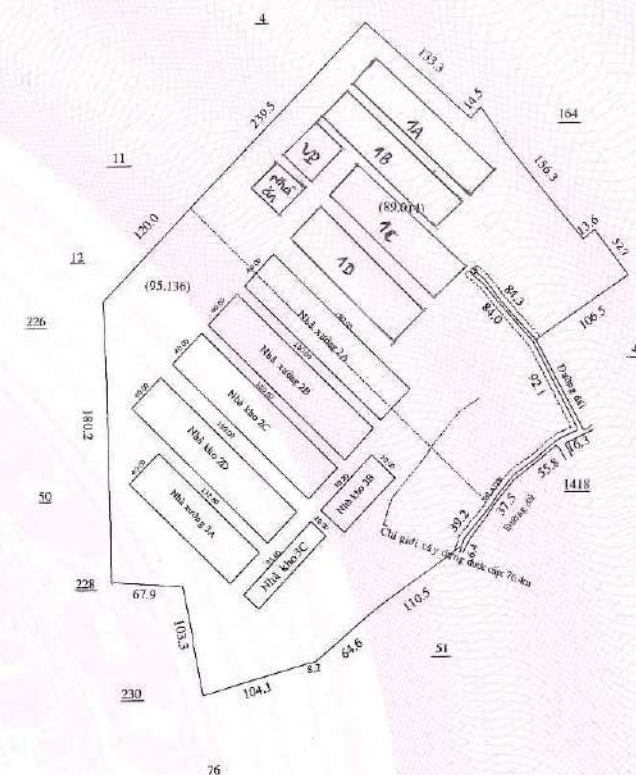
Bình Dương, ngày 31. tháng 8. năm 2015
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
 GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT11851

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (87.495m²), tài sản gắn liền với đất (Nhà xưởng 1A, 1B, 1C, 1D; Nhà văn phòng, Nhà ăn) tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Trần Khai Nguyên (Đ/c: 134 Nguyễn Tri Phương, phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) theo hồ sơ số 350/quyền số 01/2015. Đã đăng ký ngày 13/05/2015.	PHÓ GIÁM ĐỐC 24. 11. 2015 <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 391 **Tờ bản đồ số:** 16
Số phát hành GCN: CB 065475 **Số vào sổ cấp GCN:** CT11851

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 13/05/2015 theo hồ sơ số 982/quyền số 02/2015 <i>TS</i> Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Bình Dương (Đ/c: 314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 999/quyền số 02/2015 <i>TS</i>	PHÓ GIÁM ĐỐC 23. 11. 2015 <i>Nguyễn Thị Tuyết</i> PHÓ GIÁM ĐỐC 26. 11. 2015 <i>Nguyễn Thị Tuyết</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số:

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Xưởng sản xuất các loại dây thun**

Kính gửi : Công ty TNHH Việt Ý

Sở Xây dựng đã nhận được tờ trình số : 01/TTTĐTK ngày 23/01/2007 của Công ty TNHH Việt Ý về việc thẩm định thiết kế cơ sở công trình Xưởng sản xuất các loại dây thun.

- Căn cứ Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND ngày 20/07/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 08/2005/TT-BXD ngày 06/05/2005 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và xử lý chuyển tiếp thực hiện Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Sau khi xem xét. Sở Xây Dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình như sau :

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình : Xưởng sản xuất các loại dây thun

- Loại công trình: Công trình công nghiệp, mã số II-10.

- Cấp công trình: Dự án công trình cấp 3 (theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004).

b) Chủ đầu tư : Công ty TNHH Việt Ý.

c) Địa điểm xây dựng : Ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

d) Diện tích đất : 87.495m².

e) Nhà thầu lập thiết kế cơ sở : Công ty cổ phần xây dựng thương mại Nhật Nam thành phố Hồ Chí Minh.

f) Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng : Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Tân Tường Vĩnh thành phố Hồ Chí Minh.

g) Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án.
g.1/ Hạng mục : Nhà xưởng 1A + 1B + 1C + 1D (4 nhà giống nhau).

- Quy mô : Nhà 01 tầng.
- Chiều cao công trình tới đỉnh mái: cao 14,2m.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,3m so với mặt đất tự nhiên.
- Tổng diện tích : Diện tích 1 xưởng = $7.200m^2$. Tổng diện tích 4 xưởng = $28.800m^2$.

- Cấu trúc : Móng, cột tường, giằng tường, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch cao 4m, phía trên ốp tole. Cửa cuốn và cửa kính khung sắt. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép, mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông xoa phẳng.

g.2/ Hạng mục : Nhà văn phòng.

- Quy mô : Nhà 01 tầng.
- Chiều cao công trình tới đỉnh mái: cao 10,75m.
- Cốt nền xây dựng công trình: 1,35m so với mặt đất tự nhiên.
- Tổng diện tích : $843m^2$ (đã trừ $100m^2$ hồ nước).
- Cấu trúc : Móng, cột, đà kiềng, đà mái, sênô bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Đòn tay thép. Mái lợp ngói. Trần thạch cao. Nền lát gạch ceramic.

g.3/ Hạng mục : Nhà bảo vệ.

- Quy mô : Nhà 01 tầng.
- Chiều cao công trình tới đỉnh mái: cao 4m.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,2m so với mặt đất tự nhiên.
- Tổng diện tích : $20m^2$.
- Cấu trúc : Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền lát gạch ceramic.

g.4/ Hạng mục : Nhà xe 2 bánh và nhà xe 4 bánh.

- Quy mô : Nhà 01 tầng.
- Chiều cao công trình tới đỉnh mái: cao 3m và 5m.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,15m và 0,3m so với mặt đất tự nhiên.
- Tổng diện tích : Diện tích nhà xe 2 bánh = $87m^2$. Diện tích nhà xe 4 bánh = $166,4m^2$.
- Cấu trúc : Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột khung, vì kèo, đòn tay bằng thép. Mái lợp tole, không có trần, nhà xe 2 bánh không xây tường bao, nhà xe 4 bánh xây tường cao 1m, phía trên ốp tole, mặt trước bỏ trống. Nền đổ bê tông xoa phẳng.

g.5/ Hạng mục : Nhà ăn.

- Quy mô : Nhà 01 tầng.
- Chiều cao công trình tới đỉnh mái: cao 6,23m.
- Cốt nền xây dựng công trình: 1,35m so với mặt đất tự nhiên.
- Tổng diện tích : 670,8m².
- Cấu trúc : Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Không xây tường bao, dùng lan can xây gạch cao 1m. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole cách nhiệt. Nền lát gạch ceramic.

g.6/ Hạ tầng: Công trình có thiết kế hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

2. Nội dung hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình, bao gồm cả thiết kế cơ sở trình :

a) Các văn bản pháp lý :

- Công văn số 3291/UBND-KTTH ngày 27/06/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về dự án đầu tư của Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Ý.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số : 4602002153 ngày 21/06/2006 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số : T001684/CN-2006 ngày 12/10/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Việt Ý.
- Giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 1268/GXN-UBND ngày 28/08/2006 của UBND huyện Tân Uyên.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số : 577/TD-PCCC ngày 25/12/2006 do phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Bình Dương cấp.

b) Tài liệu thiết kế gồm có :

- Dự án đầu tư công trình.
- Thuyết minh thiết kế cơ sở công trình.
- Tài liệu khảo sát địa chất công trình.
- Nhiệm vụ và biên bản nghiệm thu thiết kế và khảo sát địa chất.
- Bản vẽ thiết kế cơ sở công trình.

3. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở :

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình : Xưởng sản xuất các loại dây thun phù hợp về quy hoạch xây dựng.

b) Thuyết minh thiết kế cơ sở : Phù hợp.

c) Bản vẽ thiết kế cơ sở : Phù hợp với dự án.

d) Các tiêu chuẩn được áp dụng trong các giải pháp thiết kế : Là các tiêu chuẩn hiện hành.

e) Hồ sơ pháp lý của nhà thầu lập thiết kế cơ sở :

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001423 ngày 06/12/2004 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Công ty cổ phần xây dựng thương mại Nhật Nam thành phố Hồ Chí Minh đủ điều kiện lập thiết kế cơ sở theo quy định.

f) Hồ sơ pháp lý của nhà thầu lập khảo sát xây dựng :

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4102018951 ngày 24/11/2003 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Tân Trường Vĩnh thành phố Hồ Chí Minh đủ điều kiện lập hồ sơ khảo sát địa chất theo quy định.

g) Chỉ giới xây dựng : Định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo các quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

4. Kết luận :

a) Hồ sơ thiết kế cơ sở công trình trên đủ điều kiện xem xét phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng.

b) Đề nghị chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng quy định hiện hành. *PL*

Nơi nhận :

- Như trên.
- UBND huyện Thuận Tân Uyên.
- Nhà thầu lập TK.
- Phòng KTKT.
- Lưu VP.



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khiếu

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 1474 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Việt Ý

- Địa chỉ: Đường DH409, ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

- Tên loại công trình: Nhà xưởng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất: 288; Tờ bản đồ: 16; Diện tích đất: 94.885m² đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 557711 (vào sổ số T01616/CN-2007) ngày 13/12/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

- Tại: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường đất hướng Đông rộng 5m.

- Chỉ giới xây dựng: 5m tính từ mép đường đất hướng Đông rộng 5m.

- Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt.

Các hạng mục công trình gồm:

* Nhà xưởng 2A:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 7200m².

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,4m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +14,36m.

- Kết cấu: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, sơn nước, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Khung cột, kèo thép. Cửa kính khung sắt, Cửa sắt trượt.

* Nhà xưởng 2B:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 7200m².

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,4m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +14,36m.

- Kết cấu: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, sơn nước, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Khung cột, kèo thép. Cửa kính khung sắt, Cửa sắt trượt.

* Nhà kho 2C:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 7200m².

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,4m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +14,36m.



- Kết cấu: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, sơn nước, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Khung cột, kèo thép. Cửa kính khung sắt, Cửa sắt trượt.

* Nhà kho 2D:

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 7200m².

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,4m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +14,36m.

- Kết cấu: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, sơn nước, phía trên ốp tole. Mái lợp tole, xà gỗ thép. Khung cột, kèo thép. Cửa kính khung sắt, Cửa sắt trượt.

* Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế hệ thống điện, hệ thống thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

- Theo thiết kế có ký hiệu: KT(1-12), KC(1-28), Đ(1-5), N(1-7), PCCC(1-4), CS(1-2).. Do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Sài Gòn thiết kế và chịu trách nhiệm về độ bền vững công trình.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Bình Dương, ngày 30 tháng 08 năm 2011....

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Lưu: VT, Thảng.



Emân văn Dũng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý chất thải, vv..)
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng.
5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.
- 6- Chủ đầu tư phải thực hiện việc thẩm định phòng cháy và chữa cháy cho hạng mục công trình đúng theo quy định.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, tổ 4, đường DH409, ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 3700720094, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/6/2012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình Nhà xưởng giai đoạn tiếp theo với các nội dung sau:

- Tổng số công trình: 03 công trình.
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT(01-03); KC(01-26); D(01-02); N(01-13); BC(01-02); CC(01-03).
- Do: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Sài Gòn lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Liên Việt.
- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng công trình: thửa đất số 288; tờ bản đồ số 16; xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 28,69%, hệ số sử dụng đất: 0,29.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5,0m tính từ mép đường đất rộng 5m.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 76,4m tính từ mép đường đất rộng 5m đến chân hạng mục công trình nhà kho 3B, các hạng mục công trình khác định vị theo mặt bằng tổng thể.

a) Công trình số 1 - Nhà xưởng 3A:

+ Diện tích xây dựng: 5.312m².

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,4m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 14,36m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép. Cửa sổ sắt kính, cửa đi lùa.

b) Công trình số 2 - Nhà kho 3B:

+ Diện tích xây dựng: 2.106m².

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,3m.



+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 14,26m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.

c) Công trình số 3 - Nhà kho 3C:

+ Diện tích xây dựng: 1.872m².

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): +0,3m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 12,8m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.

d) Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế điện, nước; Phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL557711 (sổ vào sổ T0 1606/CN-2007) ngày 13/12/2007, do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích khu đất 95.136m²; Trong đó 94.885m² đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC); HLLG 251m². Thời hạn sử dụng đến ngày 13/12/2057.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Tin. *VT*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:



Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 509 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 28 tháng Năm 2006

V/v: Bố trí địa điểm đầu tư thành lập công
ty TNHH SX- TM Việt Ý tại xã Tân Hiệp.

Kính gửi: - Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ông Nlìm Sở Há (Hộ khẩu: Phường Phú
Trung, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh)

Xét tờ trình số 84/TTr-KT ngày 25/4/2006 của Phòng Kinh Tế Huyện Tân Uyên về việc đề nghị chấp thuận bố trí địa điểm đầu tư thành lập công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Ý tại xã Tân Hiệp và văn bản ngày 18/4/2006 của ông Nlìm Sở Há về việc xin thành lập công ty TNHH SX-TM Việt Ý.

Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Huyện Tân Uyên có ý kiến như sau:

- Chấp thuận bố trí địa điểm đầu tư thành lập công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Ý tại ấp Ông Đông - xã Tân Hiệp do ông Nlìm Sở Há (Hộ khẩu: Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh) làm đại diện chủ đầu tư; Với ngành nghề đầu tư: Sản xuất dây thun khoanh, dây thun quần, vớ các loại. Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, hóa chất, các sản phẩm cao su; Tổng vốn đầu tư: 55.000.000.000 đồng; Diện tích mặt bằng đầu tư: khoảng 60.000m² (thửa đất số 41, 26, 18, 4 - tờ bản đồ số 16; thửa đất số 274, 399- tờ bản đồ số 17- xã Tân Hiệp).

+ Nguồn gốc đất: đất sản xuất của dân, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

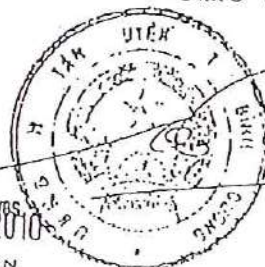
+ Hiện trạng khu đất: đất trồng tràm.

- Ủy Ban Nhân Dân Huyện Tân Uyên đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương cho đầu tư dự án thành lập công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Ý tại ấp Ông Đông - xã Tân Hiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh Tế, TN-MT;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *h/*



LÊ HOÀNG MINH



Phạm Hoàng Trần

Số: 320/L/UBND-KTTH Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 6 năm 2006

Về dự án của Công ty Việt Ý

Kính gửi : Sở Tài nguyên Môi trường,

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt-Ý tại văn thư ngày 26/6/2006, ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên tại công văn số 509/UBND-KTTH ngày 28/4/2006, về vị trí đầu tư Doanh nghiệp, thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Chấp thuận cho Công ty TNHH Việt-Ý được đầu tư tại ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, để hoạt động ngành nghề : sản xuất dây thun khoanh, dây thun quần, vớ các loại; mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp , hóa chất, các sản phẩm cao su như tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602002153 ngày 21/6/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư .

- Giao Sở Tài nguyên Môi trường, lập thủ tục đất đai cho Công ty TNHH Việt-Ý ./

KT.CHỦ TỊCH²⁸
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty Việt Ý;
- UBND huyện Tân Uyên;
- UBND xã Tân Hiệp;
- LĐVP; Lâm;
- Lưu VP, Chủ tịch

Ch260800



Trần Văn Lợi



Phạm Hoàng Trần

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 493 /UBND-KTTH

Tân Uyên, ngày 31 tháng 3 năm 2007

V/v: Bố trí địa điểm đầu tư mở rộng diện tích
của công ty TNHH Việt - Ý tại xã Tân Hiệp.

Kính gửi: - Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Việt - Ý.

Căn cứ công văn số 3291/UBND-KTTH ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về dự án của công ty TNHH Việt Ý tại ấp Ông Đông - xã Tân Hiệp - huyện Tân Uyên.

Xét tờ trình số 95 /TTr-KT ngày 16/3/2007 của Phòng Kinh tế huyện Tân Uyên về việc đề nghị chấp thuận bố trí địa điểm đầu tư mở rộng diện tích của công ty TNHH Việt - Ý tại xã Tân Hiệp và văn bản ngày 06/3/2007 của công ty TNHH Việt - Ý về việc xin chấp thuận địa điểm đầu tư mở rộng diện tích tại xã Tân Hiệp.

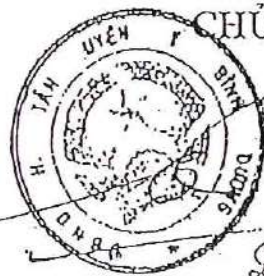
Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Huyện Tân Uyên có ý kiến như sau:

- Chấp thuận bố trí địa điểm đầu tư mở rộng diện tích của công ty TNHH Việt - Ý tại ấp Ông Đông - xã Tân Hiệp; Tổng vốn đầu tư tăng thêm: 20.000.000.000 đồng; Với diện tích mở rộng: khoảng 80.000 m² (gồm các thửa đất số: 25, 26, 231, 16, 18, 227 và một phần thửa đất 11, 12 - tờ bản đồ số 16 - xã Tân Hiệp).

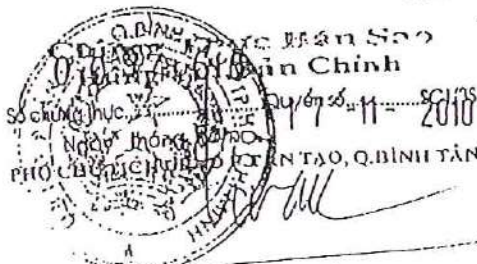
- Ủy Ban Nhân Dân Huyện Tân Uyên đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương cho công ty TNHH Việt - Ý được đầu tư mở rộng diện tích tại ấp Ông Đông - xã Tân Hiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Kinh tế;
- Phòng Kinh tế, TN-MT;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Lưu: VT.



Lê Hoàng Minh



Phạm Hoàng Trân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1512/UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 4 năm 2007

Về dự án mở rộng của
Công ty TNHH Việt-Ý

Kính gửi : Sở Tài nguyên Môi trường.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt-Ý tại văn thư ngày 06/03/2007, ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên tại công văn số 493/UBND-KTTH ngày 21/03/2007 về vị trí đầu tư mở rộng Doanh nghiệp; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Chấp thuận cho Công ty TNHH Việt-Ý được đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất dây thun tại ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên.
- Giao Sở Tài nguyên Môi trường lập thủ tục đất đai phần mở rộng cho Công ty TNHH Việt-Ý ./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

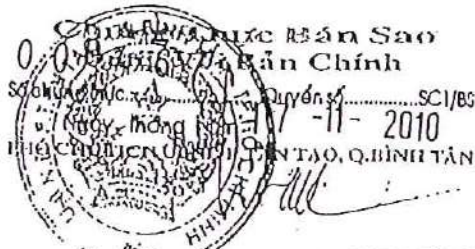
Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KHĐT;
- UBND huyện Tân Uyên;
- UBND xã Tân Hiệp;
- LĐVP;
- Lưu VT, Chí.

Ch230.307



Trần Văn Lợi



Phạm Hoàng Trân

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02/CV ngày 29/11/2006 của: CÔNG TY TNHH VIỆT Y

Người đại diện là ông/bà: NÌM SỞ HÁ Chức danh: GIÁM ĐỐC
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG 1A, 1B, 1C, 1D (40 X 180)M; NHÀ VĂN PHÒNG

Địa điểm: Tân Hiệp - Tân Uyên - Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Việt Y

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần XD TM Nhật Nam

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Xây bể dự trữ nước chữa cháy đạt 432m³

- Thiết kế mỗi nhà xưởng > 2 cửa thoát hiểm loại cửa cánh mở ra ngoài. Hệ thống cấp nước chữa cháy mang lưới vòng, đường kính ống chính 114mm. Lắp đặt thêm 10 họng chữa cháy cho khu vực nhà xưởng. Trang bị 02 bơm chữa cháy có lưu lượng 1200 l/ph, cột áp 60m.
- Thiết kế hệ thống báo cháy tự động theo TCVN 5738-2001.
- Trang bị 300 bình chữa cháy các loại; 40 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC.
- Nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động.

Thủ Dấu Một ngày 25 tháng 12 năm 2006

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty TNHH Việt Y;
- Lưu CS PCCC Bình Dương.

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC Th
Yêu cầu đóng dấu



THƯỢNG TÁ: Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.

(4) Chức danh người ký giấy.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

...

2

D

...

 π -H π Li²⁺

.....

и с у

C.V.T.

ấp đ

VI

YIN

...ch

sử

.....

22

 $\underline{N}_i$

CS.P1

5.7

ከፊት
...

1

• • • • •

.....

1

$\frac{1}{2} \frac{1}{2}$
 $\frac{1}{2} \frac{1}{2}$

Số: 232/PCCC

Thủ Dầu Một, ngày 31 tháng 8 năm 2009

V/v xác nhận nghiệm thu hệ
thống cấp nước chữa cháy

BẢN SAO

Kính gửi: Công Ty TNHH Việt Ý

Theo công văn ngày 03 tháng 06 năm 2009 của Công Ty TNHH Việt Ý về việc nghiệm thu PCCC hệ thống cấp nước chữa cháy tại Công Ty TNHH Việt Ý. Địa chỉ: xã Tân Hiệp – huyện Tân Uyên – tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu về PC&CC do đại diện các bên liên quan lập ngày 3. tháng 08 năm 2009.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hệ thống cấp nước chữa cháy tại Công Ty TNHH Việt Ý. Địa chỉ: xã Tân Hiệp – huyện Tân Uyên – tỉnh Bình Dương với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:

- Công Ty TNHH Việt Ý;
- Lưu: Phòng CS.PC&CC.

TRƯỞNG PHÒNG



THƯỞNG TẢ : Lê Anh Việt

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 5326..... QUYỂN SỐ 2.....
Ngày 15.....tháng 10.....năm 2009
TM. UBND XÃ TÂN HIỆP
CHỦ TỊCH



Thư ký Công An

Số: ...34...ITD-PCCC (T.Y.)

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
 - Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
- Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
 - Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số...19/CV...ngày...04.../11.../2011...
- của: Công ty TNHH Việt Y

Người đại diện là ông/ bà: Nim Chí Hùng Chức danh
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG 2A-2B, NHÀ KHO 2C-2D - GIAI ĐOẠN 2

(2) Địa điểm: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Việt Y

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và xây dựng Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc.
- Kết cấu.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 3327 QUYỀN SỐ 2
Ngày 15 tháng 10 năm 2011



theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Xây dựng bể nước chữa cháy dự trữ đạt 350m³; bom chữa cháy có lưu lượng đạt 92,6l/s theo mục 10 TCVN 2622-1995.

- Thiết kế đèn chiếu sáng sự cố, Exit thoát hiểm cho công trình theo TCVN 3890-2009.
- Thiết kế hệ thống chống sét đánh thẳng và hệ thống điện theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Trang bị bình chữa cháy các loại đảm bảo 75m²/bình cho công trình theo mục 5.1.3 TCVN 3890-09
- Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2011

(4) GIÁM ĐỐC

- Nơi nhận:**
- Cục CS PCCC (Báo cáo).
 - Công ty TNHH Việt Y
 - Lưu P2 (1); Phòng CS PCCC Tân Uyên (2).



mele

Đã Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: ...34...ITD-PCCC (T.Y.)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số...19/CV...ngày...04.../11.../2011...
của: Công ty TNHH Việt Y

Người đại diện là ông/ bà: Nim Chí Hùng Chức danh Chức danh
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG 2A-2B, NHÀ KHO 2C-2D - GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Việt Y

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và xây dựng Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc.
- Kết cấu.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Yêu cầu kèm theo: (3) - Xây dựng bể nước chữa cháy dự trữ đạt 350m³; bơm chữa cháy có lưu lượng đạt 92,6l/s theo mục 10 TCVN 2622-1995.

Thiết kế đèn chiếu sáng sự cố, Exit thoát hiểm cho công trình theo TCVN 3890-2009.

Thiết kế hệ thống chống sét đánh thẳng và hệ thống điện theo tiêu chuẩn hiện hành.

Trang bị bình chữa cháy các loại đảm bảo 75m²/bình cho công trình theo mục 5.1.3 TCVN3890-09

Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2011

(4) GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
Cục CS PCCC (Báo cáo).

Công ty TNHH Việt Y

Lưu P2 (1); Phòng CSPCCC Tân Uyên (2).



Đã ra Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 407/ITD-PCCC (P.2.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 12/CY ngày 15/10/2013
của: Công ty TNHH Việt - Ý

Người đại diện là ông/ bà: Nhim Chí Hùng Chức danh Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

2. NHÀ XƯỞNG (40M X 132,8M); KHO (20M X 93,6M); KHO (30M X 70,2M)
Địa điểm: Đường DH409, ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Việt - Ý
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Sài Gòn
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Kiến trúc
Kết cấu
Hệ thống cấp nước chữa cháy
Hệ thống báo cháy tự động
Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Thiết kế cửa thoát nạn cho các nhà kho theo quy định tại mục 3.2.
QCVN.06: 2010/BXD

Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn cho nhà xưởng, kho theo quy định tại mục 10
QCVN 3890: 2009.

Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công và nghiệm thu công trình trước khi đưa
vào sử dụng theo quy định tại Điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 06 tháng 12 năm 2013

(4) Kí GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

Sở CS PCCC (Báo cáo);
Công ty TNHH Việt - Ý;
Lưu: Phòng 2 (2).



PHÓ GIÁM ĐỐC

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc công trình giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

SỞ CS. I

56: ...

Quy

သံသယ:

Người

2

Đĩa đi.

Chủ đ:

Đơn vị

Đã đi

- Kiê

- Kêl

1. Hệ

- Hệ

- Hệ

Các yêu

lượng (

Thiệt l

Thiêt

Trang

Tổ chức

Nơi

Cục Nơi
CS

Công ty:

Lin P2 (

(i) Tên cơ sở

(3) Trách nhiệm

BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 147/SCSPCCC-TU

Bình Dương, ngày 07 tháng 6 năm 2014

Về việc xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Việt Ý

Xét công văn đề nghị ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Công ty TNHH Việt Ý về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng 2A-2B, Nhà kho 2C-2D – giai đoạn II; Địa chỉ: Ấp Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 34/TD-PCCC(TU) ngày 11 tháng 11 năm 2011, hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 31 tháng 5 năm 2014;

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;

- Hệ thống thoát nạn, đường giao thông phục vụ chữa cháy đảm bảo đúng thiết kế được phê duyệt;

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC TX Tân Uyên(2).

CHỖ GIẤM ĐỐC
PHÓ GIẤM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

ĐIỂM MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
50	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	KT 1/4 - 4/4	
51		KC 1/7 - 7/7	
		PC 1/7 - 7/7	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89 /CSPC&CC-P2

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2015

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Việt Ý

Xét công văn ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Công ty TNHH Việt Ý về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng (40m x 132,8m), nhà kho (20m x 93,6m), nhà kho (30m x 70,2m). Địa điểm xây dựng: Ấp Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ thẩm duyệt về PCCC số 407/TD-PCCC(P2) ngày 06 tháng 12 năm 2013; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 17 tháng 3 năm 2015.

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, báo cháy tự động, chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. *nl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng 2;
- Lưu: Phòng CS PC&CC số 5.

ỦY GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

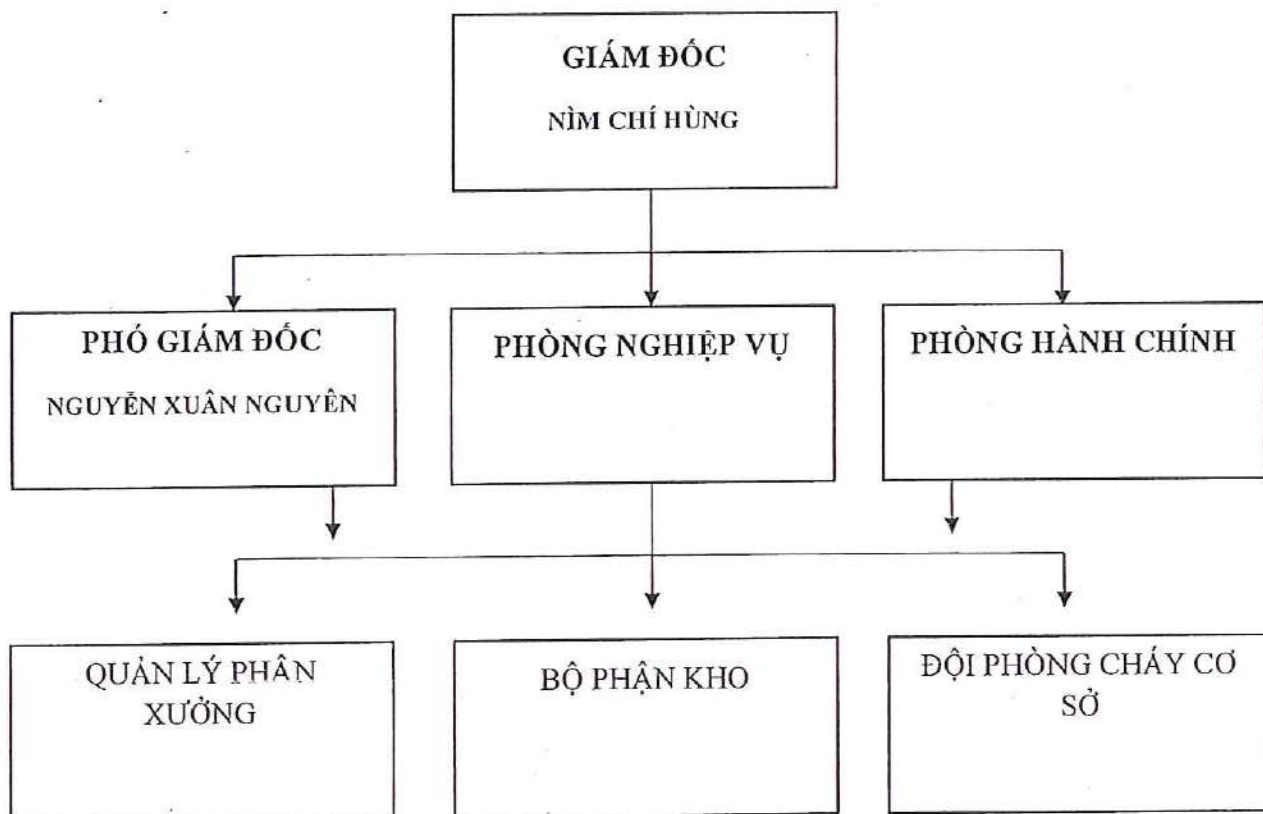
Đại tá Lê Anh Việt

CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Uyên, ngày 22 tháng 11 năm 2019

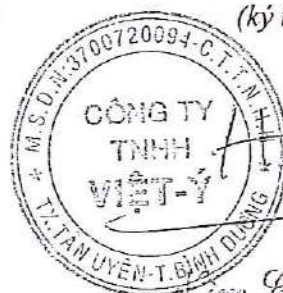
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý



Nơi nhận:

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH (CATX Tân Uyên);
- Lưu: VT.

BAN GIÁM ĐỐC
(ký tên, đóng dấu)



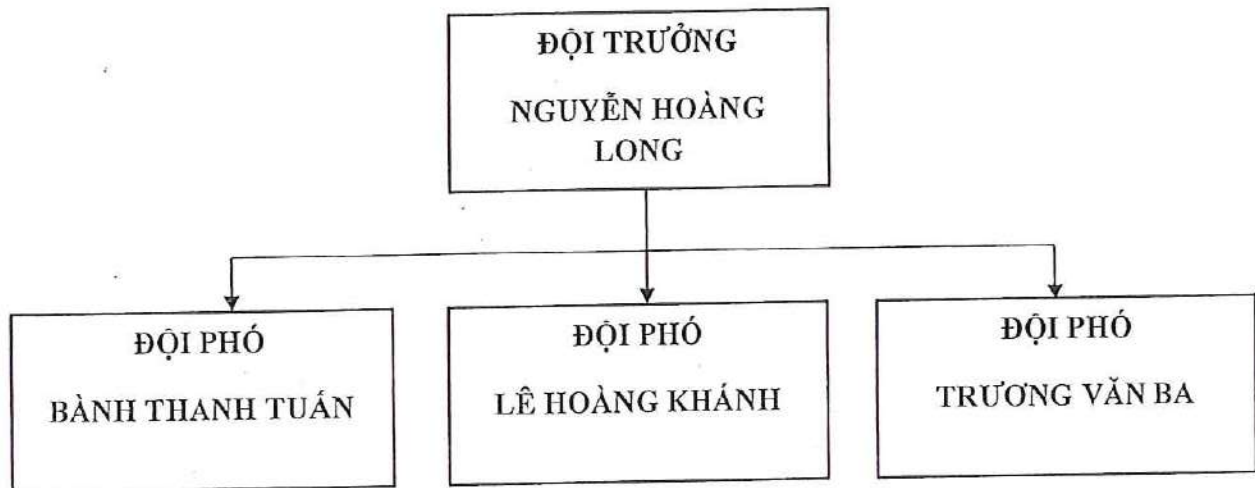
Nim Chí Hùng

CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Uyên, ngày 22 tháng 11 năm 2019

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
ĐỘI PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CƠ SỞ



Nơi nhận:

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH (CATX Tân Uyên);
- Lưu: VT.



BAN GIÁM ĐỐC

(kí tên, đóng dấu)

Nim Chí Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

BẢN S
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1268/GCN - UBND

Tân Uyên, ngày 28 tháng 8 năm 2006

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án : Dự án thành lập Công ty TNHH Việt-Ý.
Ngành nghề : Sản xuất dây thun khoanh, dây thun quần, dây thun dùng cho tất (vớ) các loại. Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), các sản phẩm cao su.
Địa chỉ : Ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN CHỨNG NHẬN

Điều 1. Dự án thành lập Công ty TNHH Việt-Ý đã đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên, ngày 15 tháng 08 năm 2006.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các Quy định về Bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn môi trường sau:

- Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 6980 : 2001
- Khí thải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 6993 : 2001 và TCVN 6996 : 2001
- Tiếng ồn và độ rung xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5949 : 1998
- Chất thải nguy hại thực hiện đúng theo Quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số: 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/07/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Điều 3. Bản cam kết và Giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của Dự án là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

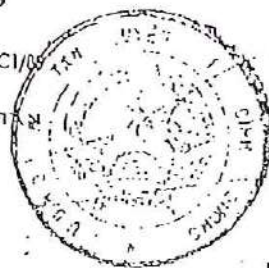
Điều 4. Trước khi đi vào hoạt động, chủ Dự án phải hoàn thành các hạng mục công trình xử lý chất thải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Việt-Ý
- Phòng TNMT: 009
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Trần



LÊ HỒNG MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Số: 2873 /GXN - UBND

Tân Uyên, ngày 13 tháng 11 năm 2007

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Mở rộng Nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Việt - Ý
Địa chỉ: ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XÁC NHẬN

Điều 1. Ngày 12 tháng 11 năm 2007, Chủ Dự án là Công ty TNHH Việt - Ý đã có Văn bản số 05/VB-2007 ngày 09 tháng 11 năm 2007 đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất dây thun khoanh.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Việt - Ý;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng TNMT;
- Lưu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phương



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun
cột tóc từ 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm tại
tổ 4, đường DH 409, Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân
Uyên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt - Ý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26
tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá
môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi
trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường Dự án của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt - Ý họp ngày 03 tháng 07
năm 2015 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nâng
công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000 tấn sản
phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm tại thửa đất số 278, tổ 4, đường DH 409,
Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên đã được chỉnh sửa, bổ
sung gửi kèm văn bản số 22/VC-VY/2015 ngày 03 tháng 8 năm 2015 của của
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt - Ý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số: 557/TTr-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000
tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm được lập bởi Công ty TNHH Việt
- Ý với các nội dung chủ yếu sau đây:

Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:



1.1 Vị trí thực hiện: thửa đất số 278, tờ bản đồ số 16, tổ 4, đường DH 409, Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc.

1.3 Quy mô: 35.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 3 tháng 01 lần; giám sát môi trường xung quanh, môi trường lao động với tần suất tối thiểu 6 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Lắp đặt máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Các yêu cầu về chế độ thông tin, báo cáo

Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chủ dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- + Niêm yết thông tin về môi trường theo quy định.

+ Lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất theo quy định.

+ Thực hiện các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Thông báo bằng văn bản đến cơ quan chức năng về kế hoạch kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 10 ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng; việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện những thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Việt - Ý và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: TN&MT; XD, CT;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Nh, Lg), Tien, TH;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Nam

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/05/1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2011/NĐ-CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 21/02/2012 về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tại Tờ trình số 251../TT.TNN & KS ngày 19 Tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Việt - Ý. Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng : Sinh hoạt, sản xuất, tưới cây xanh và PCCC;
2. Vị trí công trình khai thác nước : xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
3. Tầng chứa nước khai thác : Pliocen dưới, pleistocen dưới;
4. Tổng số giếng khoan khai thác : 03 giếng;
5. Tổng lượng nước khai thác : 390 m³/ngày đêm;
6. Thời hạn khai thác : 03 năm;



Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của các giếng cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ / ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mức nước tĩnh (m)	Mức nước động lớn nhất (m)
	X	Y				Từ	Đến		
G1	1221992	687940	140	180	10-12	60,0	68,0	21,4	27,9
G2	1221883	687839	140	180	10-12	68,0	76,0	21,52	26,5
G3	1221998	687814	60	30	10,0	10,0	14,0	8,05	9,25

(có bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Việt - Ý:

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Xử lý nước đạt Quy chuẩn quy định trước khi cấp nước cho sinh hoạt.

3. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

4. Lắp đặt thiết bị đo mực nước, lưu lượng tại giếng khai thác; thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước, bảo vệ nguồn nước trong quá trình khai thác và thực hiện việc theo dõi, giám sát, báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Quy định bảo vệ tài nguyên nước dưới đất ban hành theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng nước và môi trường xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Uyên để có biện pháp xử lý.

6. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty TNHH Việt - Ý được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Điều 24 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 của Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Ba tháng (03 tháng) trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Việt - Ý còn tiếp tục khai thác thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Cục Thuế tỉnh BD;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Công ty TNHH Việt - Ý;
- Lưu VT, TNN&KS, 6.



Số: 133/CN-CCBVM

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 05 năm 2011

**SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số quản lý chất thải nguy hại: 74.000621.T
(Điều chỉnh lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Việt Ý.

Địa chỉ: ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3655222;

Fax : 0650.3655225

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3700720094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2006, cấp thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 10 năm 2009.

Giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số: 1268/GCN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 28 tháng 08 năm 2006.

Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số: 2813/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 19 tháng 11 năm 2007.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/ tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	6	16 01 06
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	130	17 02 04
3	Hộp mực in thải	Rắn	2	08 02 04

4	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	Rắn	30	18 02 01
5	Bao bì dầu nhớt, hóa chất thải	Rắn	160	18 01 01
6	Thùng phuy chứa dầu hóa dẻo và dầu paraffin thải	Rắn	8.340	18 01 01
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01
8	Chất thải y tế (bông băng, gạc...)	Rắn	0,1	13 01 01
Tổng cộng:			8.670	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	7.800
2	Rác thải sản xuất (pallet, chi nhựa, tro, giấy carton...)	Rắn	300
Tổng cộng:			8.100

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại :

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3700720094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2006, cấp thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 10 năm 2009.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số: 1268/GCN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 28 tháng 08 năm 2006;

- Bản sao Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số: 2813/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 19 tháng 11 năm 2007 cho dự án mở rộng sản xuất.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;

4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;

6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường theo mẫu Phụ lục 4 (A) của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Chi cục Bảo vệ môi trường.

8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại này thay thế cho Sổ đăng ký số: 4099/STNMT-MT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08 tháng năm 2009 (mã số quản lý số: 74.000621.T) và có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Mua4.

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Tào Mạnh Quân

Số: 675/GXN-STNMT

Bình Dương, ngày 17 tháng 06 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ
13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Việt

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Việt - Ý

Địa chỉ văn phòng: tổ 4, đường DH 409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Địa điểm hoạt động: tổ 4, đường DH 409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3655222-23 Fax: 0650.36555225

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700720094.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 7): ngày 08 tháng 6 năm 2015.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2200/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm của Công ty TNHH Việt Ý (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công ty TNHH Việt - Ý;
- Lưu: VT, CCBVMT, Thanh tra

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Hồng Nguyên

1. Công trình xử lý nước thải:

- Đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Đã thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình xử lý nước thải lò hơi và nước thải sản xuất về công trình xử lý nước thải tập trung để xử lý, cụ thể:

+ Công suất xử lý: 120 m³/ngày.

+ Quy trình xử lý:

- Nước thải sản xuất => Bể lắng nhiều ngăn 1 => Bể lắng 2 => Bể chứa trung gian (xử lý chung với nước thải sinh hoạt).

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể Anoxic => Bể xử lý sinh học hiếu khí 1 => Bể xử lý sinh học hiếu khí 2 => Bể lắng bùn sinh học => Bể chứa trung gian (cùng với nước thải sản xuất đã được xử lý sơ bộ) => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Ngăn chứa nước đầu ra => Thải ra môi trường ra suối Ông Đông và cuối cùng chảy ra sông Đồng Nai.

+ Chế độ vận hành: Vận hành liên tục 24/24 giờ.

+ Hóa chất sử dụng: Polymer, Clorine, PAC...

2. Công trình xử lý khí thải:

- Bụi và mùi phát sinh từ công đoạn nghiền luyện, tạo ống, nong ống, quay ly tâm được Công ty thu gom, xử lý như sau:

+ Đối với công đoạn nghiền luyện được thu gom qua Buồng lắng => Cyclone cục bộ => Quạt hút => Tháp hấp thụ => Thải ra môi trường.

+ Đối với công đoạn tạo ống và công đoạn nong ống được thu gom => Quạt hút => Tháp hấp thụ => Thải ra môi trường.

+ Đối với công đoạn quay ly tâm (buồng kín) được thu gom => Cyclone cục bộ => Quạt hút => Tháp hấp thụ => Thải ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi có công suất 12 tấn hơi/giờ, sử dụng nhiên liệu đốt là than đá được thu gom, xử lý qua các hạng mục công trình, cụ thể như sau: Khí thải => Bộ thu hồi nhiệt => Cyclone lắng bụi => Tháp lọc bụi ướt => Tháp lọc bụi khô => Thải ra môi trường qua ống thải cao 24 m đường kính 1.400 mm.

+ Chế độ vận hành: vận hành liên tục trong thời gian sản xuất.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung của Công ty.

3. Công trình quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số quản lý CTNH: 74.000621.T (cấp lần 2 ngày 14 tháng 3 năm 2011).

- Các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại phát sinh được Công ty phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định, cụ thể:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt đã trang bị các thùng nhựa dung tích 100 - 150 lít có nắp đậy kín và lưu giữ trong khu chứa chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải sản xuất: đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại (CTNH): đã trang bị các thùng nhựa dung tích 100 - 150 lít để chứa riêng cho từng loại và lưu giữ tại nhà chứa CTNH có diện tích 12 m². Nhà chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao quanh, có gờ chống tràn, có dán nhãn cảnh báo, tên của từng loại chất thải nguy hại.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã lắp đặt đường ống nhựa bằng PVC ϕ 140 để thu gom nước mưa từ các mái nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế và xây dựng quanh nhà xưởng, dạng công tròn bằng bê tông cốt thép với ϕ 400-1.000 sẽ thu gom nước mưa từ các ống nhánh sau đó chảy về 02 hồ chứa nước mưa của Công ty với dung tích chứa khoảng 120.000m³.

- Đã lắp đặt đường ống nhựa ϕ 200 để thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, nước thải sản xuất về Trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Đã triển khai các biện pháp phòng cháy và chữa cháy và được Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 577/TD-PCCC ngày 25 tháng 12 năm 2006; số 34/TD-PCCC (T4) ngày 11 tháng 11 năm 2011; số 407/TD-PCCC(P2) ngày 06 tháng 12 năm 2013 và được xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy Số 232/PCCC ngày 31 tháng 8 năm 2009; số 147/SCSPCCC-TU ngày 09 tháng 6 năm 2014; số 89/CSPC&CC-P2 ngày 24 tháng 3 năm 2015.

- Đã thực hiện đo điện trở nổi đất, điện trở cách điện cho năm 2015 và được Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực II xác nhận số số 029173/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029395/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029402/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029404/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029409/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029411/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029412/ATĐ/ĐSG-KĐ2; số 029413/ATĐ/ĐSG-KĐ2 ngày 15 tháng 6 năm 2015.

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo giấy phép số 241/GP-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012.

- Đã lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2015.

- Đã lập báo cáo giám sát môi trường năm 2015.

- Đã thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo đúng quy định.

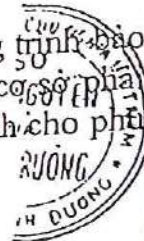
5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số 695/GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 01, ngày 15 tháng 2, năm 2016".

6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Công ty TNHH Việt Ý và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 353/TTr-TNNKSKTTV ngày 26 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Việt Ý; ngành nghề: sản xuất dây thun; Địa chỉ: Tổ 4, đường DH 409, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: suối Ông Đông → suối Cái → sông Đồng Nai;
2. Vị trí xả nước thải:
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X=12.24.268; Y=06.90.403
 - Địa chỉ: phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;
4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;



5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, độ màu, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 5 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Việt Ý:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên suối Ông Đông cách điểm xả 30m về phía hạ nguồn.

- Thông số quan trắc: các chỉ tiêu pH, COD, BOD, TSS, nitrit, nitrat, phosphat, amoni, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Việt Ý được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Việt Ý còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- Công ty TNHH Việt Ý;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN HIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 709/UBND-MT
V/v có ý kiến đối với hạ tầng
đầu nổi hệ thống thoát nước
“dự án sản xuất dây thun” của
Công ty TNHH Việt - Ý

Tân Hiệp, ngày 28 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Việt - Ý (Địa chỉ: thửa 391, tờ 16, tờ 4
đường Vĩnh Lợi, khu phố Ông Đông, Tân Hiệp).

Qua tiếp nhận Văn bản xin xác nhận đầu nổi thoát nước dự án: Sản xuất
dây thun của Công ty TNHH Việt - Ý tại khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp,
thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngày 27/05/2024, UBND phường phối hợp cùng BDH khu phố Ông Đông
tiến hành khảo sát thực tế khu đất và có ý kiến về hạ tầng đầu nổi hệ thống thoát
nước của Công ty TNHH Việt - Ý, như sau:

1. Thống nhất với nội dung trình bày về việc đầu nổi hệ thống thoát nước
thải dự án “Sản xuất dây thun” của Công ty TNHH Việt - Ý tại thửa đất số 391
tờ bản đồ số 16 – khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp là đúng với nội dung
trình bày trong Văn bản xin xác nhận đầu nổi thoát nước ngày 20/05/2024. Chủ
đầu tư đã đầu tư xây dựng và thu gom toàn bộ nước thải (sau xử lý đạt quy
chuẩn cho phép) đồng thời xây dựng hệ thống cống thoát nước bê tông cốt thép
(D400 mm) từ dự án đầu nổi vào hố gas thoát nước chung tại khu vực của đường
Nam Cao (cách dự án khoảng 350m về hướng Đông) và thường xuyên tổ chức
vệ sinh, khai thông hệ thống thoát nước hiện hữu tại khu vực, đảm bảo nước
không ứ đọng gây ngập úng và ô nhiễm môi trường.

2. UBND phường thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh
hệ thống thoát nước của dự án, đảm bảo điều kiện tiêu thoát nước cũng như môi
trường tại khu vực.

Trên đây là ý kiến của UBND phường Tân Hiệp về việc hạ tầng đầu nổi hệ
thống thoát nước dự án: Sản xuất dây thun của Công ty TNHH Việt - Ý tại khu
phố Ông Đông, phường Tân Hiệp. *me*

Nơi nhận :

- Như trên;
- PCT (KT) – UBND Phường;
- Cán bộ: GTĐT, Môi trường;
- BDH khu phố Ông Đông;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Cồ

Số: 04-2024/CV-VY

Bình Dương, ngày 20 tháng 05 năm 2024

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ
TỪ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀO SUỐI ÔNG ĐÔNG**

(Khu xử lý nước thải tập trung của công ty TNHH Việt - Ý vào đường Tân Hiệp 07 (nay là đường Nam Cao) ra suối Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

Kính gửi: - Ủy ban Nhân dân phường Tân Hiệp

Chúng tôi - Công ty TNHH Việt - Ý được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700720094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21/06/2006; thay đổi lần thứ 8, ngày 25/05/2023.

Địa chỉ: Thửa đất 391, TĐĐ 16, tổ 4, đường ĐH409, KP. Ông Đông, P. Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chúng đã thực hiện xây dựng một hệ thống xử lý nước thải với công suất được cấp phép xả thải: 120m³/ngày đêm (theo Giấy phép xả thải vào nguồn nước số: 159/GP-STNMT, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/11/2019; đính kèm kết quả quan trắc môi trường số: 613/KQ-TTQTKT ngày 27/02/2024, do Trung tâm quan trắc - kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp).

Chúng tôi đảm bảo thực hiện chính xác việc tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa, nước thải; Xây dựng điểm quan trắc nước thải theo quy (Hố gas quan trắc được xây dựng bên ngoài hàng rào của Công ty trước khoảng đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; nắp hố gas được thiết kế hờ dễ dàng cho việc quan sát và thao tác mở nắp; chiều rộng 0,7m, khoảng lưu nước 0,6m).

Chúng tôi cam kết kiểm soát việc thu gom và xử lý toàn bộ nước thải của Công ty chúng tôi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung đúng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường hiện hành. Đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT. Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải theo quy định: ba (03) tháng/lần.

Hiện nay, theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020 thì chúng tôi đang tiến hành làm thủ tục Giấy phép Môi trường. Trong đó, thành phần hồ sơ có liên quan đến việc

xả thải nước thải sau xử lý. Vì vậy, chúng tôi làm văn bản này đề nghị Ủy ban Nhân dân phường Tân Hiệp xác nhận việc cho phép thực hiện đầu nối hệ thống xử lý nước thải của công ty TNHH Việt - Ý vào hệ thống thoát nước chung của đường Tân Hiệp 07 (đường Nam Cao) ra suối Ông Đông.

Chúng tôi chân thành cảm ơn!

(Điện thoại: 0979717556)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.





CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi 13 giờ 30 ngày 05/7/2023 tại Công ty TNHH Việt - Ý; địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

1. Đồng chí: Đại úy Đặng Ngọc Linh - Cán bộ Đội 1 - Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh Bình Dương;
2. Đồng chí: Thượng úy Nguyễn Sĩ Hoàng Giang - Cán bộ Đội 1 - Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh Bình Dương.

Tiến hành làm việc với:

Công ty TNHH Việt - Ý

Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

Người đại diện pháp luật: Nìm Chí Hùng; giới tính: Nam; sinh năm: 1984; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 079084033722 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/08/2021; Địa chỉ liên lạc: 137/60A, Trại Đình Trọng, phường Phú Trung, Q. Tân Phú TP.HCM; Chức danh: Giám đốc.

Người làm việc trực tiếp với Phòng Cảnh sát môi trường:

Ông: Nguyễn Hoàng Long - Nhân viên phòng HCQT (phụ trách môi trường)

I. Nội dung làm việc

Thực hiện Công văn số 198/PC05-Đ1 ngày 05/7/2023 của Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Bình Dương về việc cung cấp thông tin, tài liệu, tài sản, đồ vật; Tổ công tác Phòng Cảnh sát môi trường tiến hành làm việc với đại diện Công ty TNHH Việt - Ý để thu thập hồ sơ pháp phân, hồ sơ về môi trường và khảo sát thực trạng việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty.

II. Kết quả làm việc

Tại thời điểm làm việc, Công ty TNHH Việt - Ý đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, Tổ công tác ghi nhận như sau:

1. Thông tin chung

- Công ty TNHH Việt - Ý bắt đầu hoạt động từ năm 2006 đến nay, 100% vốn trong nước.
- Tổng số công nhân viên: 680 người, hoạt động 02 ca/ngày (ca 08 giờ, 26 ngày/tháng).
- Công suất sản xuất: 35.000 tấn sản phẩm/năm.

- Nguồn nước sử dụng: Nước cấp thủy cục với lưu lượng sử dụng trung bình khoảng 701 m³/tháng, tương đương 27 m³/ngày phục vụ cho quá trình sản xuất, sinh hoạt, tưới cây và phòng cháy chữa cháy (căn cứ hóa đơn tiền nước tháng 4, 5, 6/2023).

2. Về hồ sơ pháp lý

Đại diện Công ty TNHH Việt - Ý xuất trình các hồ sơ, tài liệu sau đây:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3700720094 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 25/5/2023.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết của “Dự án đầu tư nâng công suất sản xuất dây thun khoanh và dây thun cột tóc từ 13.000 tấn sản phẩm/năm lên 35.000 tấn sản phẩm/năm” tại tổ 4, đường DH 409, Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt ngày 28/8/2015 theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND.

- Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số quản lý chất thải nguy hại: 74.000621.T do Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/3/2011 theo Quyết định số 139/CN-CCBVMT.

- Hợp đồng số 46-RNH/HĐ-KT/23 ngày 03/01/2023 về việc xử lý chất thải nguy hại giữa Công ty TNHH Việt Ý và Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần nước môi trường Bình Dương.

- Hợp đồng số 10-RCN&RSH/HĐ-KT/23 ngày 03/01/2023 về việc thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt giữa Công ty TNHH Việt Ý và Chi nhánh Công ty cổ phần Bình Dương Tương Lai Xanh.

- Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường và chứng từ xử lý chất thải nguy hại năm 2023.

3. Kết quả khảo sát thực trạng việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Qua khảo sát thực trạng việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Việt - Ý bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định.

Tuy nhiên, tại thời điểm khảo sát, kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định (không có gờ, không che chắn xung quanh). Đồng thời, Công ty để chất thải nguy hại (khoảng 50 thùng phuy chứa dầu paraffin thải, mã chất thải nguy hại: 180101) ở ngoài trời, không có mái che.

III. NHẬN XÉT, YÊU CẦU CỦA TỔ CÔNG TÁC

1. Nhận xét

Phòng Cảnh sát môi trường nhận thấy Công ty TNHH Việt - Ý có thực hiện một số hồ sơ về bảo vệ môi trường như: Đề án bảo vệ môi trường, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường; Hợp đồng xử lý chất thải...

Tuy nhiên, Công ty TNHH Việt - Ý chưa thực hiện đúng quy định về bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chưa thực hiện đúng quy định về thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, cụ thể: Công ty bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và không tiến hành thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

- Đề nghị Công ty TNHH Việt - Ý chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, khắc phục bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và không tiến hành thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Yêu cầu Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Việt - Ý có mặt tại trụ sở của Phòng Cảnh sát môi trường - Công an tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Số 681 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (liên hệ đ/c Thượng úy Nguyễn Sĩ Hoàng Giang, sdt: 0345699986) vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 10/7/2023 (thứ hai) để làm việc và cung cấp các tài liệu có liên quan theo công văn số 198/PC05(Đ1) ngày 05/7/2023 của Phòng Cảnh sát môi trường.

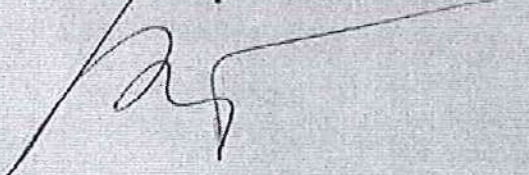
IV. Ý KIẾN CỦA CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

- Công ty TNHH Việt - Ý thống nhất với nội dung Biên bản làm việc, không có ý kiến giải trình về nội dung làm việc và cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu đúng thời gian.

- Quá trình làm việc, Tổ công tác đã thực hiện theo đúng quy trình, không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất bình thường của Công ty TNHH Việt - Ý.

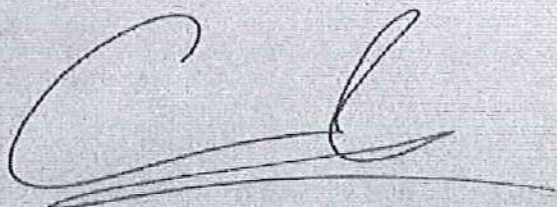
Buổi làm việc kết thúc hồi 15 giờ 00 phút ngày 05/7/2023, Biên bản làm việc được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, giao cho Công ty TNHH Việt - Ý giữ 01 bản và Tổ công tác giữ 02 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TNHH VIỆT - Ý



Nguyễn Sĩ Hoàng Giang

ĐẠI DIỆN TỔ CÔNG TÁC



Thượng úy Nguyễn Sĩ Hoàng Giang

Số: 1/1 -RNH/HĐ – KT/24

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Việt - Ý.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 20/04/2023) cho Công ty CP - Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại: 74.000621.T ngày 14 tháng 03 năm 2011 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Việt - Ý.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Việt - Ý theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700720094 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 8) ngày 25 tháng 05 năm 2023.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

Địa chỉ: Thửa đất số 391, TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3655222

Fax: 0274.3655225

Mã số thuế: 3700720094

Do Ông: **NÌM CHÍ HÙNG**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Mã khách hàng: 3700720094_BD

Ngành sản xuất: Sản xuất dây thun khoanh, dây thun quần, dây thun dùng cho tất (vớ) các loại.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG**

Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải chuyển giao trong hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/năm vào tháng 03/2024 và tháng 09/2024 (trừ chủ nhật, ngày lễ và ngày tết). (Số lượng $\leq 2.000\text{kg/lần}$).
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Việt - Ý (Địa chỉ: Thửa đất 391, TĐĐ số 16, Tờ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá vận chuyển và xử lý (đồng/năm)	Ghi chú
01	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	Hóa rắn hoặc Chôn	24.000.000	Nếu số lượng chất thải giao nhận $>2.000\text{ kg/lần}$ thì số lượng vượt đó sẽ được tính với đơn giá 6.000đ/kg
02	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	Thiêu đốt		
03	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt		
04	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt		
05	Bao bì dầu nhớt, hóa chất thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt		
06	Thùng phuy chứa dầu hóa dẻo và dầu paraffin thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt		
07	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa		
08	Chất thải y tế (bông băng, gạc...)	Rắn	13 01 01	Thiêu đốt		

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.

- Sau khi thu gom lần 1: tháng 03/2024, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT thu 50% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí phát sinh thực tế ngoài chi phí khoán (nếu có) cho bên A.
- Sau khi thu gom lần 2: tháng 09/2024, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT thu 50% giá trị hợp đồng còn lại tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí phát sinh thực tế ngoài chi phí khoán (nếu có) cho bên A..
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có thể truy cập vào website: www.biwase.com.vn để xem giấy báo thanh toán (nếu chưa thanh toán) và tải hóa đơn (nếu đã thanh toán). Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Phạm Thị Hồng Thu	Viety.bdg@gmail.com	0972054545

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH và biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.

ph

- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại chất thải không đúng với thông tin Danh mục chất thải quy định tại điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận chất thải nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.
- Bên B có quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH và biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

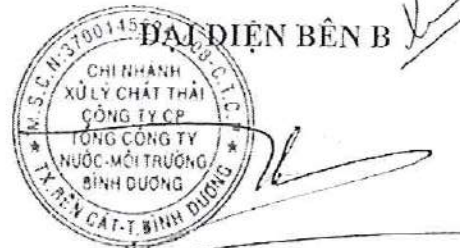
- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và sau khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ của mình theo qui định của các điều khoản ghi trên thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý.
- 5.3 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Ném Chí Hùng



Ngô Chí Cường



HỢP ĐỒNG

V/v Thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại) và rác sinh hoạt của Công Ty TNHH Việt-Ý.

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 539/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương ngày 25 tháng 12 năm 2023.
- Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 2014/2021/HĐNT ký ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh và Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ vào chức năng theo giấy phép kinh doanh của Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh do Sở Kế hoạch Và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 4) ngày 15 tháng 08 năm 2023.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Việt - Ý theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700720094 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 8) ngày 25 tháng 05 năm 2023.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197 Tổ 4, Khu phố Bà Tri, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3896688

Fax: 0274.3872626

MST: 3700892311 - 001

Do Bà **Lại Thị Kiều Phương**

Chức vụ: Giám Đốc làm đại diện

Nơi xử lý: Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Bình Dương theo hợp đồng kinh tế số 2014/2021/HĐNT ký ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bình Dương Tương Lai Xanh và Chi nhánh xử lý chất thải- Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Bình Dương.

BÊN B: CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

Địa chỉ: Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3655222

Fax: 0274.3655225

Mã số thuế: 3700720094

Do Ông: **NÌM CHÍ HÙNG**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Nghành sản xuất: Sản xuất dây thun khoanh, dây thun quần, dây thun dùng cho tất (vớ) các loại.

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên B đồng ý giao cho bên A thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại) và chất thải rắn sinh hoạt của bên B.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại) và chất thải rắn sinh hoạt được bên B thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên B tự trang bị.

- Nếu lô hàng chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại) và chất thải rắn sinh hoạt chuẩn bị chuyển giao không được phân loại theo quy định của pháp luật hiện hành mà để lẫn các loại chất thải với nhau thì Bên A sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.

- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên B có xác nhận của bên A. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên B thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên A.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom:

• Chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại): theo yêu cầu của khách hàng (trừ chủ nhật, ngày lễ và ngày tết).

• Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom 1 tuần/lần (trừ chủ nhật, ngày lễ và ngày tết).

- Địa điểm giao nhận: Tại Công ty TNHH Việt - Ý (Địa chỉ : Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP.Ông Đông, P.Tân Hiệp, TP.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải rắn công nghiệp (phát sinh từ hoạt động sản xuất):

Stt	Loại chất thải	Đơn giá xử lý (Đồng/kg)	Phí vận chuyển (đồng/chuyến)	Điều kiện lưu trữ
01	Chất thải rắn công nghiệp (không nguy hại): nút xốp, dây đai, giấy vụn, nilon, palett gỗ, nhựa vụn, kính vụn...	2.500	500.000	Bao bì

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Nếu khối lượng thu gom 01 lần < 2.000kg thì sẽ tính thêm phí vận chuyển 500.000đ/ chuyến. Khối lượng thu gom trên 2.000kg/lần thì không tính phí vận chuyển.

Đơn giá chất thải rắn sinh hoạt (phát sinh từ hoạt động của người lao động):

Stt	Loại chất thải	Số lượng (kg/tháng)	Đơn giá (VNĐ/tháng)	Điều kiện lưu trữ
01	Chất thải rắn sinh hoạt: rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng...	≤ 1.500	6.000.000 VNĐ	Bao bì

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Nếu khối lượng thu gom > 1.500 kg/tháng thì số lượng vượt đó sẽ được tính với đơn giá 1.500 VNĐ/kg

- Khi có thay đổi đơn giá, bên A sẽ báo cho bên B trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B.

- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên A theo thông tin dưới đây:

- **Tên tài khoản:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Bình Dương Tương Lai Xanh.
- **Số tài khoản:** 1 8 0 0 1 4 8 5 1 0 0 7 3 4 0.
- **Ngân hàng:** Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu VN – CNBD.

- Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời gian thanh toán trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn GTGT do bên A phát hành, nếu chậm trễ sẽ tính thêm lãi suất ngân hàng không kỳ hạn.

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

- Nếu Bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên A sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên B đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được nhận tiền do bên B thanh toán theo Điều 02.
- Bên A có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.

- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho bên B.

- Bên A sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp (không nguy hại) và chất thải sinh hoạt chuẩn bị chuyển giao của Bên B có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt. Bên A yêu cầu bên B thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.

- Quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

- Trong trường hợp phát hiện Bên B tự xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) và chất thải sinh hoạt không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên A có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Bảo đảm tuân thủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng như Điều 1; quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt và Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại được cấp.

- Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định hiện hành về quản lý chất thải thông thường và Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại được cấp trong khi thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt của Bên A.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Có quyền yêu cầu bên A thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên A vi phạm hợp đồng.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên A xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Chịu trách nhiệm phân định chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên A.

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 1.

- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên A theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1, Khoản 5.

- Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt quy định tại Điều 1, Khoản 2. Chịu trách nhiệm chi trả chi phí vận chuyển đối với lần đến vận chuyển không đúng quy định này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.

- Cử người cần xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên B sẽ phải nộp phạt cho bên A với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên A phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý theo mục 3.2.1 Điều 3 thì bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, bên A sẽ đến bên B thỏa thuận ký tiếp hợp đồng mới.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên B không tiếp tục giao chất thải cho bên A thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý..

5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) và có giá trị pháp lý ngang nhau.



Đại Thị Hiền Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nim Chi Hùng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3703221375

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 05 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIWASE ENVIRONMENT - TECHNOLOGY - SCIENCE COMPLEX ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH LIÊN HỢP KHCN MÔI TRƯỜNG BIWASE

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3543527

Fax: 0274 3542907

Email: xnxcetbd@gmail.com

Website: www.biwase.com.vn

3. Vốn điều lệ : 850.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm năm mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3700145694

Ngày cấp: 07/02/2006 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THANH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 01/01/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074080000155

Ngày cấp: 08/02/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 20/7, Bình Quới B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 20/7, Bình Quới B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

* Họ và tên: NGÔ CHÍ THĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074083000174

Ngày cấp: 08/02/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 21, An Hòa, Phường Hòa Lợi, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 21, An Hòa, Phường Hòa Lợi, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Thị Ngọc Hiền



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 30 tháng 1 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X.XL: G.4C.23.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Việt Ý

Địa chỉ: Phường DH. H09, KP. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Rác sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>600</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày: 10. tháng 01. năm 2022

.....
Só:

1. Tên chủ vận chuyển, xứ lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xứ lý: Lê Quang Huy Chức vụ: TX.KS. G.C. 23.P.H.D
2. Tên chủ nguồn thái : Công Ty TNHH Niết Y
Địa chỉ: Thị trấn DT. H. 9, KP. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương
Đại diện: Chức vụ:
3. Nội dung giao nhận chất thái giữa hai bên:

- ### 3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rau S.L. Hết	Kg	900	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn tài
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

by Queen Mary



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 9 tháng 1 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Trì, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: TX. Xe G4C. 22. P.H.O

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Niết Y

Địa chỉ: Phường DH. H09, KP. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Chất sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>800</u>			
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
	TỔNG CỘNG						

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X.Kế... G4C.22.2.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Niết Y

Địa chỉ: Đường DH. H09, KP. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Rác Sinh Hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>800</u>			
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 27 tháng 2 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xư lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xư lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X.K.C. 223.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Việt Ý

Địa chỉ: ĐH.HD.G, KP.Đông Hòa, P.Tân Hiệp, Tân Uyên, B.VN. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		<u>Rác Siêu tinh</u>	<u>kg</u>	<u>500</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

[Signature]
[Signature]
Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 20 tháng 2 năm 2023

Số:

- Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X.XL...G.C. 23.P.H.D
- Tên chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Viết Ý
Địa chỉ: Đ.H. H.Đ.Đ. K.P. Ông Hoàng P. Tân Hiệp...B. Vĩnh An...
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		<u>Rác sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>770</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 13 tháng 2 năm 2022

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHINHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: TX.XL: G4C.23.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Lôãg Tũ ĐHH Niê Y
Địa chỉ: Đường DH H109, KP Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Rác Solid Hout</u>	<u>kg</u>	<u>760</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 1 tháng 2 năm 2022

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHINHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: TX.XL...G4C.X2.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải :

Công Ty TNHH Niết Y

Địa chỉ: Đường DH 109, KP Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Rác sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>1000</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày ..6.. tháng ..3.. năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X.X.L. G.4C. 23.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Viết Ý

Địa chỉ: Đ.H. H.Đ.Đ. K.P. Công Đồng P. Tân Hiệp Tân Uyên B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		<u>Rác sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>900</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Số:

- Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: TX.XE: G4C.22.P.H.D
- Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Việt Ý
Địa chỉ: ĐH. H09, KP. Ông Hòa, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		<u>Rác Si & Hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>1000</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: TX.XL...G.C. 22.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Viết Ý

Địa chỉ: Đ.H. 100, K.P. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		<u>Rác sinh hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>800</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày .4 tháng .4 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688

Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: T.X. Kế: ...G.4G.223.P.H.D

2. Tên chủ nguồn thải : Công Ty TNHH Viết Ý

Địa chỉ: ĐH. H09, KP. Ông Hoàng, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, B. Bình Dương

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		<u>Rau S. 8 hoạt</u>	<u>kg</u>	<u>1150</u>	<u>✓</u>		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1100	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 27 tháng 4 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1450	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 8 tháng 5 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện:
- Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1000	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 15 tháng 5 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	300	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 22 tháng 5 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1050	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 5 tháng 6 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	200	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 12 tháng 6 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1000	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 20 tháng 6 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	600	✓		600
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 10 tháng 7 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	2800	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHINHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	180	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 24 tháng 7 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 29 tháng 7 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	230	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

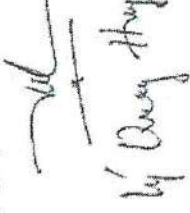
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1600	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1900	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

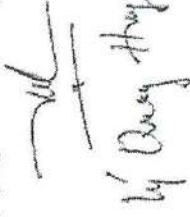
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	200	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 12 tháng 01 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1800	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 26 tháng 9 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1950	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 03 tháng 10 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	800	✓		600
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1650	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 17 tháng 10 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	300			
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1650	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 2 tháng 11 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1900	Kg		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 9 tháng 11 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xứ lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xứ lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1 X 0	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Số:

- Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40
- Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1600	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI
XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1350	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	450	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 7 tháng 12 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1700	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 9 tháng 12 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	120	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày: 14 tháng 12 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xứ lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xứ lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1300	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 23 tháng 12 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40
2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1300	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	kg		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 2 tháng 1 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1300	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 11 tháng 1 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1500	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 18 tháng 1 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	250	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 25 tháng 1 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1600	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 1 tháng 2 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	2200	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xứ lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xứ lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40
2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đồng, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	500	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 5 tháng 3 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	250	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40
2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1600	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40

2. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 4 tháng 4 năm 2024

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xứ lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xứ lý: Lý Quang Huy Chức vụ: 61C – 238.40
2. Tên chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH VIỆT Ý**
Địa chỉ: Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Sinh hoạt	Kg	1350			
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
12							
13							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 11... tháng 4... năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯƠNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40

2. Tên chủ nguồn thải : Cty TNHH Việt Y

Địa chỉ:

Tân Uyên, Bình Dương

ĐT:

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Chất thải lỏng	kg	400	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 17 tháng 4 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯƠNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : Cty TNHH Việt Y

Địa chỉ: Tân Hiệp, Tân Uyên, BD

ĐT: Chức vụ:
Đại diện:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác Si-X hạt	Kg	1500	✓		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 25 tháng 4 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH**
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : **Công ty TNHH Việt - Ý**
Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222
Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác sinh hoạt	Kg	220	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 7 tháng 5 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯỜNG LAI XANH
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý
Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222
Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác sinh hoạt	Kg	1900	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 14 tháng 5 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯỜNG LAI XANH
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý
Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222
Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác sinh hoạt	Kg	1300	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 21 tháng 5 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯƠNG LAI XANH
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý
Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222
Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác sinh hoạt	Kg	300	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 30 tháng 5 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG
TƯỜNG LAI XANH
Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD
Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626
Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40
2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý
Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222
Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác sinh hoạt	Kg	1700	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
TỔNG CỘNG							

ĐD. Chủ nguồn thải (Ký, ghi rõ họ, tên)
ĐD. Chủ xử lý (Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 4 tháng 6 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG

TUÔNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40

2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý

Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222

Đại diện: Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác sinh hoạt	Kg	1200	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
	TỔNG CỘNG						

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 11 tháng 06 năm 2024. Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG

TUÔNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40

2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý

Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222

Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
01		Rác sinh hoạt	Kg	250	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Lý Quang Huy



PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 29 tháng 06 năm 2024.

Số:

1. Tên chủ vận chuyển, xử lý: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG

TUÔNG LAI XANH

Địa chỉ: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, BD

Điện thoại: (0274) 3 896688 Fax: (0274) 3872626

Đại diện chủ xử lý: Lý Quang Huy Chức vụ: Tài xế xe 61C-238.40

2. Tên chủ nguồn thải : Công ty TNHH Việt - Ý

Địa chỉ: Thửa đất số 278, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH409, Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0274.3655222

Đại diện:Chức vụ:

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Mã CT	Tên chất thải	ĐVT	Số lượng	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng Bùn	
01		Rác sinh hoạt	Kg	1500	X		
02							
03							
04							
05							
06							
07							
08							
09							
10							
11							
		TỔNG CỘNG					

ĐD. Chủ nguồn thải
(Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐD. Chủ xử lý
(Ký, ghi rõ họ, tên)



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CN XỬ LÝ CHẤT THẢI

STT : 20240113-0142

PHIẾU CÁN GIAO NHẬN

Hàng hóa : RÁC CÔNG NGHIỆP
Khách hàng : CTY BD TƯƠNG L XANH
Số xe : 61H 05757

Trọng lượng tổng : 7.520 kg
Trọng lượng xe : 4.240 kg
Trọng lượng hàng : 3.280 kg
Số chứng từ : 20438
Kiểu cán : NHẬP HÀNG

Ngày giờ cân vào : 13/01/2024 10:06
Ngày giờ cân ra : 13/01/2024 10:42
Ghi chú : BDTLX

Ngày 13 Tháng 01 Năm 2024
Nhân viên trạm cân

Đơn vị bên giao
(hoặc đại diện đơn vị)



VÕ THANH TIẾN

(Phiếu này để nghị người giao chất thải giao lại cho người có trách nhiệm đơn vị, để cập nhật kịp thời phục vụ cho việc thanh toán)

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1 . Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ văn phòng: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222 Địa chỉ cơ sở: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222			
2 . Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH CÔNG TY CP BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH Địa chỉ văn phòng: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688 Địa chỉ cơ sở xử lý: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (dây thun vụn, bao bì giấy vụn, nilon...)	3280	61H – 057.57
	Tổng khối lượng	3280	
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, ngày 13 tháng 01 năm 2024 Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		Tân Uyên, ngày 13 tháng 01 năm 2024 Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	
		 LAI THỊ KIỀU PHƯƠNG	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/VY-ATN

“V/v Thu gom, vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại”

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH43 ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào hồ sơ năng lực của công ty TNHH Một thành viên Ân Thanh Nam và nhu cầu của Công ty TNHH Việt - Ý

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

Địa chỉ : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,

TX. Tân Uyên, Bình Dương

Điện thoại : 0274 3655 222

MST : **3700720094**

Đại diện : Ông **NİM CHÍ HÙNG**

Fax:

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ÂN THANH NAM

Địa chỉ : Số 6/22, Khu phố Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại : 0274.3823718

MST : **3702131224**

Số tài khoản :

Đại diện : Bà **Trịnh Thị Bích Vân**

Fax:

Chức vụ: **Chủ tịch kiêm Giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, Hai bên cùng đồng ý thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải công nghiệp không nguy hại (gọi tắt là tro, xỉ than) phát sinh trong quá trình hoạt động đốt lò hơi để sản xuất của bên A theo danh mục tại Điều 3 của hợp đồng này.

2. Thời gian thực hiện: từ ngày **05/9/2022** đến hết ngày **05/9/2023**.

3. Địa điểm tiếp nhận xỉ than: Tại **CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý**

Địa chỉ: Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Bên A:

1. Cung cấp các chứng từ chuyển giao tro, xỉ than có đầy đủ các thông tin, ký tên và đóng dấu của bên A khi chuyển giao tro, xỉ than cho bên B.
2. Cử nhân sự để giám sát và xác nhận số lượng tro, xỉ than.
3. Đảm bảo mặt bằng để xe ra vào, bốc xếp được thuận lợi.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của chất thải công nghiệp (là chất thải không chứa thành phần nguy hại).

Bên B:

1. Chịu trách nhiệm trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý tro, xỉ than từ kho của bên A đến nhà máy xử lý của bên B.
2. Đảm bảo giữ gìn trật tự, vệ sinh trong phạm vi của bên A trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển tro, xỉ than ra khỏi Công ty .
3. Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Chuyển cho bên A giấy giới thiệu nhân sự để thực hiện thu gom, vận chuyển tro, xỉ than.

ĐIỀU 3: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI

1. Đơn giá xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại:

Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý tro, xỉ than cho bên A hoàn toàn miễn phí.

Bên A chịu trách nhiệm bốc xếp hàng lên xe của bên B.

2. Thời hạn và phương thức bàn giao chứng từ:

2.1. Thời hạn lập và bàn giao chứng từ: trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A và bên B giao nhận chất thải trong tháng thì hai bên phải lập, trình ký và đóng dấu vào biên bản bàn giao nghiệm thu

mỗi tháng. Các chuyến xe phải được ghi nhận bằng phiếu xác nhận khối lượng giữa thủ kho và lái xe để làm căn cứ xác định khối lượng cuối tháng.

2.2. Mỗi tháng lập một chứng từ biên bản bàn giao nghiệm thu khối lượng cho tất cả các chuyến xe vận chuyển trong tháng.

2.3. Nếu một trong các bên không hoàn thành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng này dẫn đến thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ

Xử lý theo qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 5: GIẤY TỜ PHÁP LÝ

Bên A cung cấp cho bên B Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại và những giấy tờ pháp lý có liên quan.

Bên B chịu trách nhiệm lấy mẫu tro, xỉ than quan trắc - kiểm định mẫu tro, xỉ than để xác định là chất thải công nghiệp không chứa các thành phần nguy hại và chuyển cho bên A một bản kiểm định để lưu chứng từ.

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

1. Các bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết.
2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được sẽ đưa vụ tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Bên thua kiện phải chịu chi phí Luật sư và Án phí.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh trở ngại, hay có sự thay đổi về kế hoạch thực hiện hợp đồng, các bên phải thống nhất với nhau và làm phụ lục hợp đồng điều chỉnh đính kèm. Mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản ghi trong hợp đồng chỉ có giá trị khi các bên thỏa thuận bằng văn bản (phụ lục hợp đồng) có chữ ký đại diện của cả các bên.
2. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 05/9/2022 đến hết ngày 05/9/2023.

3. Sau khi hợp đồng hết thời hạn và các bên đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình cũng như không còn vướng mắc gì thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
4. Hợp đồng ký qua Fax có giá trị tương đương bản chính.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 2 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



Năm Chí Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc



Trịnh Thị Bích Vân



TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT

.....

1. Đền giao (Chủ nguồn thải, Chủ thu gom, Vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý
Địa chỉ Văn phòng : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,
TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.ĐT:
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,
TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.ĐT:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN AN THANH
Bên nhận (Chứa nội dung, Văn chuyển hoặc Chủ xử lý): Phòng Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

CTR^{NTT} chuyển giao (Kg)

Is. xi than da

Tổng khối lượng

4. Bên giao, bên xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tân Uyên, Ngày 15: Tháng 01... năm 2023
Bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Tân Uyên, Ngày 15. Tháng 01 năm 2023.
Bên nhân (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Hoàng Long

Yen Tuan Tzu

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, Chủ thu gom, Vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ Văn phòng : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam. ĐT: Địa chỉ cơ sở : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam. ĐT:			
			
2. Bên nhận (Chủ thu gom, Vận chuyển hoặc Chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN AN THANH Địa chỉ cơ sở : Khu phố Bình Đức, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Txo, xỉ than đã	60.000	
	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, bên xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, Ngày 26. Tháng 3. năm 2023 Bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  Nguyễn Hoàng Long		Tân Uyên, Ngày 26. Tháng 3. năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  Trần Phú Quỳ	

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT
Số:

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, Chủ thu gom, Vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý
Địa chỉ Văn phòng : Thửa đất 278, TBD 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,
TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.ĐT:
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất 278, TBD 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,
TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.ĐT:



2. Bên nhận (Chủ thu gom, Vận chuyển hoặc Chủ xử lý): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN AN THANH
Địa chỉ cơ sở : Thửa đất 278, TBD 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp,
TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.ĐT:

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Bèo, xỉ than đá	90.000	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, bên xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Tân Uyên, Ngày 30. Tháng 5...năm 2023.
Bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Hoàng Long

Tân Uyên, Ngày 30. Tháng 5...năm 2023.
Bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)


Nguyễn Văn An

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1. Bên giao (Chủ nguồn thải, Chủ thu gom, Vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ Văn phòng : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam. ĐT: Địa chỉ cơ sở : Thửa đất 278, TĐĐ 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam. ĐT: 3702 0131224 CÔNG TY TÂN NH CỘ MỘT THÀNH VIÊN Đã cấp: 18/06/2022 ĐC: 074 38237 ĐƯỜNG BÌNH DƯƠNG			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (Kg)	Ghi chú
1	Tro, xỉ than đã	96.000.	
	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, bên xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, Ngày 22. Tháng 8. năm 2023 Bên giao (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)		Tân Uyên, Ngày 22. Tháng 8. năm 2023 Bên nhận (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)	
 Nguyễn Hoàng Long		 Trần Đỗ Quan Sơn	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: nhận xử lý CTCNTT từ Công ty TNHH MTV Ân Thanh Nam

Số: 03012023/HĐKT/PDC-ATN

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự và Luật Thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị Định số 18/2005/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định về quy hoạch bảo vệ Môi Trường, đánh giá tác động của Môi Trường chiến lược và kế hoạch và bảo vệ môi trường.
- Căn cứ nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu
- Căn cứ thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/05/2015 của Bộ tài Nguyên và Môi Trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Danh mục chất thải không nguy hại, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài Nguyên và Môi trường về quản lý chất thải không nguy hại
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco đại diện hai bên gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH MTV ÂN THANH NAM

Địa chỉ : 6/22 Bình Đức 2, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0965 636 997

Fax : 0650 3759590

Mã số thuế : 3702131224

Đại diện : Bà TRỊNH THỊ BÍCH VÂN Chức vụ: Giám Đốc

Tài khoản : 559 220100 3323 Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Khu CN Sông Thân - CN Thị xã Thuận An

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO

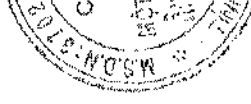
Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Điện thoại : 024 999 55 868

Email: info@pedaco.com.vn

Mã số thuế : 3401201904

Đại diện : Bà TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG Chức vụ : Tổng Giám Đốc



1

Tài khoản : 1014320908, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hồ Chí Minh
Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ này (sau đây gọi tắt là "Hợp Đồng")
với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận xử lý chất thải công nghiệp thông thường cho bên B xử lý.

- 1.1. Hợp đồng xử lý theo chuyển
- 1.2. Bên giao: Công Ty TNHH MTV Ân Thanh Nam
Bên Nhận: Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco – Khu liên hợp xử lý rác thải Thôn Tân Lý 1, Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.
- 1.3. Địa chỉ xử lý: Khu liên hợp xử lý rác thải Thôn Tân Lý 1, Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

ĐIỀU 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

TT	Tên hàng hóa	Trạng thái	Đơn giá (đ)
1.	Bùn thải công nghiệp có vi sinh	Bùn	Thỏa Thuận
2.	Xỉ tro công nghiệp	Rắn	Thỏa Thuận
3.	Xỉ trấu công nghiệp	Rắn	Thỏa Thuận
4.	Xỉ khuôn đúc, xỉ sắt công nghiệp	Rắn	Thỏa Thuận
5.	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Rắn	Thỏa Thuận

Ghi chú:

- Đơn giá trên là thỏa thuận được thể hiện chi tiết trong phụ lục hợp đồng
- Khi giao - nhận chất thải hai bên sẽ ký vào biên bản giao nhận chất thải (mỗi bên giữ một bản).
- Khối lượng chất thải sẽ được xác nhận thông qua trạm cân của bên B.

2.1 Điều khoản thanh toán:

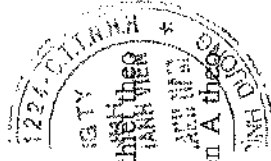
- Bên A thanh toán 100% giá trị dịch vụ cho Bên B theo hình thức chuyển khoản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được hồ sơ yêu cầu thanh toán hợp lệ của Bên B, bao gồm những chứng từ sau (bản Scan):

- a. Biên bản xác nhận từng lần giao - nhận, xử lý chất thải của Bên B với xác nhận của Bên A.
- b. Hóa đơn tài chính.
- Bên B giao lại tất cả chứng từ, hóa đơn gốc cho bên A trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được thanh toán của bên A.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- 3.1 Bên A có trách nhiệm tập kết chất thải theo đúng địa chỉ nêu tại mục 1.1 của điều 2 của hợp đồng.
- 3.2 Bên A cam kết các chất thải nêu tại điều 2 của hợp đồng là chất thải công nghiệp thông thường và không bị nhiễm bất cứ các thành phần nguy hại nào theo quy định của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường.
- 3.3 Bên A sẽ thông báo lịch thu gom chất thải cho Bên B biết trước ít nhất 2 ngày và thông báo về số lượng, loại chất thải cho bên B để bên B sắp xếp nhân sự và phương tiện làm việc.

- 3.4 Bên A thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn giá trị dịch vụ như đã nêu trong điều 2 của hợp đồng.
- 3.5 Khi có bất cứ sự thay đổi gì liên quan đến các chất thải mà đã nêu trong điều 2 của hợp đồng thì bên A phải báo ngay cho bên B biết để hai bên sẽ có sự thỏa thuận, bàn bạc để đưa ra hướng giải quyết hợp lý nhất.
- 3.6 Khi bên A phát sinh các chất thải ngoài những chất thải đã nêu trong điều 2 của hợp đồng mà muốn bên B thu gom và xử lý thì bên A báo cho bên B để làm phục lục hợp đồng về việc bổ sung các chất thải mới.



ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- 4.1 Bên B cam kết có đầy đủ và duy trì hiệu lực các chấp thuận và các giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến dịch vụ xử lý chất thải.
- 4.2 Bên B phải điều xe và nhân lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho bên A theo đúng quy định.
- 4.3 Bên B phải đảm bảo xử lý chất thải nêu tại điều 2 theo đúng tiêu chuẩn môi trường được Pháp luật quy định.
- 4.4 Khi bên B nhận được thông báo lịch thu gom của bên A thì phải có trách nhiệm phản hồi và xác nhận lại cho bên A biết bằng cách gọi mail, điện thoại ...
- 4.5 Bên B có trách nhiệm tiếp nhận chất thải của Bên A theo đúng như thời gian hai Bên đã thỏa thuận.
- 4.6 Bên B sẽ phát hành Biên Bản xác nhận khối lượng khi đi thu gom chất thải cho Bên A.
- 4.7 Bên B có trách nhiệm giao các chứng từ xử lý hợp lệ cho bên A.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Thời hạn hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký.

ĐIỀU 6: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, khi xảy ra những biến cố làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng và nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên như trong các trường hợp: hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, tai nạn, ... (gọi chung là sự kiện bất khả kháng), bên gặp sự kiện bất khả kháng phải báo cho bên kia trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được công nhận là bất khả kháng. Trong trường hợp bất khả kháng, không bên nào phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt vi phạm Hợp đồng.

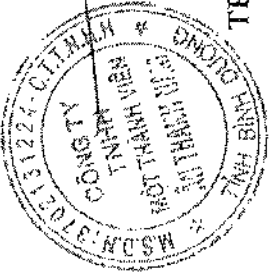
ĐIỀU 7: BẢO MẬT THÔNG TIN

- Trong suốt thời hạn Hợp đồng, các Bên phải nỗ lực hết sức để giữ gìn an toàn tất cả các thông tin có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này. Các Bên không được tiết lộ các thông tin liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu không được sự cho phép bằng văn bản của Bên kia trong thời hạn của Hợp đồng này hoặc tại bất kỳ thời

điểm nào sau thời hạn của Hợp Đồng này, trừ trường hợp Cơ quan chức năng yêu cầu cung cấp thông tin phù hợp với quy định của Pháp luật. Điều khoản này vẫn được áp dụng sau khi Hợp Đồng chấm dứt.

Hợp đồng này đã được kiểm tra và đồng ý bởi hai bên và được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc



TRINH THỊ BÍCH VÂN

ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám Đốc



TRUONG HONG PHUONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01
HỢP ĐỒNG SỐ: 03012023/HĐKT/PDC-ATN

Hôm nay, ngày **01** tháng **03** năm **2023**. Đại diện của hai bên gồm:

<u>Bên A</u>	: CÔNG TY TNHH MTV AN THANH NAM
Địa chỉ	: 6/22 Bình Đức 2, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	: 0965 636 997
Mã số thuế	: 3702131224
Đại diện	: Bà TRỊNH THỊ BÍCH VÂN Chức vụ: Giám Đốc
Tài khoản	: 559 220100 3323 Ngân Hàng Nông Nghiệp & PTNT Khu CN Sóng Thần - CN Thị xã Thuận An



<u>Bên B</u>	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO
Địa chỉ	: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận
Điện thoại	: 024 999 55 868
Mã số thuế	: 3401201904
Đại diện	: Bà TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Tài khoản	: 1014320908, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hồ Chí Minh



Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC.

Hai bên cùng thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng số 01 để Bổ sung các nội dung của Hợp đồng số 03012023/HĐKT/PDC-ATN ký ngày 03/01/2023 giữa Công ty TNHH MTV An Thanh Nam và Công ty Cổ phần Môi Trường Xanh Pedaco về Công tác giao chất thải công nghiệp thông thường cho bên B xử lý, cụ thể như sau:

Bổ sung đơn giá danh mục chất thải:

TT	Tên hàng hóa	Trạng thái	Đơn giá (đ)
1.	Bùn thải công nghiệp có vi sinh	Bùn	300
2.	Xỉ tro công nghiệp	Rắn	150
3.	Xỉ trấu công nghiệp	Rắn	150
4.	Xỉ khuôn đúc, xỉ sắt công nghiệp	Rắn	150

(Handwritten signature)

5.	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Rắn	500
----	--	-----	-----

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định của Nhà Nước.
- Đơn giá trên là đơn giá bên B nhận xử lý chất thải tại nhà máy bên B.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng phiếu cân và biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyển thu gom riêng biệt có chữ ký đại diện hai bên

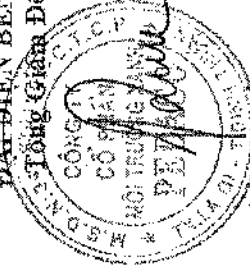
ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Phụ lục hợp đồng này là bộ phận không thể tách rời của hợp đồng nêu trên. Các điều khoản khác của hợp đồng chính vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.
- Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám Đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám Đốc



TRỊNH THỊ BÍCH VÂN

TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG



CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CN XỬ LÝ CHẤT THẢI

STT : 20240126-0286

PHIẾU CÁN GIAO NHẬN

Hàng hóa : RÁC CÔNG NGHIỆP
Khách hàng : CTY BD TƯỜNG L XANH
Số xe : 61C 18066

Trọng lượng tổng : 6.460 kg
Trọng lượng xe : 4.180 kg
Trọng lượng hàng : 2.280 kg
Số chứng từ : 10851
Kiểu cân : NHẬP HÀNG

Ngày giờ cân vào : 26/01/2024 13:23

Ngày giờ cân ra : 26/01/2024 14:05

Ghi chú :

Ngày 26 Tháng 01 Năm 2024

Đơn vị bên giao
(hoặc đại diện đơn vị)

Nhân viên trạm cân

NGUYỄN HOÀNG LONG

(Phiếu này để nghị người giao chất thải giao lại cho người có trách nhiệm đơn vị, để cấp nhật kịp thời phục vụ cho việc thanh toán)

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ văn phòng: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222 Địa chỉ cơ sở: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH CÔNG TY CP BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH Địa chỉ văn phòng: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688 Địa chỉ cơ sở xử lý: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (dây thun vụn, bao bì giấy vụn, nilon...)	2280	61C – 180.66
	Tổng khối lượng	2280	
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, ngày 26 tháng 01 năm 2024 Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		Tân Uyên, ngày 26 tháng 01 năm 2024 Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	
		 LẠI THỊ KIỀU PHƯƠNG	

PHIẾU CÁN GIAO NHẬN

Hàng hóa : RÁC CÔNG NGHIỆP
Khách hàng : CTY BD TƯƠNG L XANH
Số xe : 61H 05757

Trọng lượng tổng : 7.590 kg
Trọng lượng xe : 4.260 kg
Trọng lượng hàng : 3.330 kg
Số chứng từ : 10852
Kiểu cân : NHẬP HÀNG

Ngày giờ cân vào : 26/01/2024 13:26
Ngày giờ cân ra : 26/01/2024 13:49
Ghi chú :

Đơn vị bên giao
(hoặc đại diện đơn vị)

Ngày 26 Tháng 01 Năm 2024
Nhân viên trạm cân

NGUYỄN HOÀNG LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1 . Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ văn phòng: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222 Địa chỉ cơ sở: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương.- 0274.3655222			
2 . Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH CÔNG TY CP BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH Địa chỉ văn phòng: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 389 6688 Địa chỉ cơ sở xử lý: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Tri, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương ĐT: 0274 389 6688			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (dây thun vụn, bao bì giấy vụn, nilon...)	3330	61H – 057.57
	Tổng khối lượng	3330	
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, ngày 26 tháng 01 năm 2024 Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		Tân Uyên, ngày 26 tháng 01 năm 2024 Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	
		 LẠI THỊ KIỀU PHƯƠNG	

PHIẾU CÁN GIAO NHẬN

Hàng hóa : RÁC CÔNG NGHIỆP

Khách hàng : CTY BD TƯỜNG L XANH

Số xe : 61C 11347

Trọng lượng tổng : 6.870 kg

Ngày giờ cân vào : 29/01/2024 09:47

Trọng lượng xe : 3.850 kg

Ngày giờ cân ra : 29/01/2024 10:21

Trọng lượng hàng : 3.020 kg

Ghi chú :

Số chứng từ : 10873

Kiểu cân : NHẬP HÀNG

Ngày 29 Tháng 01 Năm 2024

Đơn vị bên giao

(hoặc đại diện đơn vị)

Nhân viên trạm cân

NGUYỄN HOÀNG LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		BIÊN BẢN GIAO CTRCNTT Số:	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý Địa chỉ văn phòng: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đồng, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương, - 0274.3655222 Địa chỉ cơ sở: TBD số 16, Tổ 4, Đường DH409, KP Ông Đồng, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương, - 0274.3655222			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH CÔNG TY CP BÌNH DƯƠNG TƯƠNG LAI XANH Địa chỉ văn phòng: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Trĩ, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688 Địa chỉ cơ sở xử lý: Số 197, tổ 4, khu phố Bà Trĩ, phường Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình DươngĐT: 0274 389 6688			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (đây thun vụn, bao bì giấy vụn, nilon...)	3020	61C – 113.47
	Tổng khối lượng	3020	
4. Bên giao, bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Tân Uyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024 Bên giao (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		Tân Uyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024 Bên nhận (ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	
		 LẠI THỊ KIỀU PHƯƠNG	



HỢP ĐỒNG

Số: 012024/HĐ-VIETY-XLCT

V/v: thu gom, vận chuyển và xử lý tro, xỉ than không nguy hại

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại TP. Hồ Chí Minh. Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH VIỆT - Ý

- Mã số doanh nghiệp: 3700720094
- Địa chỉ: Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH 409, KP Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3665 222 Fax: 0274 3665 225
- Đại diện: **Ông NİM CHÍ HÙNG**
- Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI COMMODITIES

- Mã số doanh nghiệp: 0316815023
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Thuận Hải, Lô Vb.20a2, Đường 24, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028 36226 880 Fax: 028 36227 880
- Đại diện: **Bà DƯƠNG THỊ MỸ LINH** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

BÊN C : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN

- Mã số doanh nghiệp: 3500742037
- Địa chỉ: Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Địa chỉ xử lý tro, xỉ than: Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (0254) 3603 150 Fax: (0254) 3923 760
- Đại diện: **Ông NGUYỄN QUÝ** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Sau khi thảo luận, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý tro, xỉ than không nguy hại (sau đây gọi tắt là “*tro, xỉ than*”) với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Bên B nhận thu gom, vận chuyển tro, xỉ than cho Bên A từ nguồn tro, xỉ than của Bên A đến khu xử lý chất thải của Bên C để xử lý theo đúng quy định.



- Phương tiện vận chuyển: Do xe Bên B chuyển chở, đảm bảo các yêu cầu về môi trường trong vận chuyển chất thải.
- Địa điểm thu gom: Công ty TNHH Việt - Ý tại Thửa đất số 391, TĐĐ số 16, Tổ 4, Đường DH 409, KP Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Địa điểm xử lý tro, xỉ than: Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

ĐIỀU 2. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

Phiếu cân, Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than trên mỗi chuyển sẽ được ba Bên cùng ký xác nhận. Mỗi Bên giữ một bản để làm cơ sở đối chiếu, thanh toán. Số liệu được ghi nhận tại trạm cân của Bên A sẽ được dùng làm cơ sở thanh toán. Vào ngày 26 hàng tháng, các Bên sẽ tiến hành lập Biên bản xác nhận khối lượng nghiệm thu hàng tháng dựa vào phiếu cân và Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than trên mỗi chuyển để làm cơ sở thanh toán.

2.1. Bên A:

- 1) Bên A cung cấp cho Bên B, Bên C sổ đăng ký chủ nguồn thải (tro, xỉ than) đồng thời hỗ trợ Bên B cho xe ra vào cổng thu gom vận chuyển tro, xỉ than.
- 2) Chuyển giao toàn bộ tro, xỉ than và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình tiếp nhận chuyển giao, vận chuyển tro, xỉ than ra khỏi địa điểm thu gom.
- 3) Bên A xác nhận số lượng, khối lượng tro, xỉ than chuyển giao, vận chuyển bằng cách ký vào Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than, phiếu cân theo đúng quy định và cung cấp cho Bên B khi Bên B đến thu gom chất thải tại địa điểm nguồn thải.
- 4) Đối chiếu, xác nhận số lượng tro, xỉ than đã chuyển giao với Bên B, Bên C vào ngày 26 hàng tháng và ký Biên bản xác nhận khối lượng nghiệm thu hàng tháng để làm cơ sở thanh toán.
- 5) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất kỳ Bên không liên quan nào.

2.2. Bên B:

- 1) Bên B sẽ thu gom tro, xỉ than của Bên A đã được chứa trong kho, sau đó vận chuyển đến khu xử lý chất thải của Bên C để xử lý theo đúng Hợp đồng và quy định pháp



luật, chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt pháp luật khi để phát sinh các sự cố trong quá trình vận chuyển tro, xỉ than.

2) Bên B phải cung cấp cho Bên A và Bên C các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A và Bên C yêu cầu.

3) Khi đến khu xử lý chất thải của Bên C, Bên B phải xuất trình phiếu cân, Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than theo đúng quy định cho Bên C.

4) Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí xử lý tro, xỉ than cho Bên C. Đơn giá sẽ được Bên B và Bên C bàn bạc, thống nhất đưa trên số lượng thực tế.

5) Bên B xác nhận số lượng, khối lượng tro, xỉ than thu gom, vận chuyển bằng cách ký vào phiếu cân, Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than theo đúng quy định.

6) Vào ngày 26 hàng tháng Bên B có trách nhiệm thống kê số lượng tro, xỉ than trong tháng đã được thu gom, vận chuyển và cung cấp cho Bên A, Bên C xác nhận và ký Biên bản xác nhận khối lượng nghiệm thu hàng tháng để làm cơ sở thanh toán. Nếu không có vấn đề, trước ngày 15 hàng tháng, Bên B cung cấp các chứng từ liên quan cho Bên A.

7) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất kỳ Bên không liên quan nào.

2.3. Bên C:

1) Đảm bảo tiếp nhận toàn bộ tro, xỉ than và bố trí khu vực thích hợp để xử lý tro, xỉ than do Bên B vận chuyển đến.

2) Bên C phải cung cấp cho Bên A và Bên B các hồ sơ pháp lý có liên quan (Bản photo) do Bên A và Bên B yêu cầu. Bên C đảm bảo Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại/Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động xử lý chất thải có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp các giấy phép/hồ sơ nói trên bị thu hồi hoặc hết hiệu lực thì Bên C có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên A và Bên B. Nếu Bên C không bổ sung, gia hạn được các giấy phép/hồ sơ nêu trên, Bên A, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho các công việc đã thực hiện bởi Bên C.

3) Chịu trách nhiệm xử lý tro, xỉ than đúng theo quy định pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật liên quan.



- 4) Trong trường hợp chất thải do Bên B thu gom, vận chuyển đưa về khu xử lý của Bên C có chứa thành phần nguy hại, Bên C có quyền không tiếp nhận.
- 5) Bên C đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt pháp luật khi để phát sinh các sự cố trong việc xử lý tro, xỉ than kể từ thời điểm Bên B bàn giao chất thải cho Bên C tại địa điểm xử lý chất thải.
- 6) Bên C xác nhận số lượng, khối lượng tro, xỉ than tiếp nhận, xử lý bằng cách ký vào phiếu cân, Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than theo đúng quy định.
- 7) Vào ngày 26 hàng tháng, Bên C có trách nhiệm thống kê số lượng tro, xỉ than đã xử lý cho Bên A của tháng đó để cung cấp cho Bên A, Bên B đối chiếu và ký xác nhận. Biên bản xác nhận khối lượng nghiệm thu hàng tháng để làm cơ sở thanh toán. Trước ngày 09 hàng tháng, Bên B và Bên C thống nhất khối lượng nghiệm thu và thông tin hóa đơn, Bên C sẽ gửi hóa đơn hợp lệ cho Bên B vào ngày 10 hàng tháng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ và hóa đơn hợp lệ của Bên C thì Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên C.
- 8) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất kỳ Bên không liên quan nào.

ĐIỀU 3. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 3.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 3.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Việt Nam (VTA) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này.
- 3.3. Hợp đồng này được lập, giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Các Bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, các Bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng cách thương lượng trên tinh thần hợp tác và các Bên cùng có lợi. Nếu một trong các Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo bằng văn bản cho các Bên còn lại trước một tháng.



- 4.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết hạn, nếu các Bên đã hoàn thành hết nghĩa vụ của mình như được quy định tại Hợp đồng này thì Hợp đồng xem như tự thanh lý. Nếu có nhu cầu tiếp tục Hợp tác, trước thời hạn Hợp đồng chấm dứt hiệu lực 01 tháng, các Bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận việc ký kết Hợp đồng mới.
- 4.3 Toàn bộ những sửa đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản và được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết.
- 4.4 Không Bên nào có quyền chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho một Bên khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của các Bên còn lại.
- 4.5 Hợp đồng này được lập thành 06 bản. Mỗi Bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



BÊN A

NÌM CHÍ HÙNG



BÊN B

DƯƠNG THỊ MỸ LINH



BÊN C

NGUYỄN QUÝ



-----000-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
(Chất thải công nghiệp thông thường)

Hôm nay, ngày 25/01/2024 tại VP Công ty TNHH MT Quý Tiến, chúng tôi gồm có

Bên A: CÔNG TY TNHH MT QUÝ TIẾN

Đại diện: Ông Trần Đình Hoàng Phát

Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI COMMODITIES

Đại diện: Võ Hữu Phước

Chức vụ: Phó phòng kinh doanh

Bên C: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Đại diện:

Chức vụ:

Cùng nhau lập bảng đối chiếu khối lượng từ ngày 02/01/2024 đến ngày 25/01/2024 như sau

STT	Ngày	Số xe	KL (kg)	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Ghi Chú
					Rắn	Lỏng	Bùn	
1	19/01/2024	51C-69992	17.990	Tro, xỉ than	x			
Tổng cộng			17.990					

Bảng đối chiếu này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thanh quyết toán

Bảng đối chiếu bán fax có giá trị như bản gốc



Đại diện Quý Tiến

Đại diện Thuận Hải
Commodities



Đại diện VIỆT Ý



Trần Đình Hoàng Phát

QUẬN 7 - TP. HCM
Võ Hữu Phước

Năm Chi Hùng

CÔNG TY TNHH MT
QUÝ TIẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
(*Chất thải công nghiệp thông thường*)

Hôm nay, ngày 25/02/2024 tại VP Công ty TNHH MT Quý Tiến, chúng tôi gồm có

Bên A: CÔNG TY TNHH MT QUÝ TIẾN

Đại diện: Ông Trần Đình Hoàng Phát

Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI COMMODITIES

Đại diện: Võ Hữu Phước

Chức vụ: Phó phòng kinh doanh

Bên C: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Đại diện:

Chức vụ:

Cùng nhau lập bảng đối chiếu khối lượng từ ngày 26/01/2024 đến ngày 25/02/2024 như sau

STT	Ngày	Số xe	KL (kg)	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại		Ghi Chú
					Rắn	Lỏng	
1	26/01/2024	51C-69871	18.390	Tro, xỉ than	x		
2	19/02/2024	51D-07512	17.990	Tro, xỉ than	x		
3	21/02/2024	51C-69505	18.010	Tro, xỉ than	x		
Tổng cộng			54.390				

Bảng đối chiếu này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thanh quyết toán
Bảng đối chiếu bản fax có giá trị như bản gốc

Đại diện Quý Tiến

Đại diện Thuận Hải

Đại diện VIỆT Ý



GIÁM ĐỐC

Võ Hữu Phước

Trần Đình Hoàng Phát

Trần Chí Hùng

CÔNG TY TNHH MT
QUÝ TIẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

(Chất thải công nghiệp thông thường)

Hôm nay, ngày 25/03/2024 tại VP Công ty TNHH MT Quý Tiến, chúng tôi gồm có

Bên A: CÔNG TY TNHH MT QUÝ TIẾN

Đại diện: Ông Trần Đình Hoàng Phát

Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI COMMODITIES

Đại diện: Võ Hữu Phước

Chức vụ: Phó phòng kinh doanh

Bên C: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Đại diện:

Chức vụ:

Cùng nhau lập bảng đối chiếu khối lượng từ ngày 26/02/2024 đến ngày 25/03/2024 như sau

STT	Ngày	Số xe	KL (kg)	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại		Ghi chú
					Rắn	Lỏng	
1	08/03/2024	51D-07512	18.010	Tro, xỉ than	x		
2	14/03/2024	51C-69992	20.000	Tro, xỉ than	x		
3	16/03/2024	50H-00319	18.640	Tro, xỉ than	x		
Tổng cộng			56.650				

Bảng đối chiếu này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thanh quyết toán
Bảng đối chiếu bản fax có giá trị như bản gốc

Đại diện Quý Tiến

Đại diện Thuận Hải
Commodities

Đại diện VIỆT Ý



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Hoàng Phát

Võ Hữu Phước

Năm Chi Hùng

CÔNG TY TNHH MT
QUÝ TIẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
(*Chất thải công nghiệp thông thường*)

Hôm nay, ngày 25/05/2024 tại VP Công ty TNHH MT Quý Tiến, chúng tôi gồm có

Bên A: CÔNG TY TNHH MT QUÝ TIẾN

Đại diện: Bà Hoàng Hồng Mộng Ngọc

Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI COMMODITIES

Đại diện: Võ Hữu Phước

Chức vụ: Phó phòng kinh doanh

Bên C: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Đại diện:

Chức vụ:

Cùng nhau lập bảng đối chiếu khối lượng từ ngày 26/04/2024 đến ngày 25/05/2024 như sau

STT	Ngày	Số xe	KL (kg)	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Ghi Chú
					Rắn	Lỏng	Bùn	
1	02/05/2024	50H-00305	17.130	Tro, xỉ than	x			
2	03/05/2024	50H-00346	18.150	Tro, xỉ than	x			
3	18/05/2024	51D-46016	19.280	Tro, xỉ than	x			
Tổng cộng			54.560					

Bảng đối chiếu này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thanh quyết toán
Bảng đối chiếu bán fax có giá trị như bản gốc



Đại diện Quý Tiến

Đại diện Thuận Hải
Commodities



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Hoàng Hồng Mộng Ngọc

Võ Hữu Phước

Đại diện VIỆT Ý
GIÁM ĐỐC



TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3800 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn Phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Chị TANH VIỆT-Y** Mã số QLCTNH: **74.000.621.7**
Địa chỉ văn Phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: **Tổ 4 KP Ông Đình, P Tân Mỹ, TX. ID** ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn	✓			160106	01	11R
2	Dầu nhớt thải		✓		170103	180	TD
3	Hộp mực in	✓			080104	02	TD
4	Củi lau	✓			180201	941	TD
5	Bao bì dầu nhớt	✓			180101	525	TD
6	Thùng nhựa chứa dầu	✓			180101	350	TD
7	Chất thải y tế	✓			180101	01	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tán thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: **G1C.1802G**

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: **Ngô Văn Tuấn** Ký: **me** Ngày: **14/03/2023**
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
..... ngày..... tháng..... năm.....
21 ngày..... tháng..... năm.....
02 tháng..... năm.....
2023



Năm Chí Hùng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày..... tháng..... năm.....
16 ngày..... tháng..... năm.....
2023



Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 11631 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH VIỆT Ý Mã số QLCTNH: 74.0006215

Địa chỉ văn Phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 104 KP Long Đồng, P. Tân Hiệp, TX. Bến Cát, ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bảng đèn huỳnh quang thải	✓			160106	01	HR
2	Dầu nhớt thải		✓		170103	198	TD
3	Gum² lau, gạt tay dính dầu nhớt	✓			180101	674	TD
4	Bao bì dầu nhớt, hơi chất thải	✓			180101	884	TD
5	Thùng phụ chứa dầu bôi trơn và dầu paraffin thải	✓			180101	242	TD
6	Bùn ốc quy chi thải	✓			190601	02	TD
7	Chất thải y tế (bông băng, gạc...)	✓			130101	02	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 18066

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ký: Ngày 08/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 08 tháng 09 năm 2023

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Nim Chi Hùng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 08 tháng 09 năm 2023

GIÁM ĐỐC
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP TÔNG CÔNG TY
NƯỚC-MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số 1 2 3 4
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Số: 16832 / 2024

Fax: 02743.542.907

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Xpôn Đông P Tân Hiệp Tân Uyên B0ĐT:

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 48/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX			
1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX ĐT: 0273. 542. 9066 Giấy phép môi trường : ĐT: 0273. 542. 644 539/GPMT-BTNMT ĐT: 0273. 542. 907					
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương							
2. Chủ xử lý CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn Phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH VIỆT - Ý		Mã số QLCTNH: 74000621T					
Địa chỉ văn Phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: 39/4 KP Ông Đống, P. Tân Hiệp, TX. Bến Cát		ĐT:					
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)							
Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu nhớt thải		✓		170203	148	TA
2	Hộp mực in thải	✓			08040A	01	TA
3	Chất lỏng gang tay dính dính	✓			180201	956	TA
4	Bao bì dầu nhớt, hộp chất thải	✓			180101	555	TA
5	Thùng phụ chứa dầu nhớt lỏng	✓			180101	340	TA
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:							
Số hiệu phương tiện:							
Ngày xuất cảng:							
Cửa khẩu nhập:							
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 18066	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ngô Văn Trị						Ký:	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:						Ngày: 14/03/2024	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)						8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4	
ngày 03 tháng 03 năm 2024						ngày 03 tháng 03 năm 2024	
							
@ Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒						PHÓ GIÁM ĐỐC	
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý qua 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)							

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

STT	Kết quả
1	Phiếu kết quả quan trắc khí thải, nước thải, không khí xung quanh (04 quý/2023).
2	Phiếu kết quả quan trắc khí thải, nước thải, không khí xung quanh (03 quý/2024).



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3838 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 15 tháng 09 năm 2023

- Tên mẫu: BÙN THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 28/08/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 29/08/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/08/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0823-45180	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết)
1	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	0,01	EPA method 1311 + EPA method 7196A(**)	< 0,01 (***)	5
2	Asen (As)	mg/L	0,0005	TCVN 6626:2000 & TCVN 9239:2012 (**)	0,003	2
3	Cadmi (Cd)	mg/L	0,0002	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 9239:2012 (**)	0,0035	0,5
4	Chì (Pb)	mg/L	0,06	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	< 0,06 (***)	15
5	Niken (Ni)	mg/L	0,05	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	0,07	70
6	Kẽm (Zn)	mg/L	0,02	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	3,22	250
7	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0005	TCVN 7877:2008 & TCVN 9239:2012(**)	< 0,0005 (***)	0,2
8	pH (H_2O)	-	0 - 14	EPA method 9045C + EPA method 9040D(**)	5,5	-
9	Bari (Ba) (a)	mg/L	0,06	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,06 (***)	100
10	Bạc (a)	mg/L	0,003	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	5
11	Coban (Co) (a)	mg/L	0,03	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,03 (***)	80

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0823-45180	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết)
12	Selen (a)	mg/L	0,003	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	1
13	Benzen (a)	mg/L	0,05	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	< 0,05 (***)	0,5
14	Tổng Phenol (a)	mg/L	0,15	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 8041A	< 0,15 (***)	1.000
15	Xyanua (CN ⁻) (a)	ppm	5	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5 (***)	51,92
16	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (a)	mg/L	3	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&F:2017	5	50

- **Ghi chú:** Vị trí lấy mẫu:

DV0823-45180: Sau hệ thống xử lý nước thải

-(**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

-(***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/zOFev)

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/zOFev](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/zOFev)

(a) Thông số được phân tích bởi Trung Tâm Phân Tích Và Đo Đặc Môi Trường Phương Nam Vimcerts 075

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3838 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 15 tháng 09 năm 2023

1. Tên mẫu: KHÍ THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 28/08/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 29/08/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/08/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0823-18521	QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	0 - 1000	HD-TN-KT (**)	103,8	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	10	US.EPA Method 5 (**)	23	160
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	18,8	HD-HT-TES (**)	102	680
4	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	0 - 3210336	HD-TN-KT	26.058	-
5	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	11,4	HD-HT-TES (**)	252	800
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	26,2	HD-HT-TES (**)	< 26,2 (***)	400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): kp: 1; kv: 0,8;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0823-18521: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nhiên liệu đốt là than đá
 - (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/mynNo>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3838 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 15 tháng 09 năm 2023

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 28/08/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 29/08/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/08/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0823-57543	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011(***)	7,9	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008 (***)	6	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999(***)	13	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (***)	12	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 (***)	7,8	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008(***)	0,65	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995(***)	0,14	4,95
8	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	TCVN 6187-2:1996 (***)	150	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2017 (***)	< 0,3 (***)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015(***)	7	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $Kq=0.9$; $Kf=1.1$;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0823-57543: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/rMduX>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3838 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 15 tháng 09 năm 2023

- Tên mẫu: NƯỚC MẶT
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 28/08/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 29/08/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/08/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0823-98669	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (A2)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(X**)	6,2	6 - 8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016 ^(**)	2,4	-
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(**)	< 0,01 ^(***)	0,3
4	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	6	5
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	0,042	0,05
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	0,13	0,2
7	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008 ^(X**)	5	6
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220(C):2017 ^(X**)	12	15
9	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	TCVN 6187-2:1996 ^(X**)	1,500	5.000
10	Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520-B-2017 ^(**)	< 0,1 ^(***)	0,5
11	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 ^(X**)	9	30

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0823-98669: Trên suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/eH0Fc>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5652 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2023

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 08/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 11/12/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV1223-62277	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^{(*)(**)}	7,7	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2002 ^{(*)(**)}	< 7 (***)	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999 ^{(*)(**)}	13	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 ^{(*)(**)}	5	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 ^{(*)(**)}	4,2	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008 ^{(*)(**)}	0,03	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995 ^{(*)(**)}	2,1	4,95
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 92221 B:2023 ^(**)	110	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2023 ^{(*)(**)}	< 1 (***)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185C:2015 ^{(*)(**)}	19	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $Kq=0,9$; $Kf=1,1$;
- Vị trí lấy mẫu:
DV1223-62277: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/PTKMY](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/PTKMY)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5652 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2023

- Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 08/12/2023
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 11/12/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV1223-99553		
1	Nitơ đioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009(**)	31,1	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995(**)	< 10 (***)	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)(**)	70	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2022/BTNMT (*)(**)	30,6	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2022/BTNMT (*)(**)	71,3	-	-
6	Hydro sunphua (H ₂ S) (µg/m ³)	MASA 701(**)	< 5 (***)	-	-
7	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO(**)	< 2.500 (***)	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV1223-99553		
8	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	64,8	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	68,2	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
10	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	60,4	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV1223-99553: Khu vực ra vào cổng công ty
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/FY342>

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5652 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2023

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 08/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 11/12/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả					Quy chuẩn	Giới hạn
			DV1223-22834	DV1223-19037	DV1223-33134	DV1223-37409	DV1223-24490		
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5067-1995 (*)(**)	72	63	62	60	65	QCVN 02:2019/BYT	8.000
2	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2022/ BTNMT (*)(**)	68,6	69,4	66,8	67,8	69,6	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	40-80
3	Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	QCVN 46:2022/ BTNMT (*)(**)	31,5	31,7	31,8	31,2	30,7	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	18-32
4	Lưu huỳnh đioxit (SO_2) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5971-1995(**)	< 10 (***)	< 10 (***)	-	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	5.000
5	Hydro sunphua (H_2S) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	MASA 701(**)	< 5 (***)	< 5 (***)	-	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV1223-22834: Khu vực máy nghiền luyện kín

DV1223-19037: Khu vực lưu hóa

DV1223-33134: Khu vực tạo ống, nong ống

DV1223-37409: Khu vực quay ly tâm

DV1223-24490: Khu vực sản xuất dây thun cột tóc

- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/sM8SH](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/sM8SH)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5652 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2023

1. Tên mẫu: KHÍ THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 08/12/2023
4. Điều kiện lấy mẫu:
5. Ngày nhận mẫu: 11/12/2023
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV1223-46900	QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	HD-TN-KT (**)	109,2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US.EPA Method 5 (**)	12	160
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	89	680
4	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	HD-TN-KT	27.279	-
5	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	363	800
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	< 26,2 (***)	400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): kp: 1; kv: 0,8;
- Vị trí lấy mẫu:
DV1223-46900: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nhiên liệu đốt là than đá
- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/0aFJL](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/0aFJL)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HỒNG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 5652 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2023

- Tên mẫu:** NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu:** 08/12/2023
- Điều kiện lấy mẫu:**
- Ngày nhận mẫu:** 11/12/2023
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV1223-62277	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(*) (**)	7,7	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:20021 ^(*) (**)	< 7 (***)	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999 ^(*) (**)	13	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 ^(*) (**)	5	49,5
5	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000 ^(*) (**)	4,2	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*) (**)	0,03	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995 ^(*) (**)	2,1	4,95
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 92221 B:2023 ^(**)	110	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2023 ^(*) (**)	< 1 (***)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185C:2015 ^(*) (**)	19	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $Kq=0,9$; $Kf=1,1$;
- Vị trí lấy mẫu:
DV1223-62277: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/PTKMY)

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/PTKMY](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/PTKMY)

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $K_q=0,9$; $K_f=1,1$;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0124-26727: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 613 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2024

- Tên mẫu: NƯỚC MẶT
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 26/01/2024
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 29/01/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/01/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0124-95122	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (Bảng 2 B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(*) (**)	6,0	6 - 8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016 ^(**)	3,1	≥ 5,0
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(**)	< 0,03 ^(***)	-
4	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	0,5	-
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	0,054	0,05
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 ^(**)	< 0,06 ^(***)	0,2
7	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2021 ^(*) (**)	3	≤ 6
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220(C):2023 ^(*) (**)	6	≤ 15
9	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B.2023 ^(**)	1.500	≤ 5.000
10	Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520-B-2023 ^(**)	< 1 ^(***)	5
11	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 ^(*) (**)	9	≤ 100

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0124-95122: Trên suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn

-(*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

-(**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

-(***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 613 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2024

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 26/01/2024
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 29/01/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/01/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0124-26727	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011(*)(**)	8,3	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:20021 (*)(**)	7	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999(*)(**)	13	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)(**)	5	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)(**)	4,2	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008(*)(**)	0,38	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995(*)(**)	1,47	4,95
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 92221 B:2023 (**)	200	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2023 (*)(**)	< 1 (***)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185C:2015(*)(**)	16	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $K_q=0,9$; $K_f=1,1$;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0124-26727: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 613 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2024

- Tên mẫu:** KHÍ THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu:** 26/01/2024
- Điều kiện lấy mẫu:**
- Ngày nhận mẫu:** 29/01/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 29/01/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0124-82309	QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	HD-TN-KT (**)	101,2	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US.EPA Method 5 (**)	9	160
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	122	680
4	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	HD-TN-KT	24.836	-
5	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	146	800
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	< 26,2 (***)	400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): kp: 1; kv: 0,8;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0124-82309: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nhiên liệu đốt là than đá
- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 613/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2024

- Tên mẫu: BÙN THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 26/01/2024
- Điều kiện lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu: 29/01/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 29/01/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0124-84549	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết)
1	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	EPA method 1311 + EPA method 7196A(**)	< 0,2 (***)	5
2	Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000 & TCVN 9239:2012 (**)	0,0287	2
3	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 9239:2012 (**)	0,0004	0,5
4	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	< 0,06 (***)	15
5	Niken (Ni)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	0,07	70
6	Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	0,36	250
7	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008 & TCVN 9239:2012(**)	< 0,0005 (***)	0,2
8	pH (H_2O)	-	EPA method 9045C + EPA method 9040D(**)	7,2	-
9	Bari (Ba) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,06 (***)	100
10	Bạc (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	5
11	Coban (Co) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,03 (***)	80
12	Selen (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	1

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0124-84549	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết)
13	Benzen (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	< 0,05 (***)	0,5
14	Tổng Phenol (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 8041A	< 0,15 (***)	1.000
15	Xyanua (CN ⁻) (a)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5 (***)	51,92
16	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&F:2017	5,6	50

- **Ghi chú:** Vị trí lấy mẫu:

DV0124-84549: Sau hệ thống xử lý nước thải

-(**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

-(***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

(a) Thông số được phân tích bởi Trung Tâm Phân Tích Và Đo Đặc Môi Trường Phương Nam Vimcerts 075

**PHÓ TRƯỞNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

1. Tên mẫu: BÙN THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
3. Ngày lấy mẫu: 14/05/2024
4. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng
5. Ngày nhận mẫu: 15/05/2024
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-54298	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết)
1	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	EPA method 1311 + EPA method 7196A(**)	< 0,2 (***)	5
2	Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000 & TCVN 9239:2012 (**)	0,0076	2
3	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + TCVN 9239:2012 (**)	0,0007	0,5
4	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	< 0,06 (***)	15
5	Niken (Ni)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	0,05	70
6	Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 6193:1996 + TCVN 9239:2012(**)	1,05	250
7	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008 & TCVN 9239:2012(**)	< 0,0005 (***)	0,2
8	pH (H_2O)	-	EPA method 9045C + EPA method 9040D(**)	6,8	-
9	Bari (Ba) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,06 (***)	100
10	Bạc (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	5
11	Coban (Co) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,03 (***)	80
12	Selen (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	1

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-54298	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết)
13	Benzen (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	< 0,05 (***)	0,5
14	Tổng Phenol (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 8041A	< 0,15 (***)	1.000
15	Xyanua (CN ⁻) (a)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5 (***)	51,92
16	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&F:2017	6,1	50

- **Ghi chú:** Vị trí lấy mẫu:

DV0524-54298: Tại hồ chứa bùn

- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/vZX32)

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/vZX32](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/vZX32)

(a) Thông số được phân tích bởi Trung Tâm Phân Tích Và Đo Đặc Môi Trường Phương Nam Vimcerts 075

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu:** KHÔNG KHÍ
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu:** 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu:** trời nắng
- Ngày nhận mẫu:** 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0524-09667		
1	Nitơ đioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137-2009(**)	39	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) (µg/m ³)	TCVN 5971-1995(**)	< 10 (***)	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (µg/m ³)	TCVN 5067-1995 (*)(**)	70	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2022/BTNMT (*)(**)	30,6	-	-
5	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2022/BTNMT (*)(**)	63,4	-	-
6	Hydro sunphua (H ₂ S) (µg/m ³)	MASA 701(**)	< 5 (***)	-	-
7	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO(**)	< 2.500 (***)	QCVN 05:2023/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0524-09667		
8	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	57,6	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	60,4	-	-
10	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)(**)	55,3	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0524-09667: Khu vực ra vào cổng công ty
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/Gdy4Q>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu: trời nắng
- Ngày nhận mẫu: 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả					Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0524- 46730	DV0524- 34057	DV0524- 47171	DV0524- 46606	DV0524- 27750		
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5067- 1995 (*(**)	68	61	55	53	53	QCVN 02:2019/BYT	8.000
2	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2022/ BTNMT (*(**)	60,4	61,2	58,4	60,4	60,5	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	40-80
3	Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	QCVN 46:2022/ BTNMT (*(**)	31,2	30,8	31,6	31,7	31,4	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	18-32
4	Lưu huỳnh đioxit (SO_2) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5971- 1995(**)	< 10 (**)	< 10 (**)	-	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	5.000
5	Hydro sunphua (H_2S) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	MASA 701(**)	< 5 (**)	< 5 (**)	-	-	-	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
 - DV0524-46730:** Khu vực máy nghiền luyện kín
 - DV0524-34057:** Khu vực lưu hóa
 - DV0524-46606:** Khu vực quay ly tâm
 - DV0524-27750:** Khu vực sản xuất dây thun cột tóc
 - DV0524-47171:** Khu vực tạo ống, nong ống
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/bD8Ge>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu:** KHÍ THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu:** 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu:** trời nắng
- Ngày nhận mẫu:** 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-08809	QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	HD-TN-KT (**)	95,8	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	US.EPA Method 5 (**)	14	160
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	103	680
4	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	HD-TN-KT	26.872	-
5	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	252	800
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	< 26,2 (***)	400

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): kp: 1; kv: 0,8;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0524-08809: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nhiên liệu đốt là than đá
- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/XS26D)
[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/XS26D](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/XS26D)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu: trời nắng
- Ngày nhận mẫu: 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-16282	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)(**)	8,2	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2021 (*)(**)	11	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999 (*)(**)	26	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)(**)	15	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 (*)(**)	10,6	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008 (*)(**)	0,54	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995 (*)(**)	2,24	4,95
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 92221 B:2023 (**)	240	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2023 (*)(**)	< 1 (**)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185C:2015 (*)(**)	3	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $Kq=0,9$; $Kf=1,1$;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0524-16282: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/fOKsh>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ths. BÙI HỒNG NGÀ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu: 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu: trời nắng
- Ngày nhận mẫu: 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-16282	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 (*(**)	8,2	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:20021 (*(**)	11	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999 (*(**)	26	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*(**)	15	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000 (*(**)	10,6	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008 (*(**)	0,54	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995 (*(**)	2,24	4,95
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 92221 B:2023 (**)	240	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520(B&F):2023 (*(**)	< 1 (***)	4,95
10	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185C:2015 (*(**)	3	50

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $Kq=0,9$; $Kf=1,1$;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0524-16282: Sau hệ thống xử lý nước thải
- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/fOKsh](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/fOKsh)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ths. BUI HỒNG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 2251 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 23 tháng 05 năm 2024

- Tên mẫu:** NƯỚC MẶT
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Ngày lấy mẫu:** 14/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu:** trời nắng
- Ngày nhận mẫu:** 15/05/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: Tân Uyên
- Đơn vị lấy mẫu:** PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 15/05/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0524-28479	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2 B)
1	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)**	6,1	6 - 8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016 (**)	2,7	≥ 5,0
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (**)	< 0,03 (***)	-
4	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 (**)	1,9	-
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 (**)	< 0,015 (***)	0,05
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	TCVN 6494-1:2011 (**)	0,2	0,2
7	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2021 (*)**	4	≤ 6
8	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220(C):2023 (*)**	8	≤ 15
9	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221 B.2023 (**)	1.400	≤ 5.000
10	Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520-B-2023 (**)	< 1 (***)	5
11	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625 -2000 (*)**	10	≤ 100

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0524-28479: Trên suối Ông Đông cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/NtmRp](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/NtmRp)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BUI HỒNG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3783 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2024

- Tên mẫu:** BÙN THẢI
- Nơi lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu:** 30/07/2024
- Ngày nhận mẫu:** 31/07/2024
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu:** CÔNG TY TNHH VIỆT Ý
Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Kết quả:**

Ngày thử nghiệm: 31/07/2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0724-83831	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngậm chiết)
1	pH (H ₂ O)	-	US EPA Method 9045(C) & US EPA Method 9040(D)(**)	6,5	-
2	Asen (As)	mg/L	TCVN 9239:2012 + TCVN 6626:2000(**)	0,0028	2
3	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 9239:2012 + SMEWW 3113B:2023(**)	< 0,0002 (***)	0,5
4	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 9239:2012 + TCVN 6193:1996(**)	< 0,06 (***)	15
5	Kẽm (Zn)	mg/L	TCVN 9239:2012 + TCVN 6193:1996(**)	0,45	250
6	Niken (Ni)	mg/L	TCVN 9239:2012 + TCVN 6193:1996(**)	0,08	70
7	Thủy Ngân (Hg)	mg/L	TCVN 9239:2012 + TCVN 7877:2008(**)	< 0,0005 (***)	0,2
8	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196(A)(**)	< 0,2 (***)	5
9	Bari (Ba) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,06 (***)	100
10	Bạc (Ag) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,03 (***)	5
11	Coban (Co) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	< 0,03 (***)	80

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0724-83831	QCVN 50:2013/ BTNMT (Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết)
12	Selen (Se) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	< 0,003 (***)	1
13	Tổng Xyanua (a)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5 (***)	-
14	Tổng Phenol (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 8041A	< 0,15 (***)	1.000
15	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&F:2023	5,8	50
16	Benzen (a)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	< 0,05 (***)	0,5

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0724-83831: Tại hồ chứa bùn

- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

- (***): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại [https://cenlab-](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/1vTQS)

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/1vTQS](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/1vTQS)

(a) Thông số được phân tích bởi Trung Tâm Phân Tích Và Đo Đặc Môi Trường Phương Nam Vimcerts 075

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BUI HONG NGA

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3783 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2024

1. Tên mẫu: KHÍ THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 30/07/2024

4. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng

5. Ngày nhận mẫu: 31/07/2024

Ngày thử nghiệm: 31/07/2024

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0724-67039	QCVN 19:2009/BTNMT (B)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5 (**)	11	144
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	< 26,2 (***)	360
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	120	612
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	HD-HT-TES (**)	173	720
5	Nhiệt độ	°C	HD - TN – KT (**)	100,2	-
6	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	Method 2 – EPA	28.908	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): $K_p=0.9$; $K_v=0.8$;

- Vị trí lấy mẫu:

DV0724-67039: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nhiên liệu đốt là than đá

- (**): Phép thử được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (VIMCERTS-002)

- (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab->

[v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/geBKV](https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/geBKV)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BUI HONG NGA

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 3783 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2024

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI

2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Ngày lấy mẫu: 30/07/2024

4. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng

5. Ngày nhận mẫu: 31/07/2024

Ngày thử nghiệm: 31/07/2024

6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: khu phố Ông đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
				DV0724-21201	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	pH	-	TCVN 6492:2011(*)(**)	7,2	6-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2021(*)(**)	7	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	TCVN 6491:1999(*)(**)	16	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000(*)(**)	8	49,5
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)(**)	10,9	19,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008(*)(**)	0,77	3,96
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995(*)(**)	0,42	4,95
8	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221(B):2023(**)	250	3.000
9	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015(C)(*)(**)	7	50
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023(*)(**)	< 1 (***)	4,95

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): $K_q=0.9$; $K_f=1.1$;
 - Vị trí lấy mẫu:
DV0724-21201: Sau hệ thống xử lý nước thải
 - (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
 - (***) : Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.
Tra cứu trực tuyến tại <https://cenlab-v2.moitruongbinhduong.gov.vn/Customer/SearchReport/search/JKi4M>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. BÙI HỒNG NGÀ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

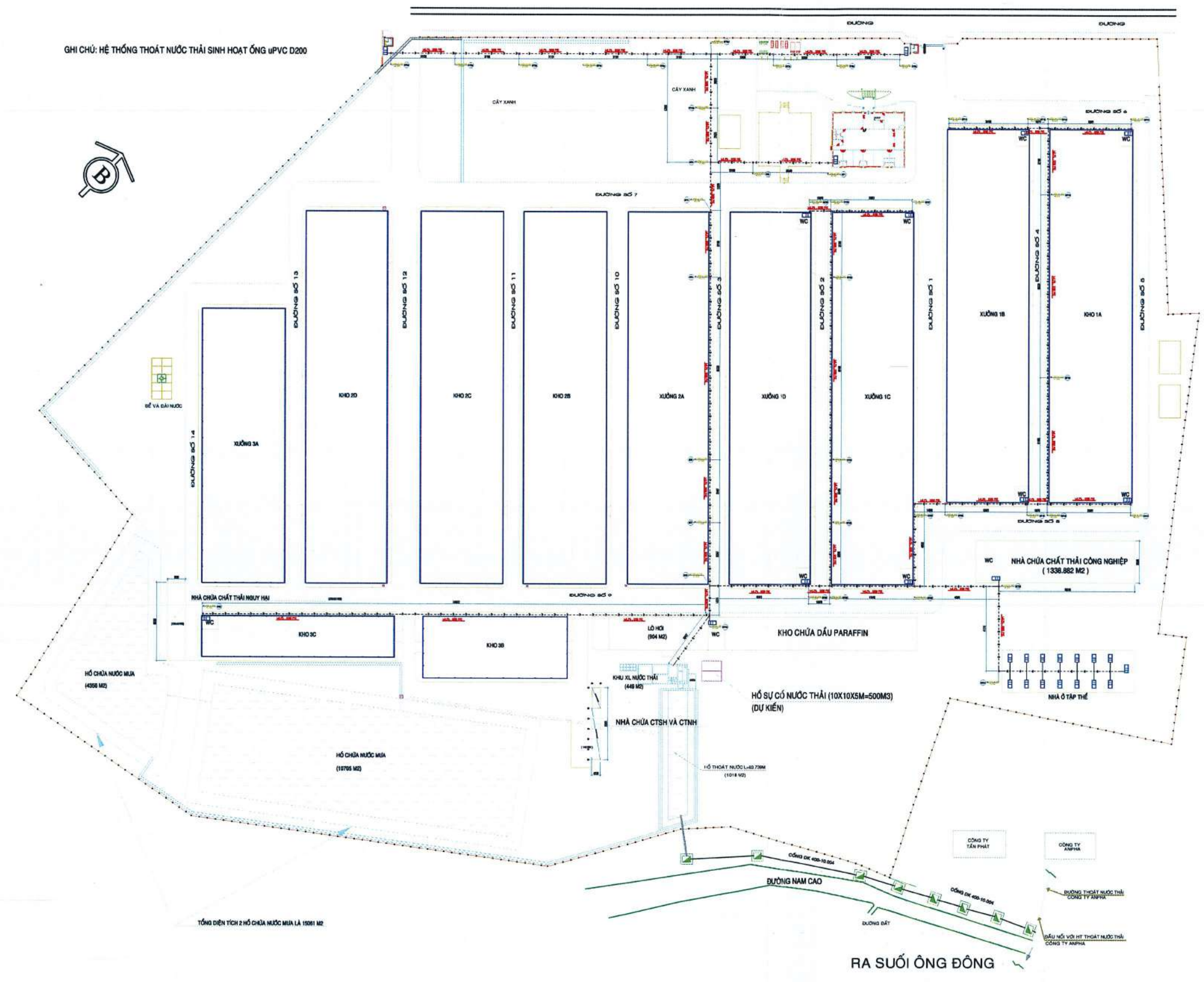


NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

PHỤ LỤC III: BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT

GHI CHÚ: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT ỐNG UPVC D200



Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

M.S.D.N. 0720094-G.T.T.N.H.H

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

TP. TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nim Chi Hùng

Đơn vị thực hiện/ Contractor:

Địa chỉ:

Điện thoại:

FAX:

Phó Giám đốc/ Vice Director:

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên công trình/ Project name:

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT

THIẾT KẾ SƠ BỘ

THIẾT KẾ CƠ SỞ

TRÌNH DUYỆT

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HOÀN CÔNG

CONCEPT DRAWING

PRELIMINARY DRAWING

YOUR APPROVAL

CONSTRUCTION DRAWING

AS - BUILT DRAWING

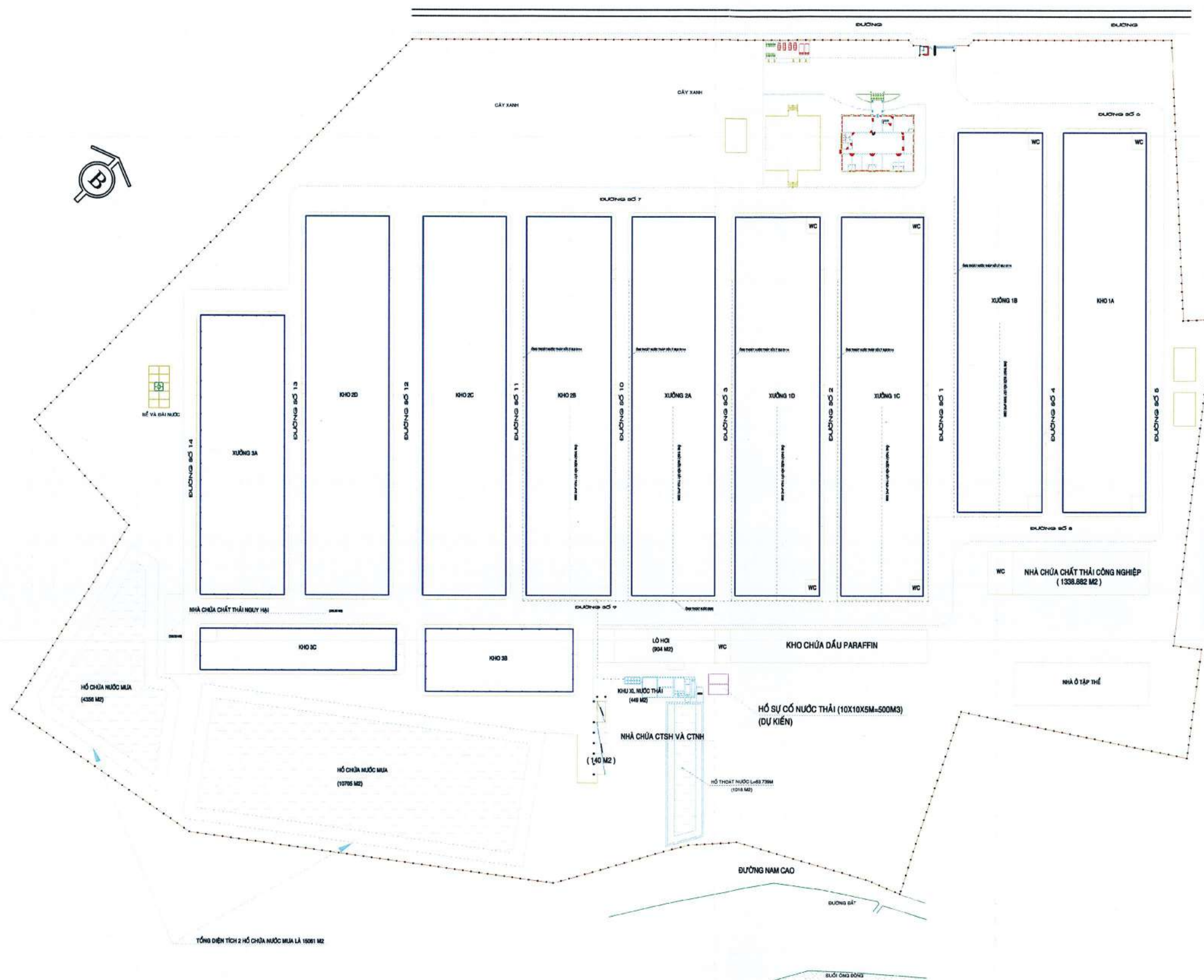
Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Giám đốc/ Director:



Đơn vị thực hiện/ Contractor

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ FAX: _____

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên công trình/ Project name:

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM
THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG	☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

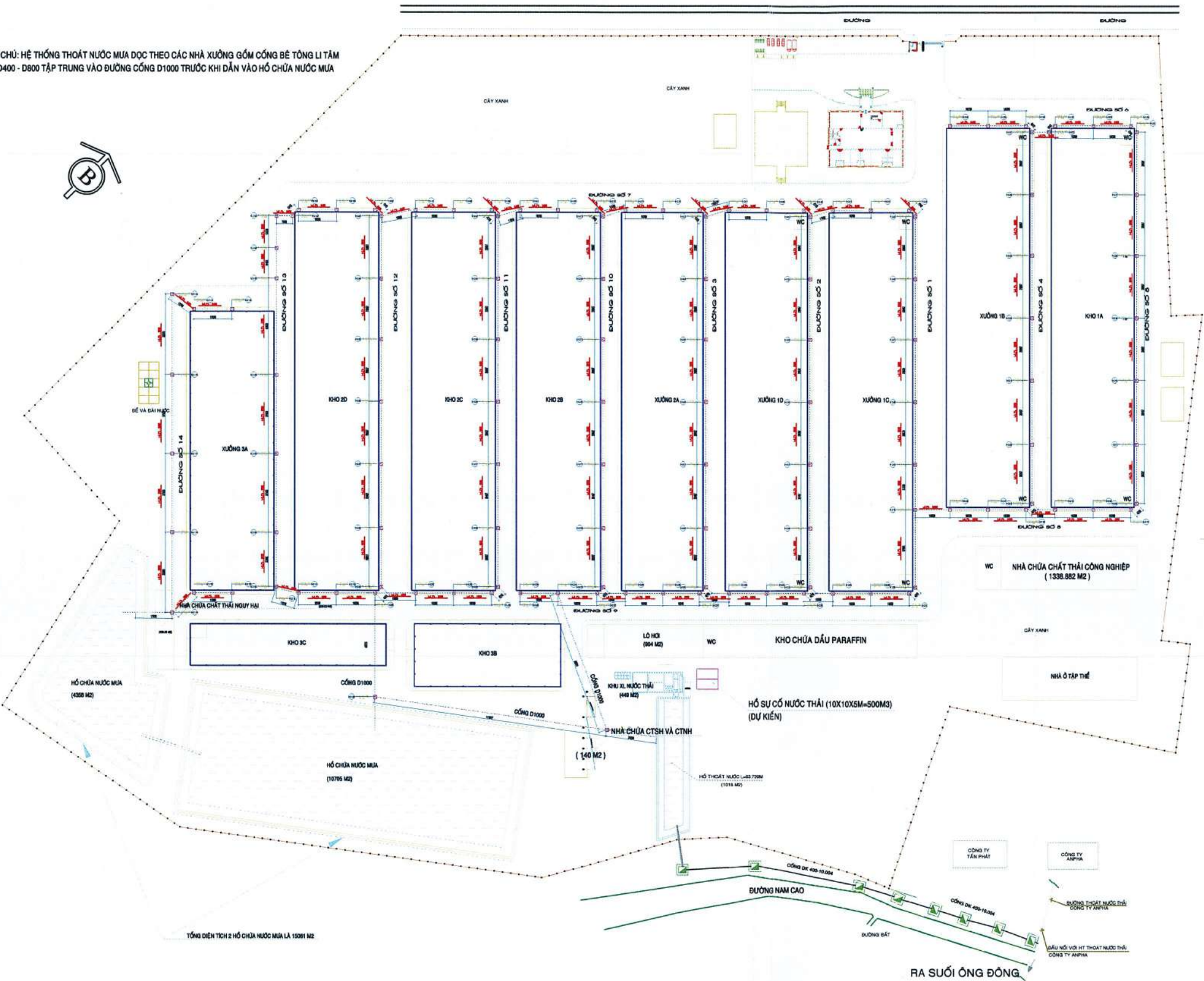
Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA

GHI CHÚ: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA DỌC THEO CÁC NHÀ XƯỞNG GỒM CỐNG BÊ TÔNG LI TÂM TỪ D400 - D800 TẬP TRUNG VÀO ĐƯỜNG CỐNG D1000 TRƯỚC KHI DẪN VÀO HỒ CHỨA NƯỚC MƯA



Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Giám đốc/ Director:

CÔNG TY
TNHH
VIỆT-Y

TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG

Đơn vị thực hiện/ Contractor

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by

Vẽ/ Drawn by

Tên công trình/ Project name

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA

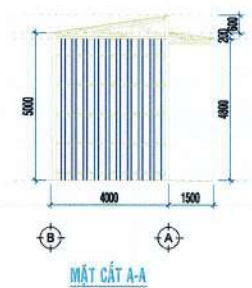
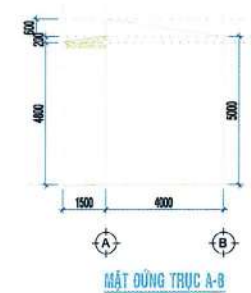
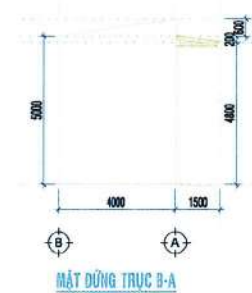
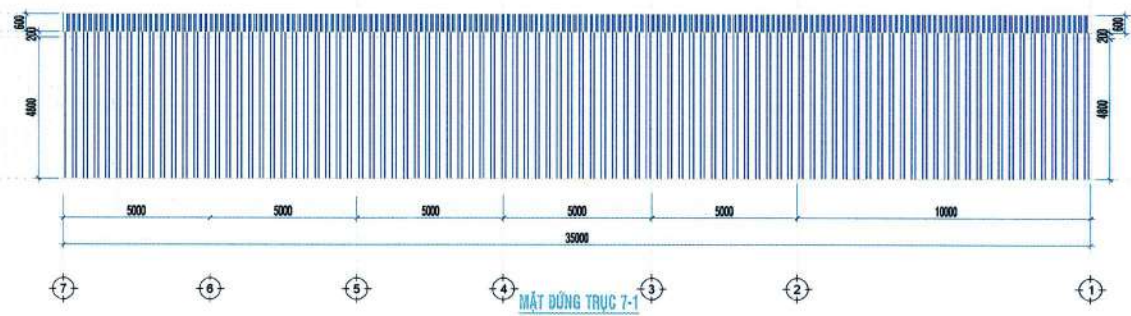
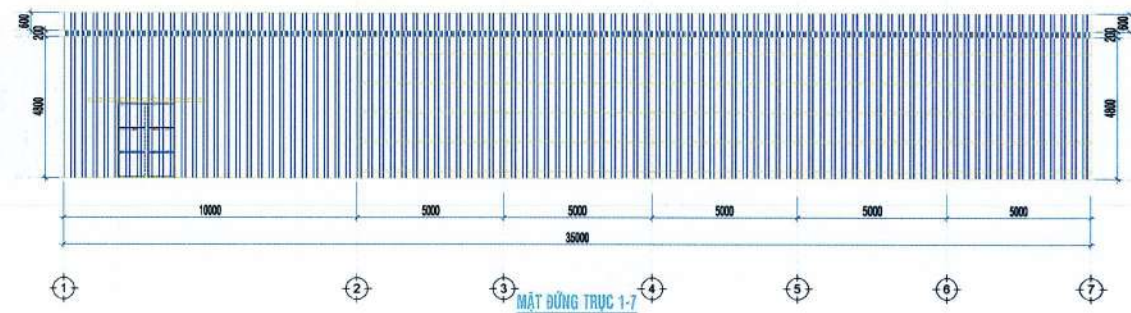
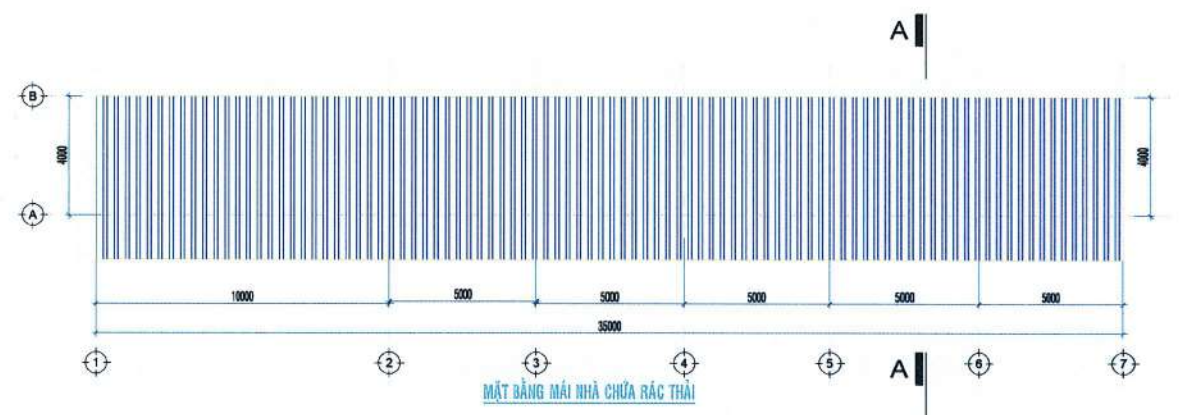
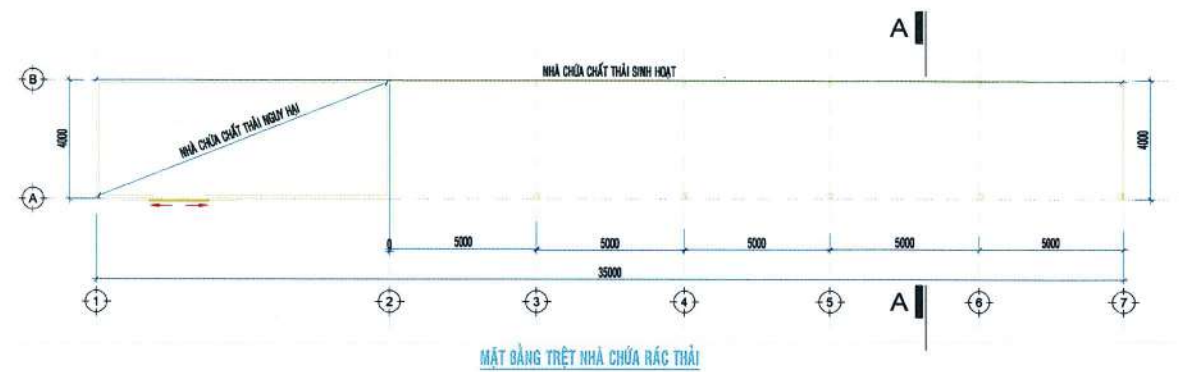
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG ☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

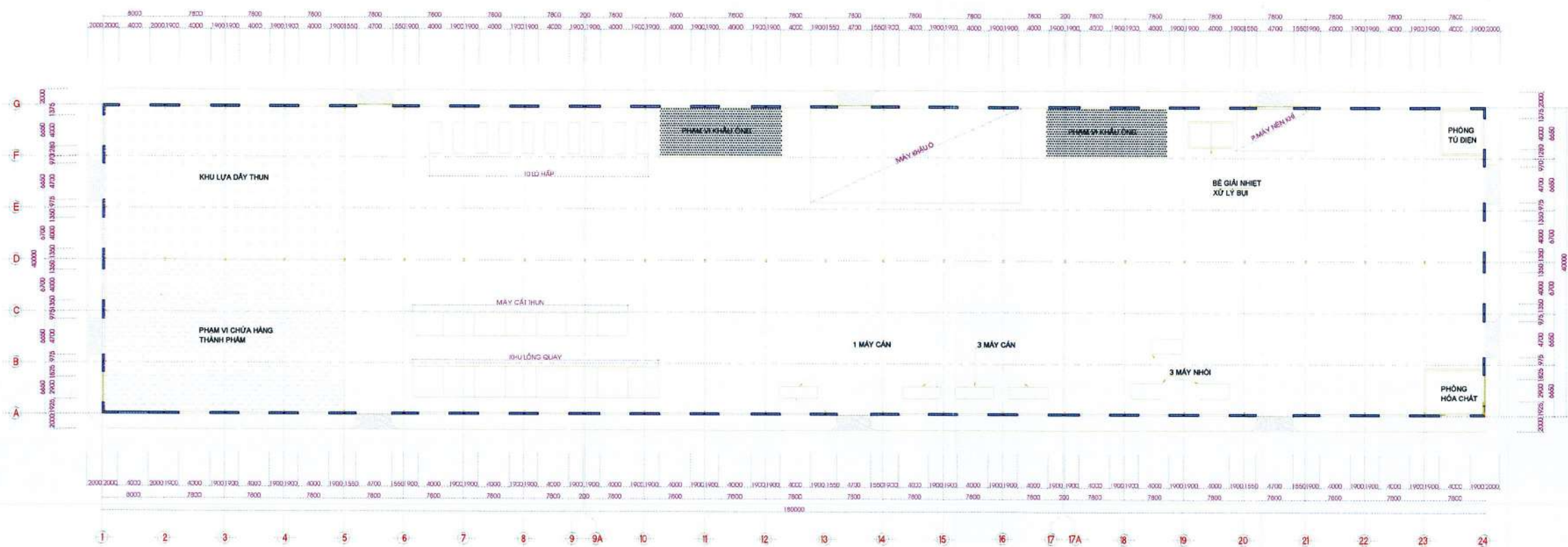
Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

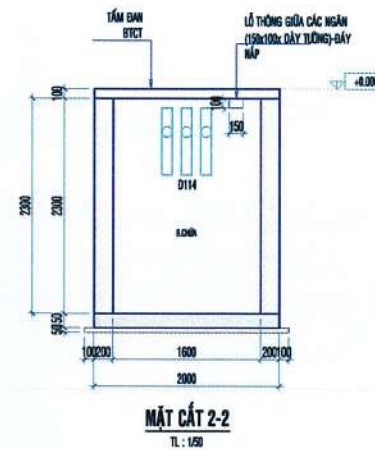
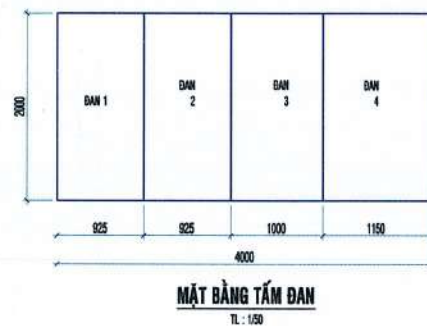
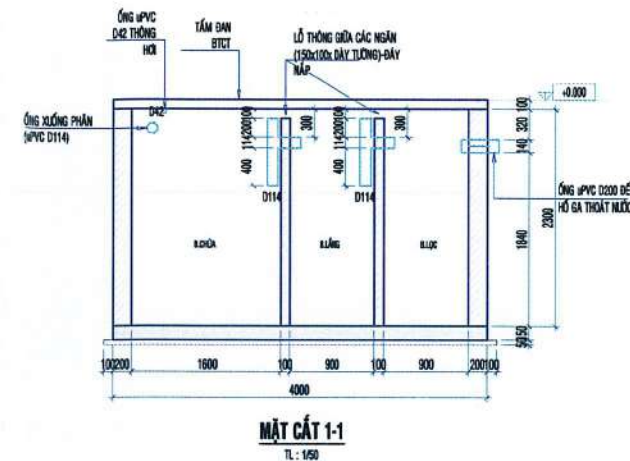
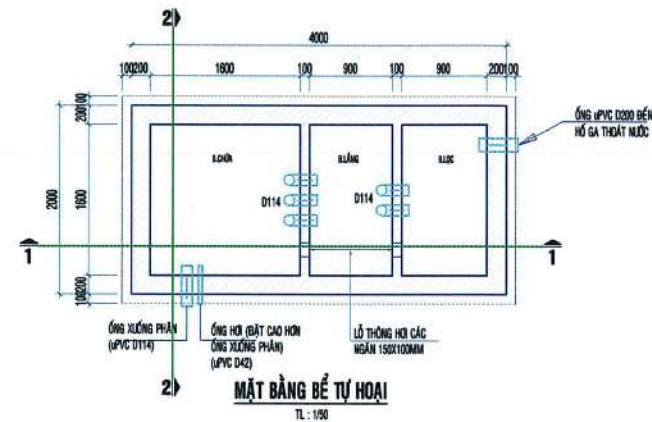


Chủ đầu tư/ Investor:	
CÔNG TY TNHH VIỆT Ý	
Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	
Giám đốc/ Director: <i>Nim Chi Hùng</i>	
Đơn vị thực hiện/ Contractor:	
Địa chỉ: _____	
Điện thoại: _____	Fax: _____
Phó Giám đốc/ Vice Director:	
Thiết kế/ Designed by:	
Kiểm/ Checked by:	
Vẽ/ Drawn by:	
Tên công trình/ Project name:	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
Tên bản vẽ/ Drawing title:	
MẶT BẰNG NHÀ CHỨA RÁC THẢI	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG	☒ AS - BUILT DRAWING
Ngày phát hành/ Date:	
Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:	
Tỷ lệ/ Scale: As shown	1/100



MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ
TỈ LỆ : 1/100

Chủ đầu tư/ Investor:	
CÔNG TY TNHH VIỆT Ý	
Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	
Giám đốc/ Director:	 Nirm Chi Hung
Đơn vị thực hiện/ Contractor:	
Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ FAX: _____	
Phó Giám đốc/ Vice Director:	
Thiết kế/ Designed by:	
Kiểm/ Checked by:	
Vẽ/ Drawn by:	
Tên công trình/ Project name:	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
Tên bản vẽ/ Drawing title:	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG	☒ AS - BUILT DRAWING
Ngày phát hành/ Date:	
Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:	
Tỷ lệ/ Scale: As shown	1/100



VẬT LIỆU CẤU TẠO

BTH

CẤU TẠO BỂ TỰ HOẠI :

- NẮP SỬ DỤNG BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 M250, 1 LỚP D10@150
- TRÁT HỒ DẤU CHỐNG THẤM MẶT TRONG
- TƯỜNG BỂ TỰ HOẠI XÂY GẠCH THÈ 4x8x18, TÔ 2 MẶT
- ĐÁY SỬ DỤNG BÊ TÔNG ĐÁ 1x2 M250, 1 LỚP D10@150
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 1x2 M150, DÂY 50MM

Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương



Địa chỉ:

Điện thoại: FAX:

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by

Vẽ/ Drawn by

Tên công trình/ Project name

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ CONCEPT DRAWING

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY DRAWING

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION DRAWING

HOÀN CÔNG ☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Căn cứ: 01/2009-CT/TT
Đóng dấu: 01/2009-CT/TT

CÔNG TY
TNHH
VIỆT-Y

Năm Chí Hùng

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Phó Giám đốc/ Vice Director:

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên công trình/ Project name:

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ CONCEPT DRAWING

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY DRAWING

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION DRAWING

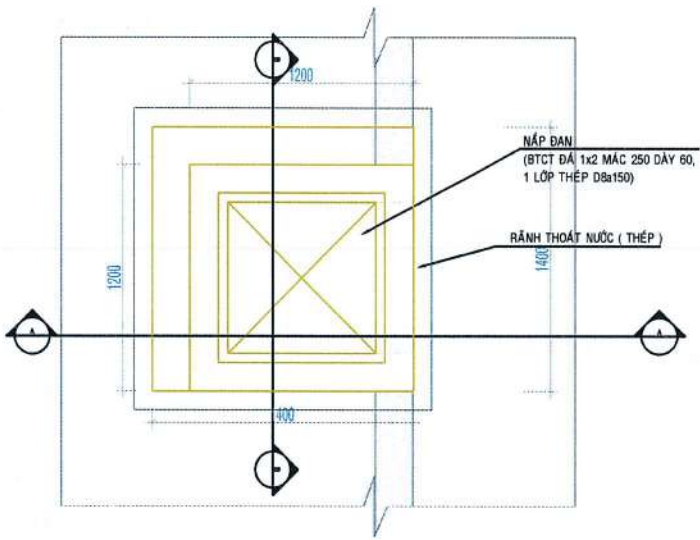
HOÀN CÔNG ☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

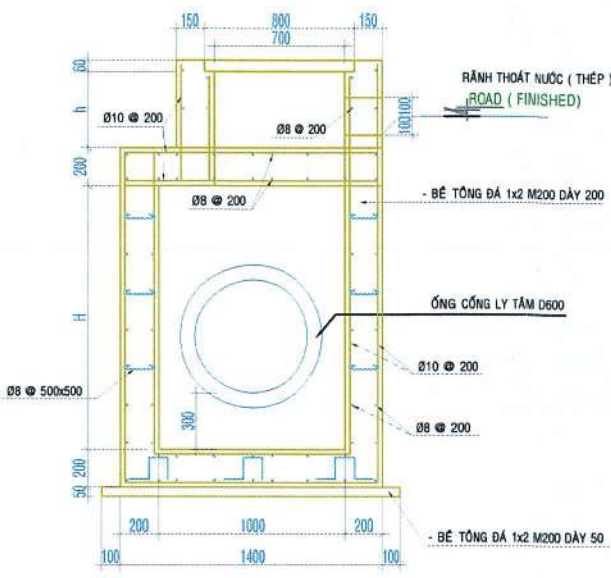
Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100



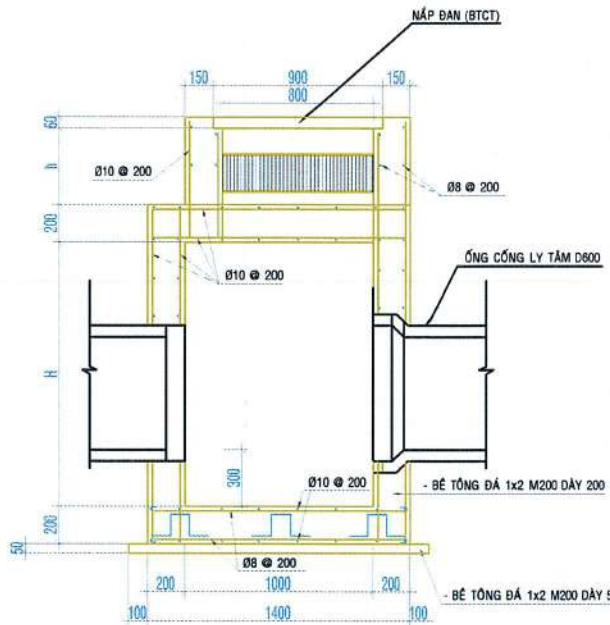
MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA - D600

TL: 1/25



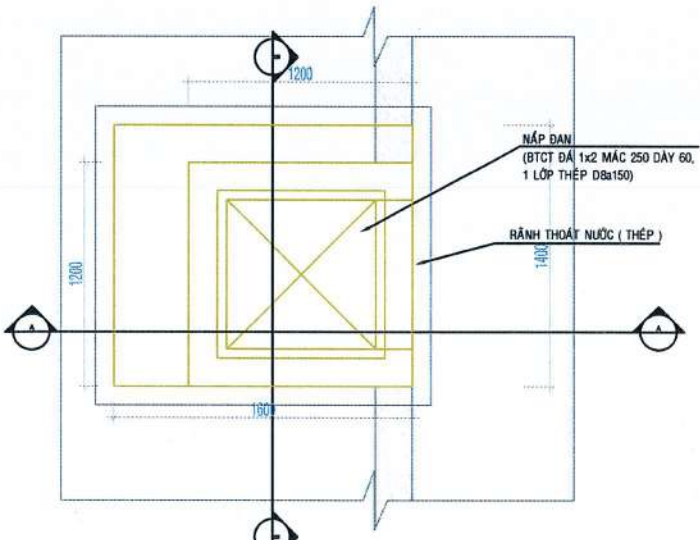
MẶT CẮT A-A

TL: 1/25



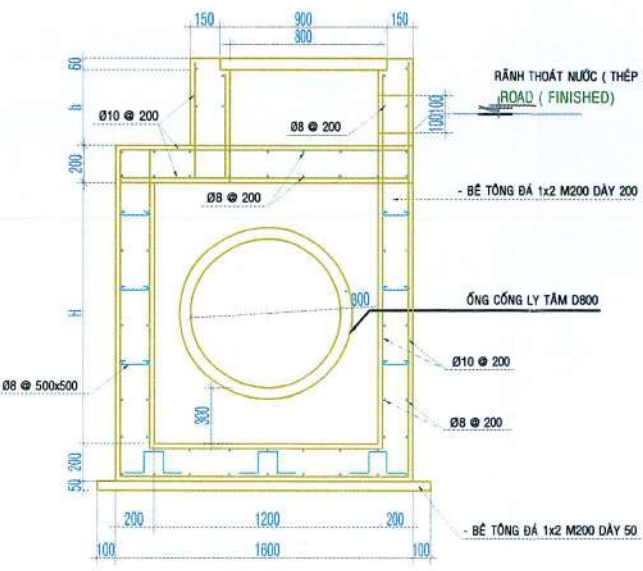
MẶT CẮT B-B

TL: 1/25



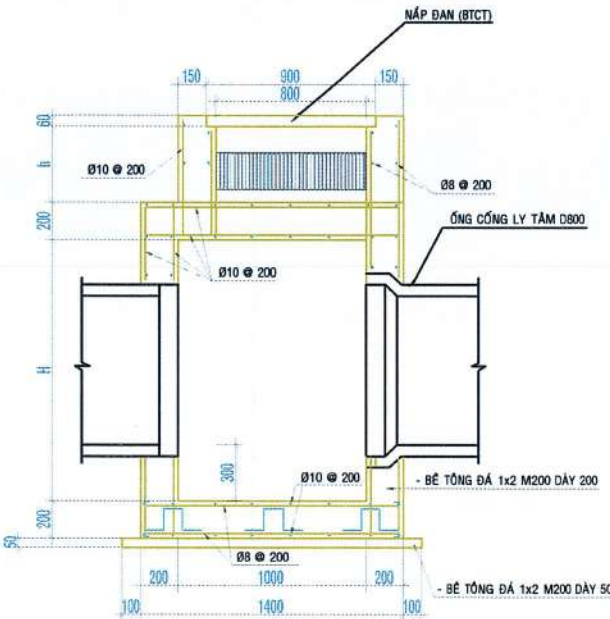
MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA - D800

TL: 1/25



MẶT CẮT A-A

TL: 1/25

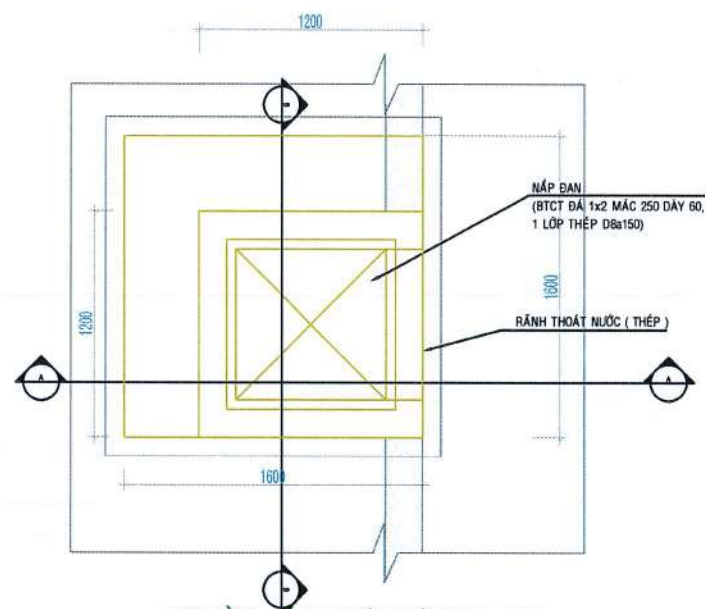


MẶT CẮT B-B

TL: 1/25

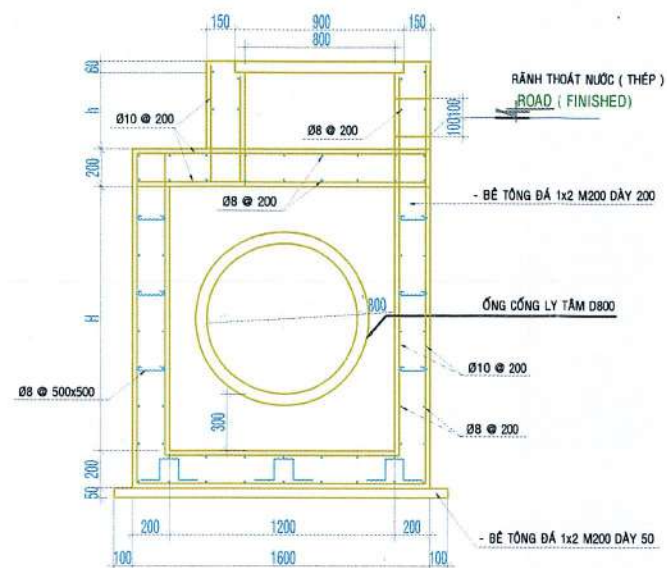
CHÚ Ý:

H & h : CHIỀU CAO CỦA THÀNH HỐ GA (PHỤ THUỘC VÀO ĐƯỜNG KÍNH ống VÀ ĐỘ DỐC THỰC TẾ)



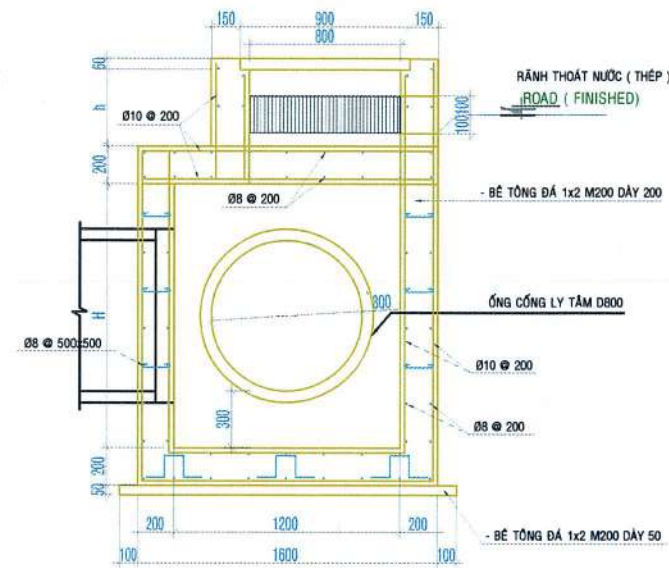
MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA - D800

TL: 1/25



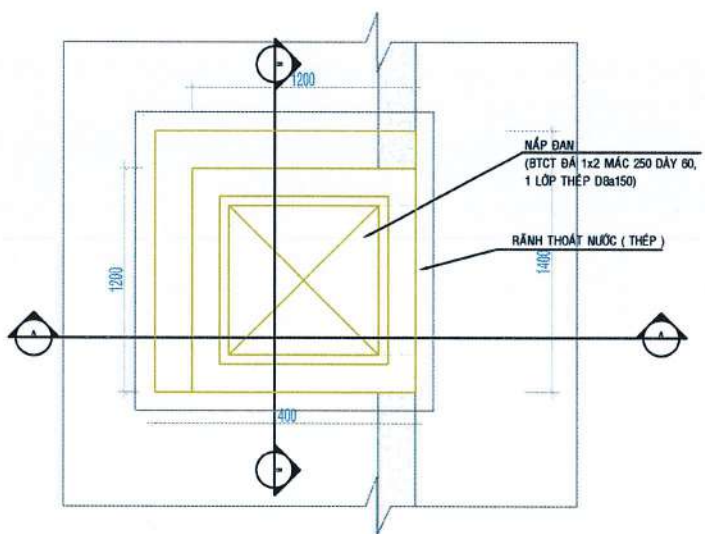
MẶT CẮT A-A

TL: 1/25



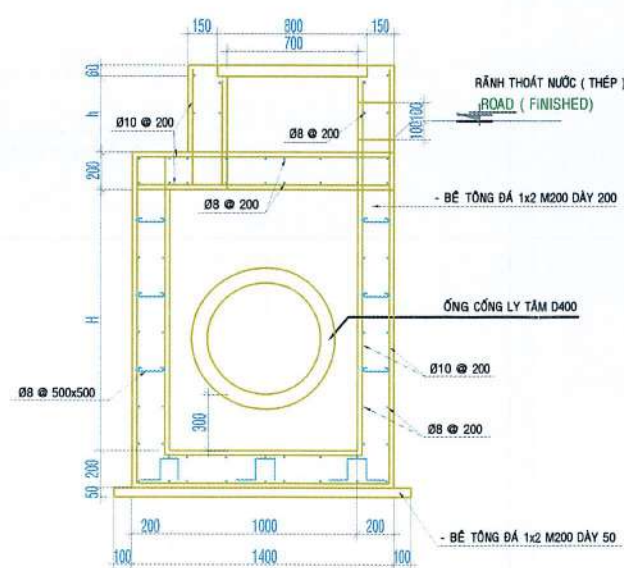
MẶT CẮT B-B

TL: 1/25



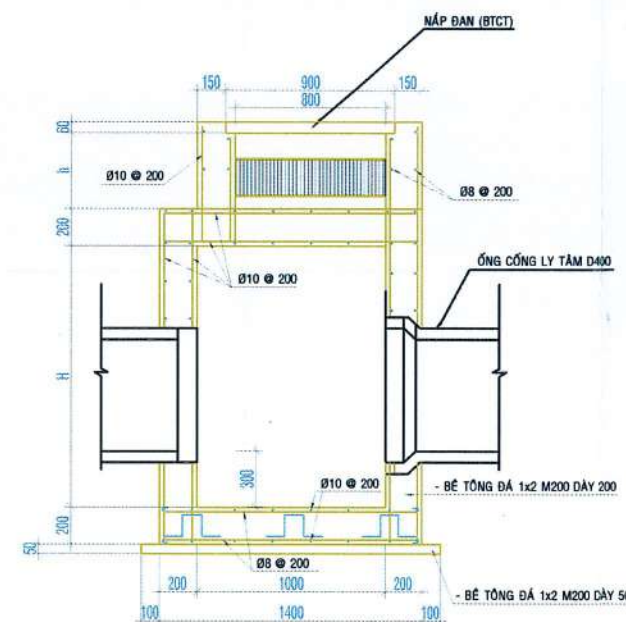
MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA - D400

TL: 1/25



MẶT CẮT A-A

TL: 1/25



MẶT CẮT B-B

TL: 1/25

Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương



Đơn vị thực hiện/ Contractor

Địa chỉ:

Điện thoại:

FAX:

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by:

Vẽ/ Drawn by:

Tên công trình/ Project name

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA

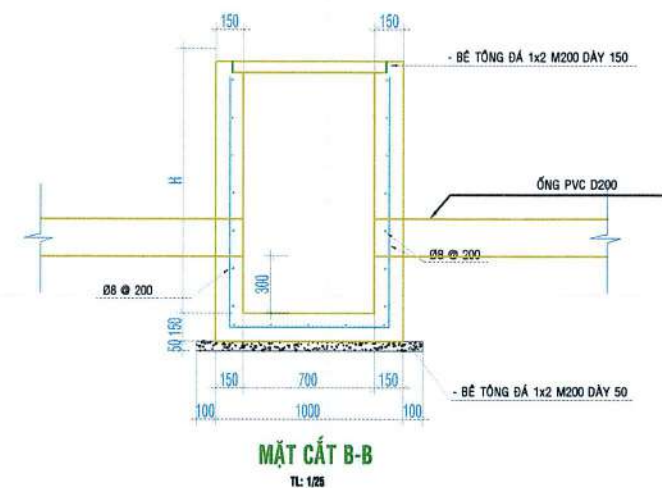
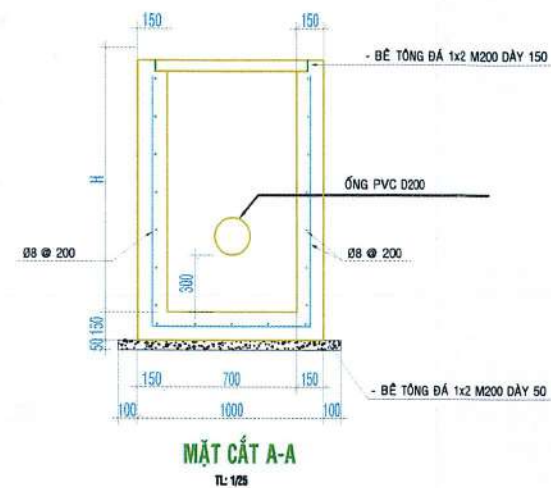
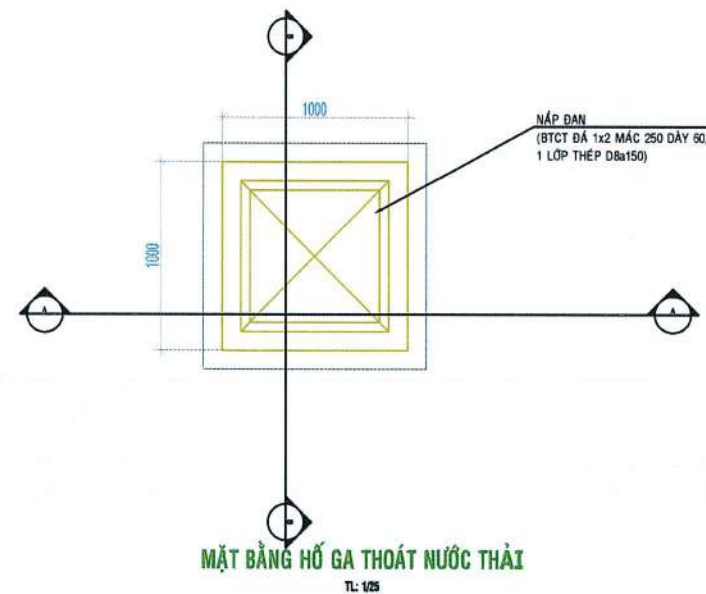
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG	☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

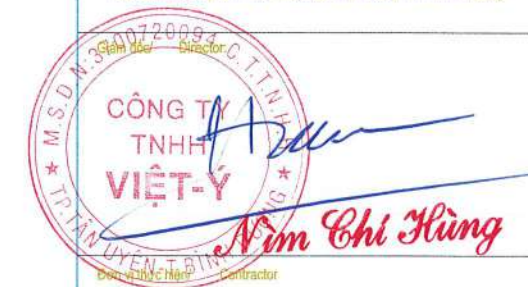
1/100



Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa Chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương



Địa Chỉ:

Điện Thoại: FAX:

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by

Vẽ/ Drawn by

Tên công trình/ Project name

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

CHI TIẾT HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ CONCEPT DRAWING
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY DRAWING
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION DRAWING
HOÀN CÔNG ☒ AS - BUILT DRAWING

Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA



Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH VIỆT Ý

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Giám đốc/ Director:



Đơn vị thực hiện/ Contractor

Địa chỉ:

Điện thoại: FAX:

Phó Giám đốc/ Vice Director

Thiết kế/ Designed by:

Kiểm/ Checked by

Vẽ/ Drawn by

Tên công trình/ Project name

HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tên bản vẽ/ Drawing title:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA VIỆT Ý - UY KIẾT

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ CONCEPT DRAWING

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY DRAWING

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION DRAWING

HOÀN CÔNG ☒ AS - BUILT DRAWING

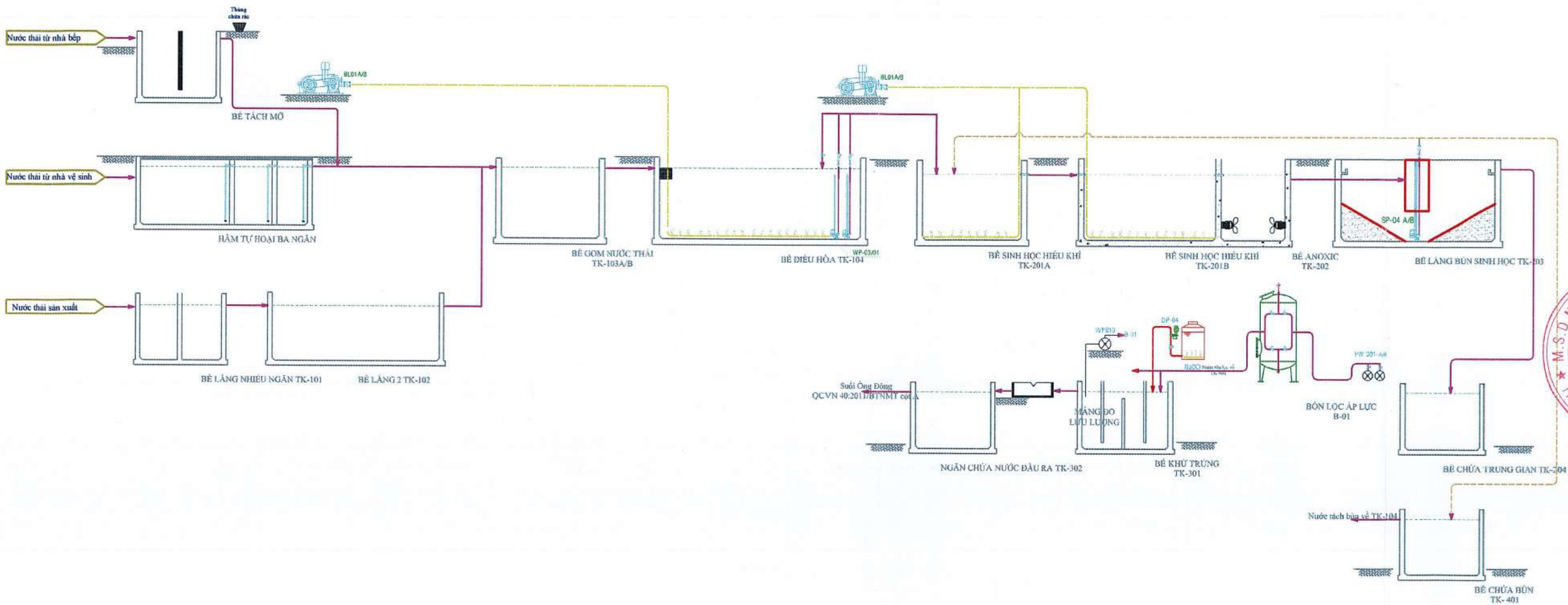
Ngày phát hành/ Date:

Số hiệu bản vẽ/ Drawing number:

Tỷ lệ/ Scale: As shown

1/100

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - SẢN XUẤT



GHI CHÚ:

TK-101 : BỂ LẮNG NHIỀU NGĂN 1
TK-102 : BỂ LẮNG 2
TK-103 A : BỂ GOM NƯỚC THẢI 1
TK-103 B : BỂ GOM NƯỚC THẢI 2
TK-104 : BỂ ĐIỀU HÒA
TK-201 A : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 1
TK-201 B : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 2

TK-202 : BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
TK-203 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
TK-204 : BỂ CHỨA TRUNG GIẠN
TK-301 : BỂ KHỬ TRÙNG
TK-302 : NGĂN CHỨA NƯỚC ĐẦU RA
TK-401 : BỂ CHỨA Bùn SINH HỌC
TK-402 : BỂ CHỨA NƯỚC SAU RỬA LỌC
B-01 : BỂ LỌC ÁP LỰC

— : ĐƯỜNG NƯỚC
- - - : ĐƯỜNG Bùn
— : ĐƯỜNG HÓA CHẤT
— : ĐƯỜNG NƯỚC DƯ

GHI CHÚ:

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT - SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 120 m³/ngày

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
VIỆT Y
M.S.D.N: 3700720004
CÔNG TY TNHH
VIỆT Y
TP. TÂN UYÊN - TỈNH DUYÊN
Nim Chi Hùng

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
TỔNG THỂ

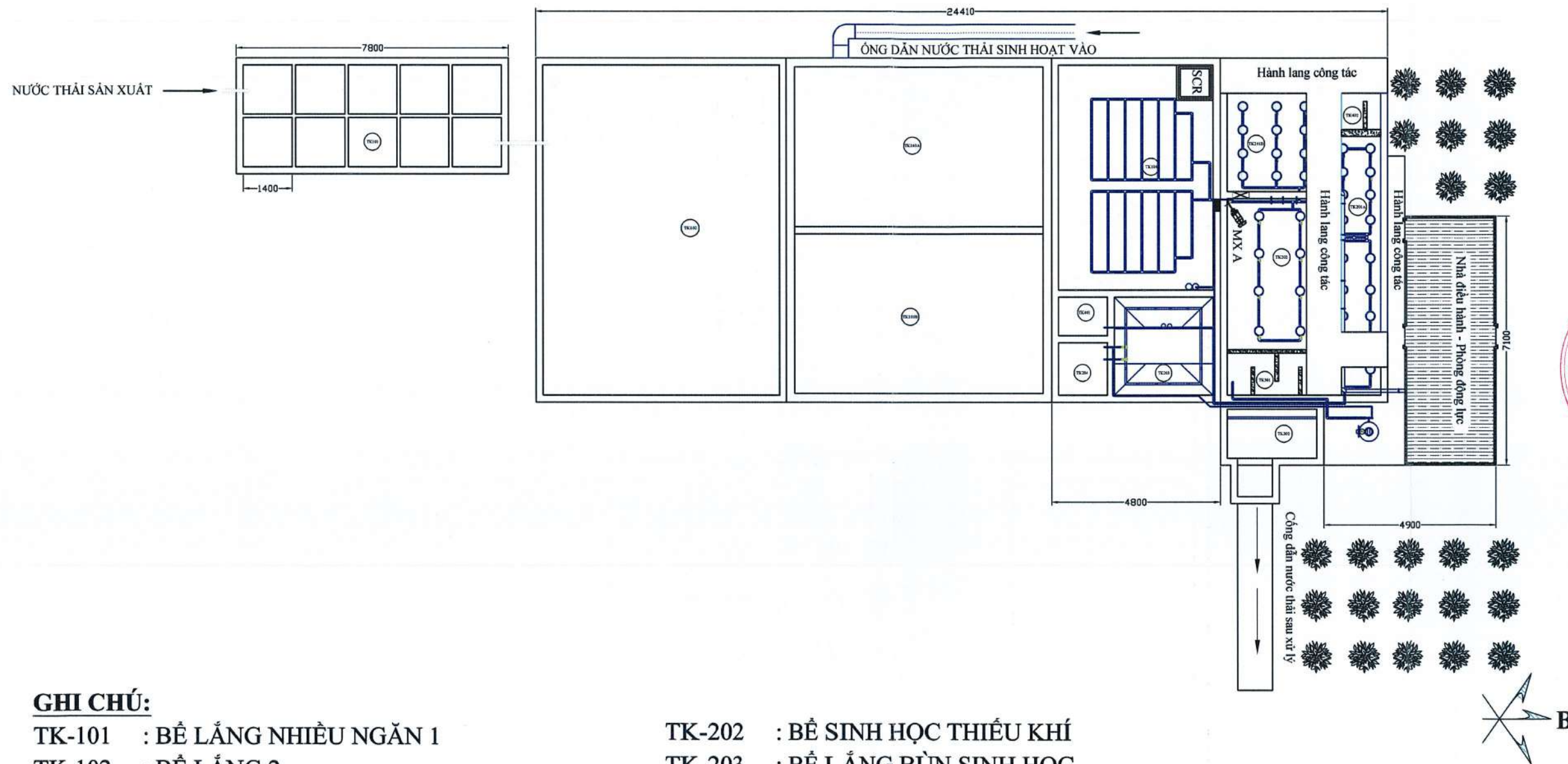
TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU.BV
TT

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT CÔNG SUẤT = 120 M³/NGÀY.ĐÊM



GHI CHÚ:

TK-101 : BỂ LẮNG NHIỀU NGĂN 1
TK-102 : BỂ LẮNG 2
TK-103 A : BỂ GOM NƯỚC THẢI 1
TK-103 B : BỂ GOM NƯỚC THẢI 2
TK-104 : BỂ ĐIỀU HÒA
TK-201 A : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 1
TK-201 B : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 2

TK-202 : BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ
TK-203 : BỂ LẮNG BÙN SINH HỌC
TK-204 : BỂ CHỨA TRUNG GIAN
TK-301 : BỂ KHỬ TRÙNG
TK-302 : NGĂN CHỨA NƯỚC ĐẦU RA
TK-401 : BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC
TK-402 : BỂ CHỨA NƯỚC SAU RỬA LỌC
B-01 : BỂ LỌC ÁP LỰC

GHI CHÚ:

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT - SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 120 m³/ngày

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
VIỆT Ý



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

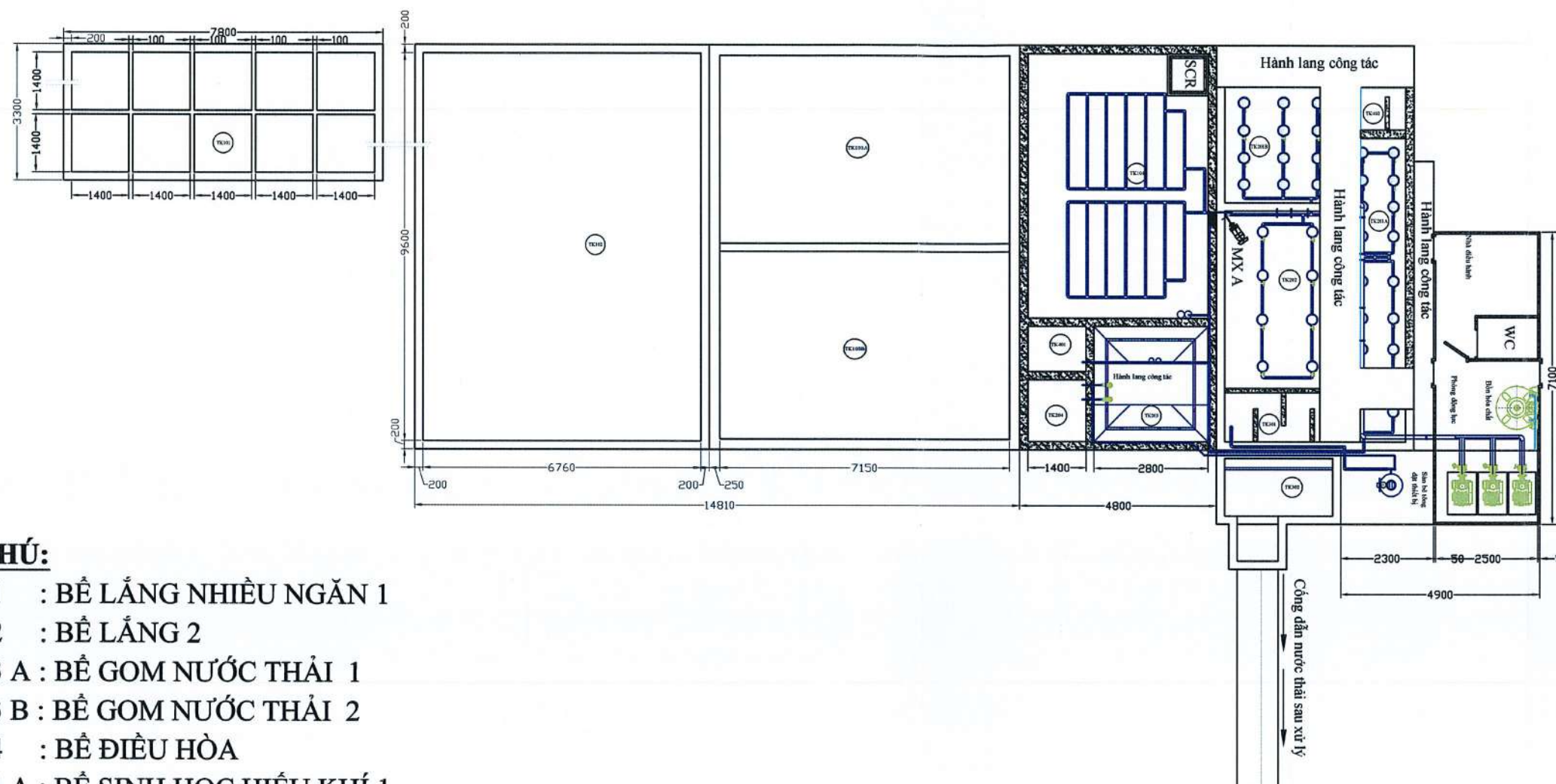
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU BV
TT

GHI CHÚ:



TK-101 : BỂ LẮNG NHIỀU NGĂN 1

TK-102 : BỂ LẮNG 2

TK-103 A : BỂ GOM NƯỚC THẢI 1

TK-103 B : BỀ GOM NƯỚC THẢI 2

TK-104 : BỀ ĐIỀU HÒA

TK-201 A : BỀ SINH HỌC HIẾU KHÍ 1

TK-201 B : BỀ SINH HỌC HIẾU KHÍ 2

TK-202 : BỀ SINH HỌC THIỂU KHÍ

TK-203 : BỀ LĂNG BÙN SINH HỌC

TK-204 : BỂ CHỨA TRUNG GIAN

TK-301 : BỂ KHỬ TRÙNG

TK-302 : NGĂN CHỨA NƯỚC ĐÀU RA

TK-401 : BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC

TK-402 : BỂ CHỨA NƯỚC SAU RỬA LỌC

B-01 : BỂ LỌC ÁP LỰC

KÝ HIỆU:

WP - 101A/B

WP - 01A/B

VP - 01

MXA

MXB

SP203A/B

:MÁY BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA

:MÁY BƠM NƯỚC THẢI VÀO BỒN LỌC

:MÁY BƠM RỬA LỌC

:MÁY KHUẤY CHÌM A

:MÁY KHUẤY CHÌM B

:MÁY BƠM BÙN CHÌM

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT - SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 120 m³/ngày

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
VIỆT Ý

NG TY
GIAM ĐỐC
NHH

ĐẠI-

YÊN BÌNH DƯ

Nim Chi H

HANG MUC CÔNG TRÌNH	
1	1.1
2	2.1
3	3.1
4	4.1
5	5.1
6	6.1
7	7.1
8	8.1
9	9.1
10	10.1
11	11.1
12	12.1
13	13.1
14	14.1
15	15.1
16	16.1
17	17.1
18	18.1
19	19.1
20	20.1
21	21.1
22	22.1
23	23.1
24	24.1
25	25.1
26	26.1
27	27.1
28	28.1
29	29.1
30	30.1
31	31.1
32	32.1
33	33.1
34	34.1
35	35.1
36	36.1
37	37.1
38	38.1
39	39.1
40	40.1
41	41.1
42	42.1
43	43.1
44	44.1
45	45.1
46	46.1
47	47.1
48	48.1
49	49.1
50	50.1
51	51.1
52	52.1
53	53.1
54	54.1
55	55.1
56	56.1
57	57.1
58	58.1
59	59.1
60	60.1
61	61.1
62	62.1
63	63.1
64	64.1
65	65.1
66	66.1
67	67.1
68	68.1
69	69.1
70	70.1
71	71.1
72	72.1
73	73.1
74	74.1
75	75.1
76	76.1
77	77.1
78	78.1
79	79.1
80	80.1
81	81.1
82	82.1
83	83.1
84	84.1
85	85.1
86	86.1
87	87.1
88	88.1
89	89.1
90	90.1
91	91.1
92	92.1
93	93.1
94	94.1
95	95.1
96	96.1
97	97.1
98	98.1
99	99.1
100	100.1

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

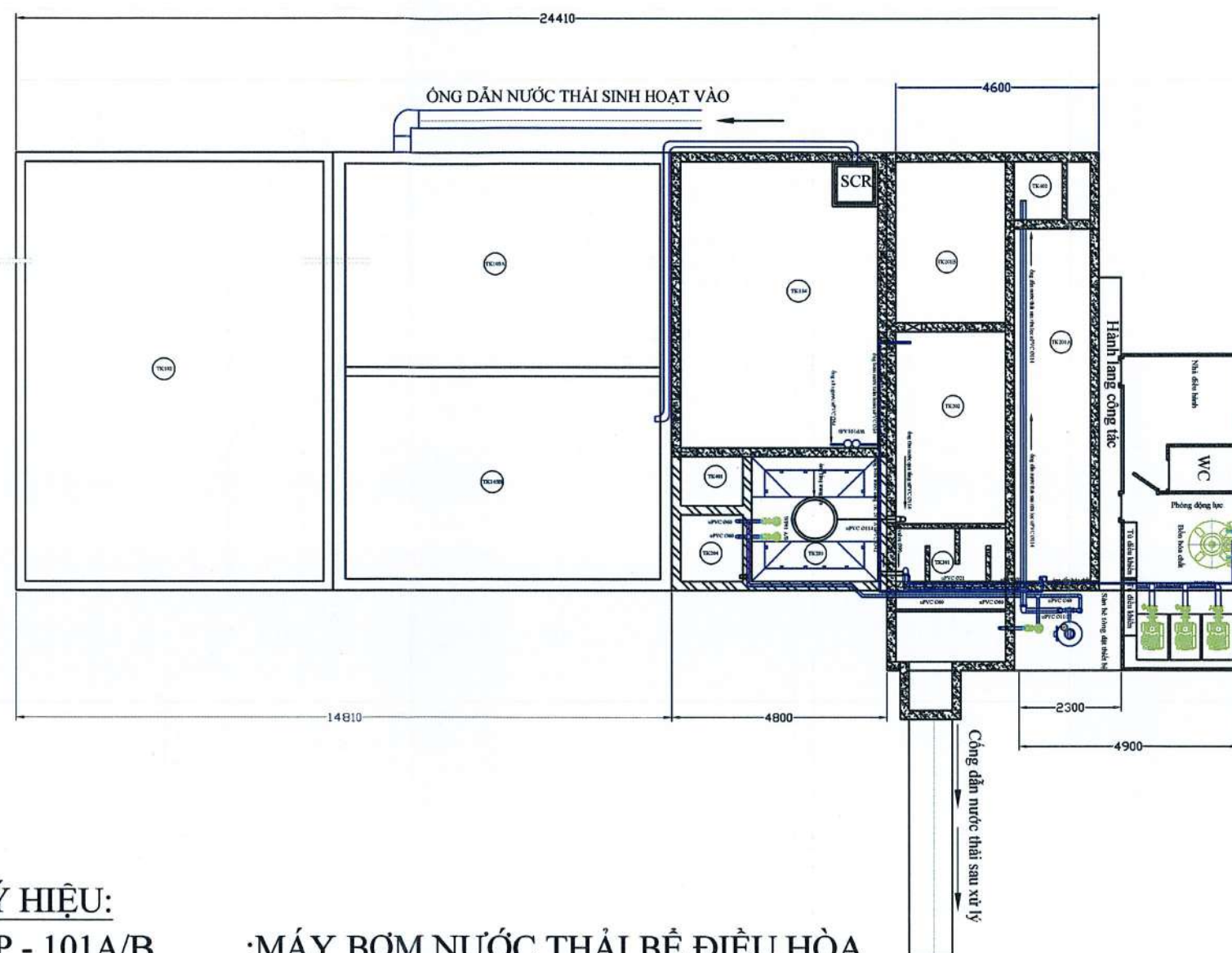
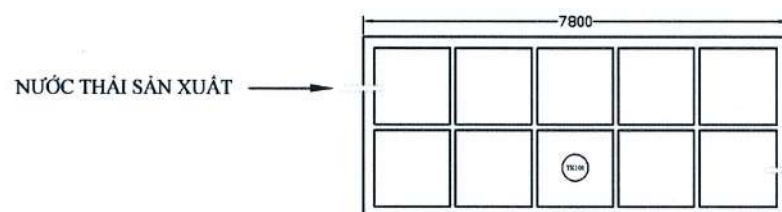
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
THIẾT BỊ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU.BV	01
II	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC VÀ HÓA CHẤT CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT CÔNG SUẤT = 120 M³/NGÀY.ĐÊM

GHI CHÚ:



GHI CHÚ:

- TK-101 : BỂ LẮNG NHIỀU NGĂN 1
- TK-102 : BỂ LẮNG 2
- TK-103 A : BỂ GOM NƯỚC THẢI 1
- TK-103 B : BỂ GOM NƯỚC THẢI 2
- TK-104 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK-201 A : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 1
- TK-201 B : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 2
- TK-202 : BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ
- TK-203 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK-204 : BỂ CHỨA TRÙNG GIAN
- TK-301 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK-302 : NGĂN CHỨA NƯỚC ĐẦU RA
- TK-401 : BỂ CHỨA Bùn SINH HỌC
- TK-402 : BỂ CHỨA NƯỚC SAU RỬA LỌC
- B-01 : BỂ LỌC ÁP LỰC

KÝ HIỆU:

- WP - 101A/B : MÁY BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP - 01A/B : MÁY BƠM NƯỚC THẢI VÀO BỒN LỌC
- VP - 01 : MÁY BƠM RỬA LỌC
- MXA : MÁY KHUẤY CHÌM A
- MXB : MÁY KHUẤY CHÌM B
- SP203A/B : MÁY BƠM Bùn CHÌM

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT - SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 120 m³/ngày

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
VIỆT Y
M.S.D.N: 3700120004
TP. TÂN UYÊN, T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

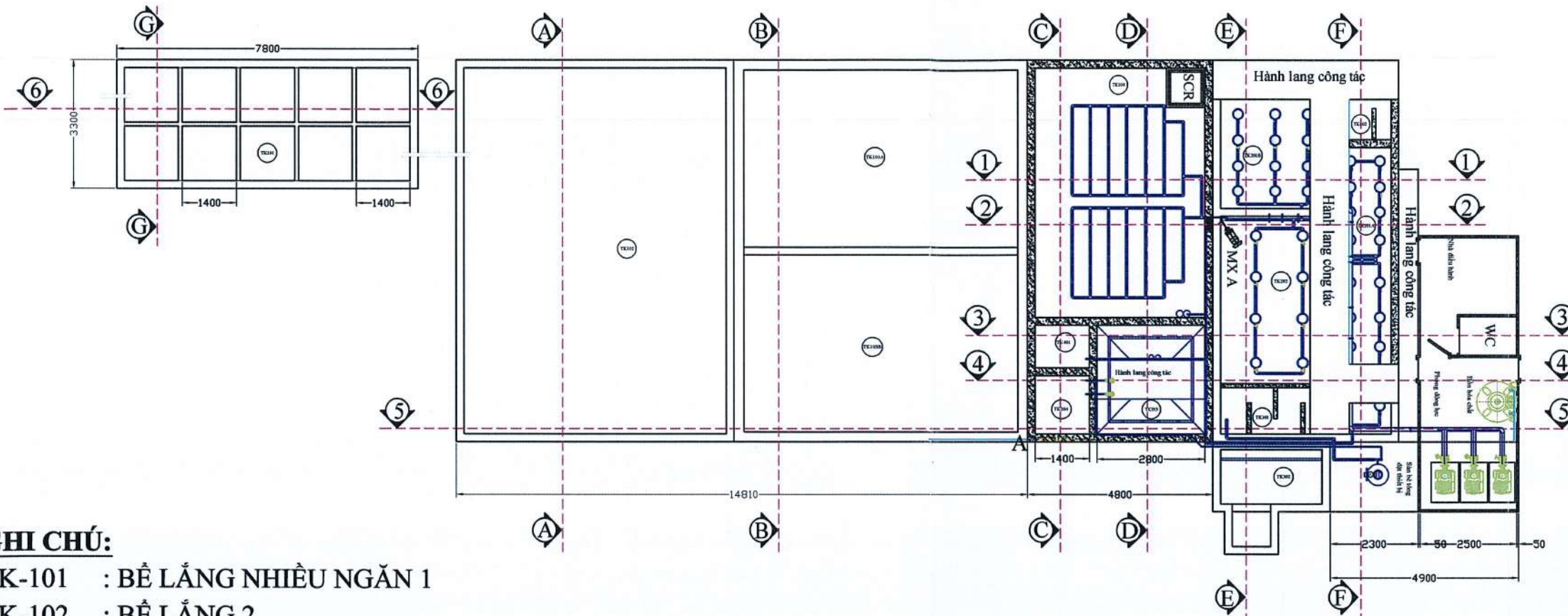
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG - HÓA CHẤT

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU BV
TT

MẶT BẰNG VỊ TRÍ MẶT CẮT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT CÔNG SUẤT = 120 M³/NGÀY.ĐÊM



GHI CHÚ:

- TK-101 : BỂ LẮNG NHIỀU NGĂN 1
- TK-102 : BỂ LẮNG 2
- TK-103 A : BỂ GOM NƯỚC THẢI 1
- TK-103 B : BỂ GOM NƯỚC THẢI 2
- TK-104 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK-201 A : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 1
- TK-201 B : BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ 2
- TK-202 : BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ
- TK-203 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK-204 : BỂ CHỨA TRUNG GIAN
- TK-301 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK-302 : NGĂN CHỨA NƯỚC ĐẦU RA
- TK-401 : BỂ CHỨA Bùn SINH HỌC
- TK-402 : BỂ CHỨA NƯỚC SAU RỬA LỌC
- B-01 : BỂ LỌC ÁP LỰC

KÝ HIỆU:

- WP - 101A/B
- WP - 01A/B
- VP - 01
- MXA
- MXB
- SP203A/B

- :MÁY BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- :MÁY BƠM NƯỚC THẢI VÀO BỒN LỌC
- :MÁY BƠM RỬA LỌC
- :MÁY KHUẤY CHÌM A
- :MÁY KHUẤY CHÌM B
- :MÁY BƠM Bùn CHÌM

GHI CHÚ:

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT - SẢN XUẤT
CÔNG SUẤT: 120 m³/ngày

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
VIỆT Ý

Năm Chí Hùng

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THỂ HIỆN
VỊ TRÍ MẶT CẮT

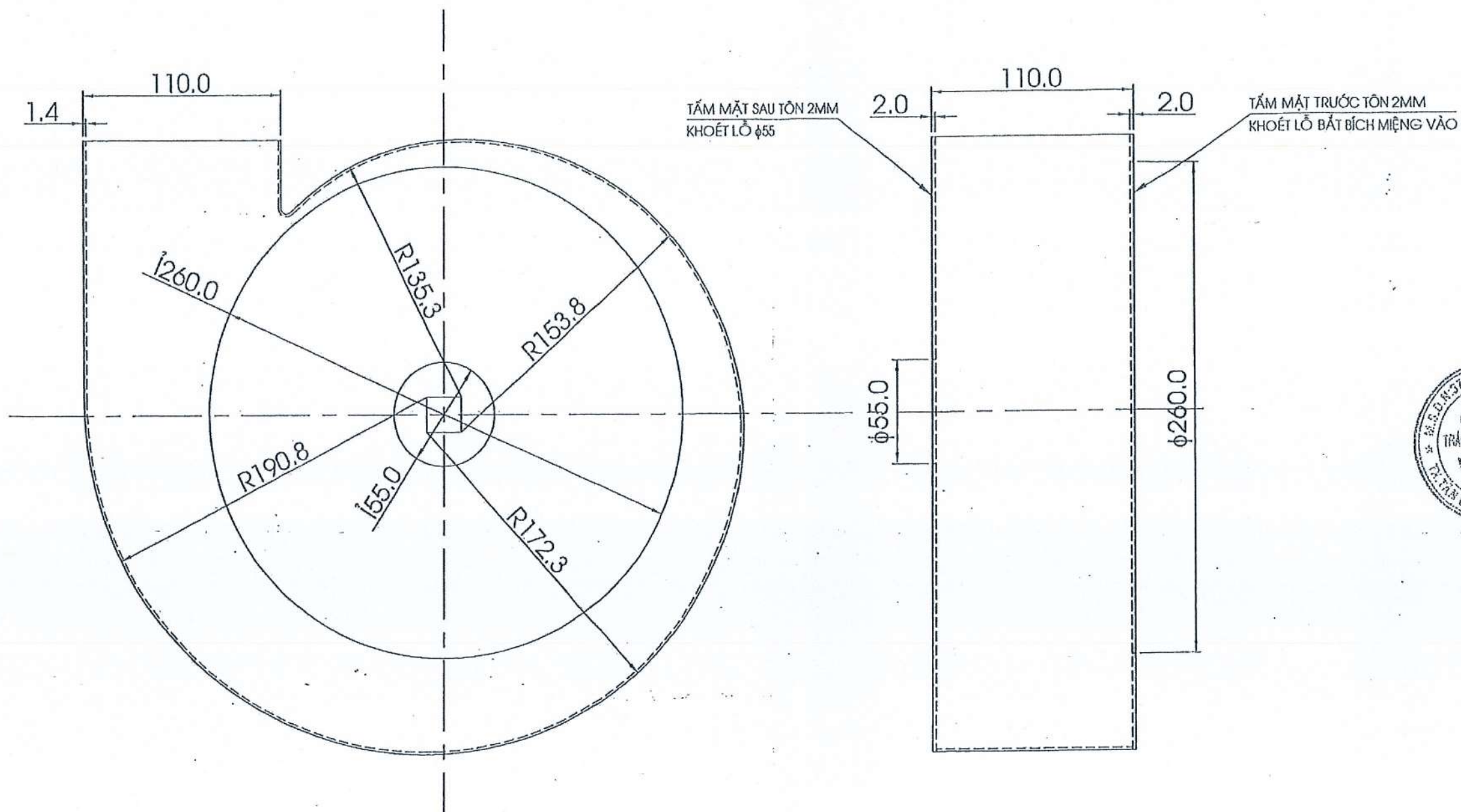
NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU.BV
TT



BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI VÀ MÙI
CỦA NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
DÂY THUN KHOANH





VỎ QUẠT BỤI N2.5 - 1.5KW - 3000V/P



TÊN CÔNG TRÌNH:

CHỦ ĐẦU TƯ

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

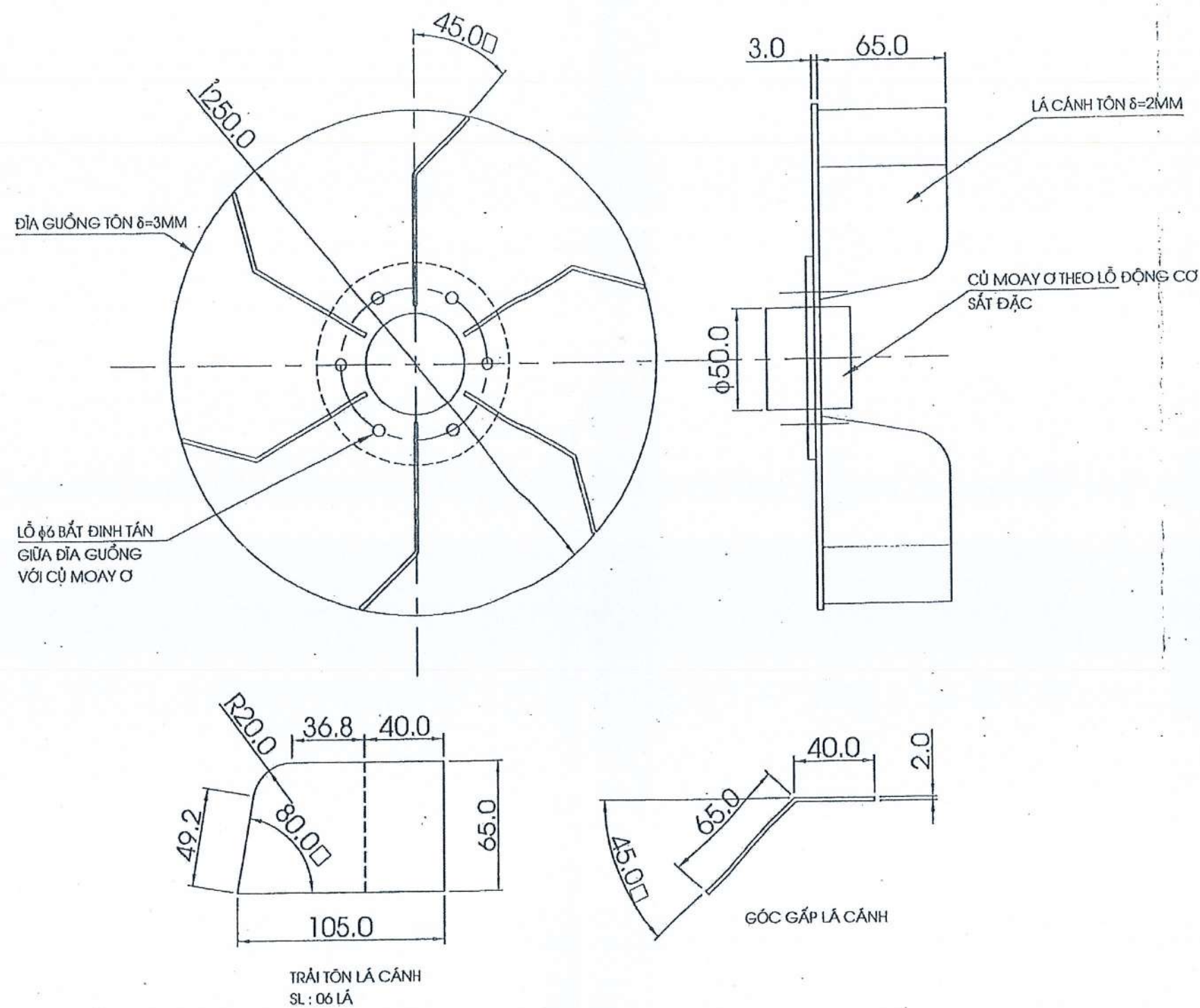
TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT QUẠT HÚT BỤI

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2015

KÝ HIỆU.BV
TT



TÊN CÔNG TRÌNH:

CHỦ ĐẦU TƯ



Nam Chai Hông

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT

NGÀY HOÀN THÀNH
.../2015KÝ HIỆU BV
TT 91

HỆ THỐNG
XỬ LÝ BỤI VÀ
MÙI CỦA NHÀ
XUỐNG SẢN
XUẤT DÂY

THUN
KHOANH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

MẶT CẮT C-
C

MẶT CẮT A -
A

MẶT CẮT B -
B

MẶT CẮT D -
D

GHI CHÚ

CÔNG TY
TNHH
VIỆT-Ý

TÊN CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI VÀ MÙ
CỦA NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
DÂY THUN KHOANH

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
VIỆT Ý

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
1	ĐIỂM ĐÓNG
2	ĐIỂM ĐÓNG
3	ĐIỂM ĐÓNG
4	ĐIỂM ĐÓNG
5	ĐIỂM ĐÓNG
6	ĐIỂM ĐÓNG
7	ĐIỂM ĐÓNG
8	ĐIỂM ĐÓNG
9	ĐIỂM ĐÓNG
10	ĐIỂM ĐÓNG
11	ĐIỂM ĐÓNG
12	ĐIỂM ĐÓNG
13	ĐIỂM ĐÓNG
14	ĐIỂM ĐÓNG
15	ĐIỂM ĐÓNG
16	ĐIỂM ĐÓNG
17	ĐIỂM ĐÓNG
18	ĐIỂM ĐÓNG
19	ĐIỂM ĐÓNG
20	ĐIỂM ĐÓNG
21	ĐIỂM ĐÓNG
22	ĐIỂM ĐÓNG
23	ĐIỂM ĐÓNG
24	ĐIỂM ĐÓNG
25	ĐIỂM ĐÓNG
26	ĐIỂM ĐÓNG
27	ĐIỂM ĐÓNG
28	ĐIỂM ĐÓNG
29	ĐIỂM ĐÓNG
30	ĐIỂM ĐÓNG
31	ĐIỂM ĐÓNG
32	ĐIỂM ĐÓNG
33	ĐIỂM ĐÓNG
34	ĐIỂM ĐÓNG
35	ĐIỂM ĐÓNG
36	ĐIỂM ĐÓNG
37	ĐIỂM ĐÓNG
38	ĐIỂM ĐÓNG
39	ĐIỂM ĐÓNG
40	ĐIỂM ĐÓNG
41	ĐIỂM ĐÓNG
42	ĐIỂM ĐÓNG
43	ĐIỂM ĐÓNG
44	ĐIỂM ĐÓNG
45	ĐIỂM ĐÓNG
46	ĐIỂM ĐÓNG
47	ĐIỂM ĐÓNG
48	ĐIỂM ĐÓNG
49	ĐIỂM ĐÓNG
50	ĐIỂM ĐÓNG
51	ĐIỂM ĐÓNG
52	ĐIỂM ĐÓNG
53	ĐIỂM ĐÓNG
54	ĐIỂM ĐÓNG
55	ĐIỂM ĐÓNG
56	ĐIỂM ĐÓNG
57	ĐIỂM ĐÓNG
58	ĐIỂM ĐÓNG
59	ĐIỂM ĐÓNG
60	ĐIỂM ĐÓNG
61	ĐIỂM ĐÓNG
62	ĐIỂM ĐÓNG
63	ĐIỂM ĐÓNG
64	ĐIỂM ĐÓNG
65	ĐIỂM ĐÓNG
66	ĐIỂM ĐÓNG
67	ĐIỂM ĐÓNG
68	ĐIỂM ĐÓNG
69	ĐIỂM ĐÓNG
70	ĐIỂM ĐÓNG
71	ĐIỂM ĐÓNG
72	ĐIỂM ĐÓNG
73	ĐIỂM ĐÓNG
74	ĐIỂM ĐÓNG
75	ĐIỂM ĐÓNG
76	ĐIỂM ĐÓNG
77	ĐIỂM ĐÓNG
78	ĐIỂM ĐÓNG
79	ĐIỂM ĐÓNG
80	ĐIỂM ĐÓNG
81	ĐIỂM ĐÓNG
82	ĐIỂM ĐÓNG
83	ĐIỂM ĐÓNG
84	ĐIỂM ĐÓNG
85	ĐIỂM ĐÓNG
86	ĐIỂM ĐÓNG
87	ĐIỂM ĐÓNG
88	ĐIỂM ĐÓNG
89	ĐIỂM ĐÓNG
90	ĐIỂM ĐÓNG
91	ĐIỂM ĐÓNG
92	ĐIỂM ĐÓNG
93	ĐIỂM ĐÓNG
94	ĐIỂM ĐÓNG
95	ĐIỂM ĐÓNG
96	ĐIỂM ĐÓNG
97	ĐIỂM ĐÓNG
98	ĐIỂM ĐÓNG
99	ĐIỂM ĐÓNG
100	ĐIỂM ĐÓNG

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

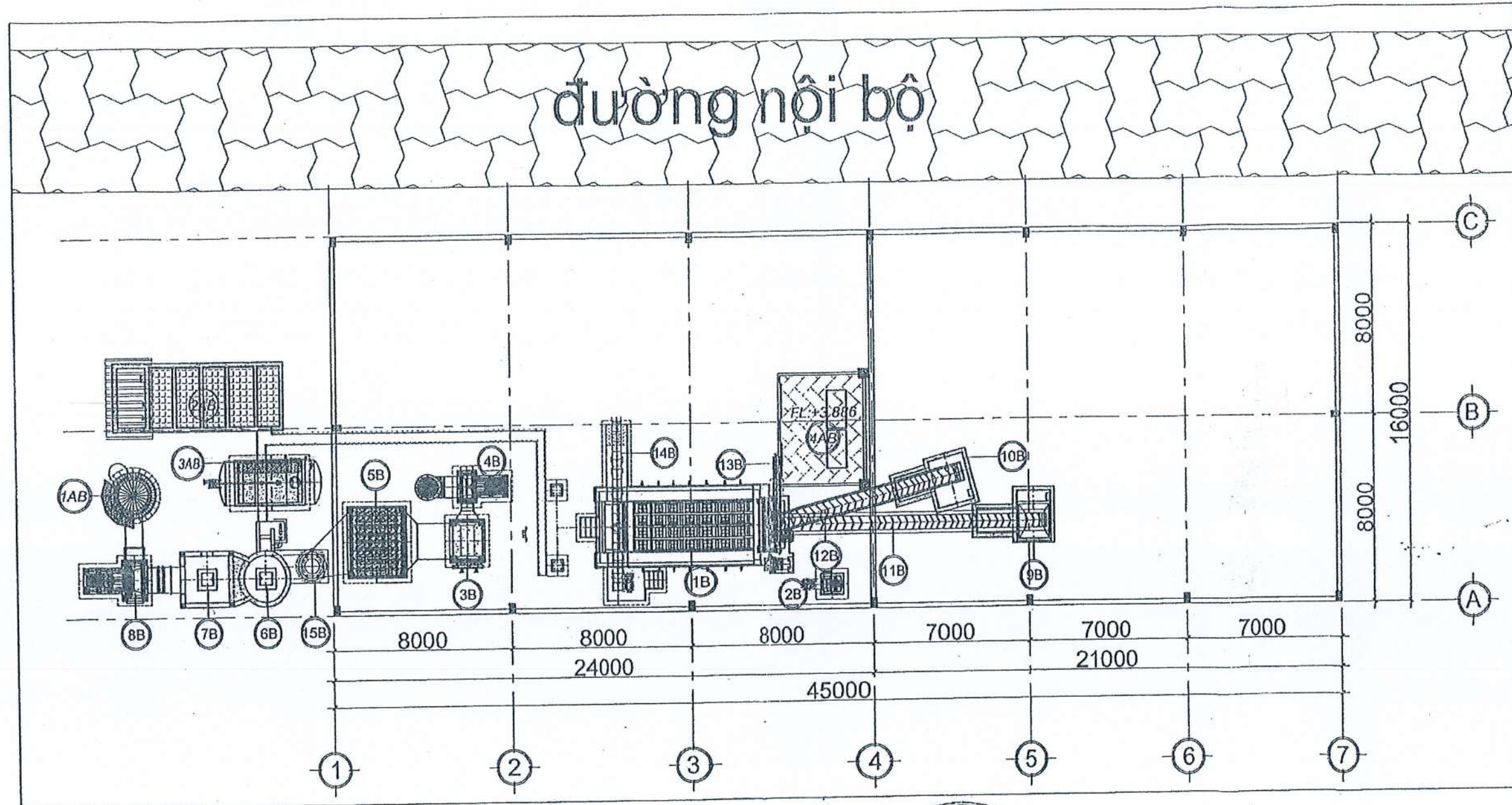
HỆ THỐNG XỬ LÝ
BỤI VÀ MÙI

NGÀY HOÀN THÀNH
..../2015

KT HIGU.BV	IT	
------------	----	---

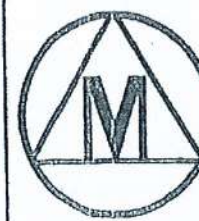
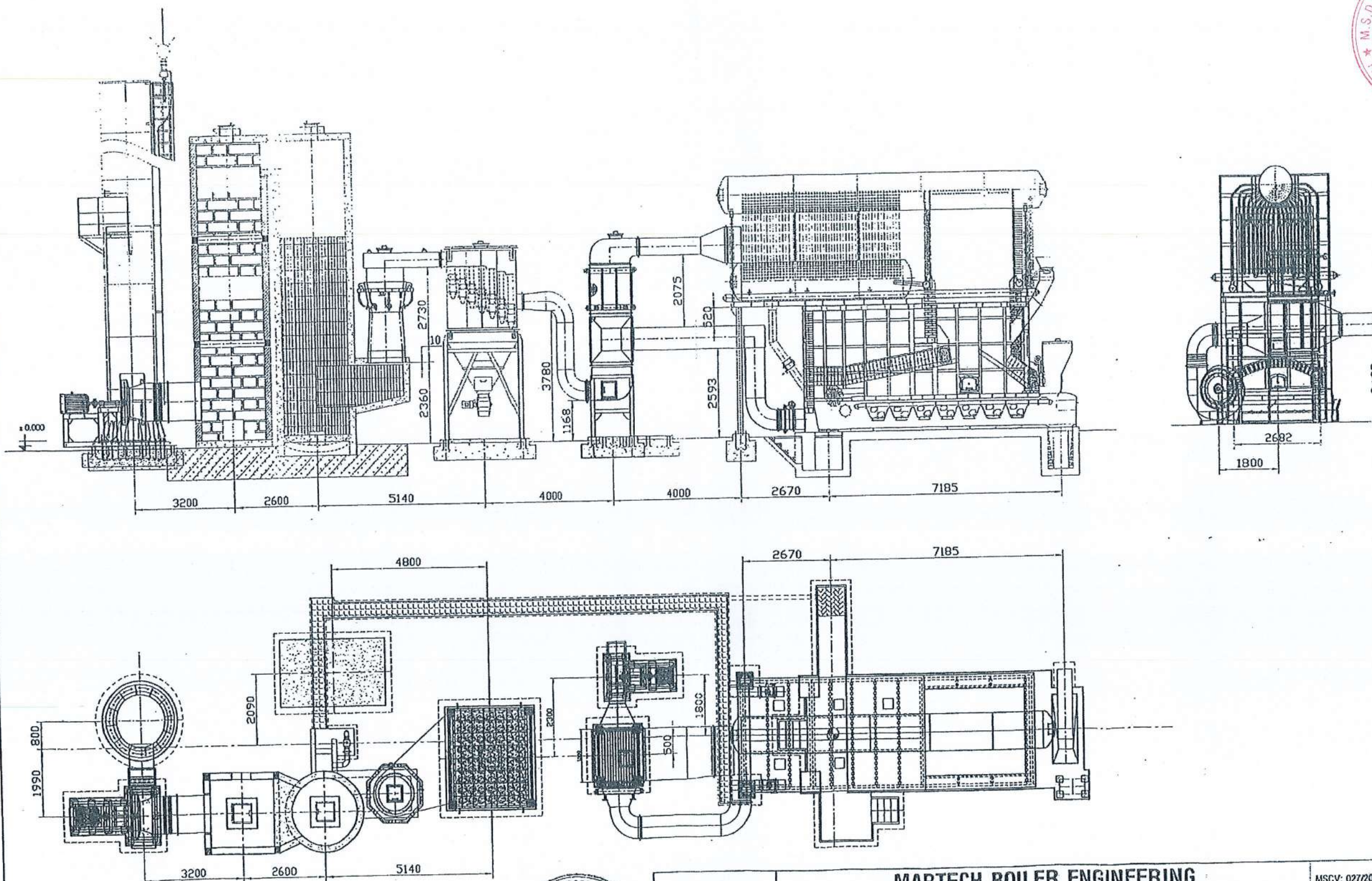
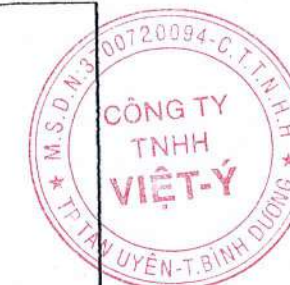
Y/C: VALE, ỚNG, MẶT BÍCH PVC PHẢI ĐƯỢC DÙNG LOẠI TỐT (CÓ BÀN TRÊN THỊ TRƯỜNG), ĐỘ DÀY ỚNG DÀY HƠN 5mm YÊU CẦU: TẤT CẢ VẬT TƯ THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ, ĐƠN VỊ XÂY DỰNG CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT.

YÊU CẦU KỸ THUẬT: TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC, TÌM TRỤC, CAO ĐỘ CỦA MÓNG PHẢI CHÍNH XÁC VÀ MẶT MÓNG PHẢI PHẪNG (CẦN ĐỘ CHÍNH XÁC CAO)



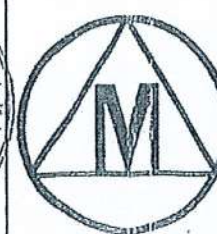
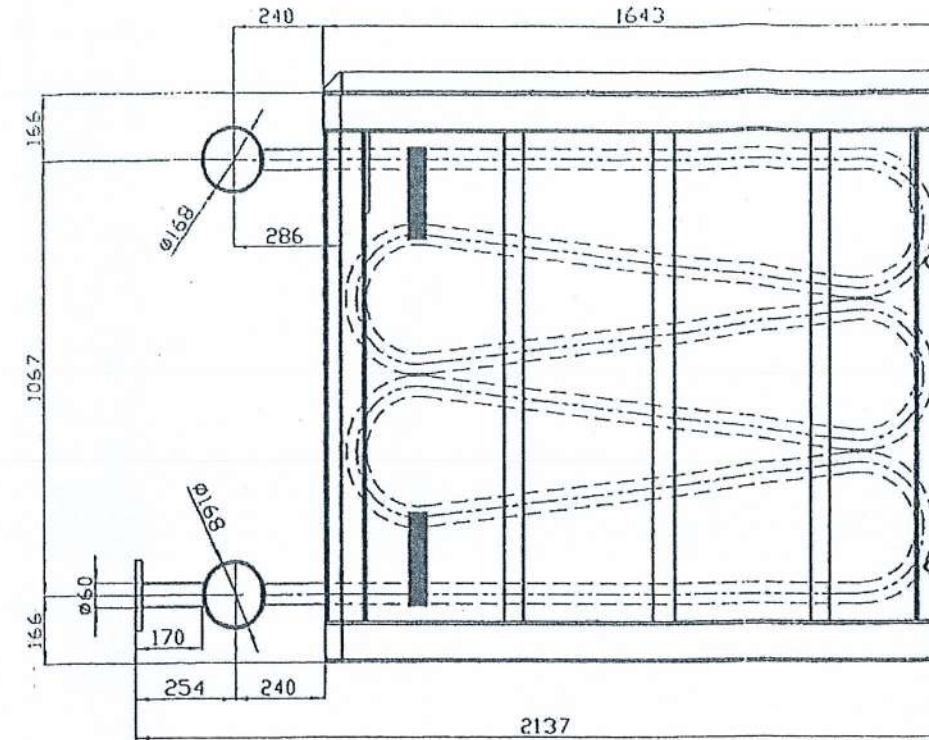
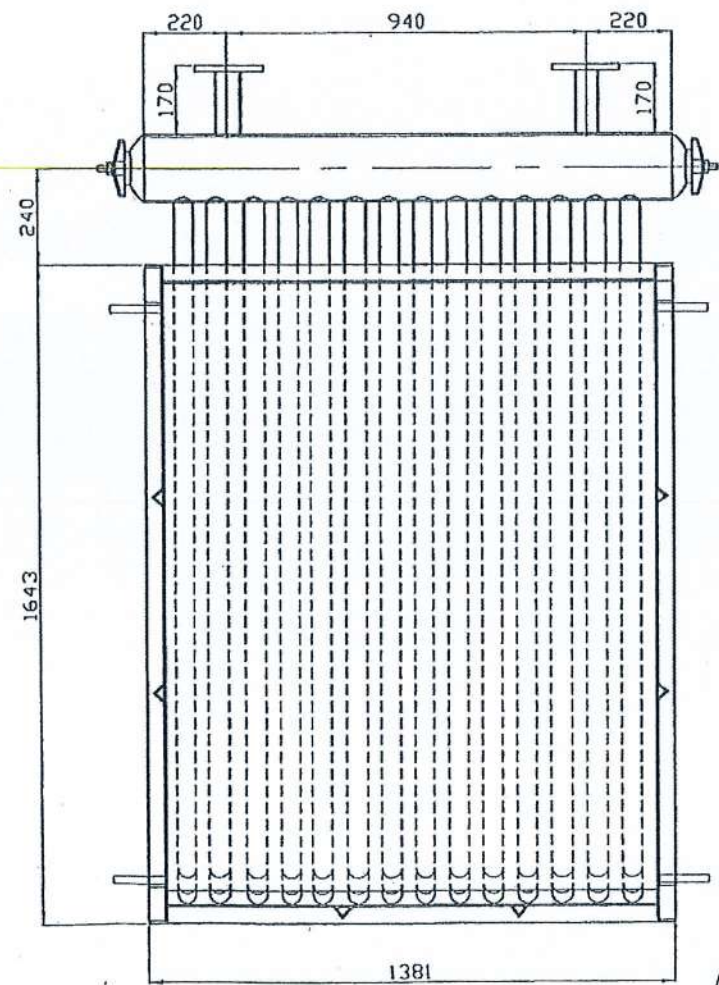
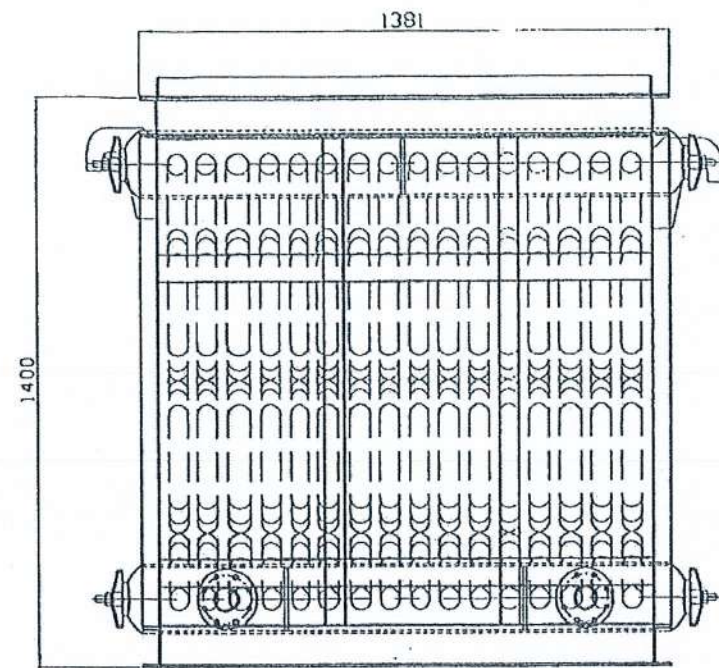
KH	TÊN GỌI	TẢI TRỌNG	KH	TÊN GỌI	TẢI TRỌNG	KH	TÊN GỌI	TẢI TRỌNG	KH	TÊN GỌI	TẢI TRỌNG	KH	TÊN GỌI	TẢI TRỌNG
1B	Ô HƠI BƠT TRÁU 12 T/h		5B	CYCLONE ĐA CẤP		9B	HỒ CẤP THAN		13B	VÍT LẤY TRO (ĐẦU LỎ)		2AB	HỒ LÀNG NƯỚC	
2B	QUẠT GIÓ CẤP 2		6B	THÁP UỐT		10B	HỒ CẤP CỎI		14B	BĂNG CẢO XÍ		3AB	BỒN NƯỚC 12 m³	
3B	QUẠT GIÓ CẤP 1		7B	THÁP KHÔ		11B	BĂNG TẢI THAN		15B	VENTURY LỌC BỤI		4AB	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN	
4B	BỘ THU HỒI NHIỆT		8B	QUẠT HÚT KHOÍ		12B	BĂNG TẢI CỎI		1AB	ỚNG KHỎI				

MARTECH BOILER ENGINEERING						MSCV:
Trưởng	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Y	MSCV:
Vẽ	Đinh Việt Tạo	1/2	26/06/2012			MSCV:
Thiết kế	Nguyễn Hữu Nghĩa		26/06/2012	Chỉ đạo	MẶT BẰNG ĐÓ	Tổng BV: 12
Kiểm tra	Nguyễn Hữu Nghĩa		26/06/2012	Chức vụ	TRÍ THIẾT BỊ	
Duyệt	Trần Văn Hưng		26/06/2012	Vị trí	BÊ TÔNG CỐT THÉP MAC 300	Số BV: 1

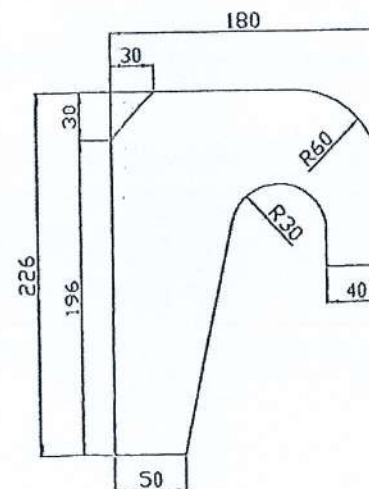
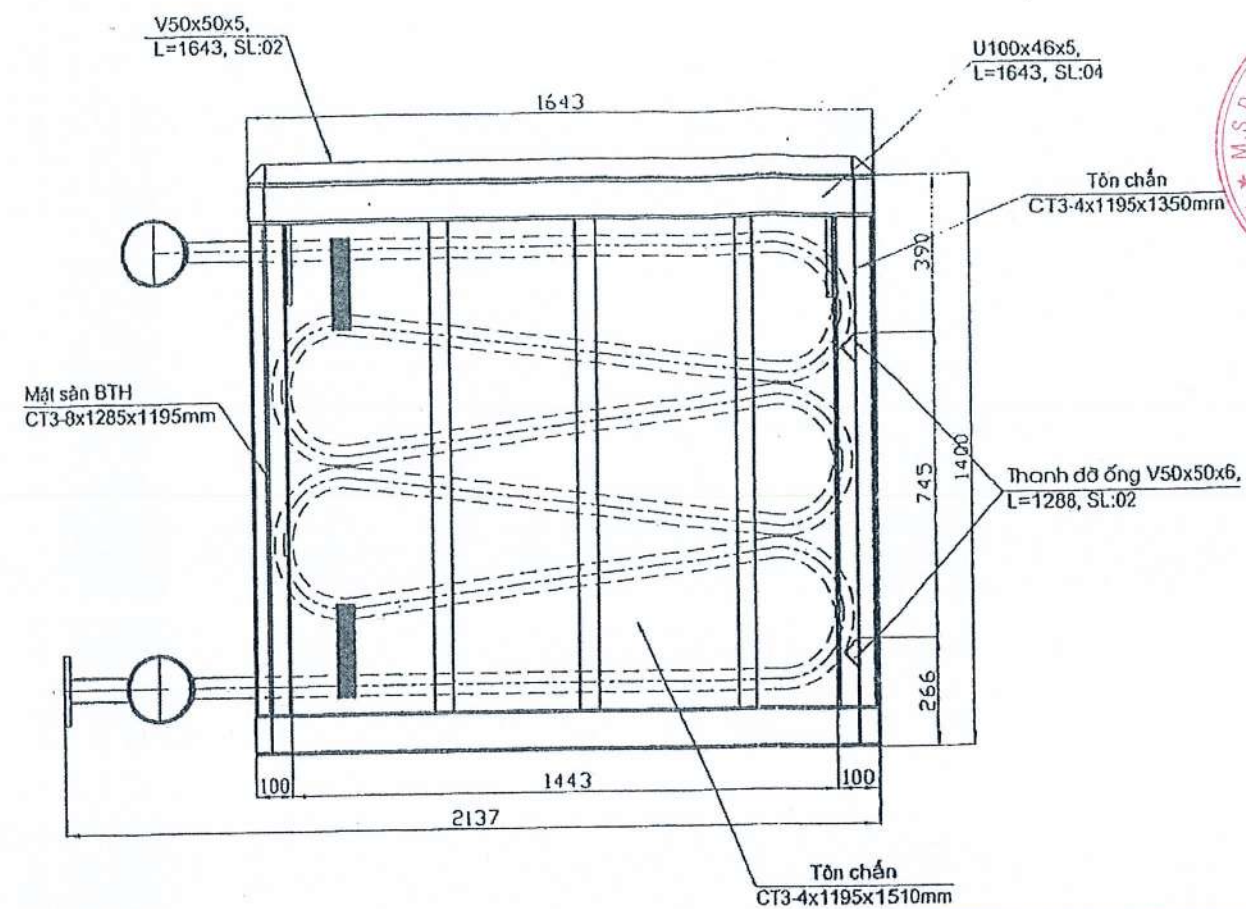
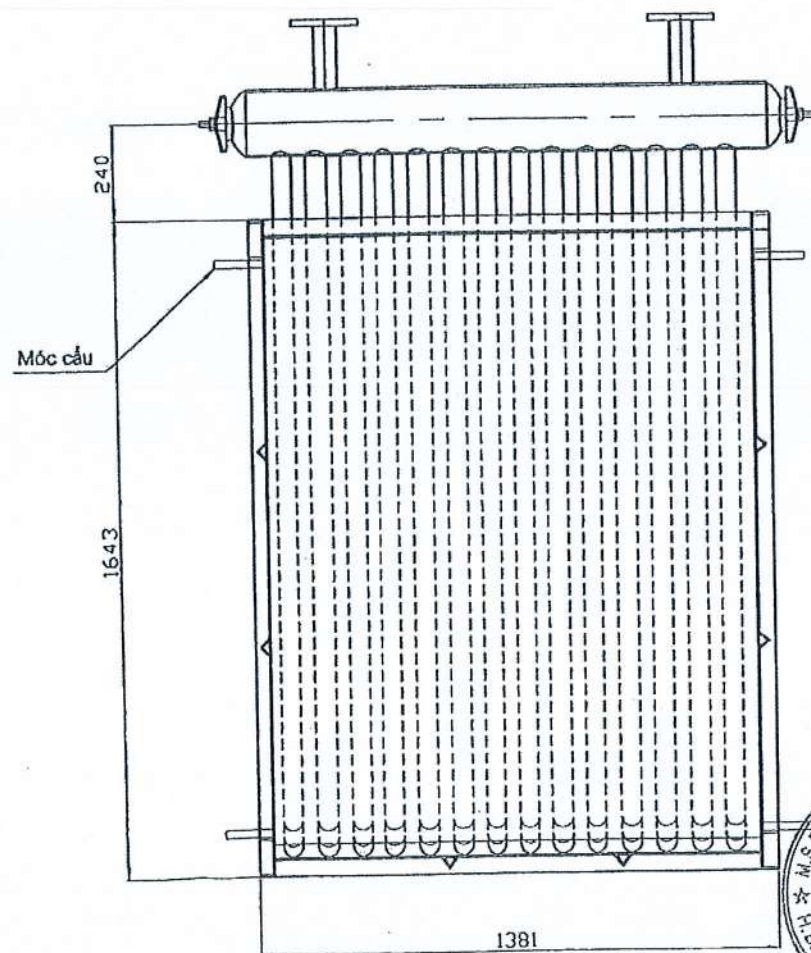
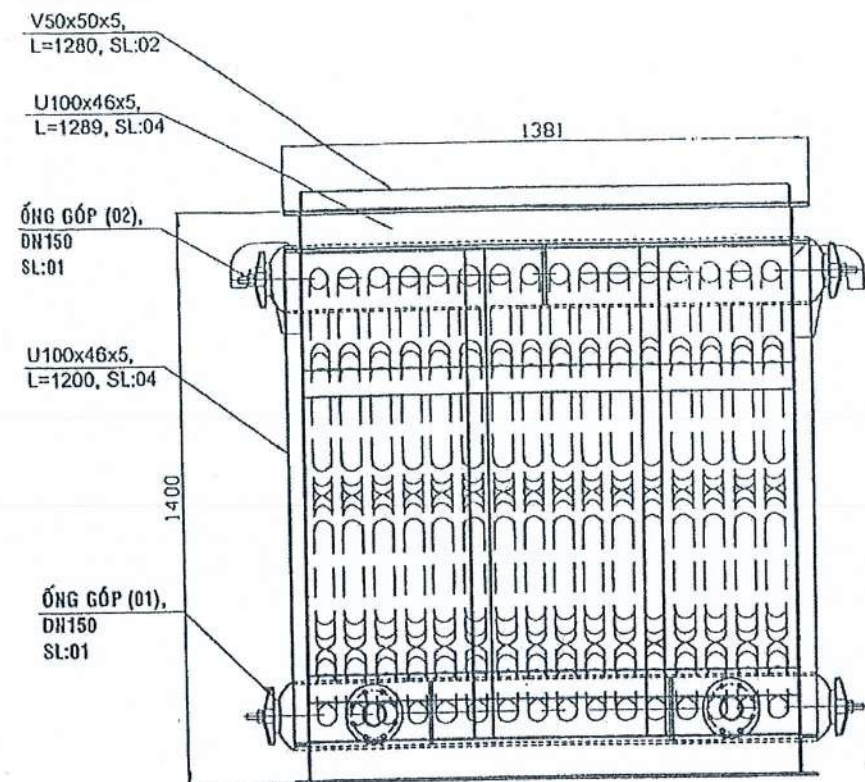


MARTECH BOILER ENGINEERING

Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIET - Y	MSCV: 027/2012 MSCT:1854 ASTK: 12 bar MD: MCO-12.0
Thiết kế	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012			
Kiểm tra	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012	Chỉ viết chữ tạo	SẢN THAO TÁC	Số lượng:
	Phan Quang Chánh	<i>[Signature]</i>	26-06-2012			Bản vẽ số: 02
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2012		Bản vẽ chế tạo	Số bản vẽ: 12

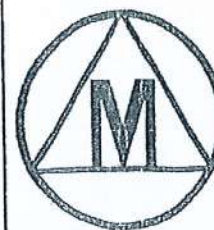


MARTECH BOILER ENGINEERING							MSCV: 027/2012 MSCT: 1854
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Y		
Thiết kế	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2011				
Kiểm tra	Dương Văn Hải	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	CM kết chế tạo	BỘ THU HỒI NƯỚC LÒ HƠI 12 TẤN/H		Số lượng:
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Vật liệu chế tạo:			Bản vẽ số: 03
							Số bản vẽ: 12



BÁT MÓC CẦU BỘ THU HỒI NƯỚC
CT3: 16Ly
SL:04

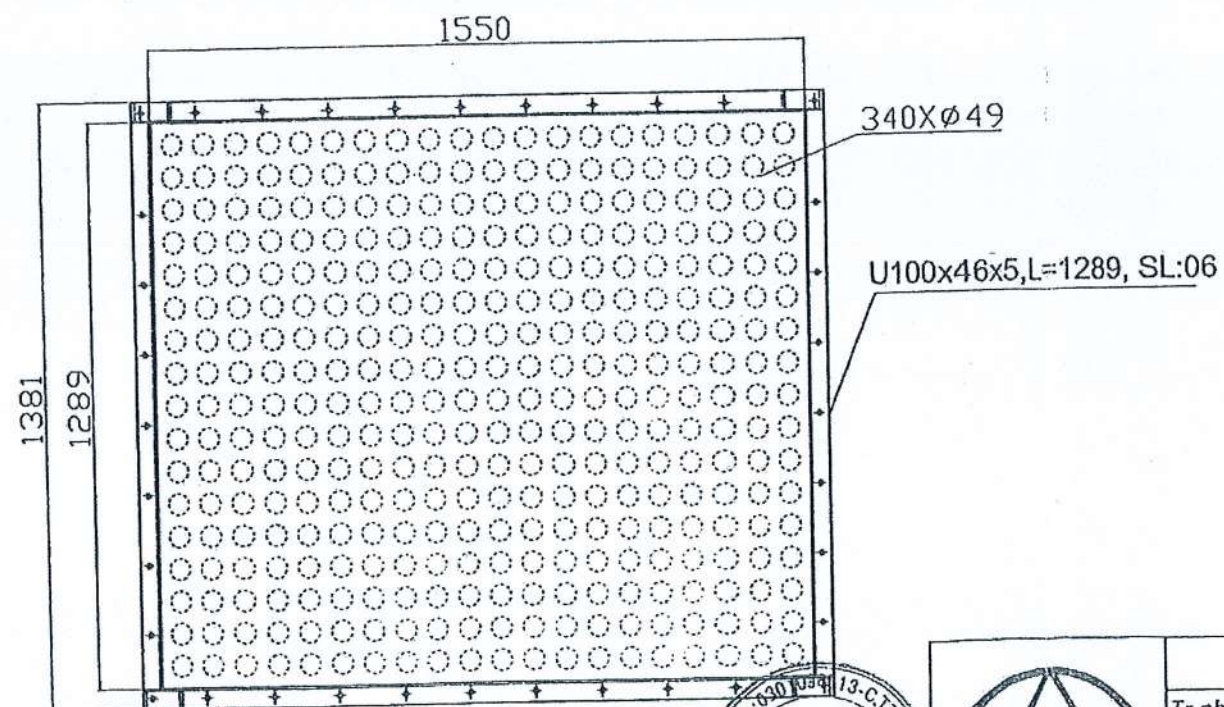
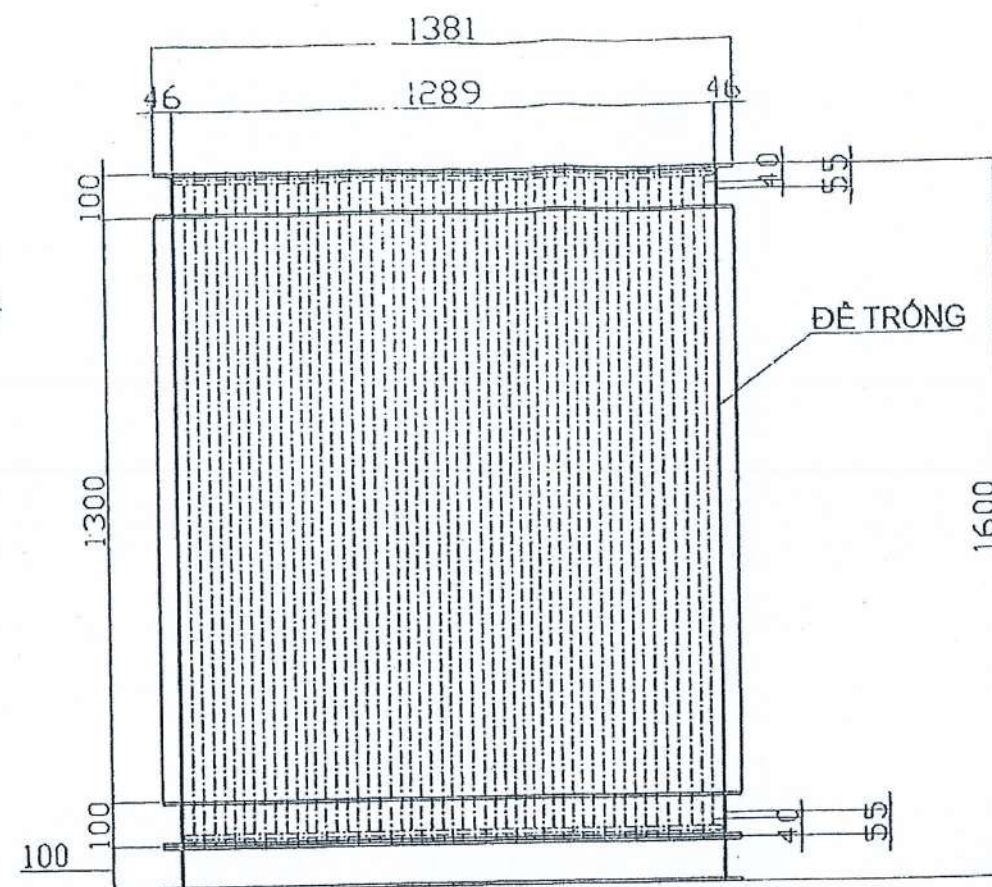
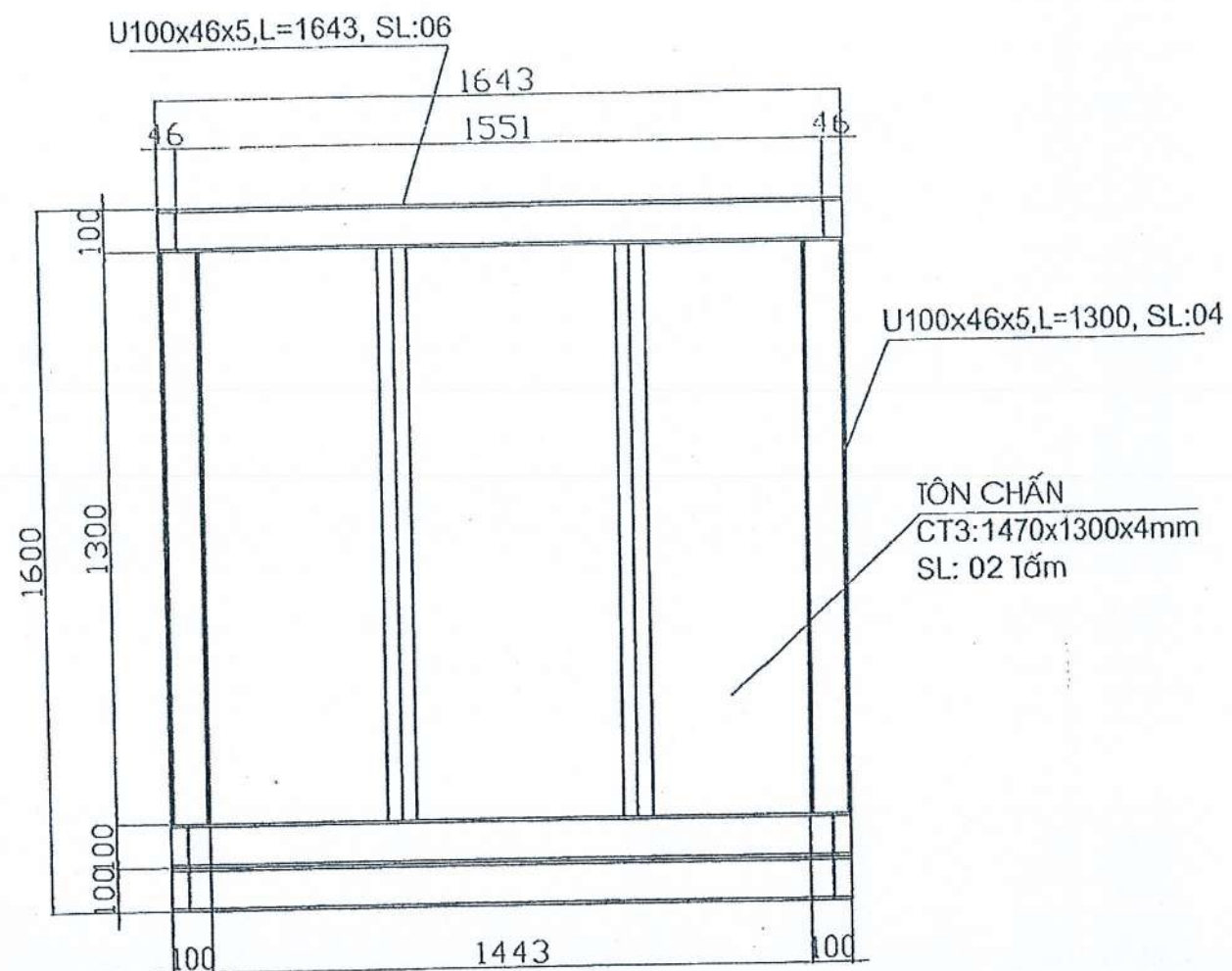
BẢN VẼ LẮP TÔN VỎ



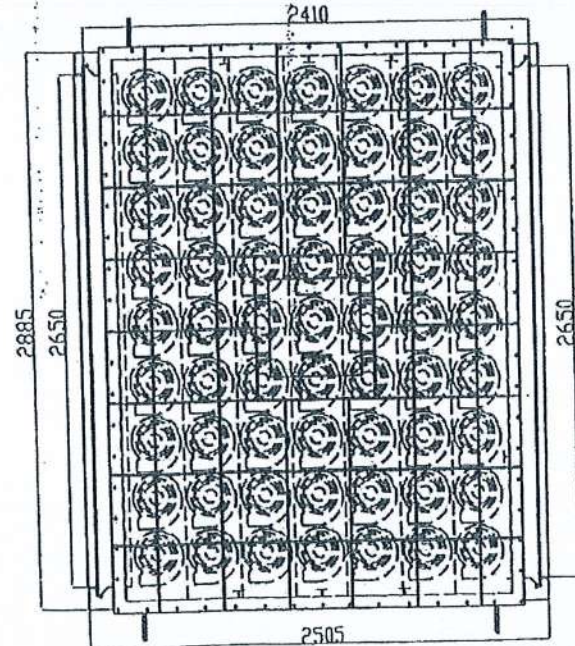
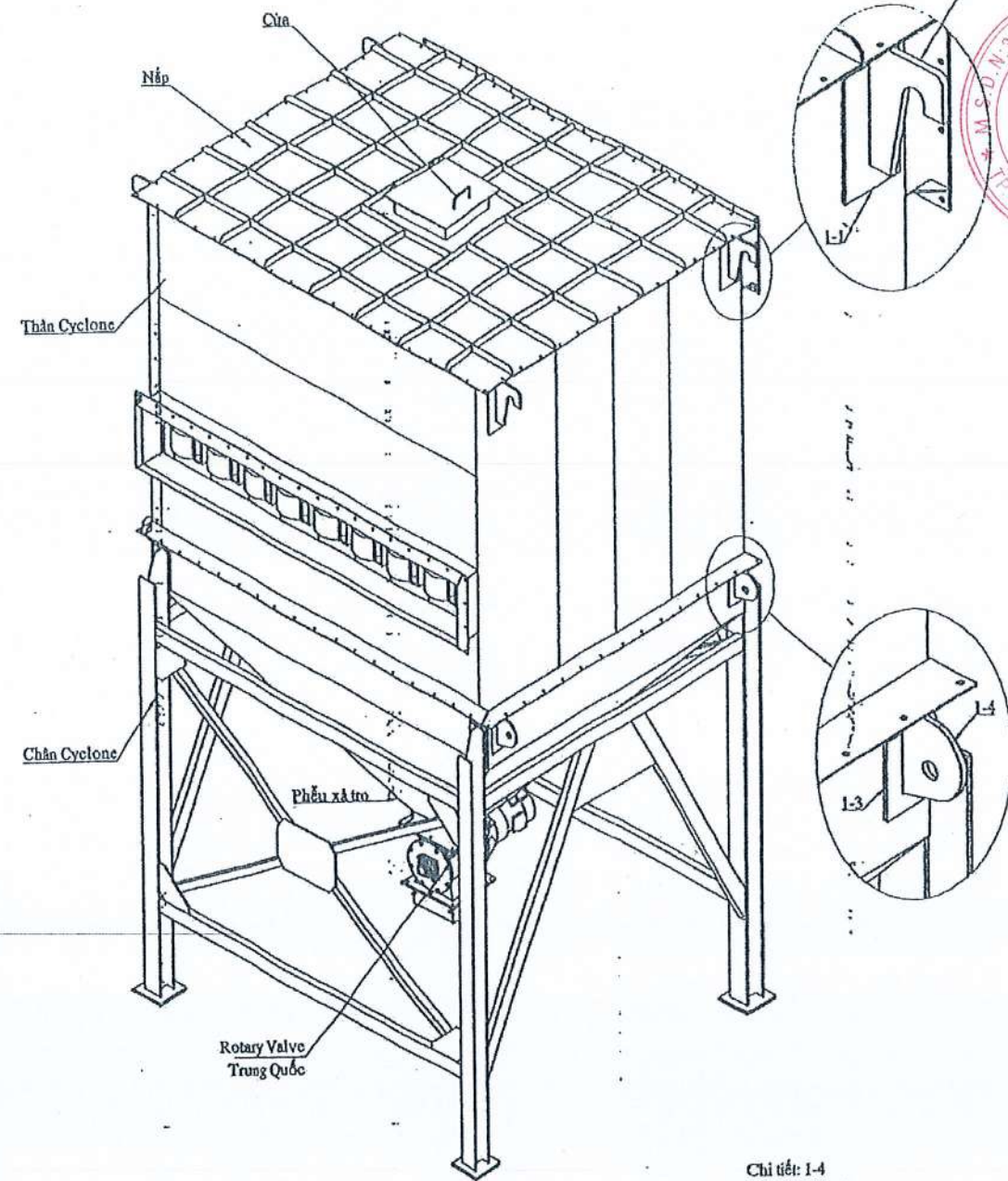
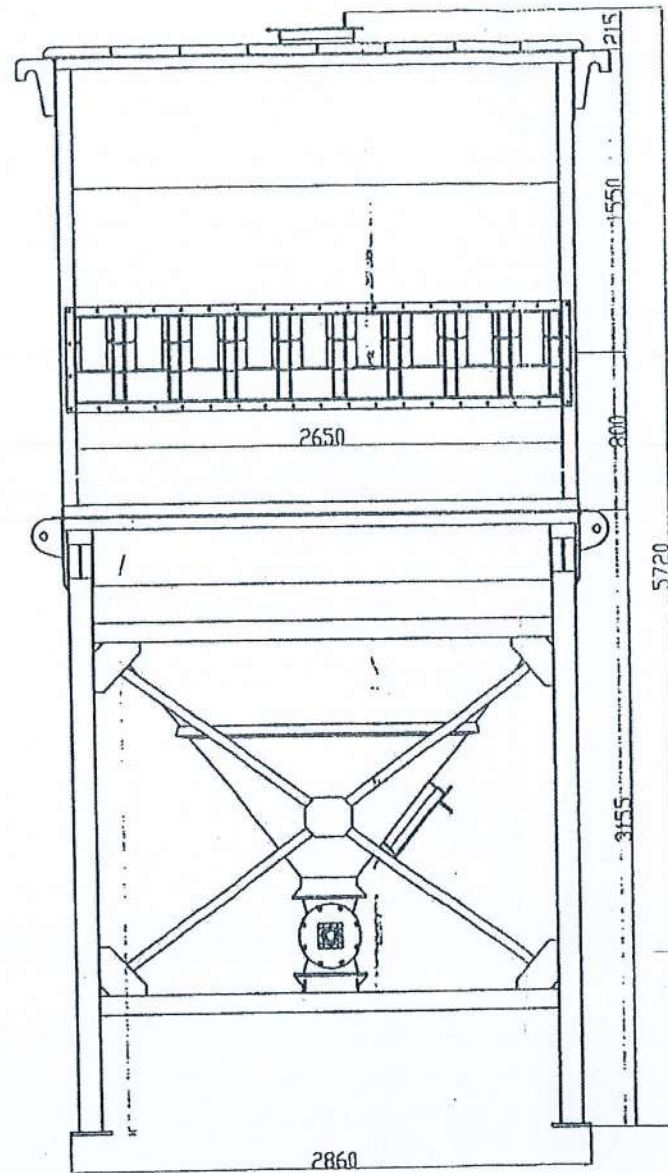
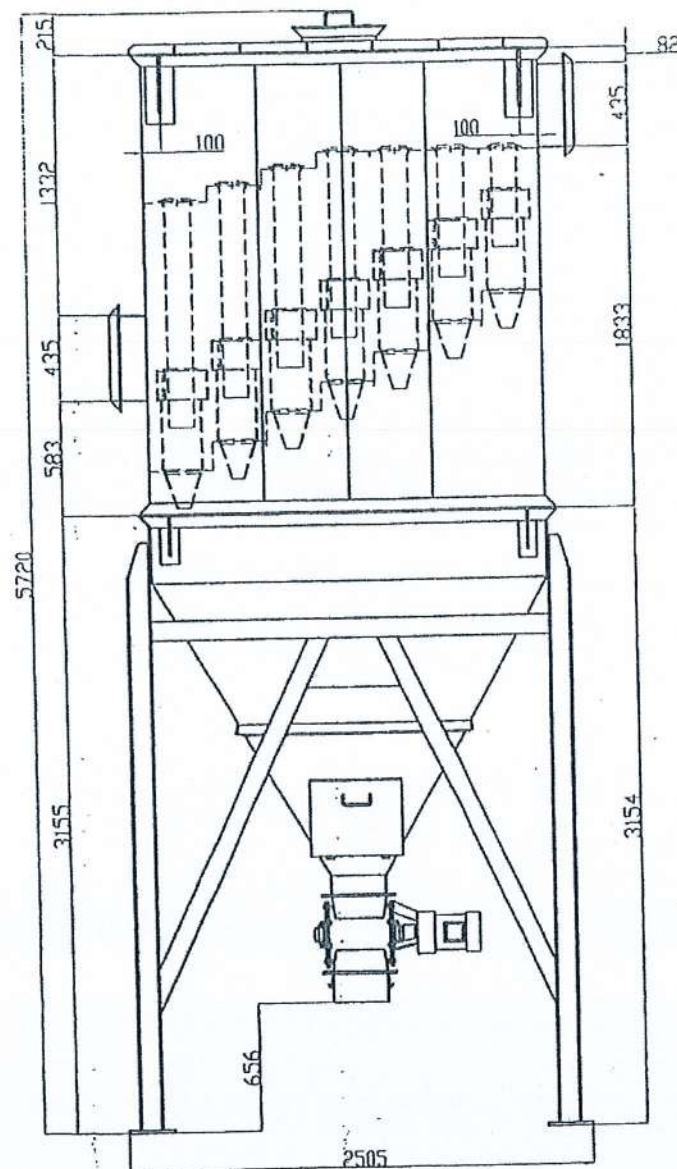
MARTECH BOILER ENGINEERING

Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký, tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Y	MSCV: 027/2012 MSCT: 1854
Thiết kế	Đình Viêt Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2011			
Kiểm tra	Dương Văn Hải	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Chi tiết chế tạo	BỘ THU HỒI NƯỚC LÒ HƠI 12 TẤN/H	Số lượng:
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Vật liệu chế tạo:		Bản vẽ số: 04
						Số bản vẽ: 12

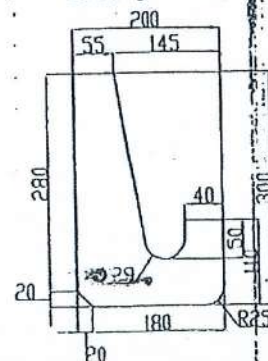




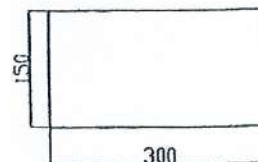
MARTECH BOILER ENGINEERING						MSCV: 027/2012 MSCT: 1854
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Ý	
Thiết kế	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2011			Số lượng: 01
Kiểm tra	Dương Văn Hải	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Chỉ tiết chế tạo	BỘ THU HỒI GIÓ NÓNG LÒ HƠI	Bản vẽ số: 05
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Vật liệu chế tạo:		Số bản vẽ: 12



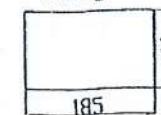
Chi tiết: 1-2
VL: CT3 16mm
SI: 04
KL: 17 kg



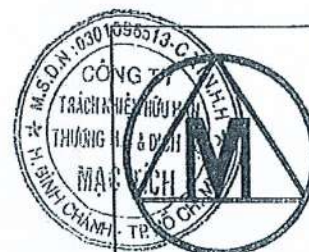
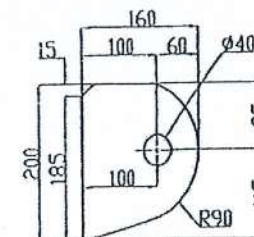
Chi tiết: 1-1
VL: CT03 8mm
SI: 04
KL: 15 kg



Chi tiết: 1-3
VL: CT3 8mm
SI: 4
KL: 5 kg

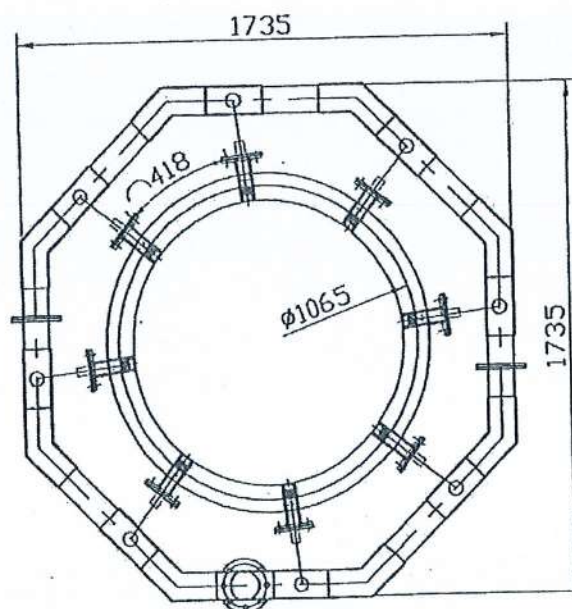
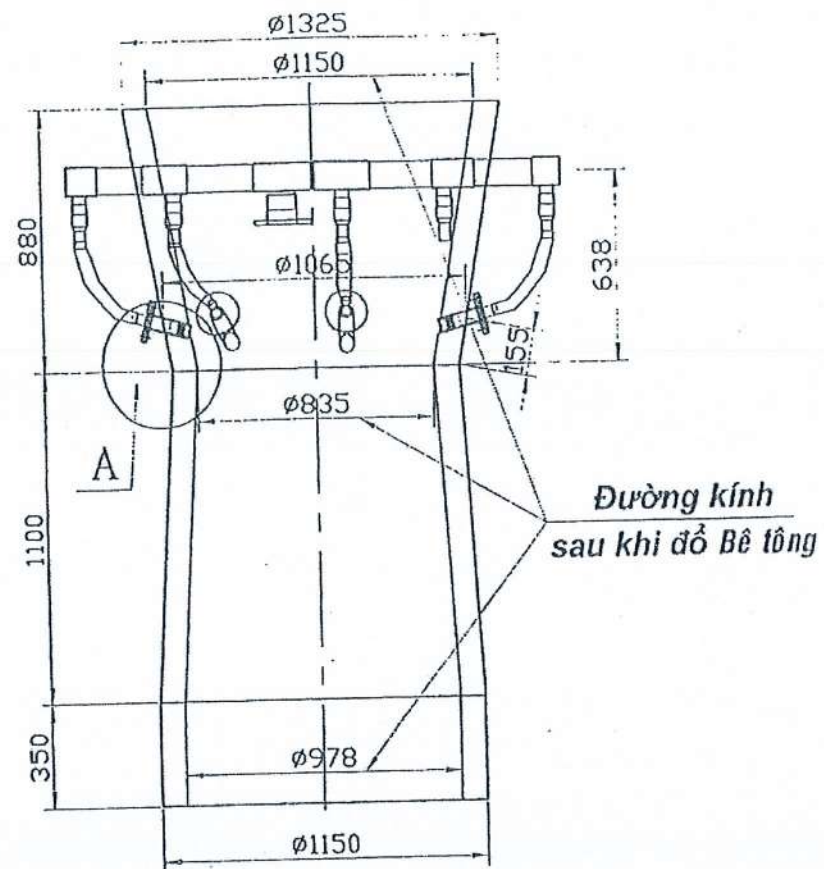


Chi tiết: 1-4
VL: CT3 12mm
SI: 4
KL: 10 kg



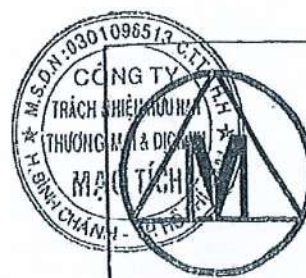
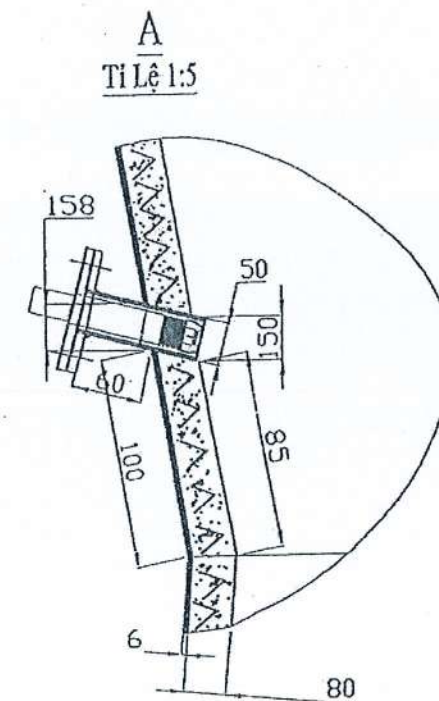
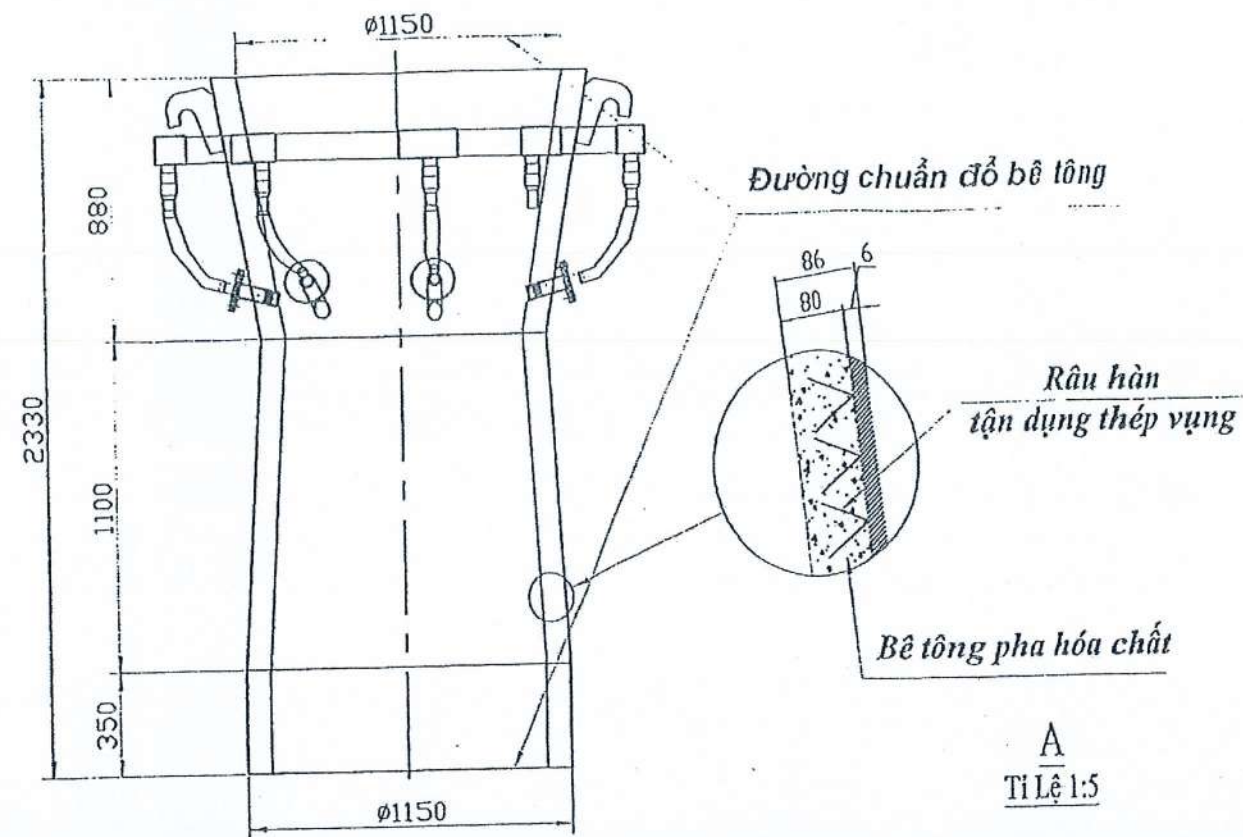
MARTECH BOILER ENGINEERING						CTY TNHH VIỆT - Y		MSCV: 027/2012 MSCT: 1854
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng				
Vẽ	Đinh Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2011					
Thiết kế	Đinh Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2011					
Kiểm tra	Phan Quang Chánh	<i>[Signature]</i>	26-06-2011	Chi ước chế tạo				Số lượng:
Duyệt	Trần Văn Hùng	<i>[Signature]</i>	26-06-2011					Bản vẽ số: 06
						CYCLONE ĐA CẤP		Số bản vẽ: 12
						Bản vẽ lắp		





Chú ý:

- + Hàn râu đổ betoong trộn hóa chất một lớp dày 80mm
- + Sai số đường kính sau khi đổ beetong $\pm 10\text{mm}$



MARTECH BOILER ENGINEERING

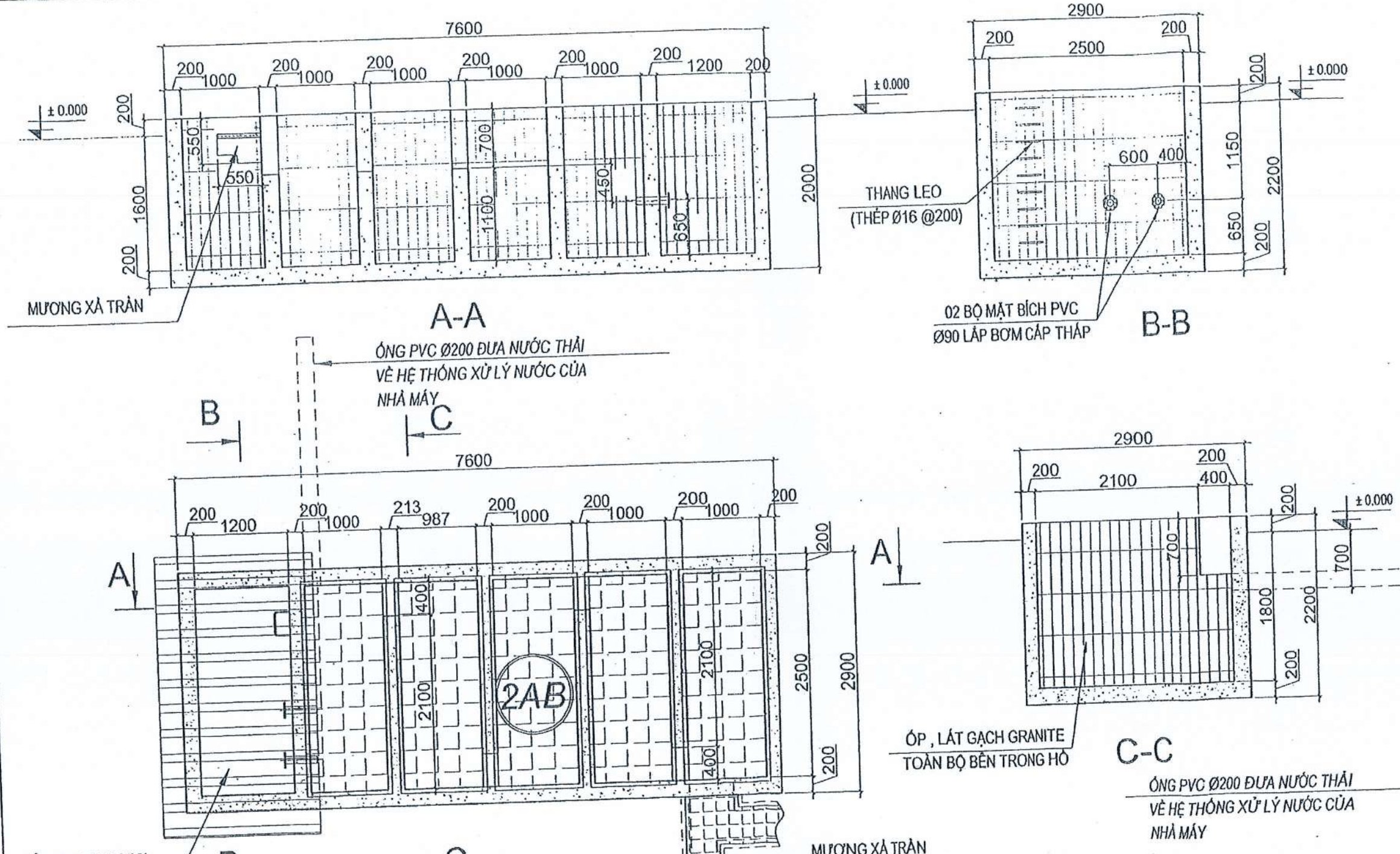
Tr.nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIET - Y	MSCV: 027/2012 MSCT: 1854 ASTK: 12 bar MD: MCO-12.0
Thiết kế	Đinh Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012			
Kiểm tra	Đinh Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012	Chỉ viết chế tạo	SÀN THAO TÁC	Số lượng:
	Phan Quang Chánh	<i>[Signature]</i>	26-06-2012			Bản vẽ số: 07
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2012	Bản vẽ chế tạo		Số bản vẽ: 12



Y/C: VÁLE, ỚNG, MẶT BÍCH PVC PHẢI ĐƯỢC DÙNG LOẠI TỐT (CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG), ĐỘ DÀY ỚNG DÀY HƠN 5mm

YÊU CẦU KỸ THUẬT: TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC, TÌM TRỤC, CAO ĐỘ CỦA MÓNG PHẢI CHÍNH XÁC VÀ MẶT MÓNG PHẢI PHẪNG (CẦN ĐỘ CHÍNH XÁC CAO)

YÊU CẦU: TẤT CẢ VẬT TƯ THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ, ĐƠN VỊ XÂY DỰNG CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT.



MÁI TOLE CHE MƯA

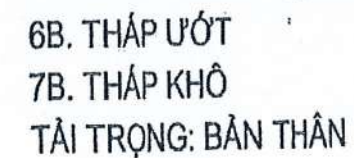
HỒ LẮNG BÙN
TẢI TRỌNG: BẢN THÂN & NƯỚC TRONG HỒ

MƯỜNG XÁ TRẦN



MARTECH BOILER ENGINEERING						MSCV:
Trưởng	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Ý	MSCV:
Vẽ	Đinh Việt Tạo		26/06/2012			MSCV:
Thiết kế	Nguyễn Hữu Nghĩa		26/06/2012	Chỉ thiết	HỒ LẮNG BÙN	Tổng BV: 12
Kiểm tra	Nguyễn Hữu Nghĩa		26/06/2012	chế tạo		Số BV: 08
Duyệt	Trần Văn Hùng		26/06/2012	Vật liệu	BÊ TÔNG CỐT THÉP MẠC 300	

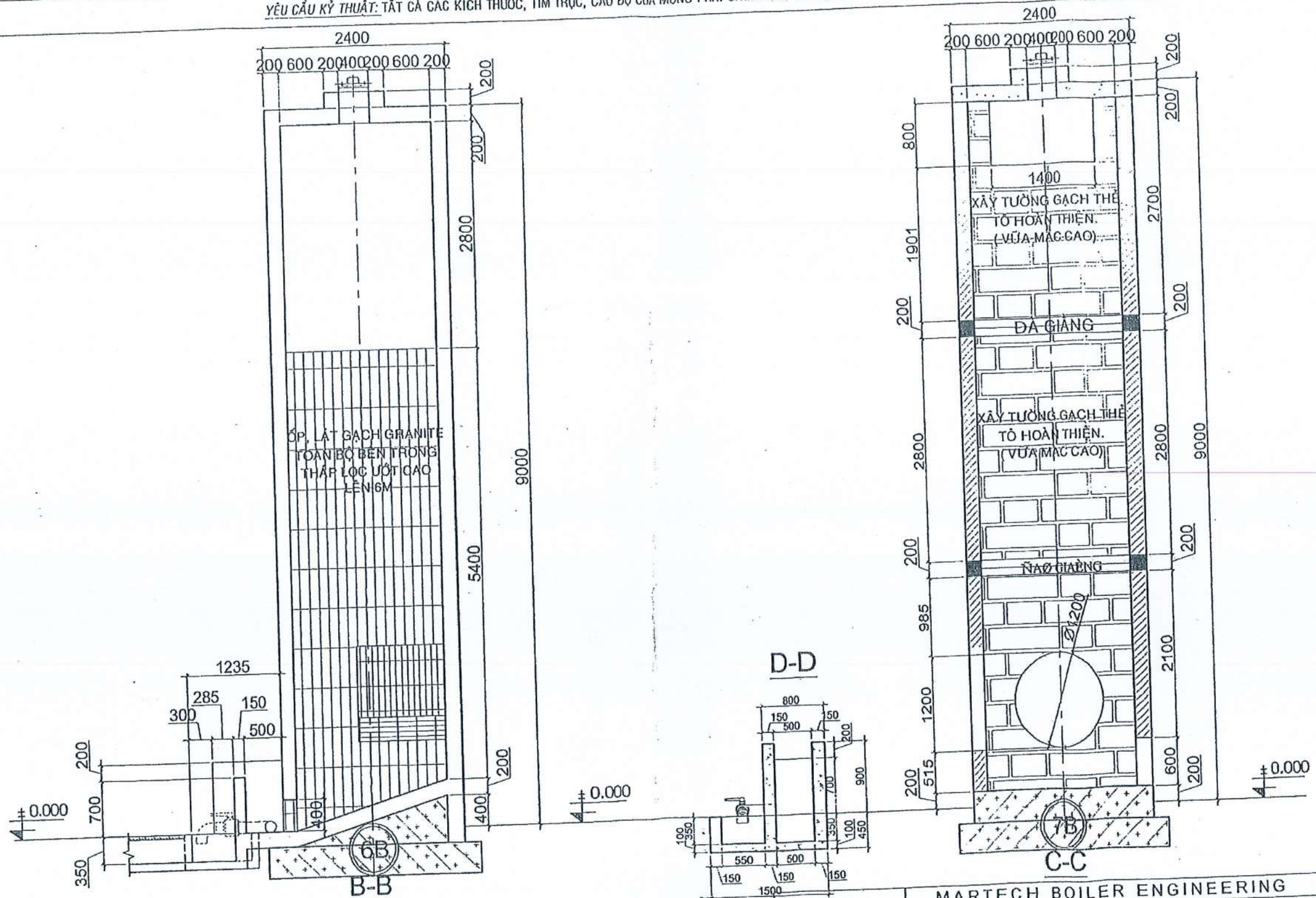
YÊU CẦU KỸ THUẬT: TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC, TÌM TRỤC, CAO ĐỘ CỦA MÓNG PHẢI CHÍNH XÁC VÀ MẶT MÓNG PHẢI PHẪNG (CẤP ĐỘ CHÍNH XÁC CAO)



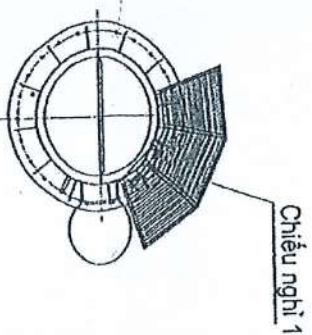
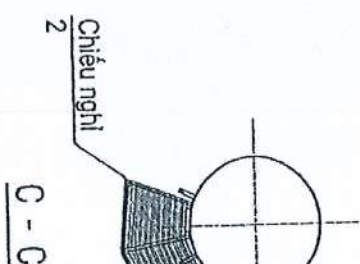
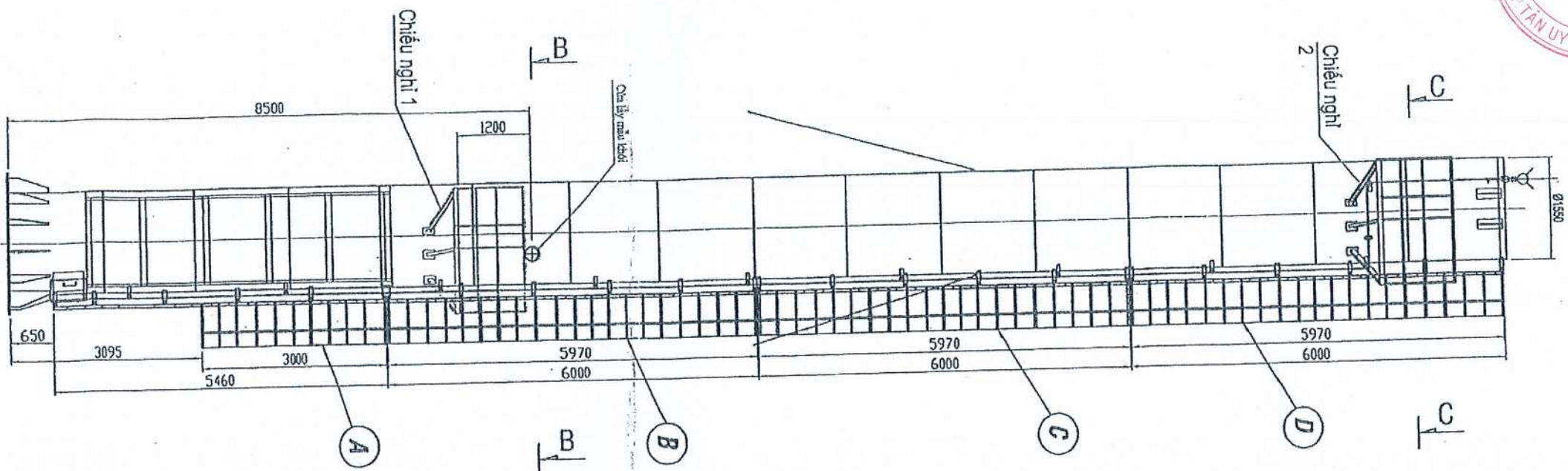
MARTECH BOILER ENGINEERING						MSCV:
Tên/Nhà	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Ý	MSCT:
Về	Đinh Việt Thọ		28/08/2012			
Thiết kế	Nguyễn Hữu Nghĩa		28/08/2012	Chỉ tiết chế tạo	THÁP LỘC BỤI	Tổng BV: 12
Kiểm tra	Nguyễn Hữu Nghĩa		28/08/2012			
Duyệt	Trần Văn Hưng		28/08/2012	Vật liệu	BÊ TÔNG CỐT THÉP MẠC 300	Số BV: 09

Y/C: VALE, ỚNG, MẶT BÍCH PVC PHẢI ĐƯỢC DÙNG LOẠI TỐT(CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG), ĐỘ DÀY ỚNG DÀY HƠN 5mm **YÊU CẦU:** TẤT CẢ VẬT TƯ THỂ HIỆN TRONG BẢN VẼ, ĐƠN VỊ XÂY DỰNG CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT.

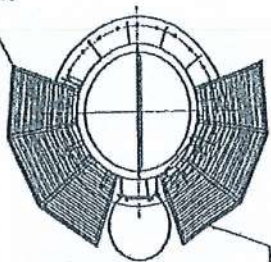
YÊU CẦU KỸ THUẬT: TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC, TÌM TRỤC, CAO ĐỘ CỦA MÓNG PHẢI CHÍNH XÁC VÀ MẶT MÓNG PHẢI PHẪNG(CẦN ĐỘ CHÍNH XÁC CAO)



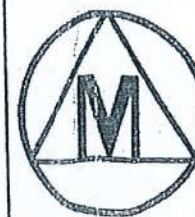
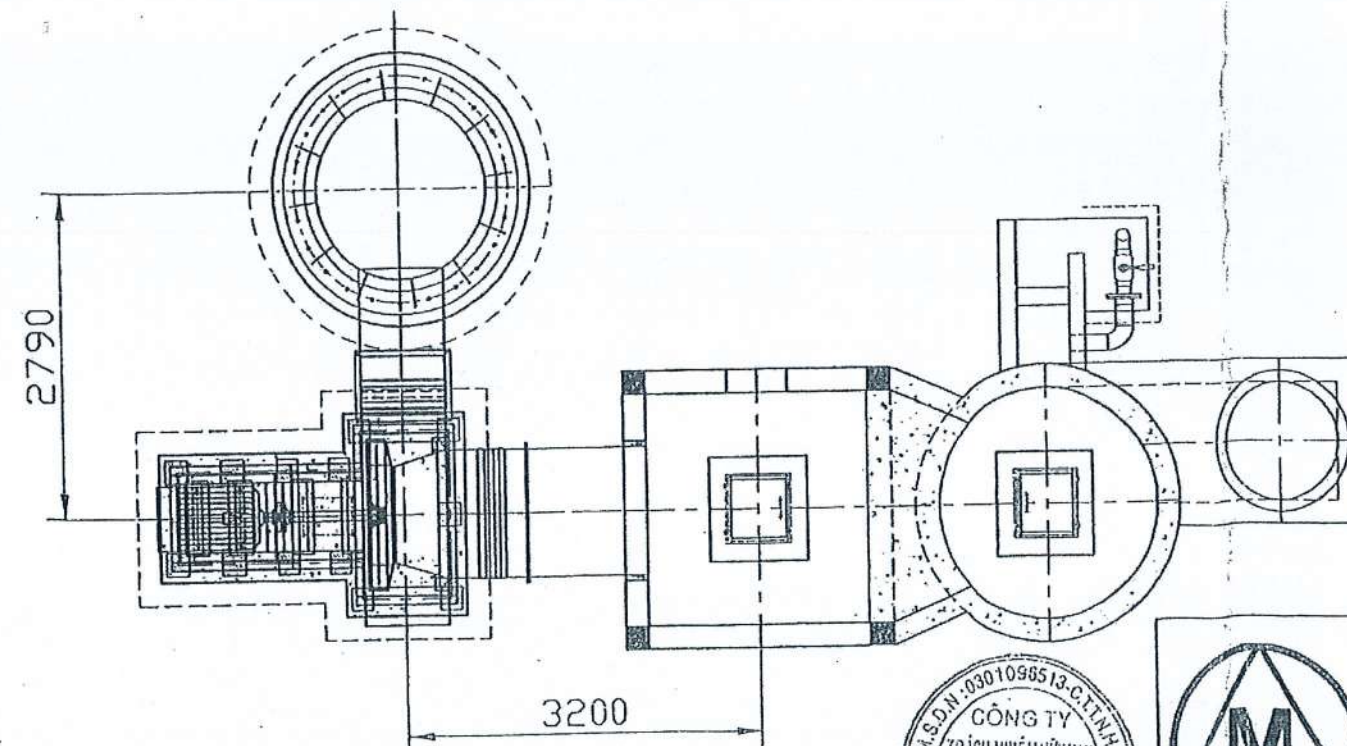
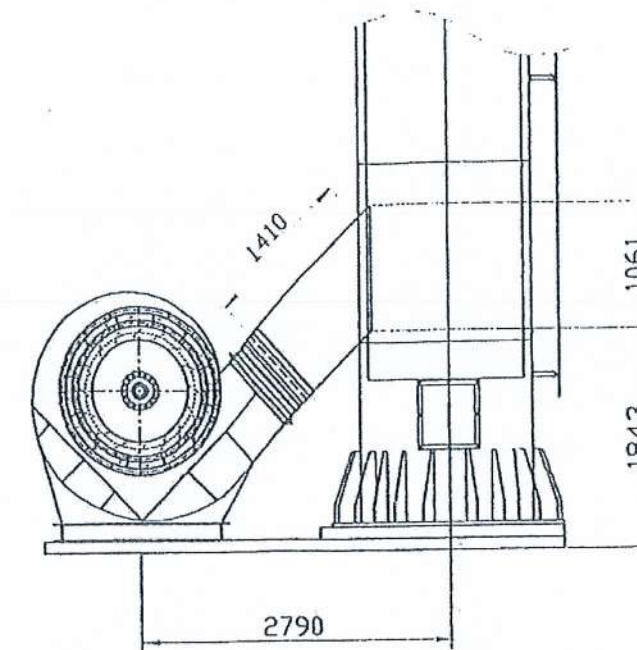
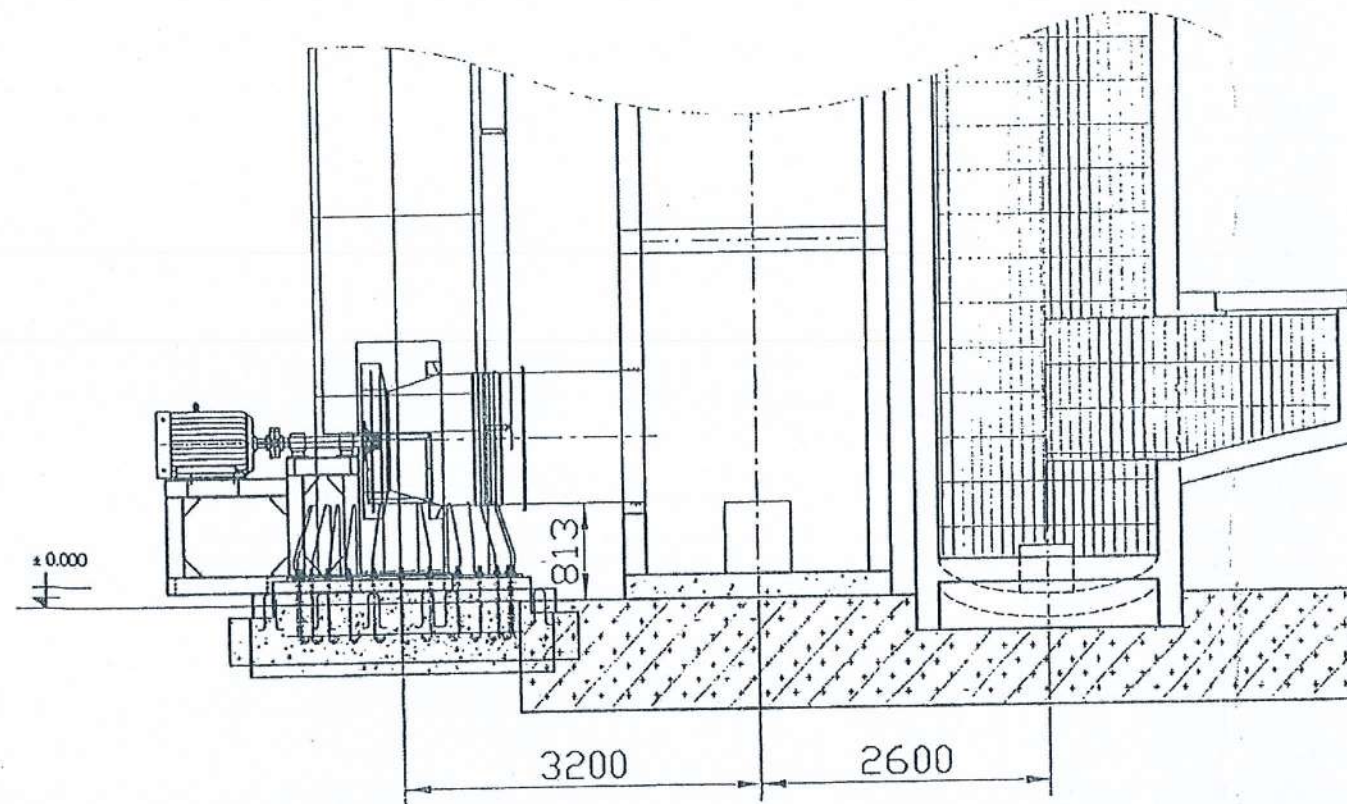
MARTECH BOILER ENGINEERING							MSCV:
Tr. nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIỆT - Ý		MSCV:
Vẽ	Đinh Việt Tào	<i>[Signature]</i>	28/06/2012		THÁP LỘC BỤI		Tổng BV: 12
Thiết kế	Nguyễn Hữu Nghĩa	<i>[Signature]</i>	28/06/2012	CH. thiết			Số BV: 10
Kiểm tra	Nguyễn Hữu Nghĩa	<i>[Signature]</i>	28/06/2012	chế tạo			
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	28/06/2012	Vật liệu	BỂ TÔNG CỐT THÉP MẠC 300		



STT	Vật liệu	Qui cách	ĐVT	Số lượng	Khoảng (kg)
1	CT3	CT3, 210x60x8mm	Tấm	36	28
2	CT3	CT3, 210x120x8mm	Tấm	8	9
3	CT3	CT3, 160x120x8mm	Tấm	8	9,5
4	CT3	CT3, 140x100x5mm	Tấm	8	4,5
5	CT3	Ông đen Ø27	m	34,1	36
6	CT3	Ông đen Ø21	m	12,4	6
7	CT3	Ông đen Ø42	m	11	25
8	CT3	V40x4	m	34,2	72
9	CT3	U80x40	m	22,7	181
10	CT3	V50x5, l = 6000mm	Cây	5	204
11	CT3	V50x5, l = 5460mm	Cây	2	64
12	CT3	V50x5, l = 60mm	Cái	48	16
13	CT3	La 30x142x3,3mm	Cây	14	14
14	CT3	La 30x190x3,3mm	Cây	80	80
15	CT3	La 30x300x3,3mm	Cây	21	45
16		Bulong M8x20	bộ	356	5
17		Bulong M12x30	bộ	48	2



MARTECH BOILER ENGINEERING				KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ	
Trình độ	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Chức vụ	Đã học tập
Trưởng kế	Đinh Việt Tào	<i>ĐVT</i>	26/08/2012	CTY VIỆT Ý	Số lượng: 01
Kiểm tra	Đinh Việt Tào	<i>ĐVT</i>	26/08/2012	STT ÔNG KHÔI	Bản 1 và 2: 11
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>TVH</i>	26/08/2012	Lập và đóng trình	Số bản vẽ: 12



MARTECH BOILER ENGINEERING						MSCV: 027/2012 MSCT: 1854 ASTK: 12 bar MD: MCO-12.0
Tr. nhiệm	Họ và tên	Ký tên	Ngày	Khách hàng	CTY TNHH VIET - Y	Số lượng:
Thiết kế	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012			Số bản vẽ: 12
Kiểm tra	Đình Viết Tạo	<i>[Signature]</i>	26-06-2012	Chi tiết chế tạo	SẢN THAO TÁC	Số bản vẽ: 12
Duyệt	Trần Văn Hưng	<i>[Signature]</i>	26-06-2012	Bản vẽ chế tạo		Số bản vẽ: 12



1:1

